

MILAN KUNDERA

đời nhẹ khôn kham

tiểu thuyết



TRỊNH Y THƯ *dịch*



VAN HOC

ĐỜI NHẸ KHÔN KHOAN

MILAN KUNDERA

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Trở về vĩnh cửu là một ý niệm bí ẩn. Trong tay Nietzsche các triết gia khác thường bị nó làm điên đầu. Hãy nghĩ như sau: mọi việc tái diễn y như những gì chúng ta có lần trải qua và sự tái diễn đó chính nó tái diễn đến vô tận! Nhưng cái huyền thoại điên khùng này có bao hàm ý nghĩa gì đáng kể không?

Nói cách tiêu cực, huyền thoại trở về vĩnh cửu phán rằng đời sống một khi hoàn toàn tan biến, không trở về, sẽ giống như cái bóng vô trọng lượng, chết trước khi nảy sinh, và cho dù nó kinh khiếp, đẹp đẽ, cao cả đến đâu chẳng nữa sự kinh khiếp, đẹp đẽ, cao cả của nó không hề có ý nghĩa nào đáng kể. Chúng ta không cần ghi chép về nó cũng như chúng ta chẳng bao giờ lưu tâm đến cuộc chiến tranh giữa hai vương quốc Phi châu vào thế kỷ mười bốn, một cuộc chiến không hề ảnh hưởng đến vận mạng thế giới dù cả trăm ngàn người da đen bị chôn vùi dưới nỗi thống khổ tột cùng.

Liệu cuộc chiến giữa hai vương quốc Phi châu vào thế kỷ mười bốn sẽ đổi khác nếu nó tái diễn hoài hoài, trong trở về vĩnh cửu?

Có chứ: nó sẽ biến thành khối lượng đặc cứng, vĩnh viễn phình nở, và hư tính nó vô phương cứu chữa.

Giả sử cuộc cách mạng Pháp tái diễn đến vô tận chắc các sử gia Pháp sẽ bớt kiêu hãnh về Robespierre. Nhưng vì chuyện gì xảy ra không trở về nên những năm tháng đẫm máu của cuộc cách mạng biến thành mớ chữ, lý thuyết, tranh luận. Nó nhẹ hơn lông chim, chẳng làm ai khiếp hãi. Có sự khác biệt vô hạn giữa Robespierre xuất hiện lần duy nhất trong lịch sử và Robespierre trở về vĩnh cửu, chặt đầu dân Pháp.

Do đó, chúng ta hãy đồng ý rằng ý niệm trở về vĩnh cửu ám chỉ viễn ảnh trong đó sự vật hiện ra không giống những gì chúng ta ý thức về chúng: chúng hiện ra nhưng không cho thấy trạng huống hòa giải nơi bản chất phù du của chúng. Chính trạng huống hòa giải này ngăn cản, không cho chúng ta đi đến phán quyết nào. Bởi làm sao chúng ta kết án được những gì xảy ra chỉ trong thoáng chốc phù du? Giữa bóng hoàng hôn của tan rã, mọi vật, kể cả chiếc máy chém, như bị ánh tinh quang của lòng hoài niệm chiếu chói lòa.

Cách đây không lâu, có lần tôi bắt gặp trong tôi cảm giác vô cùng kỳ lạ. Trong lúc lướt đọc một cuốn sách nói về Hitler, đôi ba hình ảnh trong quyển sách khiến tôi chấn động. Chúng gợi tôi nhớ lại thời thơ ấu. Tôi lớn lên khi đang còn chiến tranh và gia đình tôi có mấy người bỏ mạng trong trại tập trung. Nhưng những cái chết này có ý nghĩa gì không nếu chúng ta đặt chúng bên cạnh hồi ức về thời kỳ hoàn toàn tan biến trong đời sống tôi, một thời kỳ không bao giờ trở lại?

Sự hòa giải với Hitler này phát lộ sai lầm đạo đức vô cùng sâu xa của thế giới dựa trên căn bản không có sự trở về. Bởi trong thế giới này, chuyện gì cũng được tha thứ trước nên, cách

đầy vô tâm, người ta sẵn sàng cho phép chúng xảy ra.

Nếu mỗi giây phút trong đời sống chúng ta tái diễn đến vô hạn chúng ta sẽ bị đóng đinh vào vĩnh cửu như Chúa Giê-su Ki-tô bị đóng đinh lên thập giá. Quả là viễn ảnh kinh khiếp! Trong thế giới của sự trở về vĩnh viễn, đè lên mỗi động tác chúng ta là những trách nhiệm vô cùng nặng nề và đó là nguyên do tại sao Nietzsche gọi trở về vĩnh cửu là hệ lụy nặng nề nhất của hệ lụy (*das schwerste Gewicht*).

Nếu trở về vĩnh cửu là hệ lụy nặng nề nhất của hệ lụy, đời sống chúng ta vẫn đứng vững với tất cả sự nhẹ nhàng xán lạn.

Nhưng có thật nặng nề đáng bị vứt bỏ còn nhẹ nhàng thì xán lạn?

Hệ lụy nặng nề nhất của hệ lụy nghiền nát chúng ta. Chúng ta chìm xuống tận đáy, nó đè bẹp chúng ta xuống đất. Nhưng trong thi ca tình ái mỗi thời đại, lúc nào người đàn bà cũng mong đợi được thân hình người đàn ông đè xuống. Do đó, hệ lụy nặng nề nhất cùng lúc lại là hình ảnh thỏa mãn đầy đủ nhất. Hệ lụy càng nặng nề, đời sống càng gần mặt đất bao nhiêu, chúng ta càng sống thật, càng thấy gần gũi chân lý bấy nhiêu.

Ngược lại, sự vắng mặt tuyệt đối của hệ lụy khiến con người nhẹ hơn không khí. Hắn bay bổng lên cao, tách lìa khỏi mặt đất và xa rời trạng thái hiện hữu trần tục của hắn. Hắn chỉ có thật một nửa, mọi động tác hắn không bị gò bó nữa và chúng trở nên vô nghĩa.

Như thế, chúng ta nên chọn phía nào? Nặng hay nhẹ?

Chính câu hỏi này đã được Parmenides đặt ra từ thế kỷ thứ sáu trước Công nguyên. Theo ông nhận xét, vũ trụ được chia thành những cặp đối dịch: nặng/nhẹ, đẹp-đẽ/thô-tạp, nóng/lạnh, hiện-hữu/phi-hiện-hữu. Ông gọi một bên là dương tính (nhẹ, đẹp-đẽ, nóng, hiện-hữu) và bên kia là âm tính. Có thể chúng ta cảm thấy sự phân chia thành hai cực âm dương này của Parmenides đơn giản cách trẻ con, nhưng chúng ta đừng ngay phải nghi vấn khá gay go: dương thuộc căn tính nặng hay căn tính nhẹ?

Câu trả lời của Parmenides: nhẹ thuộc dương và nặng thuộc âm.

Parmenides đúng hay sai vẫn còn là câu hỏi chưa có lời giải đáp. Chúng ta chỉ biết chắc một điều: sự đối kháng giữa nặng và nhẹ là cái gì bí ẩn, mờ mịt nhất của sự vật.

Hình ảnh Tomas lớn vồn trong đầu óc tôi từ nhiều năm nay, nhưng chỉ những lúc được soi sáng bởi dòng suy ngẫm hồi tưởng này tôi mới nhìn thấy anh thật rõ ràng. Tôi thấy anh đứng bên khung cửa sổ, phóng tia mắt nhìn vào bức tường đối diện, bên kia khoảng sân rộng trước nhà, lòng rối bời không biết phải làm gì.

Anh gặp Tereza lần đầu tiên lại một tỉnh lỵ nhỏ miền quê nước Tiệp. Gặp nhau chưa đầy tiếng đồng hồ, cô gái đưa anh ra bến xe, đứng đợi bên cạnh anh cho đến lúc anh bước chân lên toa tàu. Mười ngày sau, cô tìm đến nhà anh. Họ làm tình ngay hôm cô đến. Đêm đó cô lên cơn sốt và nằm rũ liệt trên giường ngủ anh suốt tuần với cơn cảm cúm tai ác.

Bỗng nhiên anh thấy yêu say đắm người con gái hoàn toàn xa lạ này, một tình yêu anh không sao cắt nghĩa nổi. Với anh, cô gái như đứa bé ai đó đặt trong chiếc thúng cói trét nhựa thông rồi thả trôi theo dòng nước trôi giạt đến chân anh và anh vớt chiếc thúng lên ngay tại chân giường bên dòng nước.

Cô ở nhà anh hết tuần lễ, chờ khỏe hẳn mới trở về tỉnh lỵ nơi cô cư ngụ cách Praha chừng một trăm hai mươi lăm dặm. Đây là lúc tôi vừa nhắc đến và xem đó là thời điểm định đoạt số mệnh đời Tomas: đứng bên cửa sổ, nhìn qua khoảng sân rộng trước nhà, mắt đập vào bức tường đối diện, anh đắn đo suy tính.

Anh có nên ngỏ ý gọi cô gái về sống hẳn với anh không? Anh sợ trách nhiệm. Nếu anh ngỏ lời chắc cô sẽ không từ chối. Cô sẽ hiến dâng cuộc đời cô cho anh.

Hay anh nên kiềm chế lòng mình, đừng nên tiến gần thêm nữa? Để cô gái tiếp tục sinh sống bằng nghề hầu bàn tại tiệm ăn khách sạn nơi cái tỉnh lỵ nhỏ bé đó của cô và anh sẽ không bao giờ thấy mặt cô nữa.

Anh muốn hay không muốn cô gái về đây?

Qua khoảng sân rộng trước nhà, mắt đập vào bức tường đối diện, anh tìm kiếm câu trả lời.

Đầu óc anh cứ bị hình ảnh cô gái nằm trên giường ám ảnh. Trông cô không giống bất cứ người con gái nào anh gặp trước đó. Cô không phải là tình nhân cũng không phải là vợ anh. Cô là đứa bé anh vớt lên trong chiếc thúng cói trôi giạt và tấp vào chân giường anh. Cô chìm vào giấc ngủ. Anh quỳ xuống bên cạnh cô. Hơi thở cô nồng ấm vì cơn sốt mỗi lúc mỗi nặng. Từ miệng cô thoát ra tiếng rên nho nhỏ. Anh áp mình lên mặt cô gái rồi khe khẽ vỗ về, dỗ cô đi vào giấc ngủ. Một lúc sau, anh thấy hơi thở cô điều hòa trở lại và khuôn mặt cô bỗng mơ hồ rướn lên, như được vô thức sai khiến, chạm vào mặt anh. Anh nghĩ thấy hơi hướm nồng nàn của cơn sốt và anh hít mạnh làn hơi nóng đó vào buồng phổi như đang tận hưởng những gì thầm kín nhất từ thân thể cô gái. Bỗng nhiên, trí óc anh bỗng nặn ra ý tưởng anh đã chung sống với cô nhiều năm trời và giờ đây cô đang bị lưỡi hái tử thần đến dẫn đi. Anh chợt thấy rõ anh không sao sống nổi nếu bỗng mất cô trong cuộc đời. Anh muốn nằm xuống cùng chết với cô. Anh vui

đầu vào gối bên cạnh và giữ yên như thế trong một lúc rất lâu.

Giờ đây, đứng bên cạnh cửa sổ, anh hồi tưởng lại giây phút đó. Cái gì đã xảy ra nếu đó không phải là tình yêu đông đặc lên tiếng trong anh?

Nhưng đó có thật là tình yêu không? Cảm giác muốn chết bên cạnh cô gái rõ ràng được cường điệu: trước đó anh gặp cô lần duy nhất! Hay đây chỉ là cơn điên loạn của người đàn ông biết rõ tâm trạng không thể yêu được của mình nhưng lại bị nhu cầu muốn nguy tạo nó thôi thúc? Vô thức anh hèn nhát đến độ nó chọn cô gái đáng thương ở cái tỉnh lị nhỏ bé đó cho vai trò chung đóng trong vở hài kịch cởn cợn, một cô gái anh không bao giờ có thể tượng tượng có ngày bước vào cuộc đời anh!

Phóng tầm mắt qua khoảng sân rộng, nhìn vào bức tường dơ bẩn trước mặt, anh không phân biệt được đây là tình yêu hay chỉ là cơn điên loạn.

Anh phiền não hết sức về cảnh huống một người đàn ông cứng cỏi khác sẽ biết ngay cách hành động đối phó như thế nào. Anh do dự mãi và vì thế để mất đi những giây phút tuyệt đẹp nhất từng có trong đời (quỳ bên cạnh giường, tượng tượng cùng chết với cô gái).

Anh bực dọc với chính anh cho đến lúc chợt nhận ra, với anh, không biết muốn gì là chuyện tự nhiên thôi.

Chúng ta không bao giờ biết chúng ta muốn gì, bởi đời sống chỉ có một lần và chúng ta không thể so sánh nó với những kiếp trước hay hoàn thiện cho những kiếp sau.

Chắc gì có Tereza sẽ làm đời sống anh tươi đẹp hơn so với cuộc sống độc thân như vậy?

Thử xem quyết định nào tốt đẹp hơn chẳng mang lại ý nghĩa gì, bởi chúng ta hoàn toàn không có một căn bản nào cho sự so sánh. Mọi thứ chợt đến chợt đi trong đời sống, không hề có dấu hiệu báo trước, như người diễn viên diễn xuất một mình. Và đời sống có đáng giá gì không nếu buổi tập diễn đầu tiên cho đời sống lại chính là đời sống? Đó là lý do vì sao đời sống bao giờ cũng chỉ là bức phác họa. Không, "phác họa" cũng không đúng, bởi phác họa còn cho thấy đại cương sự vật, cho thấy nền tảng của bức tranh, trong khi phác họa đời sống hoàn toàn trống trơn, nó là một đại cương vô hình tượng. *Einmal ist keinmal*, Tomas nhủ thầm. Câu phương ngôn Đức nói cái gì xảy ra chỉ một lần tốt hơn đừng bao giờ xảy ra. Chúng ta sống chỉ một lần, tốt hơn đừng bao giờ sống.

Nhưng rồi một hôm tại bệnh viện, trong giờ nghỉ giữa những ca mổ, Tomas được người y tá gọi cho biết có điện thoại. Giọng Tereza phát ra từ ống nghe. Cô gọi anh từ trạm ga thành phố. Anh sung sướng đến tột độ. Chẳng may tối đó anh bận việc và anh phải hẹn cô đến nhà ngày hôm sau. Lúc gác máy điện thoại, anh tự trách mình đã không bảo cô gái đến nhà ngay bữa nay. Anh vẫn có dư thì giờ hoãn lại buổi hẹn tối nay mà! Anh cố tưởng tượng những gì Tereza làm ở Praha suốt ba mươi sáu tiếng đồng hồ đằng đằng trước khi đến gặp anh. Anh đã định nhảy lên xe chạy khắp phố phường tìm kiếm cô gái.

Tối hôm sau, cô xuất hiện tại ngưỡng cửa nhà Tomas, xách tay đeo lưng lẳng trên vai, trông cô tươi trẻ, thanh nhã hơn lần trước. Cô ôm trong tay quyển sách dày cộm, quyển *Anna Karenina*. Cô có vẻ tươi vui, cười nói huyên thuyên và ra điều cho anh biết cô chỉ tạm ngang đây thôi. Cô lên Praha có việc (tối đây cô trở nên lơ mờ khó hiểu), hình như cô lên để đi tìm việc làm.

Sau đó, khi hai người trần truồng nằm cạnh nhau trên giường, anh hỏi cô ngủ đêm ở đâu để anh đưa cô về vì lúc đó đã gần nửa đêm. Cô có vẻ ngượng ngùng, trả lời chưa tìm ra khách sạn và chiếc va li lớn cô còn gửi ở trạm ga.

Mới hai hôm trước đây, Tomas còn e sợ nếu anh ngỏ ý mời gọi cô gái lên Praha cô sẽ hiến dâng cuộc đời cô cho anh. Khi cô bảo anh chiếc va li cô còn để ở trạm ga, anh biết chiếc va li đó chứa đựng cả cuộc đời cô gái và cô gửi nó ở trạm ga cho đến khi cô hiến dâng xong cuộc đời cô cho anh.

Hai người lái xe đến trạm ga. Tomas vào trình giấy tờ lấy chiếc va li, (nó to lớn dềnh dàng và nặng chình chịch) rồi anh lại lái xe đưa cô gái cùng chiếc va li về nhà.

Làm cách nào anh có ngay quyết định đột ngột chóng vánh như thế khi mới hai đêm trước anh còn phân vân không biết có nên gửi tấm bưu thiếp hỏi thăm sức khỏe cô gái?

Chính anh cũng phải ngạc nhiên về điều đó. Anh tự phá vỡ những nguyên tắc do chính anh đặt ra. Mười năm trước, sau khi li dị, anh đã ăn mừng như người ta ăn mừng ngày cưới. Anh hiểu ra anh không thể chung sống với bất cứ người đàn bà nào và chỉ trong đời sống độc thân anh mới là người toàn diện. Anh cố xếp đặt đời sống để không bao giờ có cảnh một người đàn bà bước chân qua ngưỡng cửa nhà anh với chiếc va li trên tay. Đó là lý do vì sao anh sắm một cái giường ngủ độc nhất trong nhà. Mặc dù cái giường khá rộng, Tomas vẫn nói rõ để những cô nhân tình của anh biết anh không ngủ chung được với ai. Thường anh lái xe đưa họ về sau khi ân ái. Và vì thế, hôm đầu tiên lên Praha, không phải vì Tereza lên cơn sốt mà anh không ngủ chung với cô. Đêm đầu anh ngủ trong chiếc ghế bành rộng, những đêm sau anh lái xe đến bệnh viện ngủ trên chiếc ghế bố nhỏ trong văn phòng làm việc.

Nhưng lần này, bên cạnh Tereza, anh ngủ thiếp đi. Sáng hôm nay, khi thức giấc, anh thấy cô gái còn đang say ngủ, hai tay cô ôm chặt tay anh. Hai người tay trong tay ngủ như thế suốt đêm

ư? Thật là điều khó tin! Và trong khi cô gái còn nhắm nghiền hai mắt say sưa ngủ, hai tay ôm chặt tay anh (chặt lắm, anh không sao gỡ ra được) chiếc va li to lớn dềnh dàng lặng lẽ đứng bên cạnh giường.

Anh không dám gỡ tay cô gái vì sợ đánh thức cô. Anh khẽ nghiêng mình kỹ lưỡng quan sát.

Một lần nữa đến với anh ý tưởng Tereza là đứa bé trong chiếc thúng cói trét nhựa thông bị thả trôi sông và giạt đến chân anh. Anh không thể để chiếc thúng với đứa bé trôi tuột về cuối dòng sông đầy sóng gió kia được! Nếu người con gái của Pharaoh không vớt chiếc thúng đựng cậu bé Môi-se lên từ dưới dòng nước thì làm gì có Cựu Ước, làm gì có nền văn minh chúng ta đang có ngày nay! Biết bao huyền thoại cổ xưa bắt đầu bằng chuyện đứa bé bị bỏ rơi được cứu vớt! Nếu Polybus không vớt lên cậu bé Oedipus, Sophocles đã không thể nào hoàn tất vở bi kịch tráng lệ nhất của ông!

Lúc đó Tomas không nhận ra ẩn dụ thường rất nguy hiểm. Ẩn dụ không phải là thứ gì chúng ta có thể bốn cột, xem thường. Chỉ cần một ẩn dụ thôi đã đủ cho một tình yêu ra đời.

Anh sống vồn vẹn hai năm trời với người vợ cũ, và hai người có đứa con trai. Sau khi li dị, đứa bé ở với mẹ, tiền cấp dưỡng hàng tháng anh chu cấp bằng một phần ba tiền lương của anh. Anh cũng được quyền đến thăm con hai tuần một lần.

Nhưng lần nào cũng thế, đến kì Tomas lại thăm mẹ con nó lại nài ra một lý do nào đó đem con ra khỏi nhà. Dần dà, anh khám phá hể anh đem đến cho đứa bé những món quà đắt tiền, mọi việc trở nên êm thấm, xuôi xẻ. Có nghĩa anh phải hối lộ bà mẹ để có tình thương đứa con. Anh nhìn ra tương lai những cố gắng vô vọng dạy dỗ đứa bé theo quen niệm của anh, những quan niệm hoàn toàn trái ngược với mẹ nó. Nghĩ đến chừng đó, Tomas đã thấy mệt mỏi, chán nản vô cùng. Một lần, vào Chủ nhật, mẹ đứa bé lại tìm có không cho Tomas đến thăm. Ngay lúc đó, anh dứt vạt quyết định sẽ không bao giờ nhìn mặt đứa bé nữa.

Tại sao anh phải quan tâm đến đứa bé hơn tất cả những thứ khác trong đời anh? Ràng buộc giữa anh và nó có gì đâu ngoài một buổi tối bất cần? Anh cũng dẫn đo trong việc gửi tiền cấp dưỡng hàng tháng. Anh ghét thậm tệ những ai nhân danh tình phụ tử bắt anh phải chiến đấu giữ con.

Chẳng cần nói nhiều, không ai đứng về phía anh để bênh vực những quan niệm này. Chính ba mẹ ruột anh còn gay gắt lên án anh là sai lầm và vô trách nhiệm. Họ nói, nếu Tomas không màng gì đến con cái anh họ cũng sẽ làm y như vậy, nghĩa là họ cũng sẽ không màng gì đến anh nữa. Họ giữ liên hệ gần bó với người con dâu cũ và thổi phồng vai trò gương mẫu cùng sự công bằng trong cung cách đối xử của họ.

Thế là chỉ sau thời gian ngắn ngủi Tomas thoát khỏi mọi ràng buộc vợ, con, cha, mẹ. Điều duy nhất họ để lại anh là nỗi sợ hãi đàn bà. Tomas ham muốn đàn bà nhưng anh sợ hãi họ. Để dung hợp sự sợ hãi và lòng ham muốn, anh tự tạo cho mình thứ liên hệ với đàn bà anh gọi là "tình bạn xác thịt". Anh bảo các cô nhân tình của anh: "Liên hệ duy nhất có thể đem lại hạnh phúc đến cho hai chúng ta là liên hệ trong đó tình cảm không có chỗ đứng và không ai có quyền xen lẫn vào đời sống cũng như sự tự do của người kia."

Để chắc chắn "tình bạn xác thịt" này không bao giờ biến thành tình yêu sôi nổi, anh đi lại với mỗi cô nhân tình dài hạn trong thời gian rất ngắn ngủi. Theo anh, phương pháp này hiệu nghiệm lắm và anh còn truyền tụng nó trong giới bạn bè thân hữu: "Điều quan trọng là bạn phải biết dựa vào luật tam-tam. Hoặc bạn đi chơi với người đàn bà ba lần liên tiếp rồi chấm dứt luôn, hoặc bạn có thể giữ liên hệ trong thời gian dài nhưng phải tách những lần hẹn hò gặp gỡ ra cách nhau ít nhất ba tuần."

Luật tam-tam khiến Tomas có thể vừa duy trì liên hệ với đôi ba cô nhân tình cùng lúc mà vẫn xé lẻ đi lại với nhiều cô khác. Không phải ai cũng hiểu anh. Người hiểu anh rõ nhất là Sabina. Cô là họa sĩ. Cô thường bảo anh: "Lý do tôi thích anh vì con người anh trái ngược với *kitsch*^[1], với cái tầm thường, thấp kém. Trong thế giới của *kitsch*, anh là con quái vật."

Chính Sabina là người Tomas nhờ cậy đến khi anh cần tìm việc làm cho Tereza ở Praha. Tuân theo quy ước bất thành của "tình bạn xác thịt", Sabina hứa sẽ cố gắng giúp đỡ và chẳng bao lâu cô tìm được cho Tereza việc làm trong phòng tối một tờ báo tuần. Mặc dù công việc mới này chẳng đòi hỏi khả năng chuyên môn đặc biệt gì, Tereza đang từ hâu bàn bồng nghiêm nhiên nhảy lên thành nhân vật trong báo giới. Khi Sabina dẫn Tereza đến giới thiệu với mọi người trong tòa báo, Tomas biết anh sẽ không bao giờ tìm được người vừa là tình nhân vừa là bạn tốt như Sabina.

Khế ước bất thành văn của "tình bạn xác thịt" quy định Tomas phải gạt bỏ tình yêu ra khỏi đời sống. Ngay lúc anh vi phạm quy định này của bản khế ước, các cô nhân tình khác của anh trở nên thấp hèn và họ sẵn sàng nổi loạn. Theo luật, anh thuê phòng riêng cho Tereza sinh sống cùng chiếc va li nặng chịch. Anh muốn cùng lúc có thể chăm sóc, bảo vệ, yêu thích sự có mặt của Tereza, nhưng vẫn không cần thiết phải thay đổi nếp sống hiện tại của mình. Anh không muốn tin Tereza ngủ tại nhà anh lọt ra ngoài: ngủ với nhau trọn đêm là tội chứng của tình yêu!

Anh không bao giờ ngủ đêm với đàn bà. Ở nhà tình nhân, anh chỉ việc lái xe về khi thấy chán. Chỉ khi nào anh phải đưa cô gái về anh mới gặp khó khăn đôi chút. Anh phải giải thích cho cô biết đã nửa đêm rồi và anh phải đưa cô về vì anh bị bệnh mất ngủ, vì anh không thể ngủ yên giấc nếu có người nằm bên cạnh. Điều này mặc dù không xa sự thật bao nhiêu, nhưng anh không bao giờ dám nói ra một sự thật khác lớn hơn: sau khi làm tình, anh thêm được một mình, anh thấy chán ngấy khi thức dậy nửa đêm có người nằm bên cạnh, anh thấy gớm ghiếc khi sáng ra có người lạ trong nhà, anh không thích có ai nghe tiếng anh đánh răng, súc miệng trong phòng tắm, anh cũng chẳng thấy thú vị gì một bữa ăn sáng ấm cúng hai người ngồi cùng bàn. Đó là lý do tại sao anh ngạc nhiên đến tột độ khi thức dậy buổi sáng hôm đó thấy Tereza đang ôm chặt tay anh ngủ. Nằm ngắm nhìn cô gái, anh không thể nào hiểu nổi chuyện gì đã xảy ra đến cho anh. Nhưng sau khi ôn lại diễn biến chuyện xảy ra mấy giờ đồng hồ trước đó, anh bắt đầu cảm nhận nỗi sung sướng tràn ngập đang dâng lên trong lòng anh, nỗi sung sướng anh chưa từng một lần trong đời bắt gặp.

Kể từ giây phút đó, hai người chỉ mong chóng xong việc để về nhà ngủ với nhau. Tôi dám quả quyết, với hai người, làm tình không sung sướng bằng được ngủ chung với nhau sau đó. Cô gái bị ảnh hưởng thấy rõ. Hôm nào phải ngủ một mình nơi căn phòng thuê, cô đều bị mất ngủ. Còn những hôm nằm trong tay Tomas dù trước đó có chuyện lo lắng, khuấy động trong lòng mấy chạng vạng, cô vẫn dễ dàng chìm vào giấc ngủ. Thường Tomas ghé sát miệng nói thầm vào tai cô những câu chuyện thần tiên theo ngẫu hứng anh đặt ra về cô, hay anh chu miệng phát ra những tiếng líu lo đều đặn nghe êm dịu và buồn cười. Cứ thế cô bị du vào giấc ngủ đầu tiên của đêm tối với những hình ảnh mơ hồ, bàng bạc tan biến dần. Tomas hoàn toàn chế ngự, kiểm soát giấc ngủ cô, anh muốn cô đi vào giấc ngủ lúc nào cô nhắm mắt ngủ liền lúc đó.

Trong lúc ngủ, hai tay cô ôm chặt anh như hôm đầu tiên hai người ngủ chung giường. Cô ôm chặt cổ tay, ngón tay hay cổ chân anh. Nếu muốn gỡ ra mà vẫn không làm cô thức giấc, anh phải khéo léo lùa vào tay cô món vật gì đó. Cô đề phòng cẩn thận lắm, ngay khi đang ngủ say, không cho anh gạt gẫm mình như vậy. Nhưng nếu anh qua mặt được cô vẫn khư khư ôm chặt món vật anh lùa vào tay cô như thể đó cũng là một phần thân thể anh vậy. Có lần, sau khi Tomas dỗ cô vào giấc ngủ nhưng cô chưa thật sự ngủ say và miệng vẫn còn mấp máy nói chuyện với anh, anh hỏi: "Anh phải đi đây." "Anh đi đâu?" Cô hỏi trong lúc hai mắt vẫn mơ màng khép kín. "Đi ra khỏi nơi đây." Anh trả lời giọng cứng cỏi. "Em đi theo anh." Cô ngồi bật dậy. "Không, không được đâu. Anh đi luôn khỏi nơi đây." Vừa nói anh vừa bước ra khỏi cửa. Cô

đứng dậy theo anh, hai mắt nheo lại vì còn mơ ngủ. Trên người cô không mặc gì ngoài chiếc áo ngủ ngắn. Nét mặt cô trống trơn, không để lộ cảm xúc nhưng bước chân lại rất mạnh bạo. Tomas bước dọc theo hành lang ra đến gian đại sảnh giữa khu nhà phố rồi anh đóng cửa bỏ mặc cô tất tả đằng sau. Cô đẩy tung cánh cửa tiếp tục bước theo anh, đầu óc còn mơ ngủ của cô cả quyết anh đang bỏ cô đi thật và bằng mọi giá cô phải chặn anh lại. Anh bước xuống cầu thang, ra ngoài đường đứng đợi. Cô xuống theo, nắm tay anh rồi lôi tuột anh về phòng. Tomas đi đến kết luận: làm tình với đàn bà và ngủ với đàn bà là hai đam mê hoàn toàn khác biệt, không phải chỉ khác biệt thôi mà còn trái ngược nhau nữa. Tình yêu không phải là lòng ham muốn được làm tình (lòng ham muốn dẫn đến nhiều đàn bà) mà là nỗi đam mê được ngủ chung (lòng ham muốn thu hẹp lại còn một người đàn bà).

Nửa đêm Tereza bỗng kêu ú ớ trong giấc mơ. Tomas lay cô dậy, nhưng khi nhận ra khuôn mặt anh, cô hét lên: "Đi ra chỗ khác ngay! Đi ra chỗ khác ngay!" đoạn cô kể anh nghe về giấc mơ: Tomas, cô và Sabina trong một gian phòng lớn. Giữa phòng có cái giường rộng. Trông nó tựa tựa như sân khấu nhà hát. Tomas ra lệnh cô đứng ở góc phòng trong lúc anh làm tình với Sabina. Nhìn cảnh tượng đó cô đau đớn khôn tả. Cô mong cơn đau thể xác làm giảm nỗi đau trong trái tim, cô đâm mạnh mũi kim nhọn vào kẽ ngón tay. "Em đau quá!" Cô rên lên, tay nắm lại như thể máu từ ngón tay đang thật sự rỉ ra.

Tomas ôm chặt cô vào lòng, cô trở lại giấc ngủ trong vòng tay anh (sau khi run bần bật một lúc rất lâu).

Hôm sau, nghĩ ngợi về giấc mơ của Tereza, anh chợt nhớ ra một chuyện. Anh mở ngăn kéo bàn giấy và lôi ra xấp thư từ Sabina viết cho anh. Tìm kiếm không lâu, anh thấy ngay đoạn Sabina viết trong một lá thư như sau: "Em muốn làm tình với anh ngay tại phòng vẽ của em. Giường hai ta nằm trông như bực sân khấu có người ngồi chung quanh. Khán giả không được lại gần nhưng họ không thể dời mắt..."

Tai hại nhất lá thư đề ngày tháng hẵn hoi. Sabina viết lá thư gần đây thôi, sau khi Tereza dọn vào chung sống với anh thời gian khá lâu.

"Em lục lọi thư từ của anh?"

Cô không chối cãi: "Ừ, anh cứ việc tố em ra khỏi nhà."

Nhưng Tomas không đuổi cô ra khỏi nhà. Anh hình dung cảnh tượng cô đứng nép mình vào góc tường phòng vẽ Sabina, đâm mạnh mũi kim vào kẽ móng tay. Anh cầm tay cô rồi xoa nhẹ lên những ngón tay, anh đưa lên môi hôn như thể những ngón tay còn đầm đìa máu đỏ.

Nhưng từ hôm đó, dường như mọi thứ đồng loạt cùng nhau âm mưu hãm hại anh. Không ngày nào Tereza không khám phá đôi điều mới mẻ về cuộc sống bí mật của anh.

Thoạt đầu, anh chối phăng nhưng bằng chứng cứ chường ra trắng trợn khiến anh phải biện minh rằng nếp sống lãng nhãng nhiều nhân tình của anh không hề cản trở tình yêu anh dành cho cô. Anh có vẻ không nhất quán chút nào: lúc đầu anh chối cãi lòng dạ thiếu chung thủy của mình nhưng về sau anh lại biện minh cho sự thiếu chung thủy đó.

Có lần đang nói lời từ biệt trên điện thoại sau khi hò hẹn một cô nhân tình anh bỗng nghe từ phòng bên có tiếng động như đánh răng vào nhau kêu lổp cổp.

Thì ra Tereza đã về tự hồi nào anh không biết. Cô đang nốc một chai thuốc và cơn ghen khiến người cô run lên đến nỗi chai thuốc va vào răng phát những tiếng kêu lách cách.

Anh chụp người cô như chụp người chết đuối. Chai thuốc rơi lăn lóc xuống nền nhà làm tấm

thắm vương vãi những giọt thuốc trắng hồng. Cô tức giận cãi cọ với anh một trận thật to và anh phải vòng tay ôm chặt cô đến mười lăm phút cô mới dịu xuống.

Anh biết anh vô lý hết sức vì không chính đáng và công bằng với cô.

Một buổi tối, trước khi Tereza khám phá ra những lá thư của Sabina, hai người rủ nhau ra quán rượu cùng vài người bạn để ăn mừng công việc mới của cô. Cô được cất nhắc lên làm phóng viên nhiếp ảnh. Tomas khiêu vũ không mấy giỏi nên một trong những người bạn của anh dìu Tereza ra sàn nhảy. Hai người khiêu vũ thật đẹp và Tomas chợt thấy cô diễm lệ hơn bao giờ. Anh trở mắt nhìn cô nhảy những bước nhảy đẹp với người bạn anh. Anh có cảm tưởng cô đang gửi tín hiệu cho anh hay rằng lòng yêu thương cô dành cho anh, tình yêu nồng nhiệt vượt ve thỏa mãn cái sở hữu ích kỷ của anh, không hẳn chỉ ràng buộc vào cá nhân anh thôi. Anh có cảm tưởng nếu không gặp anh, cô vẫn có thể yêu thương bất kỳ người đàn ông nào khác. Anh thấy không khó khăn tưởng tượng Tereza và người bạn trẻ của anh là cặp tình nhân đang yêu nhau say đắm. Tưởng tượng dễ dàng câu chuyện hư cấu đó làm anh nhói lên đau đớn. Anh thấy thân hình Tereza có thể hòa nhập vẹn toàn với bất cứ thân hình người đàn ông nào. Ý tưởng này làm anh buồn rầu vô cùng. Khuya đêm hôm đó, khi về nhà, anh thú nhận anh có ghen tức khi thấy cô khiêu vũ với người bạn anh.

Sự ghen tuông phi lý này hoàn toàn không đứng vững vì câu chuyện chỉ là giả thiết. Nhưng nó làm sáng tỏ một điều, Tomas xem lòng dạ chung thủy của cô là định đề vô điều kiện cho liên hệ giữa hai người. Nhưng tại sao anh lại cần nhận, bọc bọc vì cô ghen tuông với những cô nhân tình bằng xương, bằng thịt của anh?

Ban ngày cô cố gắng (mặc dù không toại nguyện lắm) tin vào những điều Tomas nói. Nhưng cơn ghen bị dồn nén ban ngày nổ tung dữ dội trong những giấc mơ, và lần nào cũng thế Tomas phải đánh thức cô dậy những giấc mơ kinh hoàng đó mới hết.

Những giấc mơ tái diễn như những chủ đề và biến khúc hay những chương trình dài truyền hình hàng tuần. Tỉ dụ, cô mơ đi mơ lại giấc mơ thấy mèo nhảy lên cào cào mặt mũi mình. Chúng ta chẳng cần nhìn đâu xa để diễn giải giấc mơ này: trong ngôn ngữ Tiệp tiếng lóng con mèo ám chỉ người đàn bà đẹp. Tereza cảm thấy bị đàn bà đe dọa, tất cả đàn bà. Bất kì đàn bà nào cũng có thể trở thành tình nhân của Tomas và tất cả bọn họ làm cô sợ hãi.

Trong một loạt những giấc mơ khác, cô thấy cô bị dẫn đến nơi chịu chết. Có lần, khi Tomas lay cô dậy vì tiếng hét cô quá kinh khiếp, cô kể anh nghe về giấc mơ: "Em thấy em đứng cạnh một cái hồ bơi rộng kiểu xây trong nhà. Ngoài em còn có chừng hai chục người khác. Toàn đàn bà. Họ và em trên người đều không mảnh vải che thân và bị bắt đi vòng vòng chung quanh hồ bơi. Trên trần nhà treo một cái giỏ lớn và em thấy có người đàn ông đứng bên trong. Người đàn ông đội mũ rộng vành nhưng em vẫn nhận ra đó chính là anh. Anh luôn miệng quát mắng ra lệnh lũ đàn bà chúng em. Lũ chúng em miệng phải ca hát trong lúc đi vòng vòng như thế, thỉnh thoảng còn phải uốn gối. Người nào uốn gối không đúng phép, anh lập tức giơ súng bắn chết và người đó ngã xuống hồ bơi chìm lỉm. Mỗi lần có người bị bắn, những người khác cười rộ lên và càng ca hát to hơn. Anh không hề rời mắt lũ đàn bà chúng em và hề có người làm điều sai trái là anh lập tức nổ súng. Hồ bơi đầy xác người chết nổi lều bều. Em biết em không đủ sức uốn gối thêm lần nữa và anh sắp sửa bắn em chết!"

Giấc mơ tái diễn lần thứ ba thì Tereza bị bắn chết!

Nằm trong chiếc xe tang to lớn như xe chở bàn ghế, cô thấy chung quanh toàn xác chết. Có nhiều xác chết quá đến nỗi cửa sau xe không đóng lại được và chân cẳng cứ thế thò lủng lẳng ra ngoài.

"Nhưng tôi chưa chết!" Tereza kêu lên. "Tôi vẫn còn cảm giác!"

"Chúng tôi cũng vậy." Những xác chết cười rộ.

Họ cười cái cười giống những người đàn bà thật ngoài đời vẫn thường vui vẻ bảo cô không có chi bất thường nếu một ngày rằng cô sẽ rụng, đường kinh cô sẽ tắt, da dẻ cô sẽ nhăn nheo vì tất cả bọn họ đều rụng rằng, đều tắt kinh và da dẻ họ đều nhăn nheo. Cũng giọng cười như vậy, những xác chết bảo cô đã chết rồi và mọi chuyện bình thường, tốt đẹp! Đột nhiên cô thấy muốn đi tiểu. "Tôi cho mấy người hay là tôi mắc đi tiểu." Cô kêu lên. "Thấy chưa, tôi đã chết đâu!" Nhưng họ vẫn cười rú lên. "Mắc tiểu là chuyện hoàn toàn bình thường!" Họ bảo cô "Cô sẽ còn cảm giác đó lâu lắm mới hết. Như người vừa bị cụt tay vẫn có cảm giác cánh tay mình còn trên thân thể, chúng ta sẽ còn cảm giác mắc đi tiểu mặc dù trong người không còn giọt nước tiểu nào."

Tereza dụi đầu vào ngực Tomas. "Chao ơi, cách họ nói chuyện với em! Như những người bạn cũ, họ như biết em tự bao giờ. Em thất kinh với ý tưởng sẽ phải vĩnh viễn chung đụng với họ."

Tất cả những ngôn ngữ có ngữ nguyên là tiếng La tinh kiến tạo từ ngữ "*compassion*" (lòng trắc ẩn, lòng thương xót) bằng cách ghép tiếp đầu ngữ *com* (với) và từ gốc *passio* (cam chịu nỗi khổ sở). Ở những ngôn ngữ khác – Tiệp khắc, Ba lan, Đức, Thụy điển – từ ngữ này cũng dùng tiếp đầu ngữ có nghĩa tương đương với *com* nhưng kết hợp với từ khác có nghĩa là "cảm xúc" (Tiệp khắc: *sou-cit*; Ba lan: *wspól-szucie*; Đức: *Mit-gefühl*; Thụy điển: *med-kansla*).

Ở những ngôn ngữ gốc La tinh, "lòng trắc ẩn" mang ý nghĩa: chúng ta không thể lạnh lùng khi người khác đang đau khổ; hoặc chúng ta chia sẻ nỗi buồn với những người bất hạnh. Từ ngữ khác có nghĩa gần tương tự là từ "tội nghiệp" (Pháp: *pitié*; Ý: *pietà*; vân vân). Từ ngữ này ám chỉ sự hạ cố nào đó của mình với người đang đau khổ. "Thương xót người đàn bà" có nghĩa chúng ta ở vị thế cao hơn, khá hơn và chúng ta khom lưng hạ xuống ngang hàng với người đàn bà đó.

Đó là lý do tại sao từ "trắc ẩn" thường gợi ý tưởng nghi hoặc. Nó chỉ định thứ tình cảm thấp kém, tầm thường không đáng đến tình yêu bao nhiêu. Yêu người nào vì lòng trắc ẩn nghĩa là không thực sự yêu.

Ở những ngôn ngữ kết hợp từ "lòng trắc ẩn" bằng từ gốc có nghĩa "cảm xúc", "lòng trắc ẩn" được dùng gần tương tự nhưng lại nhất quyết cho rằng tình cảm thấp kém tầm thường rất khó xảy ra. Sức mạnh bí mật trong ngữ nguyên soi sáng từ ngữ với ý nghĩa rộng lớn hơn: có lòng trắc ẩn (có chung một cảm xúc) nghĩa là: không những có thể sống với nỗi bất hạnh của người khác mà còn cảm thông được tất cả cảm xúc của người đó – vui sướng, lo lắng, hạnh phúc, đau đớn. Do đó lòng trắc ẩn này (với ý nghĩa nơi những từ ngữ *soucit*, *współczucie*, *Mitgefühl*, *medkansla*) bao hàm khả năng cực đại của trí tưởng tượng về tình yêu, nghệ thuật của thần giao cách cảm. Trong đẳng cấp tình yêu, nó đứng ở vị trí tối cao.

Khi kể Tomas nghe về giấc mơ cô tự đâm mũi kim nhọn vào kẽ móng tay, Tereza đã thiếu khôn ngoan tiết lộ cho anh biết cô lục lọi thư từ trong bàn giấy của anh. Giả sử Tereza là người đàn bà khác, Tomas chắc hẳn sẽ không bao giờ thêm nhìn mặt cô nữa. Biết như vậy, Tereza nói: "Anh cứ việc tống em ra khỏi nhà!" Nhưng thay vì đuổi cô, anh nắm tay cô và hôn lên đầu ngón tay bởi chính anh lúc đó cũng thấy đau đớn như thể những đường dây thần kinh từ đầu ngón tay cô cũng chạy thẳng lên óc não anh.

Những ai không thừa hưởng cái khả năng quý quái này của lòng trắc ẩn (chung cảm xúc) sẽ lạnh lùng lên án hành vi của Tereza, bởi riêng tư là cái gì bất khả xâm phạm, bởi không phải ai cũng có quyền mở ngăn kéo chứa đựng thư từ riêng tư. Nhưng vì lòng trắc ẩn là định mệnh đời Tomas (hay lời nguyên rủa), anh thấy chính anh là người quỳ trước cái ngăn kéo mở toang, mắt trừng trừng nhìn những lá thư tình của Sabina. Anh hiểu Tereza, anh không giận dữ với cô, ngược lại, anh còn yêu thương cô nhiều hơn.

Hai năm trời trôi qua từ ngày Tereza khám phá ra lòng dạ thiếu chung thủy của Tomas. Cô trở nên hay cáu kỉnh, bẳn gắt, và tình trạng này càng ngày càng tệ hại chứ không khả quan chút nào. Thật hoàn toàn không lối thoát.

Có thật Tomas không sao từ bỏ được lối sống "tình bạn xác thịt" đó không? Đúng vậy. Không có nó chắc anh vỡ tung ra mất. Anh không đủ sức mạnh đè nén lòng ham muốn. Mặt khác, anh thấy không cần thiết phải từ bỏ lối sống đó. Không ai biết rõ hơn chính anh những trò phiêu lưu tình ái chỉ làm Tereza bất an mà thôi. Vậy tại sao anh phải thay đổi? Với anh, lý do từ bỏ chuyện đi tìm thú vui nhục dục nơi những người đàn bà khác không trọng đại hơn lý do từ chối lời mời đi xem trận bóng đá là bao.

Nhưng anh vui thú gì trong những cuộc săn đuổi ái tình? Vừa đặt chân đến nhà người đàn bà nào, anh đã thấy chán ngấy lên rồi và tự hứa sẽ không bao giờ nhìn mặt cô ta nữa. Lần nào cũng thế, hình ảnh Tereza lớn vờn trước mắt anh và chỉ có cách nốc rượu thật say anh mới gạt nó khỏi đầu óc anh được. Từ khi có Tereza trong đời, không lần nào làm tình với người đàn bà khác anh không phải dùng đến hơi men! Lúc về nhà, ngửi mùi rượu nồng nặc toát ra từ hơi thở Tomas, Tereza biết ngay là anh vừa phạm tội.

Anh kẹt cứng trong cái rọ: anh chán ngấy những cô đàn bà anh lén lút đi lại, nhưng một ngày không có họ đã khiến anh nhắc điện thoại hò hẹn lung tung.

Thoải mái nhất vẫn là Sabina. Anh biết Sabina là người ý tứ, cô không bao giờ tiết lộ với ai về những buổi hò hẹn của hai người. Phòng vẽ nơi cô làm việc và sinh sống khiến anh nhớ lại những kỷ niệm quá khứ, thời kỳ độc thân đầy hoa mộng của anh.

Có lẽ chính anh cũng không nhận ra những thay đổi từ ngày anh gặp Tereza: anh sợ về nhà trễ vì anh biết cô đang ngồi đợi anh. Cho đến một hôm, Sabina bắt gặp anh liếc nhìn đồng hồ đeo tay trong lúc hai người đang ân ái trên giường, cô thấy anh có vẻ hối hả như muốn xong chuyện cho sớm.

Sau đó, vẫn không mảnh vải che thân cô uể oải đi lại trong phòng vẽ. Cô dừng lại trước giá vẽ nơi có bức tranh đang vẽ dở và thấy Tomas đang vội vã mặc lại quần áo.

Mặc xong ngoại trừ một chân thiếu chiếc vớ, Tomas nhìn quanh giường rồi cúi đầu xuống đất tìm tòi lục lọi khắp nơi, trong kẽ ghế, dưới gầm bàn.

"Tomas, hình như anh đang biến thành chủ đề những bức tranh em đang vẽ." Sabina chột cất tiếng. "Hai thế giới gặp gỡ. Một pô ảnh chụp hai lần. Đằng sau nét chấm phá một Tomas phóng đảng là khuôn mặt người đam mê tình yêu lãng mạn. Hay nói cách khác, qua Tristan, và luôn luôn nghĩ đến Tereza, tôi thấy cái thế giới bội phản đầy diễm lệ của một người phóng đảng."

Tomas đứng thẳng dậy, mặt ngơ ngác nghe Sabina nói.

"Anh đang tìm cái gì vậy?" Cô hỏi anh.

"Một chiếc vớ."

Cô đi tìm chiếc vớ với anh. Hai người chui rúc vào xó xỉnh khắp gian phòng.

"Chẳng thấy vớ của anh đâu." Sabina nói. "Chắc lúc đến đây dưới chân anh chỉ có một chiếc."

"Em nghĩ sao mà bảo anh xỏ có một chiếc vớ đến đây?" Tomas kêu lên, mắt lại nhìn đồng hồ.

"Có thể chứ! Đầu óc anh dạo này hay quên lắm đấy. Lúc nào cũng sắp sắp ngửa ngửa, mắt nhìn đồng hồ. Em chẳng ngạc nhiên chút nào nếu quả thật dưới chân anh chỉ có một chiếc vớ lúc anh đến."

Tomas định xỏ chân không vào giày. "Ngoài trời lạnh lắm." Sabina nói. "Để em cho anh mượn vớ của em."

Nói xong cô lấy trong tủ đưa cho anh chiếc vớ dài màu trắng, kiểu mắt lưới rất thời trang.

Anh biết Sabina đang trả thù anh về tội dám nhìn đồng hồ trong lúc làm tình với cô. Chắc cô giấu chiếc vớ chỗ nào rồi. Trời bên ngoài lạnh thật và anh đành xỏ vào chân chiếc vớ dài của Sabina. Anh lái xe về nhà một chân đi vớ của mình chân kia vớ Sabina, chiếc vớ được vê xuống tận mắt cá chân.

Anh bị kẹp giữa hai gọng kiềm: dưới mắt những cô tình nhân của anh, anh mang nặng dấu ấn tình yêu anh dành cho Tereza; và dưới mắt Tereza, anh mang dấu ấn những cuộc phiêu lưu tình ái với những cô tình nhân đó.

Để nỗi đau đớn của Tereza dịu xuống, anh làm đám cưới với cô (rốt cuộc phải trả lại căn phòng thuê vì lúc sau Tereza chẳng mấy khi về đó nữa.) Anh còn tặng cô một con chó con.

Con chó anh xin từ người bạn đồng nghiệp. Chó mẹ giống Saint-Bernard, còn bố nó là con bẹc-giê nhà hàng xóm. Không ai thích nuôi chó lai và người bạn anh không nỡ giết bỏ bầy chó con mới đẻ đó.

Nhìn bốn con chó con Tomas biết con nào anh nhận đem về nuôi, con đó sống sót, còn lại tất cả sẽ bị giết chết. Anh có cảm tưởng anh là lãnh tụ một quốc gia Cộng hòa đứng trước bốn phạm nhân mang án tử hình và anh đang ban hồng phúc ân xá xuống cho một tên trong bọn. Cuối cùng anh chọn con chó cái có thân hình Saint-Bernard và đầu bẹc-giê. Anh đem con chó về nhà làm quà tặng Tereza. Cô bế nó lên ôm sát vào ngực. Con chó lập tức bầy một bãi làm ướt vạt áo trước của cô.

Đến lúc hai người đặt tên cho con chó, Tomas muốn tên nó phải cho thấy nó thuộc về Tereza. Anh nghĩ đến quyển sách Tereza kẹp dưới nách khi cô mới lên Praha. Anh đề nghị gọi con chó là Tolstoy.

"Không thể Tolstoy được!", Tereza giãy nảy. "Nó là chó cái mà. Hay là Anna Karenina?"

"Không được." Đến lượt Tomas phản đối. "Không người đàn bà nào có khuôn mặt tức cười đến thế. Trông nó giống Karenin hơn. Ừ, phải rồi! Chồng Anna. Thật đúng với những gì anh tưởng tượng về ông ta."

"Nhưng gọi là Karenin anh không sợ sẽ ảnh hưởng đến giống của nó sao?"

"Rất có thể," Tomas nói, "chó cái được gọi bằng tên giống đực riết sẽ phát sinh khuynh hướng đồng tính luyến ái đấy."

Lạ thật, những gì Tomas nói khơi khơi như vậy lại biến thành sự thật. Mặc dù chó cái thường trung thành với chủ hơn là với chó đực đồng loại, con Karenin chứng tỏ nó là ngoại lệ, lúc nào nó cũng quanh quẩn bên cạnh Tereza. Tomas có vẻ hài lòng lắm. Anh vỗ vỗ lên đầu con chó con: "Tốt lắm Karenin! Mày đúng là cái gì tao mong đợi. Mình tao không sao kham nổi bả nên mày phải giúp tao một tay."

Nhưng ngay với sự giúp đỡ của con chó Karenin, Tomas vẫn hoàn toàn thất bại đem hạnh phúc đến cho Tereza. Vài năm sau anh mới thật sự biết mình thất bại, đúng hơn là vào ngày thứ mười quê hương anh bị xe tăng Nga nghiền nát. Lúc đó là tháng Tám năm 1968, Tomas liên tiếp nhận được nhiều cú điện thoại từ một bệnh viện bên Zurich. Ông giám đốc bệnh viện bên đó, một y sĩ kết thân với anh từ khi hai người gặp gỡ trong một hội nghị y học quốc tế, tỏ ý lo ngại cho anh và ông nài nỉ anh sang Zurich làm việc tại bệnh viện của ông.

Tomas thắng thường từ chối sự giúp đỡ của ông bác sĩ Thụy sĩ vì anh nghĩ đến Tereza. Anh đoán Tereza không muốn sang Thụy sĩ sinh sống. Suốt tuần lễ đầu cuộc biến loạn, nổi kích động khiến cô như hôn mê. Cô chạy đôn đáo cùng khắp đường phố với chiếc máy ảnh trên tay. Chụp xong cuộn phim nào cô tìm cách giao tận tay các ký giả ngoại quốc. Họ tranh nhau giành giật những cuộn phim trên tay cô. Có lần, đi quá xa, cô chụp thật gần cảnh một viên sĩ quan Nga cầm súng chĩa vào đám đông. Cô bị bắt giam tại tổng hành dinh quân đội Nga. Nơi đó họ dọa đem cô ra hành quyết nhưng khi vừa được thả, cô lại chạy ngay ra đường, máy ảnh trên tay bấm không ngừng.

Đó là lý do vì sao Tomas tỏ vẻ ngạc nhiên khi cô hỏi anh vào ngày thứ mười của cuộc biến loạn: "Tại sao anh không muốn chạy sang Thụy sĩ?"

"Tại sao anh phải đi?"

"Họ có thể làm khó dễ anh ở đây."

"Họ làm khó dễ mọi người không riêng gì anh." Tomas trả lời, tay phác cử chỉ lên xuống. "Còn phần em? Em liệu sinh sống được ở nước ngoài không?"

"Sao không?"

"Em xông xáo ngoài đường phố không quản hiểm nguy đến tính mệnh vì đất nước. Sao em lại hờ hững chuyện đi hay ở vậy?"

"Lúc này Dubcek đã trở lại, mọi thứ đều thay đổi." Tereza nói.

Đúng vậy: nổi khích động ban đầu bùng cháy không quá tuần lễ. Lãnh tụ quốc gia bị lính Nga dẫn độ như tội phạm. Không ai biết họ bị đưa về đâu. Ai nấy lo lắng cho số phận của họ. Dân chúng thù ghét người Nga. Họ tổ chức hội hè, nhưng là cuộc hội hè chè chén đầy thù hận. Dưới thị xã, làng mạc, bích chương viết tay dựng lên nhan nhản khắp nơi. Họ mĩa mai, châm biếm bọn xâm lăng. Những bức biếm họa tràn ngập đường phố vẽ hình Brezhnev và lính Nga trông như lũ xuẩn ngốc thất học. Nhưng không cuộc hội hè đình đám nào kéo dài mãi mãi. Trong khi đó, người Nga áp lực lãnh tụ Tiệp khắc kí vào bản thỏa hiệp với Moskva. Khi Debcek cùng các lãnh tụ khác quay về Praha, ông đọc một bài diễn văn từ trên làn sóng điện. Sau sáu ngày bị giam cầm, sức khỏe ông suy yếu đến độ ông nói không ra hơi. Giọng ông lắp bắp, hơi thở ông hỗn hển, và trong khi nói ông cứ phải ngập ngừng rất lâu, có khi ngưng tiếng đến cả ba mươi giây đồng hồ.

Bản thỏa hiệp cứu đất nước Tiệp khắc tránh khỏi tình trạng bi đát nhất mà mọi người e sợ: hành quyết tập thể và lưu đày hàng loạt lên Siberia. Nhưng điều vô cùng rõ rệt là quốc gia Tiệp khắc từ nay sẽ phải quỳ mọp trước mặt kẻ chiến thắng. Mãi mãi và mãi mãi, nó sẽ lắp bắp, ấp úng, hỗn hển như Alexander Dubcek. Hội hè đã hết. Mỗi nhục hàng ngày bắt đầu.

Tereza giải thích cho Tomas nghe và anh biết đó là sự thật. Nhưng anh biết bên dưới sự thật này còn sự thật khác cơ bản hơn. Lí do tại sao Tereza muốn từ bỏ Praha: nơi đây cô khổ công tìm kiếm mà chưa bao giờ biết hạnh phúc là gì. Những ngày cô xông xáo ngoài đường phố chụp hình lính Nga, nét mặt khẩn trương là những giờ phút đẹp đẽ nhất đời cô. Cô sung sướng vồn vện vài đêm, những đêm cô không bị chìm đắm vào những giấc mơ kinh hoàng tái hồi như chương trình đài truyền hình tiếp diễn từ tháng này qua năm nọ. Người Nga với hàng trăm chiến xa đem đến cho cô sự thăng bằng. Nhưng giờ đây hội hè bế mạc rồi, cô trở lại với cơn sợ hãi, cô sợ những đêm tối đầy mộng mị kia và cô muốn chạy trốn nó. Cô còn hiểu ra hoàn cảnh nào đem lại sức mạnh cho cô. Cô nao nức được đặt chân đến chân trời nào khác, nơi chốn cô tin tưởng sẽ tìm thấy những gì cô hằng mong mỏi.

"Em không thấy khó chịu nếu Sabina cũng di cư sang Thụy sĩ?"

"Geneva không phải là Zurich," Tereza trả lời. "Cô ấy sẽ không còn là chương ngại như ở Praha."

Người mong mỏi thoát li khỏi nơi mình đang sống là người không vui sướng chút nào. Đó là lý do tại sao Tomas chấp nhận lời yêu cầu của Tereza di cư sang Thụy sĩ như gã phạm nhân chấp nhận bản tuyên án từ quan tòa đưa xuống. Một hôm, anh, Tereza và con chó Karenin thấy mình đứng giữa lòng thành phố rộng lớn nhất Thụy sĩ này.

Hai người vừa đủ tiền sắm cái giường ngủ, Tomas lăn xả vào công việc mới với tất cả hăng say của người đàn ông bốn mươi bắt đầu xây dựng lại cuộc đời mới.

Anh gọi lên Geneva nói chuyện với Sabina đôi lần. Tình cờ, tuần lễ sau vụ biến loạn ở Tiệp khắc, Sabina có buổi triển lãm tranh ở Geneva và giữa làn sóng cảm thông với cái xứ sở nhỏ bé của cô, giới thương ngoạn hội họa Geneva bỏ tiền ra mua hết tranh cô trưng bày.

"Nhờ bọn Nga, em trở nên giàu có." Cô cười nói với Tomas trong ống điện thoại. Cô rủ Tomas lên Geneva thăm phòng vẽ mới của cô. Cô bảo đảm nó không khác căn phòng cũ ở Praha bao nhiêu.

Anh rất muốn lên Geneva thăm Sabina, nhưng anh không tìm ra lý do vắng nhà để giải thích với Tereza. Thế là Sabina mò xuống Zurich. Cô ngụ tại khách sạn và Tomas đến thăm cô sau giờ làm việc. Anh điện thoại cho cô từ quầy tiếp khách của khách sạn rồi bước lên cầu thang. Cửa phòng mở, Sabina đứng đón anh, trên người vón vện bồ quần áo lót mỏng. Và cái mũ dạ tròn màu đen. Cô đứng giữa cửa nhìn thẳng vào mắt anh, không nói năng. Tomas cũng vậy. Đột nhiên anh thấy xúc động lạ thường. Anh đưa tay nhắc cái mũ trên đầu Sabina rồi đặt nó xuống mặt bàn đêm cạnh đầu giường. Sau đó, hai người làm tình trong im lặng.

Trên đường từ khách sạn về nhà (anh đã sắm sửa đầy đủ bàn ghế cho căn phố), Tomas vui sướng với ý nghĩ anh vẫn có thể chuyên chở nếp sống của anh như một con ốc sên chuyên chở cái vỏ của nó. Tereza và Sabina tượng trưng cho hai thái cực đời anh. Hai người hoàn toàn tách biệt, bất khả hòa giải, nhưng cả hai đều có những nét quyến rũ riêng, chẳng ai nhường ai.

Nhưng sự việc anh mang theo cái hệ thống trợ sinh này kè kè bên người đến bất cứ nơi nào, như thể nó là một phần cơ thể anh, có nghĩa Tereza hằng đêm vẫn tiếp tục mơ những giấc mơ kinh hoàng quái dị.

Hai người sinh sống ở Zurich được sáu bảy tháng, một hôm anh trở về nhà khá trễ và Tereza đã bỏ nhà ra đi. Cô để lại trên bàn lá thư. Trong thư cô nói cô phải quay về Praha. Cô phải về vì cô không đủ sức sinh sống nơi nước ngoài. Cô biết cô có bốn phận nâng đỡ anh nhưng cô quá vụng về, không biết phải làm gì. Cô đã điên rồ cho rằng khi ra nước ngoài sinh sống, đời sống cô sẽ thay đổi. Cô tưởng cô lớn khôn ra sau việc cô làm trong thời gian vụ biến loạn. Cô tưởng cô tinh khôn hơn, mạnh mẽ hơn. Nhưng cô đánh giá cô quá cao. Cô đang trì nín anh xuống và cô sẽ không tiếp tục làm thế nữa. Cô phải đi đến kết luận trước khi mọi việc trở nên quá trễ tràng. Và cô tạ lỗi đã đem Karenin về với cô.

Tomas uống vài viên thuốc ngủ rồi lên giường nằm nhưng anh không cách nào chớp mắt được cho đến khi trời sáng hẳn. Cũng may hôm đó thứ bảy anh không phải đi làm. Một trăm năm mươi lần anh nhắm lại trong đầu hoàn cảnh anh bây giờ: cánh cửa nổi lên mùi hương anh và thế giới bên ngoài đã đóng sập. Điện tín, điện thoại cũng không cách nào đem Tereza trở về. Bọn nhà nước cầm quyền không đời nào cho phép cô ra khỏi nước lần nữa. Cô dứt vạt ra đi một

cách thật sững sờ.

Ý tưởng biết mình bất lực đến vô vọng đập xuống anh như một chiếc búa tạ, nhưng lạ thay nó đến với anh cách vô cùng êm ả. Không ai ru anh vào tình thế anh phải làm quyết định gì. Anh không cần phải đứng nhìn bức tường căn nhà bên kia khoảng sân rộng, đắn đo suy nghĩ có nên sống với cô gái hay không. Tereza làm quyết định đó thay anh.

Anh ra tiệm ăn trưa. Con buồn trong anh thật ghê gớm, nhưng lúc ngồi ăn, nỗi chán chường tuyệt vọng ban đầu bỗng phai nhạt dần và chẳng bao lâu còn lại chỉ là nỗi buồn man mác. Nhìn lại những năm tháng chung sống với Tereza, anh thấy chuyện hai người không thể kết thúc tốt đẹp hơn. Giả như có người dựng câu chuyện này, đây là cách ông ta kết thúc chuyện.

Một hôm Tereza tự tìm đến anh và hôm khác cô tự ý bỏ ra đi. Cô đến với chiếc va li nặng trĩu. Cô ra đi cũng với chiếc va li nặng trĩu.

Anh trả tiền, ra khỏi tiệm ăn rồi thả bộ xuống phố. Nỗi buồn càng lúc càng đẹp đẽ. Bảy năm với Tereza, bây giờ nhìn lại anh thấy bảy năm trời đó đẹp đẽ quá, đẹp hơn quãng đời anh thực sự sinh sống với cô.

Tình yêu anh dành cho Tereza rất đẹp, nhưng anh cũng vô cùng mệt mỏi: lúc nào anh cũng phải giả vờ, giấu giếm, che đậy điều gì. Anh phải nâng cô lên, vuốt ve cho cô dịu xuống, cho cô thấy bằng chứng tình yêu của anh, bào chữa khi cô ghen tuông, khổ sở. Anh phải vỗ về cô sau những giấc mơ quái quỷ. Lúc nào anh cũng cảm thấy tội lỗi. Anh chống chế việc mình làm rồi lại tạ lỗi. Giờ đây con mệt mỏi chợt tan biến bay vào hư không, còn lại là vẻ đẹp nhẹ nhàng, man mác.

Thứ bảy, lần đầu tiên anh dạo chơi phố phường Zurich vào ngày thứ bảy, anh đang hít thở không khí tự do. Những cuộc phiêu lưu mới mẻ đang chờ đón anh nơi mỗi góc đường. Một lần nữa, tương lai lại ẩn giấu bí mật. Anh trở về với đời sống độc thân, đời sống có lần anh cảm thấy đó mới chính là định mệnh đời anh, đời sống anh thật sự là anh.

Bảy năm trời anh sống cạnh Tereza, mỗi bước chân anh cô dõi mắt nhìn theo chăm chú. Tốt hơn cô nên xỏ vào chân anh cái cùm. Bước chân anh thốt nhiên nhẹ bỗng. Anh bay lên cao. Anh đi vào thế giới huyền ảo của Parmenides: anh đang tận hưởng cái khinh phù ngọt ngào của nhân sinh.

(Anh có muốn gọi Sabina ở Ganeva không? Hay liên lạc với người đàn bà nào đó anh mới quen sau mấy tháng ở Zurich? Không, không hề có chuyện đó. Có lẽ anh linh cảm được bất cứ hình ảnh nào khác hiện ra trong lúc này đều khiến hồi ức của anh về Tereza trở nên đau đớn khôn tả.)

Tomas ngây ngất với nỗi buồn kỳ quặc này đến tối chủ nhật thì hết. Sáng thứ hai, mọi chuyện hoàn toàn biến đổi. Tereza tìm cách len lỏi vào đầu óc anh: anh tưởng tượng cảnh cô ngồi viết lá thư vĩnh biệt cho anh. Anh hình dung bàn tay run rẩy của cô. Anh thấy cô một tay xách chiếc va li nặng trĩu, tay kia dắt con chó Karenin. Anh thấy cảnh cô tra chìa khóa mở cửa căn phố của hai người ở Praha và choáng váng với nỗi cô đơn cùng cực phả vào mặt mũi khi cô đẩy tung cánh cửa.

Hai ngày với nỗi buồn man mác tuyệt đẹp, lòng trắc ẩn của anh (lời nguyên rửa của thần giao cách cảm) đi nghỉ mát nơi khác. Nó ngủ giấc ngon lành như người thợ mỏ sau tuần lễ dài làm việc cực nhọc cần nghỉ ngơi lấy lại hơi sức cho ngày thứ hai.

Tomas nhìn bệnh nhân nào cũng thấy Tereza. Anh cứ phải tự nhủ, Đừng nghĩ đến Tereza nữa! Đừng nghĩ đến cô ấy nữa! Tôi chán cái lòng thương xót của tôi lắm rồi. Cô ấy bỏ đi như vậy là điều hay, tôi sẽ không bao giờ thấy mặt cô ấy nữa. Không phải tôi muốn ném Tereza ra khỏi đời sống của tôi. Tôi chỉ muốn xa lánh cơn bệnh, cái lòng thương người mà tôi tưởng đã miễn nhiễm cho đến khi cô ấy gieo vào tôi.

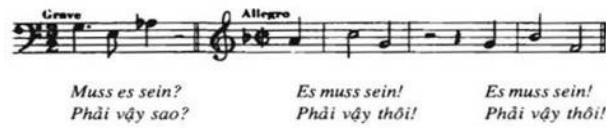
Thứ bảy và Chủ nhật, anh bị choáng ngợp bởi cái kinh phù ngọt lịm của nhân sinh, dâng lên trong anh từ khoảng sâu thẳm thẳm của tương lai. Thứ hai, anh va chạm cái sức nặng anh chưa từng bao giờ va chạm. Hàng tấn sắt thép xe tăng Nga chẳng thấm vào đâu nếu đem so với sức nặng đó. Bởi không có gì trên quả đất này có thể nặng hơn lòng trắc ẩn. Ngay nỗi đau của chính mình cũng không đè bẹp mình xuống như nỗi đau mình gánh vác chịu đựng giùm người khác, vì nỗi đau này bay bổng theo thần trí tưởng tượng và kéo dài ra bởi hàng trăm tiếng dội vọng về.

Anh cứ phải tự nhủ chớ nên chịu thua cái lòng trắc ẩn đó. Lòng trắc ẩn lắng nghe, đầu cúi xuống và lương tâm dường như tội lỗi. Lòng trắc ẩn biết nó đang đắc thắng nhưng nó đứng yên đầy vững vàng, chắc nịch, và năm ngày sau khi Tereza bỏ về Praha, Tomas báo tin cho ông bác sĩ giám đốc bệnh viện (người gọi dây nói cho anh mỗi ngày lúc anh còn ở Praha sau khi Nga xua quân xâm lăng Tiệp khắc) hay là anh phải quay về Tiệp khắc ngay lập tức. Anh thấy ngượng ngùng xấu hổ. Anh biết việc anh bỏ ngang nơi đây có vẻ vô trách nhiệm, khó lòng tha thứ. Anh định sẽ bộc bạch lòng mình, kể cho ông nghe câu chuyện Tereza và lá thư cô để lại trên bàn. Nhưng cuối cùng anh không nói được điều gì. Dưới mắt người bác sĩ giám đốc bệnh viện, việc Tereza trở về Tiệp khắc là hành động điên rồ và đáng trách. Nhưng Tomas không để bất cứ ai có cơ hội nghĩ xấu về cô.

Sự thật, ông cảm thấy bị xúc phạm nặng nề.

Tomas nhún vai nói: "*Es muss sein. Es muss sein.*"

Một ám chỉ. Hành âm chót trong tứ cầm khúc cuối cùng của Beethoven dựa trên hai mô-típ sau:



Để lời nhạc tuyệt đối sáng tỏ, Beethoven mở đầu hành âm bằng nhóm bốn chữ "*Der schwer gefasste Entschluss*" mà vẫn thường được dịch là "lòng quyết tâm khó khăn."

Ấn dụ này của Beethoven thật sự là bước đầu Tomas tìm về với Tereza bởi chính cô là người thuyết phục anh mua những đĩa nhạc tứ cầm tấu khúc và sô-na-ta của Beethoven.

Ấn dụ này còn xác đáng hơn ý nghĩ anh đang có mộng lung trong đầu vì ông bác sĩ Thụy sĩ cũng là người yêu thích âm nhạc. Miệng cười lặng lẽ, ông hỏi lại, nhái theo giai điệu của mô-típ trong khúc nhạc: "*Muss es sein?*"

"*Ja, es muss sein!*" Tomas lập lại câu trả lời.

Khác với Parmenides, Beethoven hiển nhiên xem nặng nề thuộc dương tính. Vì từ ngữ "*schwer*" trong ngôn ngữ Đức vừa có nghĩa "khó khăn" vừa có nghĩa "nặng nề" nên nhóm chữ "lòng quyết tâm khó khăn" của Beethoven còn có thể diễn giải là "lòng quyết tâm nặng nề". Lòng quyết tâm nặng nề đồng điệu với Định mệnh ("*Es muss sein!*"). Cần thiết, nặng nề và giá trị quện rối vào nhau; chỉ cần thiết mới có sức nặng, mà chỉ cái gì nặng nề mới có giá trị.

Niềm tin này xuất phát từ âm nhạc Beethoven, và mặc dù chúng ta không thể bỏ qua sự kiện rất có thể (hay ngay cả rất có lẽ) điều này bắt nguồn từ những người lý giải Beethoven chứ chưa chắc Beethoven đã tư duy như vậy, nhưng ít nhiều chúng ta chia sẻ quan niệm chung: chúng ta tin tưởng sự vĩ đại của con người toát ra từ sự việc hấn dấn gánh vác định mệnh đời mình như thần Atlas gánh vác khối vũ trụ khổng lồ trên vai. Và vì thế, người anh hùng của Beethoven là người dám nâng đỡ cái trọng lượng siêu hình đó.

Tomas tiến lại gần biên giới Tiệp khắc. Tôi tưởng tượng, một Beethoven bằng xương bằng thịt, ảm đạm, thần trí khủng hoảng, đứng lên điều khiển ban nhạc kèn đồng của đội lính cứu hỏa địa phương tấu lên bản hành khúc "*Es muss sein*" trong buổi lễ tiễn đưa người xa xứ.

Khi vào đến địa phận Tiệp khắc, Tomas được một đội hình chiến xa Nga ra tiếp đón. Anh phải ngừng xe đợi cả nửa tiếng đồng hồ mới qua khúc chặn. Một anh lính dáng điệu dữ dằn mình mặc quân phục màu đen đứng giữa ngã tư đường điều khiển dòng xe cộ qua lại như thể đường sá nơi đây thuộc hết về anh ta và chỉ mình anh ta thôi.

"*Es muss sein!*" Tomas lặp đi lặp lại câu nói, nhưng anh bắt đầu nghi hoặc. Quả thật phải như vậy sao? Vâng, anh không sao chịu đựng nổi cảnh anh ở Zurich mà đầu óc lúc nào cũng tưởng tượng Tereza đang thui thủi sống một mình ở Praha.

Nhưng anh còn bị lòng trắc ẩn tra tấn bao lâu nữa? Suốt cuộc đời anh? Một năm? Hay một tháng? Hay chỉ một tuần?

Làm sao anh biết được? Làm sao anh đo lường được?

Bất cứ cô cậu học sinh nào cũng có thể làm thí nghiệm vật lý để trắc nghiệm những giả thiết khoa học. Nhưng con người, sống chỉ một lần, không thể làm thí nghiệm để biết nên chạy theo tiếng gọi của đam mê (hay lòng trắc ẩn) hay không.

Với ý nghĩ này trong đầu, Tomas đưa tay mở cửa căn phố của anh ở Praha. Karenin nhảy xổ lên thè lưỡi liếm mặt anh khiến sự trở về có vẻ dễ dàng lên đôi chút. Ý tưởng muốn ôm choàng Tereza (anh cảm thấy vậy lúc chui vào xe ở Zurich) hoàn toàn tan biến. Anh vẽ ra cảnh anh và Tereza đứng đối diện nhìn nhau trên cánh đồng tuyết trắng mờ mờ. Thân hình hai người run rẩy, níu vào nhau trong giá lạnh.

Ngay từ buổi đầu của cuộc chiếm đóng, phi cơ quân sự Nga ngày đêm vùn vụt bay lượn trên bầu trời thành phố Praha. Chưa quen với tiếng động cơ, Tomas không sao yên giấc.

Trần trở trên giường bên cạnh Tereza say ngủ, anh chợt nhớ điều anh nói với cô cách đây lâu lắm khi có lần hai người ngồi bên nhau nói chuyện vãn vu vơ. Hai người nhắc đến người bạn tên Z của anh và anh chợt nhớ câu nói của cô: "Nếu không gặp anh trước có lẽ em sẽ yêu Z."

Ngay cả vào lúc đó, câu nói của Tereza làm Tomas buồn bực lạ lùng, và giờ đây anh thấy quả thật chỉ ngẫu nhiên Tereza yêu thương anh mà không phải người bạn tên Z. Bên cạnh tình yêu toàn vẹn cô dành cho anh trong thế giới những điều khả hữu có vô số tình yêu không toàn vẹn cô dành cho những người đàn ông khác.

Tất cả chúng ta đều gạt đi ý tưởng tình yêu là cái gì nhẹ nhàng hay vô trọng lượng; chúng ta ép uổng tình yêu, không có nó đời sống chúng ta sẽ khác; chúng ta cảm thấy chính Beethoven, âm đậm và khiếp hãi, đang tấu khúc nhạc "*Es muss sein!*" cho cái tình yêu vĩ đại của chúng ta.

Tomas hay nghĩ đến câu nói của Tereza về người bạn tên Z. và anh đi đến kết luận chuyện tình cảm của anh không minh chứng cho câu "*Es muss sein!*" (Phải vậy thôi) mà câu "*Es konnte auch anders sein!*" (Vẫn có thể khác vậy).

Bảy năm trước, ngẫu nhiên một ca bệnh thần kinh khá phức tạp phát hiện tại bệnh viện thị xã nơi Tereza cư ngụ. Họ cầu cứu lên bác sĩ trưởng khoa phẫu thuật bệnh viện Tomas làm việc. Ngẫu nhiên ông bác sĩ trưởng bị đau thần kinh háng và vì không đi lại được, ông nhờ Tomas đi thế. Thị xã có hai, ba khách sạn, nhưng Tomas ngẫu nhiên chọn nơi Tereza làm việc. Ngẫu nhiên anh có chút thì giờ dư trước giờ xe lửa khởi hành và anh xuống tiệm ăn trong khách sạn ngồi nghỉ ngơi. Ngẫu nhiên hôm đó Tereza đi làm, và ngẫu nhiên cô hầu ngay bàn Tomas. Tất cả có sáu chuyện ngẫu nhiên đẩy Tomas vào Tereza như thể anh không có khả năng tự mình tìm đến cô.

Vì cô anh quay về nhà cũ. Một quyết định xác quyết dựa trên một tình yêu dun rủi, một tình yêu giá bảy năm trước ông bác sĩ trưởng không bất ngờ lâm bệnh thì làm gì có cơ thành tựu. Và người đàn bà đó, sự dun rủi tuyệt đối được nhân cách hóa, giờ đây đang nằm ngủ bên anh, hơi thở sâu hút vào trong.

Đêm đã khuya lắm. Anh thấy bao tử mình nhói lên đau đớn như những khi có chuyện buồn rầu, lo nghĩ. Đôi lần, giữa hơi thở cô có tiếng ngáy nho nhỏ. Tomas không thấy thương xót. Anh chỉ cảm thấy sức ép đang đè nặng xuống bao tử anh và anh thất vọng mình đã trở về.

PHẦN HAI

tâm hồn và thể xác

Thật vô lý nếu người viết cố gắng thuyết phục người đọc những nhân vật trong tiểu thuyết mình có thật ngoài đời. Họ không từ bụng mẹ chui ra. Họ nảy sinh từ đôi ba nhóm chữ có vẻ gây kích động hay từ cảnh huống cơ bản nào đó. Tomas được đẻ ra từ câu nói "*Einmal ist keinmal*", và Tereza từ tiếng sôi bụng cồn cào vì cơn đói.

Hôm đến nhà Tomas lần đầu, bụng cô bỗng dựng sôi lên ùng ùng. Buổi sáng, lúc đứng chờ trên sân ga, cô chỉ ăn lót dạ qua loa một mẩu bánh mì thịt. Cô để hết tâm trí vào chuyến hành trình liêu lĩnh trước mắt mà quên khuấy chuyện ăn uống. Nhưng ta rất dễ biến thành nạn nhân của chính thân thể ta nếu ta lãng quên nó. Cô ngượng chín người lúc đứng trước mặt Tomas, bụng sôi réo sùng sục. Cô muốn khóc lên được. Nhưng may quá, chỉ mười giây đồng hồ sau Tomas đã quàng tay lên người cô và cô quên hẳn tiếng sôi bụng của mình.

Tereza nảy sinh từ cảnh huống trong đó luật đối tính bất khả hòa giải giữa tâm hồn và thể xác, cuộc nghiệm sinh cơ bản của kiếp người, tàn nhẫn phơi bày.

Thuở xưa, con người lạ lẫm lắng nghe tiếng đập đều đặn phát ra từ lồng ngực, thắc mắc không hiểu đó là tiếng gì. Hẳn không có khả năng nhận ra chính bản thân mình với thể xác quá lạ lùng, xa lạ. Thể xác là cái cũi, và trong cái cũi đó là vật gì biết ngắm nhìn, lắng nghe, sợ hãi, nghĩ suy, kinh ngạc; cái gì đó, phần còn lại ngoài thể xác, chính là tâm hồn.

Ngày nay, dĩ nhiên, thể xác không còn xa lạ nữa: chúng ta thừa biết tiếng đập phát ra từ lồng ngực là do quả tim và mũi chúng ta chẳng qua chỉ là cái ống hút thò ra từ thể xác có nhiệm vụ hút khí ố-c-xy vào hai lá phổi. Bộ mặt chúng ta chỉ là nơi ghi tiếp mọi năng động của thể xác: tiêu hóa, hô hấp, nghe nhìn, suy nghĩ.

Kể từ khi con người tìm tòi, khám phá và đặt tên cho các bộ phận trên thân thể mình, thân thể bớt phiền nhiễu con người nhiều lắm. Con người biết tâm hồn chẳng qua chỉ là chất xám trong não bộ. Sự đối chọi giữa tâm hồn và thể xác bị che phủ bởi hàng trăm danh từ khoa học và chúng ta cả cười, cho đó là thành kiến đã phai nhạt rất nhiều.

Nhưng thử bắt người mới yêu lắng nghe tiếng bụng mình sôi sùng sục, nghe tiếng hòa hợp giữa tâm hồn và thể xác mình. Lập tức cái ảo ảnh trữ tình của kỉ nguyên khoa học tan biến ngay vào hư không.

Qua thể xác, Tereza cố nhìn vào nội tâm mình. Đó là lý do tại sao, ngay từ khi còn bé thơ, cô đã có thói quen đứng trước gương. Và vì sợ bị mẹ bắt gặp nên mỗi lần liếc mắt nhìn vào gương soi cô có mặc cảm mình đang phạm phải tội xấu bí mật nào đó.

Cô hay soi gương không phải vì thích chưng diện. Cô bị mê hoặc bởi "cái tôi" của cô. Nhìn vào gương, cô không nghĩ cô đang nhìn vào cái bề mặt phần thân xác, đây chính là tâm hồn cô đang hiện ra trên khuôn mặt. Cô quên mất cô chỉ là cái ống có nhiệm vụ hít khí ốc-xy vào hai lá phổi. Cô thật sự tin tưởng cô trông thấy bản chất mình hiện ra trên mặt gương.

Soi gương mãi, đôi lúc cô bực dọc về những nét của mẹ cô trên khuôn mặt mình. Càng nhìn vào tấm gương cô càng ước ao phải chi những gì thuộc về mẹ cô có ngày biến đi để nhường chỗ cho những gì thuộc về cô mà thôi. Mỗi lần thấy lời ước nguyện thành tựu cô say đắm trong ý tưởng: tâm hồn cô ngoi lên, tràn ra ngoài thân thể như đoàn tàu thủy tóa lên boong tàu, đưa tay lên trời vẫy vẫy, vui sướng cùng cất tiếng hát vang.

Cô giống mẹ cô cả tính nết. Đôi lúc tôi có cảm tưởng cuộc đời cô chỉ là đoạn nối dài phần đời mẹ cô, giống như đường banh trái bi-da chỉ là cánh tay người chơi banh vươn dài.

Cuộc đời Tereza bắt đầu từ đâu và từ lúc nào?

Có lẽ nó bắt đầu từ khi ông ngoại cô, một thương gia sinh sống ở Praha, tán dương quá đáng về sắc đẹp cô con gái yêu quý của ông, tức là mẹ Tereza. Năm mẹ cô lên ba lên bốn gì đó, ông bảo mọi người rằng con gái ông đẹp như Thánh Mẫu trong tranh của Raphael. Cô gái bốn tuổi không bao giờ quên điều đó. Khi lớn lên đi học, cô không chịu lắng nghe lời giảng dạy của thầy cô trong lớp học mà cứ ngồi mơ mộng miên man về bức tranh nào của Raphael có hình Thánh Mẫu giống mình.

Rồi đến tuổi cập kê, tính chuyện dựng vợ gả chồng, bà mẹ Tereza có cả thầy chín người đàn ông theo đuổi. Họ quỳ dưới chân bà thành vòng tròn. Đứng giữa chín người đàn ông như nàng công chúa kiêu sa, bà không biết chọn lựa ai bây giờ: người thứ nhất điển trai nhất, người thứ hai khôn ngoan lanh lợi nhất, người thứ ba giàu có nhất, người thứ tư thể thao nhất, người thứ năm có gia đình sang cả hoàng gia, người thứ sáu biết làm thơ, người thứ bảy đi đâu đi đó rất nhiều, người thứ tám biết chơi vĩ cầm, người thứ chín trắng kiện nhất. Nhưng cả chín người quỳ mọp dưới chân bà như nhau, da đầu gối họ chai lì, dày cộm như nhau.

Lý do cuối cùng bà chọn người thứ chín chẳng phải vì gã là người trắng kiện nhất trong bọn mà chỉ vì gã cố tình tặng cho bà cái bào thai. Bà kêu khẽ vào tai gã "Hãy cẩn thận" trong lúc hai người ân ái, thế mà gã không chịu nghe lời bà. Bà mang thai và không tìm ra thầy thuốc nào chịu phá thai. Thế là Tereza ra đời. Bà con trong họ khắp nơi đổ về đứng bên nôi đứa bé sơ sinh nói chuyện con cái. Bà mẹ Tereza chán chường chẳng thèm nói câu nào. Bà đang nghĩ đến tám gã đàn ông kia, dường như cả tám người đều tốt lành, cao đẹp hơn gã đàn ông thứ chín này.

Giống như Tereza, bà mẹ cô cũng có thói quen hay nhìn mình trong gương. Một hôm bà khám phá ra những đường nhăn dưới đuôi mắt và bà quyết định cuộc hôn nhân này không đi đến đâu. Cùng lúc bà gặp gã đàn ông khác, một người không đàn ông chút nào, có tiền án, dính líu đến vài vụ lường gạt, chưa kể gã đã có hai đời vợ trước. Bà ghét thậm tệ những kẻ đầu gối chai lì quỳ mọp trước mặt bà khi xưa. Bây giờ bà muốn chính bà là người quỳ xuống trước mặt người đàn ông nào đó. Bà quỳ xuống trước mặt gã đàn ông gian xảo mới gặp này và bỏ mặc cha con Tereza tự xoay xở trong cuộc sống.

Người đàn ông trắng kiện nhất bỗng chốc biến thành người cùng quẩn nhất. Ông cùng quẩn đến nỗi không gì trên cõi đời này còn ý nghĩa nữa. Ông nói toạc ra những điều ông nghĩ trong đầu và bọn công an không để ông yên. Ông bị bắt ra tòa và lãnh án nhiều năm tù. Nhà cửa bị tịch thu và Tereza lại quay về sinh sống với bà mẹ.

Người đàn ông cùng quẩn chết trong tù sau thời gian ngắn. Tereza theo mẹ cùng người cha

ghê về sống tại thị trấn nhỏ gần cao nguyên. Người cha ghé làm thư kí dưới phố, bà mẹ làm công trong một tiệm tạp hóa. Bà còn đẻ thêm ba người con nữa. Bà nhìn vào gương và thấy giờ đây bà là một bà già xấu xí.

Khi biết đã mất hết mọi thứ trên đời, bà bắt đầu truy tìm xem ai là thủ phạm làm cuộc đời bà khốn khổ như vậy. Dưới mắt bà, ai cũng có thể là thủ phạm: người chồng thứ nhất, tráng kiện, đàn ông, nhưng không có tình yêu, không chịu nghe lời bà cảnh giác khiến bà mang thai; người chồng thứ hai, có tình yêu nhưng không đàn ông chút nào, người lôi kéo bà về cái xóm xỉn này và bắt bà sống trong cảnh ghen tuông thường trực vì ông ta lén lút đi lại với hết người đàn bà này sang người đàn bà nọ. Nhưng bà bất lực trước cả hai người đàn ông. Người duy nhất nằm dưới quyền sinh sát của bà, người không có lối thoát, người làm con tin cho bà giải tỏa tất cả những nguyên cớ làm đời bà khốn khổ, chính là Tereza.

Phải chăng Tereza đã là nguyên nhân định đoạt cả cuộc đời bà mẹ cô? Chính cô? Sự gặp gỡ phi lí giữa con tinh trùng người đàn ông tráng kiện nhất và noãn châu người đàn bà xinh đẹp nhất? Vâng, trong phút giây định mệnh đó, giây phút có tên là Tereza, cuộc chạy đua đường trường đầy lầm lỗi, cuộc đời bà mẹ cô khởi đầu.

Bà không ngừng nhắc nhở cô, làm mẹ tức là hi sinh mọi thứ. Lời nói bà chứng thực bởi kinh nghiệm của người đàn bà đánh mất mọi thứ trên đời chỉ vì một đứa trẻ. Tereza lắng nghe và cô tin tưởng giá trị cao cả nhất trong đời sống là bổn phận làm mẹ, làm mẹ tức là hi sinh. Nếu người mẹ là Hi sinh được nhân cách hóa thì đứa con là Tội lỗi không có cơ may dung thứ.

Dĩ nhiên, Tereza đâu biết câu chuyện xảy ra trong đêm tối khi mẹ cô kêu khẽ vào tai cha cô, "Hãy cẩn thận." Lương tâm cô cắn rứt nhưng có mơ hồ, lảng đãng như nguyên tội của thủy tổ loài người. Cô tìm mọi cách gột rửa nó ra khỏi tâm hồn mình. Cô thôi học từ năm mười lăm tuổi và đi kiếm tiền giúp mẹ. Cô làm nghề hầu bàn. Tiền kiếm được cô đem về đưa hết cho bà. Cô sẵn sàng làm bất cứ việc gì để có tình thương của bà. Cô làm việc nhà, sẵn sóc lũ em ghẻ, dùng trọn ngày Chủ nhật lau chùi nhà cửa và giặt giũ quần áo cho cả gia đình. Thật đáng tiếc vì cô là người thông minh. Cô khao khát muốn vươn lên cao, nhưng ở cái xó xỉnh nơi cô sinh sống làm gì có cơ hội cho cô vọt lên? Ngồi giặt quần áo cô luôn đặt một quyển sách bên cạnh. Lúc giờ trang sách, cô vô ý làm nước bắn tung tóe ướt cả quyển sách.

Trong nhà không ai biết xấu hổ là gì. Mẹ cô mặc quần áo lót thân nhiên đi lại trong nhà, có khi bà còn không thềm che đậy bộ ngực. Mùa hè nóng bức bà cởi hết quần áo, trần truồng như nhộng là chuyện thường. Người cha ghẻ không đến nỗi vậy, nhưng ông ta hay xông vào phòng tắm mỗi khi Tereza tắm rửa bên trong. Có lần cô khóa cửa phòng tắm, bà mẹ cô thấy vậy giận dữ la lối: "Mày làm cái giống gì vậy Tereza? Bộ mày nghĩ sắc đẹp mày sẽ bị ông ấy cắn nát ra đấy à?"

(Sự va chạm này cho thấy lòng ghét bỏ con gái còn nặng hơn lòng nghi kỵ người chồng. Tội lỗi con gái bà to tày đình, nó che lấp cả ý tưởng bậy bạ đen tối của người chồng. Những quyền hạn tối thiểu của Tereza – như có quyền khóa cửa phòng tắm – với bà, còn đáng bị xét hơn cả ý tưởng dâm ô của người chồng muốn giở trò bậy bạ với người con gái riêng.)

Có lần vào một buổi tối mùa đông, đèn trong nhà cháy sáng và bà không buồn khoác lên người mảnh vải che thân nào. Tereza thấy vậy, vội vã chạy ra kéo bức màn cửa để hàng xóm trước nhà không nhìn thấy thân thể trần truồng của bà. Cô nghe tiếng bà cười lớn phía sau lưng. Ngày hôm sau, vài người bạn quen đến nhà chơi: bà hàng xóm, bà làm việc cùng chỗ, nữ giáo viên, và cả ba mẹ khác vẫn thường đến nhà lê la tụ họp. Có cả cậu trai chừng mười lăm mười sáu tuổi, con một người đàn bà theo mẹ đến chơi. Cô vừa cất tiếng chào hỏi cậu trai, bà mẹ cô lập tức kể mọi người nghe về chuyện xảy ra hồi tối. Bà phá lên cười, đám đàn bà cũng cất tiếng cười theo. "Buồn cười chết thôi các bà ạ. Cái con bé Tereza nhà tôi, nó không chịu nghĩ cơ thể con người ta tiểu tiện và đánh rắm tùm lum." Bà nói trong lúc cười. Tereza đỏ chín cả mặt, nhưng mẹ cô vẫn tiếp tục, "Có gì ghê gớm đâu nào?" Bà tự trả lời rồi tiếp tục cười. Những người đàn bà khác cũng ré lên cười theo.

Bà mẹ Tereza có tật hỉ mũi rất to, bà nói bô bô về đời sống riêng tư trong phòng the, bà còn thú vị biểu diễn cho mọi người xem hàm răng giả của bà. Bà rất khéo léo dùng lưỡi điều khiển hàm răng giả. Miệng bà chành ra, bà dùng lưỡi đẩy hàm trên xuống hàm dưới, khiến khuôn mặt bà trở nên rúm ró trông gớm ghiếc, ghê sợ.

Hành động này của bà chẳng qua là cố gắng muốn gạt đi tất cả những gì dính líu đến tuổi trẻ và sắc đẹp. Khi bà còn son trẻ, khi bà có chín gã đàn ông say mê theo đuổi, quỳ xuống chung quanh bà, bà rất lo ngại trong việc bảo vệ tiết hạnh, như thể giá trị người con gái ở tính nết đằm thắm đoan trang chứ không phải sắc đẹp bên ngoài. Giờ đây bà không những mất hết vẻ nết na đằm thắm, bà còn thẳng tay đập phá tan tành. Bà dùng sự luông tuồng, thô bỉ vạch ra lằn ranh ngăn cách đời bà, với bà sự trẻ đẹp chỉ có ở đầu môi chót lưỡi người đời, tuyệt đối không có giá trị gì.

Tôi thấy cuộc đời Tereza là hậu quả hành vi bà mẹ cô, hành vi cố ý gạt bỏ hình ảnh người con gái đẹp ra khỏi đời sống cô, bà ném bỏ nó tuốt phía sau lưng cô.

(Và nếu Tereza có dáng đi rụt rè, nếu cử chỉ cô thiếu dịu dàng, duyên dáng thì chúng ta cũng đừng nên ngạc nhiên: hành vi, ngôn ngữ hung tợn, thô bạo, đầy chất tự hủy của mẹ cô để lại dấu hằn không sao xóa nhòa được trong tâm khảm cô.)

Bà mẹ Tereza đòi hỏi phải có công lí. Bà muốn thủ phạm làm đời bà khổ khổ phải đền tội. Đó là lý do tại sao bà trì kéo Tereza vào cái thế giới luông tuông, thô bỉ của bà, thế giới không có chỗ đứng cho tuổi trẻ và sắc đẹp, thế giới trống rỗng ngoại trừ những trại tập trung khổng lồ lúc nhúc xác người nằm xếp lớp bên nhau, thế giới không có tâm hồn.

Giờ đây chúng ta có thể hiểu rõ hơn ý nghĩa tật xấu bí mật của Tereza, tật hay nhìn khuôn mặt mình trong gương. Nó là trận chiến không ngừng giữa cô và bà mẹ. Nó là ý muốn khát khao thân xác mình không giống những thân xác khác, để thấy nét mặt bên ngoài là đoàn thủy thủ từ dưới hầm tàu chạy tóa lên boong vui sướng hát ca. Cô thấy khó khăn lắm: tâm hồn cô – một tâm hồn sâu thẳm, nhát nhúa, chìm đắm – nằm yên nấp tận dưới đáy lòng cô. Cô thấy xấu hổ khi phải trưng bày nó ra cho mọi người xem xét. Thế rồi cái hôm đầu tiên cô gặp Tomas. Lách người qua bọn đàn ông ồn ào, nong nặc hơi rượu bia trong tiệm ăn, thân xác cô lún xuống dưới sức nặng khay bia cô bưng trên tay, và tâm hồn cô thì lưng chừng đâu đó, khoảng ngang bụng hay cạnh sườn. Tomas cất tiếng gọi cô. Tiếng gọi có ý nghĩa rất lớn, bởi nó xuất phát từ người không biết chút gì về bà mẹ cô và lũ đàn ông say khướt miệng không ngớt buông lời chộc ghẹo chót nhả này. Vai trò một người ngoài cuộc đưa Tomas lên cao, vượt hẳn những gã tầm thường khác.

Điều nữa khiến anh được cô đặc biệt chú ý: trước mặt anh là quyển sách đang xem dở. Xưa nay có ai bước vào tiệm ăn này đem theo sách ngồi đọc bao giờ đâu. Dưới mắt Tereza, sách vở là biểu tượng cho hội tình thương bí mật. Bởi khí giới duy nhất cô có trong tay để chống chọi với cái thế giới thô bỉ, nhơ nhớp chung quanh cô là những quyển sách cô mượn từ thư viện thành phố. Nhất là tiểu thuyết. Cô đọc bất cứ quyển gì cô vớ được trong tay, từ Fielding cho đến Tomas Mann. Sách vở không những giúp cô tạm thời thoát khỏi đời sống buồn nản, chán ngắt cô đang vương mắc, nó còn mang ý nghĩa khác: cô rất thích đi bộ xuống phố, trên tay ôm một quyển sách. Với cô quyển sách có ý nghĩa giống như cách đây gần thế kỉ người đàn ông lịch sự, bánh bao cầm trên tay cây cần khi bước ra đường phố. Nhờ quyển sách cô thấy mình khác những người chung quanh.

(So sánh quyển sách với cây cần không chính xác tuyệt đối lắm. Cây cần khiến người đàn ông lịch sự, bánh bao kia không những khác người, nó còn giúp ông ta hợp thời trang, mới mẻ. Quyển sách làm Tereza khác người, nhưng trông cô cũ kĩ, quê mùa đến tội nghiệp. Cô thấy đám trai trẻ qua lại trên đường phố với chiếc máy thu thanh áp sát tai trông thật ngớ ngẩn, dị hợm. Dưới mắt cô, bọn con trai đó chẳng có gì tân tiến, mới mẻ.)

Vì thế người đàn ông cất tiếng gọi cô trong tiệm ăn khách sạn là người lạ mặt và cũng là hội viên hội tình thương bí mật. Anh gọi cô bằng giọng từ tốn, nhã nhặn, và Tereza cảm thấy tâm hồn cô đột nhiên như muốn vùng lên chạy xuyên qua trăm ngàn mạch máu nhỏ li ti, tràn trên mặt và nôn nóng hiện ra cho anh trông thấy.

Từ hôm ở Zurich về, Tomas cảm thấy bất ổn với ý tưởng cuộc gặp gỡ giữa anh và Tereza chỉ là kết quả của sáu chuyện ngẫu nhiên.

Nhưng có phải càng nhiều ngẫu nhiên bao nhiêu biến cố càng trọng đại, càng đáng nói bấy nhiêu?

Sự tình cờ và chỉ có sự tình cờ mới ưu ái gửi đến chúng ta những thông điệp. Việc xảy ra do nhu cầu, được tiên liệu trước tái diễn ngày này qua ngày nọ, có khác chi món vật ù lì, câm nín. Chỉ có sự tình cờ mới có khả năng kể lể, chuyên chở thông điệp đến chúng ta.

Tomas xuất hiện trước mặt Tereza trong tiệm ăn khách sạn là một nguyên nhân tuyệt đối. Anh ngồi đó, mãi miết đọc quyển sách, bất chợt ngẩng đầu lên và thấy cô đang bước đến, anh khẽ mỉm cười nói: "Cô làm ơn cho li cô-nhắc."

Ngay sau đó, ngẫu nhiên máy hát trong tiệm ăn đang phát ra âm nhạc. Lúc bước vào sau quầy rượu rót li cô-nhắc, Tereza vặn nút cho tiếng nhạc lớn hơn một chút. Cô nhận ra đó là khúc nhạc của Beethoven. Cô bắt đầu biết nghe và thưởng thức nhạc Beethoven từ hôm thị xã nơi cô ở đón tiếp ban nhạc bốn đàn dây từ Praha xuống trình diễn. Tereza (như chúng ta biết, luôn luôn khao khát muốn vươn tới "cái gì cao hơn") bỏ thì giờ đến nghe buổi trình tấu. Thính đường trống trơn, không ma nào thềm đến nghe ngoại trừ cặp vợ chồng người dợc sĩ có tiệm bán thuốc dưới phố. Mặc dù khán giả chỉ vồn vẹn có ba người nhưng ban nhạc rất tử tế, họ đã không hủy buổi trình diễn. Họ tấu cho ba người nghe trọn vẹn ba tứ cầm khúc cuối của Beethoven.

Sau đó, vợ chồng người dợc sĩ có nhã ý mời bốn người trong ban nhạc đi dùng cơm tối và họ mời luôn cô gái khán giả. Từ bữa đó trở đi, Beethoven trở thành hình tượng cái thế giới khác thường kia, thế giới cô luôn vọng tưởng tới. Đi vòng qua quầy rượu với li cô-nhắc của Tomas trên tay, cô cố tìm hiểu thông điệp của sự tình cờ: Làm cách nào có chuyện tiếng nhạc Beethoven trỗi lên ngay lúc cô rót rượu cho người lạ mặt mà cô thấy dễ mến?

Nhu cầu thương không cần biết đến công thức ảo diệu nào – nó hoàn toàn dựa trên sự tình cờ. Nếu tình yêu muốn trở nên bất tử thì bao nhiêu tình cờ hãy lập tức bắt đầu phấp phới bay xuống như đàn chim đậu lên bờ vai thánh Francis Assisi.

Anh gọi cô đến tính tiền li cô-nhắc. Anh đóng quyển sách lại và cô chợt nảy ra ý nghĩ muốn hỏi anh đang đọc quyển sách gì.

"Cô tính tiền li rượu vào tiền phòng được chứ?" Anh hỏi cô.

"Dạ được. Ông ở phòng số mấy?"

Anh đưa chìa khóa phòng khách sạn cho cô xem. Chiếc chìa khóa đeo lủng lẳng vào miếng gỗ nhỏ có con số sáu màu đỏ sẫm.

"Lạ nhỉ? Con số sáu." Cô buột miệng.

"Cái gì lạ?" Anh hỏi cô.

Cô chợt nhớ căn nhà cô chung sống với cha mẹ ở Praha trước khi hai người xa nhau. Căn nhà số sáu. Nhưng cô không nói với anh điều này (chúng ta có thể cho đó là mảnh khé của cô): "Ông ở phòng số sáu còn tôi tan việc lúc sáu giờ."

"Chuyến xe lửa tôi khởi hành lúc bảy giờ". Người lạ mặt nói.

Cô không biết nói gì thêm đành đưa tờ biên nhận cho anh kí rồi mang ra quầy tính tiền. Lúc cô làm xong việc người lạ mặt không còn ngồi chỗ cũ nữa. Ông ta có hiểu ra câu nói kín đáo của cô không nhỉ? Cô rời khách sạn lòng rộn ràng niềm vui khó tả.

Đối diện khách sạn là một công viên trơ trụi, xác xơ. Ở chốn tỉnh lẻ xấu xí, tồi tàn này chỉ có chừng đó thôi, nhưng với Tereza, cái công viên nhỏ bé, khiêm nhường đó là hòn đảo xinh đẹp: Nó có vườn cỏ, bốn cây bạch dương, ghế ngồi, một cây liễu, và vài bụi cây con.

Người khách lạ ngồi trên chiếc ghế dài màu vàng mắt nhìn lơ đãng vào cửa ra vào khách sạn. Cũng chiếc ghế đó mới ngày hôm qua cô ngồi với quyển sách trên đùi! Tới đó cô biết (đàn chim của sự tình cờ đã bắt đầu đáp xuống vai cô) người khách lạ này là định mệnh đời cô. Ông ta gọi cô lại, mời cô ngồi xuống bên cạnh (đoàn thủy thủ tâm hồn cô đang túa chạy lên boong tàu thân thể.) Sau đó cô đưa ông ta ra trạm ga, và trước khi từ giã ông ta trao cô tấm thẻ. "Khi nào cô có dịp ghé thăm Praha..."

Tấm thẻ anh đưa cô vào giây phút chót không mang ý nghĩa gì cả. Chính tiếng gọi của những tình cờ dun rũi (quyển sách, Beethoven, con số sáu, chiếc ghế công viên màu vàng) đã cho cô can đảm bỏ nhà ra đi để thay đổi định mệnh đời mình. Có thể lắm chứ! Rất có thể chỉ cần vài chuyện tình cờ như thế đã đủ thổi bùng lên tình yêu trong cô và nó còn hà hơi tiếp vào cô sức mạnh cùng ý chí để cô vẫn thấy hăng hái, say mê vào những lúc cuối mùa này.

Trong đời sống thường nhật, chúng ta bắt gặp không biết bao nhiêu chuyện tình cờ dun rũi, hay nói đúng hơn, không biết bao nhiêu lần gặp gỡ bất ngờ mà chúng ta gọi là tao ngộ. Tao ngộ là hai biến cố xảy ra cùng một lúc mà không hề được tính toán, dự trù trước. Chúng gặp nhau: Tomas xuất hiện trong tiệm ăn khách sạn cùng lúc máy hát trỗi lên khúc nhạc Beethoven. Đa số những chuyện ngẫu nhiên như vậy chúng ta chẳng bao giờ bận tâm để ý. Giả sử thay vì Tomas, ngồi nơi bàn là gã bán thịt ngoài chợ có lẽ Tereza đã không bận tâm lắng nghe máy hát lúc đó đang trỗi điệu nhạc gì (mặc dù sự gặp gỡ giữa Beethoven và gã bán thịt cũng là điều ngẫu nhiên khá lí thú.) Nhưng tình yêu đang nhen nhúm trong cô được thổi bùng, khuếch đại lên ý niệm về cái đẹp, và cô không bao giờ quên tiếng nhạc đó. Bất cứ lúc nào nghe lại tiếng nhạc, cô đều bị rung động. Tiếng nhạc tạo thành vùng hào quang rực rỡ bao phủ mọi cảnh vật chung quanh cô lúc đó.

Trong đoạn đầu tiểu thuyết Tereza ôm trong tay hôm cô lên Praha tìm Tomas, Anna gặp Vronsky trong trạng huống rất li kì: Họ gặp nhau tại trạm xe lửa giữa lúc có người bị xe lửa cán chết. Ở đoạn cuối, Anna nhảy vào xe lửa tự tử. Cấu trúc đối xứng này – cùng một mô-típ xuất hiện ở đoạn đầu và đoạn cuối – với bạn nghe có vẻ "tiểu thuyết" quá phải không, và tôi sẵn sàng đồng ý với bạn, nhưng với điều kiện bạn phải tự chế, đừng để những ý niệm như "hư cấu", "sắp đặt", "không có thật ngoài đời" đi vào chữ "tiểu thuyết". Bởi, đời sống con người được cấu thành do chính những đường lối, cách thức như vậy.

Nó được cấu thành như người ta sáng tác âm nhạc. Được hướng dẫn bởi ý niệm thẩm mỹ, người ta biến thành những sự kiện ngẫu nhiên (nhạc Beethoven, cái chết dưới gầm toa xe lửa) thành những mô-típ, và rồi cái mô-típ đó chiếm hữu chỗ đứng thường trực trong đời sống con người. Anna có thể chọn cho mình cái chết khác. Nhưng, mô-típ cái chết và trạm ga xe lửa, cả hai buộc chặt vào sự ra đời của tình yêu, đã lôi cuốn mê hoặc Anna trong những giây phút tuyệt vọng với nét đẹp thâm trầm. Không cần biết đến nó, người ta cấu tạo đời sống tùy theo định luật thẩm mỹ ngay cả vào những lúc khốn cùng, tuyệt vọng nhất.

Vì thế, thật sai lầm nếu chúng ta chê bai quyển tiểu thuyết bị mê hoặc bởi những biến cố ngẫu nhiên kì bí (như gặp gỡ của Anna, Vronsky, trạm ga, và cái chết, hay gặp gỡ của Beethoven, Tomas, Tereza, và li cô-nhắc), nhưng chúng ta có quyền chê trách con người mù quáng không thấy những biến cố ngẫu nhiên đó trong đời sống thường nhật. Bởi, như thế, con người đánh mất đi bề mặt vô cùng đẹp đẽ của cuộc sống.

Bị thúc đẩy bởi đàn chim của sự tình cờ đang phấp phới bay xuống đậu trên vai mình, Tereza xin nghỉ làm trọn tuần lễ và lên mẹ đáp xe lửa lên Praha. Ngồi trên xe, chốc chốc cô lại vào phòng vệ sinh nhìn ngắm khuôn mặt và cầu khẩn tâm hồn cô đừng quay lưng lại thân xác trong ngày trọng đại nhất đời này. Kiểm soát lại mình, cô chợt thấy có điều không ổn: cổ họng cô nhói lên từng cơn đau buốt. Chẳng lẽ cô ngã quỵ giữa ngày trọng đại nhất đời này sao?

Nhưng không còn đường cho cô quay về nữa rồi. Cô gọi Tomas từ trạm ga, và giây phút anh mở cánh cửa đón cô vào, bụng cô bắt đầu sôi réo lên từng hồi. Cô chết điếng cả người. Cô có cảm tưởng bà mẹ chui vào nấp sẵn trong đó tự lúc nào và giờ đây bà đang cất tiếng cười ha hả để phá tan cuộc gặp gỡ giữa cô và Tomas.

Trong vòng mấy giây đồng hồ, cô nghĩ Tomas sẽ mời cô ra khỏi nhà vì tiếng kêu khó chịu phát ra từ bụng cô. Nhưng không. Ngay sau đó anh quàng tay ôm cô. Cô sung sướng thầm cảm ơn anh không để ý tiếng sôi bụng của mình. Anh ôm hôn cô thật say đắm. Nước mắt cô trào ra. Chưa đầy phút sau, hai người đã đắm đuối nhập vào nhau giữa dòng ái ân cuồng nhiệt. Cô hét lên trong lúc làm tình. Cô lên cơn sốt. Cô bị cơn cảm cúm tai ác hành hạ. Cái ống hút dùng tiếp khí ốc-xy vào hai lá phổi đỏ ửng lên.

Khi lên Praha lần thứ hai, cô xách theo chiếc va li nặng trĩu. Cô nhét vào va li tất cả vật dụng tư trang, nhất quyết không bao giờ quay về cái thị trấn buồn tẻ này nữa. Tomas mời cô đến nhà vào buổi tối hôm sau. Đêm đó, cô nghỉ đêm tại một khách sạn tồi tàn. Sáng ra, cô gởi va li ở trạm ga rồi thơ thẩn lê bước khắp phố phường với quyển *Anna Karenina* trong tay. Mãi đến lúc cô bấm chuông nhà Tomas và anh mở cửa đón cô vào, cô mới chịu rời quyển sách. Quyển sách là tấm thẻ bài tùy thân cho phép cô bước vào thế giới của anh. Cô biết cô không có gì khác ngoài tấm thẻ bài đáng thương đó, và ý nghĩ này làm cô muốn rơi nước mắt. Để trấn an cơn buồn tủi, cô lớn tiếng nói chuyện huyền thiên và cười luôn miệng. Một lần nữa Tomas kéo cô vào lòng và hai người làm tình với nhau. Cô bước vào vùng lãng đãng khói sương. Sự vật trở nên mù mờ, huyền hoặc. Chỉ có tiếng hét của cô là rõ mồn một mà thôi.

Không phải là tiếng thở hắt ra, cũng không phải tiếng rên rỉ mà là tiếng hét thật sự. Cô hét to đến nỗi Tomas phải nghiêng đầu sang bên, như thể anh sợ tiếng hét gần tai quá chọc thủng màng nhĩ anh mất. Tiếng hét không phải là tiếng kêu biểu lộ nhục cảm. Khoái cảm nhục dục là sự điều động toàn thể các giác quan: nhìn người tình của mình thật sự say đắm rồi cố gắng chụp bắt từng tiếng động. Nhưng tiếng hát của Tereza không phải thế, nó có chủ tâm làm què quặt mọi giác quan. Nó ngăn cản, không cho thính giác cũng như thị giác mình hoạt động. Tiếng hét thật ra là cái lí tưởng ngây ngô của cô về tình yêu, nó cố gắng gạt đi mọi đối nghịch, gạt đi đối tính giữa thể xác và tâm hồn, gạt đi có lẽ cả thời gian.

Cô có nhắm hai mắt lại không? Không, nhưng hai mắt cô không nhìn vào chỗ nào nhất định. Tầm mắt cô phóng lên khoảng trống trần nhà. Có lúc cô lắc đầu thật mạnh từ bên này sang bên kia.

Khi tiếng hét lắng xuống, cô lập tức chìm vào giấc ngủ bên cạnh Tomas, hai tay nắm chặt tay anh. Suốt đêm cô ngủ trong tư thế hai tay ôm chặt tay Tomas.

Ngay từ năm lên tám cô đã có thói quen ngủ trong lúc hai tay nắm chặt vào nhau, cô tin tưởng mình đang nắm chặt bàn tay người mình yêu dấu, người của cuộc đời mình. Vì thế, chúng ta hiểu ngay lí do tại sao trong lúc ngủ cô nắm tay Tomas chặt như vậy: huấn luyện thành thục ngay từ khi còn rất bé thơ.

Một cô gái trẻ tuổi bị ép buộc phải đi hầu rượu bọn đàn ông say sưa và giặt giũ quần áo cho lũ em ghê – thay vì được quyền vươn tới "cái gì cao hơn" – là người biết dự trữ sinh lực, thứ sinh lực không người sinh viên đại học lười lỉnh nào dám mơ tưởng đến. Tereza đọc sách còn nhiều hơn các cô cậu sinh viên này. Cô học hỏi khá nhiều về đời sống, nhưng cô không bao giờ nhận ra điều đó. Sự khác biệt giữa người tự học và người tốt nghiệp đại học không nằm ở khả năng kiến thức mà ở sức sống cùng lòng tự tin vào đời sống. Lên Praha sinh sống Tereza lao vào cuộc sống mới với lòng cuồng nhiệt và sự bấp bênh. Cô có vẻ như chờ đợi một ngày có người đến nói với cô, "Cô làm gì ở đây thế? Cô hãy trở về nơi chốn của cô đi!" Tất cả lòng hăng hái say mê của cô cho đời sống được treo bằng sợi chỉ: tiếng gọi của Tomas. Chính tiếng gọi của Tomas đã dẫn dụ cái tâm hồn nhát nhúa, rụt rè của cô khỏi chỗ nó ẩn nấp tận đáy lòng sâu kín.

Tereza có việc làm trong phòng tối tờ tạp chí tuần, nhưng công việc này không làm cô vừa ý. Cô muốn trở thành người chụp ảnh chứ không phải người thợ rửa hình. Cô bạn Sabina của Tomas có nhã ý cho cô mượn ba bốn cuốn dạy nhiếp ảnh và hẹn gặp cô ở quán cà phê để cắt nghĩa thế nào là bức ảnh đẹp tạo thú vị cho người xem. Tereza yên lặng chăm chú nghe. Mặt cô nghiêm trang lắng nghe từng câu nói của Sabina, khôn mặt cô lúc đó không phải là khuôn mặt các giáo sư thường thấy ở đám sinh viên trong lớp học.

Nhờ Sabina, cô hiểu quan hệ giữa hội họa và nhiếp ảnh. Cô còn bảo Tomas đưa cô đi xem tất cả những buổi triển lãm tranh ảnh ở Praha. Chẳng bao lâu, ảnh cô chụp được tờ tạp chí chọn đăng và cô trở thành phóng viên nhiếp ảnh chuyên nghiệp của tờ báo.

Tối hôm đó, hai người rủ thêm vài người bạn kéo nhau ra quán rượu để ăn mừng cô lên chức. Mọi người ra sàn khiêu vũ trong lúc Tomas ngồi lại bàn một mình, vẻ mặt tự lự. Về đến nhà, sau khi bị Tereza chọc ghẹo, anh thú nhận anh quả có lên cơn ghen khi thấy cô khiêu vũ với người bạn anh.

"Tomas, anh ghen thật đấy à?" Cô ngờ vực hỏi đi hỏi lại đến mười mấy lần, như thể có người báo tin cô vừa được trao tặng giải Nobel.

Rồi cô ôm thắt lưng Tomas, lôi anh theo những bước nhảy khắp phòng. Không phải những bước nhảy làm mọi người suýt soa thán phục ở quán rượu. Cô nhảy như dân làng thường nhảy múa trong dịp hội hè đình đám, những bước nhảy nô đùa nghịch ngợm, chân phóng cao lên không khí, thân hình nhấp nhô lên xuống. Cứ thế, Tomas bị cô lôi xềnh xệch khắp phòng.

Nhưng buồn thay, chẳng bao lâu chính cô là người khổ sở với cảnh ghen tuông và với Tomas sự ghen tuông của Tereza không phải là giải Nobel, nó là gánh nặng chồng chất lên anh, gánh nặng anh phải đưa vai ra chịu đựng cho đến khi anh gần nhắm mắt là đời.

Trong lúc Tereza cùng lũ đàn bà khác bước vòng quanh hồ bơi, thân thể trần truồng, Tomas đứng trong chiếc giỏ treo toòng teng trên trần nhà, hò hét bắt họ vừa đi vừa ca hát và uốn gối. Ai uốn gối không đúng kiểu lập tức bị bắn chết và rơi tõm xuống hồ.

Hãy để tôi trở lại giấc mơ này của Tereza. Sự kinh hoàng không ập đến với tiếng súng đầu tiên phát ra từ tay Tomas, nó bắt đầu ngay từ lúc cảnh tượng mới chớm hiện ra trong giấc mơ. Với Tereza hình ảnh gây kinh hoàng tột độ là hình ảnh những thân thể trần truồng diễn hành bên nhau. Khi còn ở nhà, mẹ cô cấm cô không được khóa cửa phòng tắm. Bà giải thích cái mệnh lệnh quái đản này như sau: "Mày khác gì thiên hạ đâu; mày không được quyền xấu hổ; mày không có lý do phải giấu giếm cái vật hàng triệu người đều có như nhau." Trong thế giới của mẹ cô, thể xác nào cũng y như nhau và tuần tự nối đuôi nhau diễn hành thành hàng một. Từ lúc còn trẻ thơ, Tereza đã xem khỏa thân là dấu hiệu của đồng dạng trong trại tập trung, dấu hiệu của nhục nhã, đón hèn.

Chưa hết, vẫn còn nỗi kinh hoàng khác ủa đến ngay từ giây phút đầu tiên của giấc mơ: tất cả những người đàn bà đều phải cất tiếng ca hát! Không những thân thể họ y như nhau, vô dụng như nhau, không những thân thể họ là những bộ máy vô hồn như nhau – họ vui sướng với điều đó! Nỗi vui sướng của họ là nỗi vui sướng của kẻ không có tâm hồn. Họ vui vẻ thả tay ném tâm hồn họ xuống đất – họ ném đi cái tính tự mãn buồn cười, cái ảo giác có một không hai để trở thành giống hệt người bên cạnh. Tereza cùng ca hát với họ, nhưng cô không thấy vui sướng chút nào. Cô hát vì cô sợ lũ đàn bà kia sẽ xúm lại giết cô chết mất nếu cô cưỡng lại.

Nhưng sự việc Tomas giơ súng bắn hết người này đến người khác khiến họ lần lượt rơi tõm xuống hồ bơi có ý nghĩa gì?

Đám đàn bà sung sướng vì giống nhau, vì không có gì khác biệt trên thân thể họ. Thật ra họ đang ăn mừng cái chết đang chậm chạp tiến đến, cái chết khiến sự đồng dạng trở nên tuyệt đối. Vì thế, sự sung sướng cứ thế dâng lên theo mỗi tiếng súng Tomas bắn ra, dần đến cực điểm trong cuộc diễn hành bệnh hoạn. Mỗi lần súng nổ, họ lại phá lên cười sung sướng, và mỗi lần có xác người rơi ngã xuống hồ họ lại gân cổ ca hát lớn hơn.

Nhưng tại sao Tomas là người cầm súng bắn? Tại sao anh lại bắn Tereza và những người đàn bà khác?

Vì anh là người xô đẩy cô và lũ đàn bà đó. Giấc mơ của Tereza cho Tomas biết như thế, nó mở ra cho anh thấy điều cô muốn nói mà không nói được. Cô đến với anh để thoát khỏi thế giới của mẹ cô, thế giới trong đó mọi thân xác bình đẳng và giống hệt như nhau. Cô đến với anh mong mỗi trở thành thân xác độc nhất, có một không hai trên cõi đời này và không sao thay thế. Nhưng chính anh đã vẽ dấu bằng giữa cô và những người đàn bà khác: anh hôn mọi người đàn bà như nhau, anh vuốt ve họ như nhau, anh tuyệt đối không thấy khác biệt giữa thân xác cô và những thân xác khác. Anh đẩy cô tụt về thế giới cô cố sức thoát li, anh đẩy cô bước ra

trần trường diễn hành với những người đàn bà trần trường khác.

Những giấc mơ tuần tự tiếp diễn: giấc thứ nhất cô thấy lũ mèo điên, chúng tượng trưng cho những đau đớn cô trải qua trong đời; giấc thứ hai hình ảnh cô bị hành quyết, nó thay đổi luôn; giấc thứ ba hình ảnh cô sau khi chết, khi nhục nhã như rơi vào trạng thái bất tận.

Chúng ta chẳng cần bận tâm giải đoán những giấc mộng này của Tereza. Chúng nhắm vào Tomas rõ rệt đến nỗi phản ứng duy nhất anh làm được sau đó là gục mặt xuống, hai tay xoa nhẹ lên tay Tereza và miệng không thốt được tiếng nào.

Những giấc mơ mang ý nghĩa tàn bạo nhưng cũng thật diễm lệ. Về điểm này, dường như cô muốn vượt khỏi lý thuyết của Freud về mộng mị. Nằm mơ không hẳn chỉ là hành vi truyền giao cách cảm (hay truyền giao ẩn mật, nếu bạn muốn nói như thế); nó còn là sinh hoạt thẩm mỹ, là trò chơi của trí tưởng tượng, trò chơi có giá trị trong chính nó. Những giấc mơ – về những sự kiện vị lai – chứng tỏ trí tưởng tượng là nhu cầu sâu thẳm nhất của con người. Điều nguy hiểm nằm nơi đó. Chúng ta mau chóng quên ngay những giấc mơ không đẹp. Nhưng vì giấc mơ của Tereza tái diễn năm này tháng nọ, nó trở thành truyền thuyết, thành truyện hoang đường và Tomas sống dưới lời nguyền rửa trù yếm bởi nét đẹp ray rứt khôn nguôi của giấc mơ đó.

"Hỡi Tereza yêu quý, hỡi Tereza thân ái ơi! Tôi đang bị tội tình gì đây?" Có lần Tomas nói với Tereza như vậy trong lúc hai người ngồi đối mặt nhau trong quán rượu. "Đêm đêm em cứ mơ thấy cái chết như thể em thật tình mong muốn từ giã cõi đời này..."

Lúc đó là ban ngày, lúc lý lẽ cùng ý chí đều vô cùng vững chãi. Một giọt rượu màu đỏ au đang từ từ lặn xuống thành li, Tereza trả lời anh, "Em không làm được gì cả, Tomas ạ. Ồ, em hiểu chứ. Em biết anh yêu em. Em biết tính trăng hoa của anh chẳng bao giờ gây chuyện đau buồn lớn lao cho chúng mình..."

Cô nhìn Tomas với nỗi thương yêu tràn đầy trong khóe mắt, nhưng cô sợ hãi đêm tối trước mặt, cô sợ hãi những giấc mơ đang đón chờ cô trong bóng đêm. Đời sống cô bị xé toạc ra thành hai mảnh. Đêm và ngày cứ thế chống chọi nhau mãnh liệt.

Bất cứ ai có ý định muốn vươn lên tới "cái gì cao hơn" đều phải tiên liệu ngày nào đó sẽ mắc phải căn bệnh sợ hãi độ cao. Bệnh sợ hãi độ cao là gì? Là nỗi sợ hãi khi đứng trên cao? Nhưng tại sao chúng ta vẫn thấy sợ hãi dù trên đài quan sát chúng ta đang đứng có tay cầm chắc chắn? Không, bệnh sợ hãi độ cao là cái gì khác với tính sợ hãi khoảng cao. Nó là tiếng kêu của khoảng không trống trải bên dưới. Nó dụ dỗ, đánh lừa chúng ta. Chính ý định muốn nhảy từ trên cao xuống khiến chúng ta sợ hãi và vì thế chúng ta cố sức loay hoay tìm cách tự vệ.

Những người đàn bà khỏa thân diễn hành quanh hồ bơi, những xác chết nằm trong xe tang vui sướng vì có Tereza cùng chết với họ – tất cả là những "cái gì từ bên dưới" Tereza không ngớt kinh khiếp và đã một lần trốn chạy trước đây nhưng, đây bí ẩn, giờ đây chúng dường như mặt ra đối đầu cô. Đây mới là căn bệnh sợ hãi khoảng cao của cô: lọt vào tai cô những tiếng gọi ngọt ngào (gần như vui sướng) kêu gọi cô hãy từ bỏ định mệnh, hãy gạt bỏ tâm hồn qua một bên. Sự cô độc vì không còn tâm hồn lớn tiến kêu gọi cô. Những khi yếu lòng, cô bị tiếng gọi đó mê hoặc và cô thấy mình sẵn sàng trở bước quay về. Cô sẵn sàng quay lưng lại đoàn thủy thủ tâm hồn trên boong con tàu thân thể; cô sẵn sàng tụt xuống, ngồi chung chạ cười đùa với đám bạn bè mẹ cô; cô sẵn sàng diễn hành quanh bờ hồ cùng với họ, thân thể trần truồng và miệng vui sướng hát ca.

Đúng, Tereza chiến đấu với mẹ cô cho đến ngày cô bỏ nhà ra đi, nhưng chúng ta đừng quên cô không ghét bỏ bà. Giá mẹ cô nói với cô bằng giọng nói nhu mì, êm ái chắc cô đã sẵn sàng gánh vác bất cứ chuyện gì bà mong muốn. Cô có sức mạnh thoát ly khỏi gia đình chỉ vì cô không bao giờ được nghe giọng nói như thế từ miệng bà. Khi nhận ra thái độ hung tợn của mình không chút ảnh hưởng gì lên đứa con gái, bà bắt đầu viết cho Tereza những lá thư với giọng điệu oán trách, than van. Bà than thở về gia đình, việc làm, sức khỏe. Bà làm như chỉ có Tereza mới là người thân trong cuộc đời bà. Tereza có cảm tưởng cuối cùng cô nghe được tiếng nói yêu thương của bà, và cô nảy ý định muốn quay về. Hơn thế nữa, cô muốn quay về vì cô quá mệt mỏi, quá suy yếu bởi tính trăng hoa, phóng đảng của Tomas. Cô thấy rõ sự bất lực của mình phơi bày ra, cô bị dụ vào căn bệnh sợ hãi độ cao, và cô không sao thoát khỏi cảm dỗ muốn rơi ngã xuống,

Một hôm mẹ cô gọi đây nói cho biết bà bị ung thư và chỉ còn sống thêm vài tháng. Tereza trở nên tuyệt vọng đến cùng cực. Cô tự trách mắng mình đã bỏ mẹ đi theo người đàn ông chẳng yêu thương gì mình. Cô sẵn sàng tha thứ tất cả mọi lỗi lầm của bà trong quá khứ. Giờ đây cô có thể hiểu mẹ cô hơn. Hai người cùng lâm vào hai hoàn cảnh tương tự: mẹ cô yêu thương người cha ghẻ cô, cô cũng yêu thương Tomas, và người cha ghẻ hành hạ mẹ cô thế nào Tomas hành hạ cô thế nấy. Mẹ cô trở thành người đàn bà ác độc chỉ vì bà chịu đựng biết bao nỗi đắng cay như vậy trong đời bà.

Tereza cho Tomas hay tin mẹ cô lâm trọng bệnh, và cô dự định xin nghỉ làm một tuần lễ về thăm nhà. Giọng cô đầy tủi hờn, oán trách.

Tomas không đồng ý cho Tereza về thăm mẹ vì anh linh cảm lí do cô quay về chính là căn bệnh sợ hãi độ cao. Anh gọi đây nói xuống bệnh viện tỉnh lị nơi bà mẹ Tereza cư ngụ. Hồ sơ các ca bệnh ung thư được lưu trữ cẩn thận khắp nơi trong nước nên Tomas tìm ra ngay sự thật bà mẹ Tereza chẳng bị ung thư gì, bà cũng không hề đi khám bệnh trên năm trời nay.

Tereza nghe lời Tomas không về nhà thăm mẹ nữa. Vài tiếng đồng hồ sau khi quyết định, cô ra đường và tự làm ngã đến bị thương đầu gối. Cô bắt đầu đi đứng khó khăn, hôm nào cũng té ngã, va chạm bàn ghế, đồ đạc trong nhà, khá lắm là đánh rơi món đồ cầm trên tay.

Cô bị kẹt cứng giữa gọng kiềm của cơn bệnh muốn rơi ngã xuống. Cô sống thường trực với căn bệnh sợ hãi độ cao.

"Hãy đỡ tôi lên!" Đó là tiếng kêu cứu của kẻ đang rơi ngã. Và mỗi lần cô rơi xuống Tomas vẫn kiên nhẫn đưa tay kéo cô lên.

"Em muốn làm tình với anh ngay tại phòng vẽ của em. Giường hai ta nằm trông như bức sân khấu có người ngồi chung quanh. Khán giả không được lại gần nhưng họ không thể rời mắt..."

Thời gian trôi qua, hình ảnh này mất dần đi ý nghĩa tàn bạo và nó trở thành nguyên do dễ gây kích động trong lòng Tereza. Cô hay ghé tai Tomas thầm thì những câu như vậy trong lúc hai người làm tình.

Cô bỗng nảy ra ý nghĩ trong đầu rất có thể có con đường giúp cô tránh khỏi bản án buộc tội Tomas vì tính trăng hoa, phóng đảng của anh: chỉ cần Tomas dẫn cô theo, dẫn cô theo khi anh đến nhà các cô tình nhân của anh! Có lẽ, chỉ lúc đó thân xác cô mới vươn cao hơn các thân xác khác. Thân xác cô sẽ biến thành phần hai của Tomas, thành người phụ tá cho anh, người tri kỷ của anh.

"Em cởi quần áo cô nàng, tắm rửa sạch sẽ rồi đem đến dâng lên anh..." Cô thầm thì bên tai anh những lời như thế trong lúc thân thể hai người ép sát nhau. Cô khao khát hòa nhập vào Tomas thành cái gì độc nhất để thân xác những người đàn bà khác biến thành đồ chơi của hai người.

Ồ, để trở thành tri kỉ của anh trong cuộc sống đầy trăng hoa, mây gió này ư! Tomas không chịu hiểu điều đó cho Tereza nhưng cô không sao xóa tan được ý tưởng này trong đầu và cô cố tạo mối dây liên hệ thân thiết với Sabina. Tereza ước mơ bằng cách đề nghị đến nhà chụp ảnh cho Sabina.

Sabina mời vô về nhà và cuối cùng tận mắt cô nhìn thấy căn phòng rộng rãi với đồ vật chính trong nhà: chiếc giường lớn, vuông vức, trông như bực sân khấu trình diễn kịch.

"Tôi thấy áy náy quá vì chưa bao giờ có dịp mời cô đến đây." Sabina nói trong lúc khoe Tereza những bức tranh treo trên tường nhà. Cô lôi ra một bức vẽ cảnh khu công trường thép đang xây cất cô vẽ thời còn đi học, thời mọi sinh viên Mỹ thuật đều bị bắt buộc vẽ theo khuynh hướng hiện thực. (Người ta cho nghệ thuật không hiện thực ăn mòn, phá hủy dần nền móng xã hội chủ nghĩa.) Trong tinh thần hăng say đó, cô cố chứng tỏ mình có tinh thần giác ngộ còn hơn cả các giáo sư hội họa của cô bằng cách vẽ nó gần giống bức ảnh chụp.

"Đây là bức tôi vô ý làm giầy lên vệt sơn đỏ. Ban đầu, tôi bực mình lắm, nhưng sau đó tôi thấy thích thú. Vệt sơn giầy trên bức tranh giống như vết nứt; bức vẽ công trường biến thành tấm phong sân khấu cũ kĩ, nhàu nát, tấm phong với hình ảnh công trường vẽ đè lên trên. Tôi bắt đầu thử nghiệm vết nứt, tìm kiếm và tưởng tượng cái gì đó có thể ẩn hiện đằng sau vết nứt. Đây chính là bước đầu cho một loạt những họa phẩm tôi đặt tên là Đằng Sau Những Cảnh Tượng. Lẽ ra tôi phải thận trọng, không phải bạ ai cũng cho xem những bức tranh này. Tôi bị đuổi khỏi trường Mỹ thuật. Ở bề mặt, luôn luôn là thế giới hiện thực không sai chạy vào đâu, nhưng dưới nó, đằng sau tấm bố nứt nẻ, ẩn nấp đâu đó là cái gì khác hẳn, cái gì bí ẩn, trừu tượng."

Ngưng một lát, Sabina nói tiếp, "Ở bề mặt là lời nói dối vô cùng rõ ràng, rành rọt và bên dưới là sự thật ẩn giấu, mù mờ."

Tereza lắng nghe với sự tập trung hiếm thấy từ nét mặt bất cứ người sinh viên nào. Cô bắt đầu cảm nhận tất cả những bức tranh của Sabina, dù lúc trước hay bây giờ, đều chứa đựng tư tưởng giống nhau. Chúng là sự nhập lại của hai chủ đề, hai thế giới. Có thể nói chúng là những pô ảnh đúp. Một cảnh thổ soi sáng bởi chiếc đèn dầu kiểu xưa. Khối tĩnh vật mông lung gồm mấy quả táo, nắm hạt dẻ, và cây Nô-en nhỏ xíu thấp nển đỏ rọi chiếu hình ảnh bàn tay như muốn đâm thủng qua tấm bố.

Tereza thấy thần phục tràn ngập trong lòng và vì Sabina xem cô như bạn nên lòng thần phục hoàn toàn không chút e dè, sợ sệt. Nó mau chóng biến thành tình bạn.

Cô quên khuấy chuyện chụp ảnh cho Sabina và phải đợi Sabina nhắc cô mới sực nhớ ra. Cô rời mắt khỏi những bức tranh để thấy chiếc giường ngủ nằm ngênh ngang giữa phòng trông như bực sân khấu trình diễn kịch.

Trên mặt bàn nhỏ cạnh đầu giường có cái tượng hình đầu người, loại tượng thợ làm tóc dùng treo tóc giả. Nhưng thay vì mái tóc giả, Sabina treo ở đấy một cái mũ dạ tròn màu đen. "Mũ của ông tôi đấy." Cô vừa cười vừa nói với Tereza.

Đó là loại mũ – màu đen, cứng, tròn – Tereza chỉ thấy trên màn ảnh xi nê, loại mũ Chaplin hay đội. Cô cười với Sabina, cầm mũ lên, ngắm nghía một lúc rồi nói, "Chị muốn em chụp ảnh chị với cái mũ này không?"

Sabina cười ngất về đề nghị này. Tereza đặt mũ xuống, cầm máy ảnh lên và bắt đầu bấm.

Sau gần tiếng đồng hồ, Tereza bỗng cất tiếng, "Chị nghĩ sao về một bức ảnh khóa thân?"

"Khóa thân?" Sabina cười.

"Vâng, khóa thân." Tereza lặp lại lời đề nghị, giọng cô có phần quả quyết hơn.

"Thế thì phải khui rượu uống." Sabina đi lấy chai rượu.

Tereza cảm thấy thân thể cô yếu đuối lắm, lưỡi cô cứng đờ ra. Trong lúc đó, Sabina bước tới bước lui trong phòng, ly rượu cầm trên tay, không ngớt nói về nhân vật cô gọi bằng ông. Ông là thị trưởng một thị xã nhỏ. Sabina không hề thấy mặt ông bao giờ, tất cả những gì ông để lại là cái mũ này và tấm ảnh chụp lúc ông đứng chung với đôi ba nhân vật chức sắc khác của thị xã. Chẳng biết họ đang làm gì trong bức ảnh đó. Có lẽ họ đang tham dự một buổi lễ lạc nào hay đang khánh thành đài kỷ niệm ghi nhớ công trạng một nhân vật có thói cũng đội mũ dạ tròn trên đầu trong cá dịp hội hè, đình đám.

Sabina say sưa nói về cái mũ và ông già thị trưởng cho đến lúc uống cạn li rượu thứ ba mới chột nói, "Tôi vào trong một chút và sẽ trở ra ngay" rồi biến mất vào buồng tắm.

Cô bước ra với tấm áo choàng trên người. Tereza cầm máy ảnh lên đưa ngang tầm mắt. Sabina đưa tay mở tung chiếc áo choàng.

Với Tereza, cái máy ảnh vừa là con mắt bằng máy qua đó cô quan sát người tình của Tomas, vừa là cái màn che giấu khuôn mặt cô.

Phải mất một lúc khá lâu Sabina mới hoàn toàn cởi hẳn áo choàng. Cảnh huống có vẻ khó khăn hơn cô dự liệu. Sau vài phút, cô bước lại Tereza và nói, “Nào, bây giờ đến lượt tôi chụp ảnh cô. Cởi quần áo ra!”

Sabina nghe mệnh lệnh “Cởi quần áo ra!” không biết bao nhiêu lần từ miệng Tomas và nó ăn sâu vào tâm khảm cô. Thế là, người tình của Tomas ra lệnh cho vợ Tomas cởi quần áo ra. Hai người đàn bà thất nhau lại bằng câu nói. Đó là cách Tomas đột biến câu chuyện băng quơ với đàn bà thành phúc giây gợi tình nồng nhiệt. Thay vì mơn trớn, tăng bốc, nắn nỉ, anh buông ra mệnh lệnh như vậy. Anh buông đột ngột, không ngờ trước, tiếng nói anh nhẹ êm nhưng chắc nịch đầy quyền uy và từ khoảng cách khá xa: những lúc như thế, anh không bao giờ đụng vào người đàn bà. Anh cũng hay làm vậy với Tereza. Và mặc dù tiếng ra lệnh của anh nghe rất nhẹ, gần như tiếng thì thầm vào tai, nó vẫn là một mệnh lệnh. Tereza răm rắp nghe theo và không lần nào cô không bị kích thích. Giờ đây nghe lại câu ra lệnh, cô càng muốn tuân lời nhiều hơn. Bởi tuân lệnh người lạ là điều điên khùng đặc biệt, trong trường hợp này còn điên khùng hơn bởi mệnh lệnh đó phát xuất từ người đàn bà chứ không phải đàn ông.

Tereza trao máy ảnh cho Sabina rồi lần tay cởi quần áo. Cô đứng đó, trước mặt Sabina, hoàn toàn khóa thân và trong tay không món *vũ khí hộ thân*. Thật đúng cô bị tước đoạt mất vũ khí: cô bị tước mất cái khí cụ cô dùng để che giấu khuôn mặt mình và để chĩa về Sabina. Cô hoàn toàn nằm dưới tay Sabina. Sự quy phục diễm lệ này gây cảm giác say sưa, choáng váng trong đầu Tereza. Cô ước mong giây phút đứng trần truồng trước mặt Sabina như vậy kéo dài mãi đến vô tận.

Tôi nghĩ Sabina cũng có cảm giác kỳ diệu lạ lùng của giây phút đó: vợ người yêu mình rụt rè đứng chịu trận cách kì dị trước mặt mình. Nhưng sau khi bấm được hai ba pô ảnh, cảm giác kì diệu này làm Sabina sợ hãi, cô muốn đẩy nó đi, cô bật lên tràng cười ha hả.

Tereza cười theo, và hai người đàn bà đi mặc lại áo quần.

Tất cả tội ác của đế quốc Nga trước đây được che phủ bởi bức màn đen kín mít, tinh vi. Một triệu người Lithuania phải bỏ xứ ra đi, hàng trăm ngàn người Ba Lan bị bức hại, toàn bộ sắc dân Crimean Tatars bị tiêu diệt. Tất cả mơ hồ rơi rớt trong trí nhớ chúng ta, không hề thấy tài liệu, hình ảnh nào ghi lại. Sớm muộn người ta sẽ phủ nhận, sẽ cho đây là những chuyện hoàn toàn bịa đặt, giả trá. Cuộc xâm lăng Tiệp khắc năm 1968 không thể. Cả hình chụp lẫn phim ảnh về cuộc biến động được lưu trữ tại nhiều văn khố khắp nơi trên thế giới.

Những người cầm máy ảnh hay máy quay phim ở Tiệp Khắc nhìn ra công việc duy nhất họ có khả năng làm lúc đó là ghi nhận bộ mặt kinh hoàng này để các thế hệ mai sau biết rõ. Liên tiếp bảy ngày trời, Tereza xông xáo ngoài đường phố với chiếc máy ảnh trên tay. Lính Nga không biết phải phản ứng ra sao. Họ được huấn luyện kỹ lưỡng về cách đối phó nếu có người nổ súng hay ném đá vào họ, nhưng không hề được chỉ dạy phải đối phó ra sao trong trường hợp chìa vào mặt họ là ống kính cái máy ảnh.

Tereza chụp hết cuộn phim này sang cuộn khác và cô tìm đến trao tận tay các phóng viên ngoại quốc một nửa số phim (biên giới Tiệp vẫn mở ngỏ và các phóng viên ngoại quốc này hoan hỉ tiếp nhận bất cứ tài liệu gì.) Rất nhiều bức ảnh cô chụp lần lượt xuất hiện trên báo chí Tây phương. Xe tăng, những nắm tay đe dọa, nhà cửa cháy rụi, xác người chết phủ dưới lá cờ xanh-đỏ-trắng, cờ quốc gia Tiệp khắc. Những thanh niên cưỡi xe gắn máy xả hết tốc lực chạy vòng quanh xe tăng Nga, người ngồi yên sau phát phới lá cờ. Những cô gái trẻ tuổi mặc váy ngắn cố tình khiêu khích, trêu chọc đám lính Nga đối đàn bà lâu ngày bằng cách ôm hôn bất cứ người lạ mặt nào gần đó. Như tôi thuật, cuộc xâm lăng của Nga vào đất Tiệp không phải là một biến động thương đau; nó là cuộc hội hè đình đám của thù hận, cuộc hội hè đầy ắp nỗi khích động lạ lùng (và không sao giải thích được.)

Khi chạy sang Thụy Sĩ, Tereza đem theo chừng năm mươi tấm ảnh đặc ý nhất. Cô ôm xấp ảnh đến tòa soạn một tạp chí minh họa có số lượng phát hành khá cao. Người chủ bút tờ tạp chí đón tiếp cô khá ân cần (dân Tiệp vẫn mang hào quang giống dân xấu số và người Thụy Sĩ thì thừa thãi lòng thương hại.) Ông mời cô ngồi, giở xem xấp ảnh, cất tiếng khen ngợi đoạn giải thích vì yếu tố thời gian, biến cố ở Tiệp xảy ra khá lâu rồi nên chúng tôi không thể đăng báo giùm cô bộ ảnh này được (chứ không phải vì chúng thiếu nghệ thuật.)

“Nhưng ở Praha, sự việc đã chấm dứt đâu.” Cô phản đối và cố gắng giải thích cho ông ta nghe với vốn tiếng Đức ngữ nghèo nàn của cô rằng ngay giờ phút này, với tình trạng bị chiếm đóng, với hoàn cảnh hoàn toàn bất lợi, hội đồng công nhân vẫn đang được thành lập trong các nhà máy, sinh viên vẫn biểu tình chống đối đòi người Nga rút khỏi đất nước họ, cả nước đang lớn tiếng cho thế giới biết nguyện vọng của họ là gì. “Quả thật đó là điều không dễ tin chút nào! Vậy mà ở đây không còn ai thêm quan tâm đến nữa.”

Chợt có người đàn bà dáng dấp nhanh nhẹn bước vào phòng cắt đứt cuộc đối thoại giữa Tereza và người chủ bút một tập hồ sơ và nói: “Đây là bài phóng sự về khu bãi tắm khóa thân.”

Người chủ bút tinh tế đủ để cảm thấy e ngại một người Tiệp đi chụp ảnh xe tăng sẽ cho việc chụp ảnh khóa thân trên bãi biển là cái gì phù phiếm, vô bổ. Ông ta đặt tập hồ sơ xuống phía đầu bàn rồi nói nhanh với người đàn bà: “Xin giới thiệu cô một đồng nghiệp người Tiệp. Cô ấy chụp nhiều bức ảnh tuyệt lắm.”

Người đàn bà bắt tay Tereza rồi cầm lên xấp ảnh. “Cô xem ảnh tôi chụp xem sao.” Bà ta nói với Tereza.

Tereza khom người về phía trước, rút ra xấp ảnh từ tập hồ sơ.

Người chủ bút nói, giọng gần như xin lỗi: “Dĩ nhiên, những bức ảnh này hoàn toàn khác với ảnh cô chụp.”

“Không khác lắm đâu. Chúng đều tương tự nhau.”

Cả người chủ bút lẫn người nữ phóng viên nhiếp ảnh đều không hiểu Tereza muốn ngụ ý nói gì và ngay cả tôi cũng cảm thấy khó khăn giải thích ý tưởng đang lướt qua trong đầu cô khi cô so sánh hình ảnh bãi biển khóa thân với cuộc xâm lăng của người Nga vào đất Tiệp. Lật đến tấm ảnh chụp gia đình bốn người đứng quây thành vòng tròn, cô ngừng lại một lúc: bà mẹ trần truồng đứng nghiêng người che lấy hai đứa trẻ, cặp vú đồ sộ của bà ta chảy xuống trông như vú bò hay vú dê, ông chồng bà ta cũng đứng nghiêng người như thế ở phía bên kia, bộ phận sinh dục của ông ta trông giống đum vú một con bò cái thu nhỏ.

“Cô không thích chút nào, phải không?” Người chủ bút cất tiếng hỏi.

“Ảnh chụp đẹp lắm.”

“Cô ấy bị sốc vì hình ảnh của đề tài.” Người nữ phóng viên nhiếp ảnh nói. “Tôi đoán cô chưa hề đặt chân đến bãi biển khỏa thân nào.”

“Chưa bao giờ.” Tereza trả lời.

Người chủ bút mỉm cười: “Cô thấy không, thật dễ đoán cô là người xứ nào. Các quốc gia Cộng sản thường khắc khổ, nghiêm ngặt quá đáng.”

“Chẳng có gì sai quấy, bậy bạ về một thân hình không che đậy.” Người đàn bà nói giọng bao dung. “Đó là cái gì bình thường. Và cái gì bình thường đều đẹp đẽ.”

Hình ảnh bà mẹ trần truồng đi lại tự nhiên trong nhà chợt thoáng hiện về trong đầu Tereza. Cô có cảm tưởng vẫn nghe được tiếng cười của bà phía sau lưng khi cô chạy ào ra kéo bức màn cửa sổ để bên hàng xóm không trông thấy mẹ cô như vậy trong nhà.

Người nữ phóng viên nhiếp ảnh mời Tereza xuống phòng ăn tập thể dùng cà phê. “Ảnh cô chụp thú vị lắm. Tôi thấy cô có con mắt với thân hình người nữ. Cô biết tôi nói gì chứ. Ảnh những cô gái đáng điệu khiêu khích.”

“Những cô gái ôm hôn người lạ trước mũi xe tăng Nga?”

“Đúng đấy. Cô có triển vọng trở thành nhiếp ảnh gia thời trang thượng thặng, cô biết không? Cô cần tìm cho mình một người mẫu, một người đang cần việc làm như cô chẳng hạn. Rồi cô tự thực hiện một bộ ảnh, xong đem đến cho các tay đại diện xem. Dĩ nhiên, cô sẽ phải mất thời gian khá lâu trước khi tên tuổi cô được chú ý. Nhưng tôi có thể giúp cô ngay lúc này, ngay tại đây: để tôi giới thiệu cô với người chủ biên phụ trang vườn tược trong tờ tạp chí của chúng tôi. Ông ta chắc đang cần vài tấm ảnh xương rồng hay hoa hồng gì đó.”

“Cảm ơn bà nhiều lắm.” Tereza chân thành cảm ơn bà ta bởi hiển nhiên người đàn bà đang ngồi đối diện cô là người đầy lòng hảo tâm.

Nhưng cô tự nói với chính cô, tại sao mình phải đi chụp ảnh xương rồng. Ở Zurich cô không muốn tái diễn chặng đường cô trải qua khi còn ở Praha: chiến đấu trong việc làm, tranh đấu cho từng bức ảnh được đăng báo. Cô chẳng bao giờ có tham vọng tìm kiếm hư danh. Cô chỉ muốn thoát khỏi thế giới của mẹ cô thôi. Vâng, cô ý thức rõ ràng lắm: dù cô nhiệt tình với nhiếp ảnh đến mấy chẳng nữa cô vẫn có thể dễ dàng chuyển hướng sang bất cứ mục đích nào khác trong đời. Nhiếp ảnh chỉ là phương tiện giúp cô với lên tới “cái gì cao hơn” và giúp cô được sống bên cạnh Tomas.

“Chồng tôi là bác sĩ. Anh ấy đủ sức nuôi tôi. Tôi thấy không cần thiết phải đi chụp ảnh làm gì.”

Người nữ phóng viên nhiếp ảnh trả lời: “Tôi thấy rất uổng nếu cô bỏ ngang sau khi chụp những bức ảnh đẹp như vậy.”

Vâng, những bức ảnh ghi nhận cuộc xâm lăng là cái gì hoàn toàn khác. Cô làm không phải cho Tomas. Nó đến từ lòng đam mê. Nhưng không phải lòng đam mê nhiếp ảnh. Tình huống này chắc sẽ không bao giờ tái diễn. Và những bức ảnh này, những bức ảnh có được nhờ lòng đam mê của cô, là những bức không ai thèm công nhận vì chúng đã mất yếu tố thời gian. Chỉ xương rồng mới hấp dẫn muôn đời. Và cô thấy xương rồng chẳng thú vị chút nào.

Tereza nói: “Bà thật tốt bụng, nhưng tôi thích ở nhà hơn. Tôi thấy không cần phải đi làm.”

Người đàn bà tiếp lời: “Nhưng ngồi nhà cô thấy hài lòng không?”

“Hài lòng hơn chụp hình xương rồng.”

“Dù phải chụp hình xương rồng, cô sống đời sống trong đó cô chủ động. Nếu cô chỉ sống

cho chồng con thôi cô đâu còn đời sống của riêng cô nữa.”

Đột nhiên Tereza thấy khó chịu: “Chồng tôi là đời sống tôi chứ không phải xương rỗng.”

Người nữ phóng viên nhiếp ảnh vẫn ôn tồn: “Cô muốn nói cô là người sung sướng?”

Vẫn thấy khó chịu, Tereza trả lời: “Dĩ nhiên tôi sung sướng!”

“Hạng đàn bà duy nhất nói được câu nói đó là hạng ...” Bà ta bỗng im bặt, bỏ lửng câu nói.

“... hạn hẹp. Có phải bà muốn nói như vậy?”

Người đàn bà lấy lại tự chủ: “Không phải hạn hẹp. Lỗi thời thì đúng hơn.”

“Đúng. Chồng tôi vẫn nói về tôi như thế.” Tereza băng khuâng trả lời.

Nhưng Tomas suốt ngày cắm đầu vào công việc ở bệnh viện và Tereza thui thủi một mình ở nhà. Ít nhất cô có con chó Karenin bên cạnh, thỉnh thoảng cô dẫn nó ra ngoài đi dạo. Về nhà cô chỉ biết mài miết chúi đầu vào đồng sách vở văn phạm Đức, Pháp. Nhưng cô chỉ thấy nỗi buồn vây kín và không sao tập trung được tư tưởng. Cô miên man nghĩ đến bài diễn của Dubcek đọc trên làn sóng điện sau khi ông từ Moskva về. Mặc dù đã quên bằng nội dung bài diễn từ, cô vẫn nghe văng vẳng bên tai giọng nói run rẩy của ông. Cô vẽ ra cảnh những tên lính ngoại xâm xông vào uy hiếp và cầm tù ông, lãnh tụ một quốc gia độc lập, ngay trên mảnh đất quê hương ông rồi giam giữ ông hết bốn ngày tại nơi nào đó vùng đồi núi Ukraina, cho ông hay ông sẽ bị hành quyết – cũng như trước đó mười năm họ hành quyết lãnh tụ Imre Nagy của Hung-ga-ri – đoạn đẩy ông lên xe chở về Moskva, ra lệnh ông tắm rửa, cạo râu, thay quần áo mới, thắt cà vạt, thông báo cho ông biết về quyết định hoãn lệnh hành quyết, khuyên ông nên trở về làm lãnh tụ thêm lần nữa, ấn ông ngồi xuống ghế đối diện Brezhnev, và bắt ông diễn kịch.

Ông trở về trong nhục nhã để hiệu triệu cái xứ sở nhục nhã của ông. Ông nhục đến nỗi nói không ra hơi. Tereza không bao giờ quên những giây khắc im lặng rợn người trong bài diễn từ ông đọc. Ông mệt mỏi đến kiệt tàn hơi sức ư? Ông đang ốm đau? Ông bị thuốc? Hay đó chỉ là tuyệt vọng? Nếu chẳng có gì đáng nói tồn tại nơi con người Dubcek, ít nhất những giây khắc im lặng đến rợn người đó sẽ còn mãi mãi, những giây khắc khi ông dường như không còn khả năng hít thở, khi ông thở hổn hển trong lúc toàn thể dân chúng im lặng lắng nghe trước máy thu thanh. Những giây khắc im lặng chứa đựng nỗi kinh hoàng đã đổ chụp lên đầu người dân Tiệp.

Ngày thứ bảy của cuộc xâm lăng, Tereza ngồi nghe Dubcek đọc bài diễn từ trong phòng biên tập của tờ báo cô đang cộng tác mà chỉ qua đêm biến thành bộ phận của phong trào phản kháng. Mọi người có mặt lúc đó đều tỏ thái độ chê trách, bất bình Dubcek. Họ chỉ trích ông đã thỏa hiệp; họ thấy nhục nhã; sự yếu đuối của ông khiến họ bị xúc phạm.

Khi chạy sang Zurich và hồi tưởng những ngày giờ đó, Tereza không oán ghét ông nữa. “Yếu đuối” không có tội. Bất cứ ai phải đương đầu với sức mạnh cường cường hơn đều cảm thấy yếu đuối có lúc cô tưởng như ghê gớm khôn kham, sự yếu đuối đẩy Tereza và Tomas ra khỏi quê hương hai người. Cô thấy cô là người đứng trong hàng ngũ những kẻ yếu đuối, trong xứ sở những người yếu đuối, hơi thở hổn hển giữa những câu nói ngập ngừng, đứt quãng.

Cô bị sự yếu đuối này lôi cuốn y như căn bệnh sợ hãi độ cao từng lôi cuốn cô trước đây. Cô bị lôi cuốn bởi chính cô cũng cảm thấy yếu đuối. Một lần nữa cô bị lòng ghen tuông nung nấu và một lần nữa hai tay cô lại run lên bần bật. Khi Tomas chú ý nhận ra cô như vậy, anh lại làm cái việc anh thường làm: ôm hai tay cô trong tay rồi cố xoa dịu bằng cách siết chặt. Cô giật ra khỏi tay anh.

“Em, việc gì vậy?” Tomas hỏi cô.

“Không có gì.”

“Em muốn anh làm gì cho em?”

“Em muốn anh già đi. Già đi đến mười tuổi. Hai mươi tuổi!”

Ý cô muốn nói: Em muốn anh yếu đi. Yếu như em đây.

Karenin chẳng vui sướng chút nào khi phải di chuyển sang Thụy Sĩ. Nó ghét thay đổi. Chúng ta không thể vẽ biểu đồ thì giờ loài chó dọc theo đường thẳng; nó không tiếm tiến từ điểm này sang điểm kia. Nó chuyển động theo đường tròn như kim đồng hồ, từ tốn quay tròn, ngày này qua ngày khác trên cùng con đường. Hồi còn ở Praha, Karenin bực bội mỗi khi Tomas và Tereza mua về cái ghế mới hay di chuyển chậu hoa từ chỗ này sang chỗ khác. Ý niệm về thời gian của nó bị khuấy động như thể hai người cố tình lừa cây kim đồng hồ bằng cách đánh tráo những con số trên mặt.

Tuy vậy, chẳng bao lâu nó tái lập trật tự và tập quán cũ trong căn nhà ở Zurich. Cũng như hồi còn ở Praha, sáng sáng nó nhảy lên giường đánh thức hai người, rồi theo chân Tereza đi dạo phố mua sắm, nó cũng không quên các buổi đi dạo khác trong ngày.

Nó là thời biểu của cuộc sống hai người. Những khi tuyệt vọng, Tereza phải tự nhắc nhở hãy vì Tomas mà cố sức bám víu vào cuộc sống, vì anh yếu đuối hơn cô, có lẽ yếu hơn cả Dubcek và mảnh đất bị ruồng bỏ của hai người.

Một hôm, lúc vừa đi dạo về, trong nhà bỗng có tiếng chuông điện thoại reo vang, Tereza cầm lên hỏi ai ở đầu dây bên kia.

Cô nghe giọng đàn bà nói tiếng Đức xin nói chuyện với Tomas. Giọng cô ta có vẻ nóng nảy và Tereza cảm tưởng như có sự nhạo báng trong đó. Khi cô trả lời Tomas không có nhà và cô không rõ bao giờ anh về, người đàn bà ở đầu dây bên kia cất tiếng cười rồi cúp máy.

Tereza biết đây chẳng phải chuyện chi ghê gớm. Có thể đó chỉ là người nữ y tá ở bệnh viện, hay một bệnh nhân, một cô thư kí, bất kỳ ai. Nhưng cô vẫn bực dọc và không tài nào tập trung tư tưởng làm việc khác. Đến đây cô nhận ra cô đã mất luôn chút sinh lực cuối cùng rơi rớt hồi còn ở quê nhà: cô hoàn toàn không có khả năng dung thứ câu chuyện tuyệt đối tầm thường còn con như vậy.

Sống trên mảnh đất xa lạ nghĩa là đi trên dây giăng cao cách xa mặt đất mà không có lưới đỡ bên dưới, cái lưới đỡ chính là nơi chốn con người có gia đình, bằng hữu, đồng nghiệp, nơi con người có thể dễ dàng nói điều mình muốn nói bằng ngôn ngữ quen thuộc từ thuở ấu thơ. Ở Praha, cô chỉ tùy thuộc Tomas trong những vấn đề tình cảm, liên quan đến quả tim; ở đây cô tùy thuộc anh tất cả. Mai kia, giả như anh ruồng rẫy cô thì cô sẽ ra sao? Cô phải sống suốt đời trong nỗi ám ảnh lo sợ có ngày mất Tomas sao?

Cô nhủ thầm: Sự quen biết giữa hai người dựa trên sai lầm ngay từ lúc ban đầu. Quyển sách *Anna Karenina* cô kẹp dưới nách là giấy tờ giả mạo; nó khiến Tomas có ý tưởng không đúng về cô. Dù yêu thương nhau nhưng hai người biến đời nhau thành địa ngục. Sự kiện hai người có tình yêu cho nhau chỉ là bằng chứng lỗi lầm không ở hai người, không ở thái độ cư xử nhau hay sự thất thường của cảm xúc. Lỗi lầm đó bắt nguồn từ sự tương khắc giữa hai người: Tomas cứng cỏi, mạnh mẽ còn Tereza yếu đuối, mềm mại. Cô giống Dubcek, người phải ngưng đến ba

mười giây đồng hồ trong một câu nói; cô giống cái xứ sở của cô, cái xứ sở nói lắp bắp, thở hổn hển, và không sao thốt lên nổi một câu nói tầm thường.

Nhưng khi người mạnh mẽ quá yếu đuối khiến người yếu đuối đau đớn thì người yếu đuối phải mạnh mẽ lên để cất bước giã từ.

Và sau khi tự nói với mình tất cả những điều này, Tereza dí sát mặt vào cái đầu bù xù của con chó Karenin: “Rất tiếc Karenin ạ. Dường như mày lại phải di chuyển thêm lần nữa.”

Ngồi nép mình vào góc buồng toa xe lửa với chiếc va li nặng trĩu nhét trên hộc và con Karenin kẹp giữa hai chân, cô không ngớt suy nghĩ về gã đầu bếp tiệm ăn khách sạn nơi cô làm việc trong thời gian còn chung sống với bà mẹ. Gã đầu bếp không bỏ lỡ cơ hội nào vỗ lên phần sau của cô và không bao giờ chán miệng hỏi cô cách thật nham nhở trước mặt mọi người là bao giờ cô mới chịu lên giường với gã. Kể cũng kì lạ gã lại là người cô liên tưởng đến trong lúc này. Từ hồi nào, gã vẫn là thí dụ cho cái gì cô khinh miệt, ghê tởm nhất. Giờ đây cô chỉ biết ngược mặt lên hướng nhìn về phía gã và nói: “Anh thường nói anh muốn ngủ với tôi. Thì đây, tôi đây.”

Cô muốn làm cái gì ngăn chặn, không cho cô quay về Tomas. Cô mong nhìn thấy chính tay mình đập phá bảy năm trời vừa trôi qua cuộc đời cô. Nó là căn bệnh sợ hãi độ cao. Một cảm giác mãnh liệt, không sao chế ngự nổi, cảm giác mong muốn rơi ngã xuống.

Chúng ta còn có thể gọi bệnh sợ độ cao là sự chìm đắm trong nỗi say sưa của kẻ yếu. Biết ra nhược điểm của mình, hấn bó tay chịu thua chứ không chống trả. Hấn say đắm với sự yếu đuối, mong yếu hơn nữa, mong rơi xuống ngay trung tâm thành phố trước mắt mọi người, mong xuống thấp hơn, thấp hơn cả tận cùng bên dưới.

Cô cố tự thuyết phục sẽ thu xếp dọn về sinh sống nơi nào đó ngoài Praha và từ bỏ luôn nghề nhiếp ảnh. Cô dự định quay về cái tỉnh lị nhỏ bé nơi tiếng gọi của Tomas có thời quyền rũ mời gọi cô.

Nhưng khi về Praha cô phải dùng thì giờ giải quyết đôi ba việc vặt vãnh và cứ phải lần lượt trì hoãn chuyện di chuyển.

Ngày thứ năm từ hôm cô quay về, Tomas thành linh xuất hiện. Karenin nhẩy chồm lên người anh và vì vậy phải mất lúc khá lâu hai người mới rảnh tay chào đón nhau.

Hai người có cảm tưởng như đang đứng trên cánh đồng tuyết, thân thể run rẩy vì giá lạnh.

Đoạn hai người tiến lại nhau như những người tình chưa bao giờ biết hôn.

“Mọi việc yên ổn cả chứ?” Anh hỏi.

“Vâng.”

“Em ra tòa báo chưa?”

“Em có gọi điện thoại.”

“Rồi sao?”

“Không có gì cả. Em vẫn đang chờ.”

“Em chờ gì?”

Cô không trả lời Tomas cô đang chờ cái gì. Cô không thể bảo anh cô vẫn chờ đợi ngày anh quay về.

Bây giờ hãy trở lại thời điểm chúng ta đã biết qua. Tomas sầu thảm đến tuyệt vọng và bao tử anh nhói lên từng cơn đau đớn. Đêm nào anh cũng mất ngủ.

Tomas ngủ được một lát thì Tereza thức giấc. (Máy bay Nga vùn vủ bay lượn trên bầu trời Praha và không ai có thể yên giấc vì tiếng động.) Vì cô anh quay về. Đó là ý tưởng hiện đến trước hết trong đầu Tereza khi Tomas trở về. Vì cô anh thay đổi định mệnh đời anh. Anh không còn trách nhiệm gì với cô nữa; trách nhiệm đó giờ đây ở phía cô.

Cô thấy tinh thần trách nhiệm này dường như đòi hỏi sức mạnh quá mức nơi cô.

Nhưng thốt nhiên cô nhớ ra trước ngày anh xuất hiện tại ngưỡng cửa căn nhà, chuông nhà thờ bỗng đổ sáu tiếng. Hôm hai người gặp nhau lần đầu, ca làm của cô tan vào lúc sáu giờ. Cô thấy anh ngồi xa xa trên chiếc ghế dài màu vàng đối diện cô và cô nghe chuông nhà thờ đổ sáu tiếng.

Không, đây không phải là lòng mê tín dị đoan, nó là cái cảm quan thẩm mỹ cứu vớt cô khỏi nỗi chán chường tuyệt vọng và thâm nhập, tiêm nhiễm vào cô ý chí mới mẻ cho cô sống tới. Đàn chim của ngẫu nhiên lần nữa lại đáp xuống đậu trên vai cô. Hai mắt cô nhòe đi và cô thấy tràn ngập nỗi sung sướng không sao diễn tả được khi nghe tiếng thở đều đặn của Tomas bên cạnh mình.

PHẦN BA

những từ ngữ bị hiểu sai

Geneva là thành phố có những bồn phun nước lớn nhỏ, những công viên nơi có thời vang lừng tiếng nhạc. Ngay cả khu trường đại học cũng nằm khuất sau những lùm cây. Franz vừa dạy xong lớp học chiều. Lúc anh bước chân ra khỏi giảng đường, vòi phun nước đang thi nhau bắn lên không trung những cột nước trắng bạc tưới xuống thảm cỏ xanh. Lòng anh rộn rã niềm vui. Anh đang trên đường đến thăm cô nhân tình anh ở cách đó vài con đường.

Anh ghé nhà cô luôn, nhưng khi đến anh tự cho mình đóng vai trò người bạn chứ không phải người tình. Bởi nếu anh làm tình với cô nơi phòng vẽ cô ngay tại Geneva này hóa ra anh là người đàn ông đi từ vợ sang nhân tình rồi về với vợ, trong cùng một ngày sao. Thêm nữa, ở Geneva vợ chồng ngủ với nhau theo kiểu Pháp, tức là chung một giường, anh biến thành gã đàn ông bò từ giường người đàn bà này sang giường người đàn bà khác trong khoảng thời gian vón vện vài tiếng đồng hồ. Anh thấy điều đó xúc phạm cả vợ lẫn tình nhân, cuối cùng cả anh nữa.

Hai người yêu nhau được mấy tháng. Tình yêu anh dành cho cô quý giá đến độ anh cố tạo riêng cho nó chỗ đứng độc lập trong đời sống anh, một vùng đất tinh khiết được bao che chặt chẽ, trong đó anh cất giấu hình ảnh cô. Anh thường được mời đi diễn thuyết tại các trường đại học nước ngoài và khác với đạo trước, anh không từ chối bất cứ lời mời nào. Thế vẫn chưa đủ, anh còn bịa ra những cuộc hội nghị, những phiên họp tưởng tượng để kiếm có vãng nhà. Cô nhân tình của anh, không bị ràng buộc bởi việc làm, có mặt bên cạnh anh trong tất cả những lần đi nói chuyện đó, những buổi diễn thuyết có thật cũng như do anh tưởng tượng. Thế là, chỉ sau thời gian ngắn ngủi, anh đưa cô đi thăm rất nhiều thành phố Âu châu và một thành phố Mỹ châu.

"Mười hôm nữa em đi Palermo với anh nhé." Anh bảo cô

"Em thích Geneva hơn." Cô trả lời, mắt vẫn chăm chú xem xét bức tranh đang vẽ dở.

"Không đi Palermo mà em sống được à?" Franz hỏi lại, cố gắng tạo không khí vui tươi.

"Em biết Palermo rồi."

"Em biết rồi?" Giọng anh đượm chút ghen tuông.

"Một người bạn có lần đi Palermo gửi cho em tấm bưu thiếp. Em dán nó trên toa-lét, anh không thấy sao?"

Rồi cô kể anh nghe câu chuyện: "Hồi xưa hồi xưa, vào khoảng đầu thế kỷ, có người thi sĩ già. Ông già đến nỗi người môn đệ phải xốc nách đỡ ông lên mỗi khi ông bước chân ra ngoài. Một hôm, người môn đệ nói: 'Ô kìa, thầy! Nhìn lên trời mà xem. Lần đầu tiên có phi cơ bay trên thành phố.' Cụ già không buồn ngẩng đầu lên, mắt vẫn nhìn xuống đất, trả lời người môn đệ: 'Thầy có hình của nó rồi.' Em có bức hình thành phố Palermo. Nó cũng có chừng đó khách sạn

và chừng đó xe cộ như tất cả những thành phố khác. Và phòng vẽ của em luôn luôn có những bức hình mới lạ."

Franz thấy buồn bã. Anh đã quen với cách ràng buộc liên hệ tình cảm của hai người bằng những chuyến du lịch ra nước ngoài, đến nỗi câu nói "Chúng ta đi Palermo đi!" thật ra chỉ là gợi ý "Chúng ta hãy làm tình đi!" và câu trả lời "Em thích Geneva hơn" chỉ có thể chứa đựng ngụ ý: cô hết ham muốn anh rồi.

Tại sao anh cảm thấy bất an đến vậy? Đã có tín hiệu nào khiến anh phải lo sợ đâu! Sự thật, chính cô là người tấn công anh trước, ngay sau khi hai người gặp gỡ nhau lần đầu. Nhân dáng, mặt mũi anh dễ nhìn. Anh lại có địa vị rất cao trong nghề nghiệp. Đồng nghiệp anh ai cũng phải e dè tính khí cao ngạo cũng như vẻ tự tin đến chắc nịch toát ra từ con người anh vào những dịp hội họp giữa những nhân vật trong giới. Nếu vậy tại sao anh mang canh cánh trong lòng mối lo âu hằng ngày cô nhân tình anh đang sắp sửa từ bỏ anh.

Tôi chỉ có thể giải thích, với Franz, tình yêu không phải là phần nổi dài đời sống xã hội, mà cái gì hoàn toàn tương phản. Có nghĩa tình yêu là lòng mong muốn được quy phục dưới gót chân người tình. Kẻ quy hàng làm tù binh phải nộp luôn vũ khí. Và vì bị tước đoạt mất khả năng tự vệ dùng chống trả cú đánh phủ đầu, hẳn không tránh được mối lo sợ thường xuyên không biết lúc nào cú đánh đổ ụp xuống. Đó là lý do tại sao tôi dám đoán chắc, với Franz, tình yêu đồng nghĩa với sự chờ đợi cú đánh chí tử từ trên đổ xuống đó.

Trong lúc Franz thờ người ra với cơn buồn bực, người đàn bà buông cộ vẽ xuống và khuất mình sau gian phòng bên cạnh. Cô trở ra với chai rượu trên tay. Cô khui rượu, không nói không rằng, rót ra ly cho hai người.

Ngay lập tức, Franz thở ra nhẹ nhõm và anh thấy hơi khô hài. Câu nói "Em thích Geneva hơn" không có nghĩa cô từ chối, không chịu làm tình với anh nữa, ngược lại, nó ngụ ý cô chán cảnh phải giới hạn chỉ được yêu nhau tại các thành phố nước ngoài.

Cô đưa ly rượu lên môi uống cạn. Franz làm theo cô. Dĩ nhiên, anh thấy sung sướng vô cùng vì lời từ chối đi Palermo của cô thật ra là lời kêu gọi tình yêu, nhưng anh lại vẫn vương lo lắng mối lo khác: cô nhân tình của anh dường như sẽ quyết liệt vi phạm vùng đất tinh khiết do anh tạo dựng ra cho mối liên hệ giữa hai người; cô không chịu hiểu giùm anh những cố gắng anh lúng túng làm chỉ vì anh muốn tình yêu hai người bớt vô vị, nhàm chán và tách biệt nó khỏi ngôi nhà hôn nhân của anh.

Thái độ tự trói buộc mình không làm tình với cô ở Geneva thật ra chỉ là hình thức Franz tự trừng phạt mình về tội đã kết hôn với người đàn bà khác. Anh mang trong người mặc cảm có điều gì đó tội lỗi hay không toàn vẹn. Mặc dù chuyện chăn gối giữa hai vợ chồng anh thật tình chẳng có gì đáng nói, anh vẫn ngủ chung giường với vợ, nửa đêm vẫn thức giấc giữa hơi thở nặng nề của nhau và hít vào phổi mùi vị, hơi hướm trên thân thể nhau. Đúng, anh muốn ngủ riêng giường, nhưng chiếc giường hai người nằm chung vẫn là biểu tượng của ràng buộc trong hôn nhân và như chúng ta biết, cái gì là biểu tượng rồi dễ trở nên bất khả xâm phạm.

Mỗi lần nằm bên cạnh vợ trên chiếc giường đó, trong đầu anh lại nảy lên ý nghĩ cô nhân tình anh chắc đang tưởng tượng ra cảnh anh đang nằm cạnh vợ như vậy, và lần nào anh cũng thấy xấu hổ với chính mình. Đó là lý do tại sao anh muốn tách rời chiếc giường anh nằm ngủ chung với vợ ra thật xa, càng xa càng tốt, chiếc giường anh làm tình với người đàn bà họa sĩ, nhân tình của anh.

Người đàn bà rót thêm ly rượu nữa. Cô cạn ly rồi vẫn trong im lặng và với vẻ dửng dưng đến kỳ lạ, như thể quên hẳn sự có mặt của Franz ở đó, cô từ tốn đưa tay lên cởi áo ngoài. Cô hành động như người sinh viên kịch nghệ đang tập diễn trong lớp học để cả lớp phải tin cô đang một mình trong lớp và không ai nhìn thấy cô.

Cô đứng đó, trên người chỉ còn bộ quần áo lót. Đột nhiên (như chợt nhớ ra Franz đang có mặt), cô giương mắt nhìn anh trân trân.

Anh hoàn toàn không hiểu nổi cái nhìn. Nó làm anh bối rối. Tất cả những người yêu nhau, dù không chủ ý, thường tự bày cho mình những lễ thói trò chơi tình ái mà ngay từ giai đoạn đầu đã không để bất cứ điều gì vượt qua lần ranh giới hạn. Cái nhìn cô đang dán lên người Franz không có trong những lễ thói trò chơi tình ái đó; nó không giống bất cứ cái nhìn, bộ tịch nào hai người thường có trước khi làm tình. Nó không mang vẻ khiêu khích hay bốn cợt; nó mang một dấu hỏi, như đang thắc mắc điều gì vậy thôi. Vấn đề là Franz không hề biết ý niệm mơ hồ nào đó đang hỏi han điều gì.

Kể đó, cô nhắc chân ra khỏi chiếc áo ngoài, nắm tay Franz và kéo anh đến đứng trước tấm gương lớn treo trên tường. Vẫn nắm tay người đàn ông, cô nhìn vào gương, vẫn cái nhìn như muốn tra vấn điều gì, thoát đầu nhắm vào chính cô rồi quay sang Franz.

Gần tấm gương lớn dựng giá treo tóc giả, trên giá treo một cái mũ dạ tròn màu đen cũ kỹ. Cô cúi xuống, cầm mũ đội lên đầu mình. Hình ảnh trong gương lập tức biến đổi: hình ảnh người đàn bà trong bộ quần áo lót, kiều diễm nhưng xa lạ và cách biệt, đầu đội cái mũ dạ tròn trông lạc lõng đến thảm thương, tay nắm tay người đàn ông cổ cùn cà vạt, com lê xám.

Một lần nữa anh lại mỉm cười cho sự ngu ngốc của mình không sao hiểu nổi tâm lý cô nhân tình. Cô cởi áo ra không phải để lăng lơ gợi tình mà như để diễn xuất trong vở tuồng cồng kềnh kỳ quặc, một tiết kịch chỉ có hai người. Anh nở rộng nụ cười rạng rỡ ra vẻ thông hiểu và chấp thuận. Anh đợi chờ từ cô một cử chỉ dịu dàng, nhưng cô làm như không biết. Vẫn nắm tay anh, cô đứng yên nhìn vào gương, trước nhìn vào chính mình sau quay sang anh.

Giờ khắc qua đi. Franz bắt đầu cảm thấy pha tuồng (mà anh thấy vui vui nghĩ nó không đến nỗi quá vô duyên) kéo dài quá lâu. Anh sẽ sàng đưa hai ngón tay lên kẹp vành mũ rồi nhắc nó khỏi đầu cô, miệng vẫn mỉm cười, anh đặt nó trở lại chỗ treo tóc giả. Anh hành động như thể đang cố bôi xóa vết đen do đứa trẻ tinh nghịch nào vẽ râu lên hình Đức Mẹ Đồng Trinh Maria.

Cô giữ người bất động thêm vài giây nữa, mắt vẫn chăm chú nhìn vào gương. Franz phủ lên người cô những nụ hôn mơn trớn. Anh lặp lại đề nghị ban nãy rủ cô mười hôm nữa đi Palermo với anh. Lần này cô ừ, không hỏi han vặn vẹo gì và anh từ giả cô ra về.

Anh lại thấy lòng mình tràn ngập niềm vui. Thành phố Geneva, suốt đời anh nguyên rủa là thành phố buồn thiu, bữa nay bỗng trở nên đẹp đẽ và đầy ắp những cuộc phiêu lưu. Lúc bước xuống đường, anh ngoảnh cổ ngược đầu lên nhìn khung cửa sổ rộng của căn phòng. Cửa sổ che nắng bằng những tấm bạt sọc. Franz tản bộ về phía công viên. Xa xa, nóc vòm ngôi nhà thờ Chính thống giáo màu vàng chéo nhô lên như hai quả đạn đại pháo giát vàng treo lơ lửng giữa không trung nhờ quyền năng vô hình nào đó. Cảnh vật đẹp đẽ. Anh đi về phía bờ hồ, đáp chuyến tàu đưa anh ngược lên hướng bắc nơi anh cư ngụ.

Còn lại một mình trong phòng, Sabina quay lại đứng trước gương, trên người cô vẫn còn nguyên bộ quần áo lót. Cô đội lại lên đầu cái mũ dạ tròn đoan ngấm nghĩa mình trong gương rất lâu. Cô kinh ngạc vô cùng khi nhớ lại từng đó năm tháng cô bỏ ra theo đuổi, tìm kiếm một giấy khắc đã mất.

Nhiều năm về trước, có lần đến phòng vẽ thăm cô, Tomas bị cái mũ thu hút. Nó kích thích trí tưởng tượng của anh. Anh đội mũ lên đầu rồi nhìn vào gương, cũng tấm gương lớn treo trên tường như tấm đang treo trong gian phòng ở Geneva này. Anh muốn xem bộ dạng, nhân dáng anh ra sao nếu anh là viên thị trưởng của thế kỷ mười chín. Lúc Sabina cởi quần áo, anh đặt cái mũ lên đầu cô. Hai người đứng trước gương (họ luôn luôn đứng trước gương khi Sabina cởi quần áo) đoạn nhìn vào chính mình. Cô chỉ còn bộ quần áo lót trên người, và cái mũ dạ tròn. Đột nhiên, cả hai người bị kích thích bởi hình ảnh trong gương.

Cái gì khiến hai người bị kích động như vậy? Khoảnh khắc trước đó, cái mũ chỉ là trò đùa không hơn không kém. Phải chăng sự kích động thật ra chỉ là bước nhỏ đến từ nỗi nực cười?

Vâng, đúng thế. Lúc hai người thoát nhìn nhau trong gương, cô chỉ trông thấy cảnh tượng hoạt kê, buồn cười. Nhưng đột nhiên, buồn cười biến thành khích động: cái mũ dạ tròn không còn là trò đùa nữa; nó mang ý nghĩa bạo hành, sự bạo hành quất lên người Sabina, xúc phạm phẩm tiết đàn bà của cô. Cô thấy đôi chân trần trụi của mình và mảng tam giác trái cấm hiện rõ dưới làn vải mỏng. Bộ quần áo lót làm cô tăng vẻ kiêu diễm đầy nữ tính trong khi cái mũ thô cứng đầy nam tính lại cố tình chối bỏ điều đó, nó vi phạm và chế giễu nét đàn bà của cô. Sự việc Tomas quần áo chỉnh tề đứng bên cạnh mang ý nghĩa hai người không có ý muốn tìm kiếm trò chơi vui đùa thuần túy (giả như Tomas đang đùa nghịch anh đã tự cởi quần áo và đội lên đầu cái mũ tương tự.) Đúng hơn, nó là sự nhục mạ. Thay vì tỏ sự khinh thị, không thèm đẽm xỉa, Sabina lại cố tình khiêu khích, như thể đang tự hiến dâng thể xác để được công khai hãm hiếp. Và đột nhiên, không cưỡng được thèm muốn, cô kéo Tomas nằm xuống sàn nhà. Cái mũ lăn long lóc dưới gầm bàn, hai người ôm nhau lăn lộn trên thảm ngay bên dưới tấm gương.

Nhưng chúng ta hãy trở lại với cái mũ dạ tròn:

Thứ nhất, cái mũ mơ hồ nhắc nhở về tổ phụ Sabina, viên thị trưởng cái thị trấn Bohemia nhỏ bé vào thế kỷ mười chín.

Thứ hai, cái mũ là kỷ vật của cha Sabina để lại. Sau đám tang cha, người anh trai tìm cách chiếm đoạt hết của cải cha mẹ để lại, và cô, với vẻ khinh bỉ ra mặt, không thèm tranh chấp đòi hỏi thứ gì, còn tuyên bố cách nhạo báng là gia tài cha mẹ để lại, cô chỉ lấy cái mũ dạ tròn.

Thứ ba, nó là món vật cô dùng trong những trò chơi tình ái với Tomas.

Thứ tư, nó là biểu tượng cái gì đó rất riêng tư cô cố tình xây đắp bấy lâu nay. Khi lìa bỏ quê

hương, cô chỉ được quyền đem theo rất ít đồ đạc vật dụng tùy thân, và cô ôm theo cái mũ kèn càng, hết sức vô dụng này có nghĩa cô phải bỏ lại những thứ khác thực dụng hơn.

Nhưng rồi điều cô không hề trù liệu xảy ra: cái mũ không đượm vẻ thân nhiên, vô hại hay mời mọc, khiêu khích nữa, nó thành món vật kỷ niệm của thời quá khứ. Cả hai người đều bị xúc động. Họ làm tình với nhau như thể lần đầu tiên nằm chung giường. Đây không phải là lúc cho những trò chơi dâm dật, bởi lần gặp gỡ này không phải là sự nối tiếp những buổi hẹn hò tình ái của hai người mà mỗi lần gặp gỡ là một cơ hội nghĩ ra trò chơi hư đốn nho nhỏ nào đó. Lần gặp gỡ này là tiếng gọi nhớ thời gian, là bản thánh ca về quá khứ của hai người, là cái gì rất tình cảm tóm lược câu chuyện không tình cảm và đã tan biến ở khoảng cách xa xôi lắm.

Cái mũ là mô-típ của khúc nhạc đời Sabina. Nó quay về mãi, mỗi lần với một ý nghĩa khác nhau, và tất cả những ý nghĩa khác nhau đó tuôn chảy qua cái mũ như dòng nước tuôn chảy qua sông. Tôi có thể gọi cái mũ là dòng sông của Heraclitus ("Bạn không thể bước hai lần xuống cùng một dòng sông"): cái mũ là lòng sông qua đó Sabina mỗi lần mỗi thấy một dòng sông khác chảy qua, *dòng sông ý nghĩa* khác: mỗi lần cũng món đồ vật đó đem đến một ý nghĩa khác, mặc dù tất cả những ý nghĩa cũ cộng hưởng (như tiếng dội, một loạt những tiếng dội) hòa nhập vào ý nghĩa mới. Mỗi lần như thế, một cuộc nghiệm sinh mới lại vang lên, hòa nhập vào nhau khiến bản hòa âm càng thêm phong phú. Khi Tomas gặp lại Sabina ở Zurich trong căn phòng khách sạn, hình ảnh cái mũ gây nên mối xúc động vô cùng lớn lao và làm hai người làm tình với nhau gần như trong nước mắt. Đó là sự hiện hữu đen tối của cái mũ không những chỉ nhắc nhở hai người về trò chơi tình ái lúc trước, nó còn là kỷ niệm thân quý của cha Sabina, của tổ phụ cô, những người sống vào thế kỷ không có xe cộ, tàu bay.

Giờ đây, có lẽ chúng ta hiểu rõ hơn hồ thủy ngăn cách Sabina và Franz: anh hăm hờ lắng nghe chuyện đời cô và ngược lại cô cũng hăm hờ lắng nghe chuyện đời anh, nhưng mặc dù hai người thấu hiểu mọi ý nghĩa hợp lý của từng từ ngữ trao đổi, họ hoàn toàn thất bại trong việc nghe ra tiếng thầm thì của dòng sông chảy qua họ.

Và khi cô đội cái mũ dạ tròn lên đầu trước mặt anh, Franz cảm thấy ngượng nghịu, như thể có người nói với anh bằng thứ ngôn ngữ anh hoàn toàn không hiểu. Hành động cô không có tính cách dâm dật cũng không vì tình cảm, nó chỉ là động tác anh không thấu hiểu và vì thế anh dâm ra ngượng nghịu.

Khi con người còn tương đối trẻ trung và khúc nhạc đời sống họ còn ở những trường canh vừa khai mở, họ dễ dàng nhập vào và trao đổi những mô-típ (như Tomas và Sabina trao đổi mô-típ cái mũ dạ tròn), nhưng khi họ gặp nhau lúc già nua hơn, như Franz và Sabina, khúc nhạc ít nhiều đã đầy đặn, và mỗi mô-típ, mỗi vật thể, mỗi từ ngữ đều mang ý nghĩa riêng tư.

Nếu tôi thực hiện bản văn ghi lại những cuộc đối thoại giữa Franz và Sabina, rất có thể tôi sẽ sưu tập được bộ từ vựng dày cộm những hiểu lầm giữa hai người. Nhưng thay vào đó, chúng ta hãy tạm hài lòng với một quyển ngăn ngăn.

Quyển từ điển ngăn những từ ngữ bị hiểu sai

ĐÀN BÀ

Làm đàn bà là định mệnh Sabina không có chọn lựa. Cái gì chúng ta không được chọn lựa chúng ta không thể xem đó là công trạng hay thất bại. Sabina tin tưởng cô phải chấp nhận thái độ đúng đắn về cái định mệnh cô không có chọn lựa đó. Với cô, phản kháng hay hãnh diện vì sinh ra làm đàn bà đều mang tính cách ngu xuẩn như nhau.

Trong lần gặp gỡ khi mới quen, Franz nói với cô, giọng nhấn mạnh hơi bất thường: "Sabina, em là một người đàn bà." Cô không hiểu tại sao anh lại nhấn mạnh một sự kiện hiển nhiên đó với vẻ trang trọng của Kha Luân Bố khi nhìn thấy đất liền. Mãi về sau cô hiểu ra từ ngữ "đàn bà" khi được nhấn mạnh bất thường như thế, dưới mắt anh, không phải chỉ dùng để phân biệt hai phái tính con người; nó mang biểu tượng một giá trị. Không phải bất cứ đàn bà nào cũng được gọi là đàn bà.

Nhưng nếu dưới mắt Franz, Sabina được gọi là đàn bà thì Marie-Claude, vợ anh, là gì? Hơn hai mươi năm trước, sau vài tháng quen nhau, Marie-Claude dọa tự tử nếu Franz không chịu cưới cô. Franz như bị bỏ bùa vì lời đe dọa này. Anh không yêu thương Marie-Claude gì cho lắm, nhưng tình yêu của cô làm anh xúc động. Anh thấy mình chẳng đáng hưởng tình yêu cao cả như thế, anh cảm thấy thấp kém trước mặt cô.

Anh thấp kém đến độ anh lấy cô làm vợ. Và mặc dù cảm xúc cuồng nhiệt toát ra từ Marie-Claude khi cô dọa tự tử không bao giờ tái hiện, anh vẫn ghi giữ trong tim ấn tượng đó với ý nghĩ không bao giờ anh được quyền làm cô đau khổ và anh phải luôn luôn tôn trọng cái nữ tính trong người cô.

Đây quả là công thức đặc biệt. Không "tôn trọng Marie-Claude," nhưng "tôn trọng cái nữ tính trong Marie-Claude."

Nhưng nếu Marie-Claude chính thị là đàn bà, người đàn bà khác ẩn núp trong cô là ai? Người anh luôn luôn tôn trọng? Có lẽ một khuôn mẫu đàn bà theo lý tưởng Plato chăng?

Không đâu. Khuôn mẫu đó chính là bà mẹ Franz. Chưa bao giờ anh phải nói anh tôn trọng người đàn bà trong mẹ anh. Anh sùng bái mẹ anh chứ không phải người đàn bà nào khác trong đó. Mẹ anh và khuôn mẫu đàn bà theo lý tưởng Plato là một.

Năm anh mười hai tuổi, bà bỗng nhiên bơ vơ sau khi cha anh bỏ vợ con đi mất tiêu. Cậu bé nghi có điều gì nghiêm trọng xảy ra, nhưng bà mẹ trấn an cậu bằng những lời lẽ bình thường. Hôm người cha bỏ đi, bà mẹ Franz dắt cậu xuống phố chơi, và lúc hai mẹ con ra khỏi nhà, Franz để ý thấy mẹ mình hai chân đi hai chiếc giày khác nhau. Cậu thấy bối rối, khó xử hết sức:

cậu muốn chỉ cho mẹ thấy sự nhầm lẫn của bà nhưng lại sợ làm bà đau lòng. Thế là, trong suốt hai tiếng đồng hồ dạo phố, cậu dán mắt vào đôi chân bà mẹ. Đó là lần đầu tiên trong đời cậu ý thức đau khổ là gì.

CHUNG THỦY VÀ BỘI PHẢN

Franz yêu thương mẹ từ khi anh còn là đứa trẻ cho đến ngày anh đưa bà ra nghĩa trang; anh cũng yêu thương bà trong tâm tưởng anh. Tình thương đó khiến anh tin tưởng lòng chung thủy phải có chỗ đứng rất cao trọng trong các đức tính: nhờ có lòng chung thủy, đời sống mới liên lạc thành một mối, nếu không chắc nó vỡ tan thành trăm nghìn mảnh ấn tượng vụt thoáng qua trong tích tắc.

Franz thường kể Sabina nghe về mẹ anh, có lẽ với duyên do bí mật nào đó nằm tận cùng vô thức anh: anh định ninh Sabina sẽ thấy đẹp lòng vì anh là người đàn ông chung thủy và nhờ đó anh chiếm được cảm tình của cô.

Nhưng anh đâu biết Sabina là người đàn bà bị lôi cuốn bởi lòng bội phản nhiều hơn là chung thủy. Từ ngữ "chung thủy" làm cô nhớ đến cha cô, người đàn ông đạo hạnh, thanh khiết sống nơi tỉnh nhỏ, dùng trọn ngày chủ nhật vẽ vờn cảnh chiều tà lên bố vải hay tô điểm hình hoa hồng lên bình sứ. Nhờ ông, Sabina bắt đầu biết vẽ khi còn thơ ấu. Năm cô mười bốn tuổi, cô đem lòng yêu thương một cậu trai cùng trang lứa. Cha cô hãi sợ đến nỗi ông ra lệnh nghiêm cấm, không cho cô một mình ra khỏi nhà suốt năm trời. Một hôm, ông cho cô xem đôi ba bức pho bản tranh Picasso kèm theo những lời phê bình giễu cợt.

Nếu cô không được phép yêu cậu học trò mười-bốn-tuổi, ít nhất cô có quyền yêu tranh lập thể. Học xong, cô lên Praha với cảm giác yêu đời cuối cùng cô quay lưng bội phản chính gia đình cô.

Bội phản. Từ thừa bé thơ non nớt, chúng ta được cha ông và thầy cô dạy dỗ lên án bội phản là hành vi xúc phạm tàn bạo nhất. Nhưng bội phản là gì? Bội phản là phá vỡ mọi nề nếp và đi về nơi vô định. Với Sabina, không có gì tuyệt vời hơn nếu cứ cất bước đi mãi về nơi vô định.

Khi còn là sinh viên trường Mỹ thuật, cô không được phép vẽ như Picasso. Đó là thời kỳ cái gọi là hiện thực xã hội được quy định và nhà trường sản xuất toàn chân dung những chính khách Cộng sản. Sabina mong thực hiện được hành vi bội phản cha mình nhưng cô chưa toại nguyện: Chủ nghĩa Cộng sản là người cha khác, người cha khó khăn và kìm kẹp không kém, người cha cấm cô không được yêu thương (thời của đạo hạnh), và ngay cả Picasso cô cũng không được phép lại gần.

Và cô lập gia đình với một anh diễn viên hạng nhì chỉ vì anh ta nổi tiếng là người lập dị nhưng được cả hai người cha chấp nhận.

Rồi mẹ cô qua đời. Hôm trở lại Praha sau đám tang mẹ, cô nhận được điện tín báo tin cha cô cũng đã tự sát giữa nỗi khổ đau cùng cực.

Đột nhiên lương tâm cô quặn xé lên đau đớn: cha cô vẽ bông hồng lên bình sứ và ghét Picasso, điều đó có thật khiếp đảm lắm không? Có thật đáng trách nếu ông hãi sợ cô con gái mười bốn tuổi có ngày vác bụng bầu về nhà? Có thật đáng chê cười nếu ông không thể tiếp tục sống trên cõi đời sau khi người vợ mình về bên kia thế giới?

Một lần nữa, cô cảm thấy lòng mình như nung nấu muốn làm một hành vi bội phản: bội phản chính sự bội phản. Cô bảo người chồng (người giờ đây cô xem như gã say khó chịu chứ không còn là kẻ lập dị nữa) cô sẽ chia tay gã từ gã.

Vì B. chúng ta bội phản A. rồi lại bội phản B. Điều này không có nghĩa chúng ta sẽ làm lành xoa dịu A. Cuộc sống một họa sĩ ly dị chồng không hề giống cuộc sống cha mẹ cô mà cô đã bội phản. Sự bội phản lần thứ nhất không thể hàn gắn. Nó tiên khởi cho chuỗi phản ứng những bội phản khác về sau, và mỗi lần dẫn chúng ta đi xa thêm, ra khỏi cứ điểm lần bội phản ban đầu.

ÂM NHẠC

Với Franz, âm nhạc là nghệ thuật gần gũi nhất với cái đẹp say sưa. Không ai say vì quyền tiểu thuyết hay bức tranh, nhưng có ai không khỏi say đắm khi nghe Giao hưởng số chín của Beethoven, khi nghe Sô-na-ta cho hai dương cầm và nhạc cụ gõ của Bartok, hay *White Album* của Beatles. Franz không phân biệt nhạc "cổ điển" và nhạc "thời trang." Với anh sự phân loại như vậy vừa lỗi thời vừa trá ngụy. Anh ưa thích nhạc kích động và nhạc Mozart như nhau.

Anh xem âm nhạc có sức mạnh giải phóng: nó giải phóng anh ra khỏi nỗi cô độc, khỏi cơn trầm tư nội hướng, khỏi bụi bặm thư viện; nó mở cánh cửa con người và cho phép tâm hồn anh bước ra thế giới bên ngoài tìm kiếm bạn bè, bằng hữu. Anh thích khiêu vũ và thấy tiếc Sabina không chịu chia sẻ với anh đam mê này.

Hai người ngồi trong tiệm ăn, và trong lúc họ ăn uống, tiếng nhạc đinh tai nhức óc với nhịp tiết mạnh phát ra từ ống loa đặt gần đó.

"Đúng là cái vòng luẩn quẩn hung tợn," Sabina nói. "Tai người ta sắp bị điếc hết vì tiếng nhạc càng ngày càng lớn. Nhưng vì người ta điếc nên tiếng nhạc càng phải lớn hơn."

"Em không thích âm nhạc à?" Franz hỏi lại.

"Không." Rồi cô nói thêm, "dù là âm nhạc ở thời đại khác..." Cô đang nghĩ đến thời đại của Johann Sebastian Bach, khi âm nhạc như đóa hoa hồng nở trên cánh đồng của lặng im, bao la và phủ đầy tuyết trắng.

Tiếng động ồn ào giả làm âm nhạc theo đuổi cô từ ngày thơ ấu. Mấy năm học ở trường Mỹ thuật, sinh viên bị bắt buộc phải tham dự trại hè suốt mấy tháng hè. Họ sống chung chạ nhau và cùng công tác thực địa tại công trường nhà máy thép. Nơi đó, tiếng nhạc từ ống loa phát thanh gào lên từ năm giờ sáng đến chín giờ tối. Cô muốn khóc lên được, tiếng nhạc chói lói, không thể tìm được nơi nào khả dĩ dùng làm chỗ ẩn náu tránh tiếng loa, không thể chui vào nhà cầu hay rúc dưới đám chăn mền: mọi vật nằm trong tầm những ống loa phát thanh. Tiếng

nhạc như bày chớ sẵn ủa đến cần xé cô.

Vào thời điểm đó, cô tưởng thứ nhạc mọi rợ đó chỉ ngự trị ở thế giới Cộng sản. Ra nước ngoài, cô khám phá sự biến thể từ âm nhạc sang tiếng ồn là tiến trình toàn cầu trong đó con người đang đi vào giai đoạn lịch sử của sự xấu xí toàn diện. Thoạt đầu là những xú uế trong âm thanh phủ trùm khắp nơi: xe hơi, xe gắn máy, đàn ghi-ta điện, máy khoan, loa phát thanh, còi hụ. Chẳng bao lâu nữa, sự xấu xí trong con mắt nhìn cũng sẽ tràn ngập khắp nơi.

Sau bữa ăn tối, hai người lên phòng và họ làm tình với nhau. Trong lúc mơ màng sắp chìm vào giấc điệp, Franz cảm thấy ý nghĩ mình mất dần mạch lạc. Anh nhớ tiếng nhạc ồn ào tại bàn ăn và tự nhủ, "Tiếng ồn cũng có điểm lợi. Nó lấn át tiếng nói." Đột nhiên anh nhận thức trọn cuộc đời anh, anh không làm gì khác ngoài nói, viết, dạy học, biến chế câu văn, tìm kiếm và tu bổ những công thức để rồi cuối cùng không từ ngữ nào còn chuẩn xác nữa, ý nghĩa những dòng chữ bị xóa nhòa, nội dung mất hẳn, chúng biến thành rác rưởi, trấu rơm, cát bụi; chúng lưỡng lự quanh trí óc anh, chúng giằng co, xâu xé trong đầu anh, chúng là chứng bệnh mất ngủ, là căn bệnh của anh. Và điều anh đang khao khát lúc đó, mơ hồ nhưng với tất cả ý chí của anh, là tiếng nhạc vô bờ, là âm thanh tuyệt đối, đầy êm dịu và hạnh phúc ngập tràn, trấn át tiếng ồn ào huyền não làm rung rinh cánh cửa, một lần và mãi mãi, phủ lấp nỗi đau đớn, xóa đi cái vô dụng, hư phù của chữ nghĩa. Âm nhạc là phủ định những câu văn, là phản đề của chữ nghĩa! Anh khao khát được ôm ấp Sabina thật lâu, anh ao ước phải chi anh không bao giờ phải nói một câu, một chữ nào, để cực độ khoái cảm tình yêu trong anh tràn đầy tiếng nhạc vang lừng, phủ lấp. Và anh đi vào giấc ngủ được vỗ về bởi âm vang chân phúc huyền tường đó.

ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI

Với Sabina, sống là nhìn thấy. Nhưng thị giác bởi giới hạn do hai rào cản: ánh sáng rực rỡ làm mù lòa, và bóng tối đen kịt. Có lẽ đó là lý do khiến Sabina ghê sợ tất cả mọi cực đoan chủ nghĩa. Cực đoan là biên giới không có sự sống phía bên kia, và đam mê cực đoan chủ nghĩa, trong nghệ thuật cũng như trong chính trị, là trùm khăn lại rồi mong chờ cái chết.

Với Franz, từ ngữ "ánh sáng" không gợi hình ảnh một cảnh thối phôi bày dưới ánh sáng dịu nhẹ của ngày; nó gợi cho thấy chính nguồn ánh sáng: mặt trời, bóng đèn điện, đèn chiếu. Liên hệ của Franz là những ẩn dụ quen thuộc: ánh mặt trời của lòng công minh chính trực, ngọn lửa chói sáng của trí tuệ, vân vân.

Bóng tối cũng quyến rũ anh nhiều như ánh sáng. Anh biết ở thời đại này tắt đèn trước khi làm tình là hành động tức cười, vì thế anh luôn luôn mở ngọn đèn nhỏ đầu giường. Tuy vậy, lúc đi vào Sabina, anh lại nhắm nghiền hai mắt. Khoái cảm tràn trề trong cơ thể anh kêu gọi bóng tối. Bóng tối tinh ròng, toàn vẹn, không ý tưởng, không hình tượng; bóng tối đó không có tận cùng, không có biên cương; bóng tối đó là cái vô tận mỗi chúng ta đều mang nó trong người. (Vâng, nếu bạn đang đi tìm kiếm vô tận, bạn chỉ việc nhắm hai mắt lại!)

Và ngay lúc khoái cảm lan tràn khắp châu thân, Franz tan biến vào cõi vô tận của bóng tối anh, chính anh trở nên vô tận. Nhưng con người anh càng tăng trưởng trong cái bóng tối bên

trong bao nhiêu, phần bên ngoài anh càng thu nhỏ bấy nhiêu. Người đàn ông mắt nhắm là người đàn ông phế thải. Sabina chán ngán vô cùng khi thấy anh nhắm mắt như vậy, và để khỏi phải nhìn vào mặt anh, cô cũng nhắm hai mắt lại. Nhưng với cô, bóng tối không có nghĩa vô tận; nó đồng nghĩa với sự bất tán thành cái gì cô trông thấy, phủ định cái trước mắt, chối bỏ cái không muốn nhìn.

Có lần Sabina tự cho phép mình đến tham sự một buổi họp nhóm giữa những người di dân đồng hương của cô. Cũng như những lần khác, họ xào lại cuộc tranh luận nên hay không nên đứng dậy võ trang chiến đấu chống Nga. Trong an toàn của đời sống di dân, lẽ tất nhiên họ chuộng giải pháp chiến đấu hơn. Sabina lên tiếng: "Vậy tại sao các ông không quay về mà chiến đấu đi?"

Thật tình cô chẳng nên phát biểu như thế. Một người đàn ông có mái tóc bạc dọn sóng gió ngón tay trở dài ngoằng chỉ vào mặt cô: "Cô không được quyền ăn nói như vậy. Vì mấy người mà đất nước chịu cảnh ngày nay. Cả cô nữa. Cô đã phản kháng chế độ Cộng sản như thế nào? Hay cô chỉ biết vẽ vờ lãng nhăng..."

Quy định người dân sống như thế nào, kiểm soát đời sống họ, là nguyên tắc và cũng là sinh hoạt xã hội không bao giờ ngưng nghỉ ở các quốc gia Cộng sản. Họa sĩ xin phép triển lãm tranh, công dân bình thường xin chiếu khán đi du lịch tại các quốc gia có bờ biển, cầu thủ bóng đá xin gia nhập đội banh quốc gia, đều phải đi thu nhật không biết bao nhiêu thư từ đề bạt, báo cáo (từ người giữ cửa, bạn đồng nghiệp, công an, cơ quan địa phương Đảng, nghiệp đoàn liên hệ) để các viên chức đặc biệt từ đó làm công việc tổng kết, cứu xét và tóm lược. Những báo cáo này không hề dính dáng đến năng khiếu nghệ thuật, khả năng đá bóng, hay bệnh trạng cần tịnh dưỡng nơi có không khí biển; chúng quy chiếu điểm duy nhất: "Hồ sơ chính trị của người công dân" (nói cách khác, những gì người công dân từng tuyên bố, suy nghĩ; hành vi của hấn, hấn đứng dậy bỏ ra về giữa buổi họp nhóm hay trốn diễn hành ngày lễ Lao động mừng một tháng năm trong trường hợp nào.) Bởi mọi sinh hoạt (hiện hữu ngày qua ngày, thăng quan tiến chức tại sở làm, ngày nghỉ hè) đều tùy thuộc vào kết quả việc cứu xét. Mọi người (dù hấn muốn chơi banh trong đội banh quốc gia, muốn thực hiện buổi triển lãm tranh, hay muốn đi nghỉ hè tại bờ biển) ai nấy phải sống sao cho phải đạo để có điểm tốt.

Ý nghĩ đó xuyên qua đầu Sabina trong lúc cô nghe người đàn ông có mái tóc bạc cất tiếng. Ông ta không cần biết những người đồng hương của ông là cầu thủ đá bóng xuất sắc hay họa sĩ tài ba (không người di dân Tiệp khắc nào có mặt trong buổi họp tỏ vẻ quan tâm đến những tác phẩm hội họa của Sabina); điều duy nhất ông ta quan tâm là những người này đã chống Cộng ra sao, tích cực hay tiêu cực, có thực tâm hay chỉ bề ngoài, từ lúc đầu hay chỉ mới sau này khi bỏ chạy ra nước ngoài.

Vì là họa sĩ, cô có con mắt ngắm nhìn sự vật rất chi tiết và trí nhớ cô còn ghi nhận rất rõ nhân dáng những người ở Praha. Tất cả bọn họ đều có ngón tay trở dài hơn ngón giữa một chút và lúc nào ngón tay đó cũng giơ ra chỉ vào mặt người đang đối thoại. Tổng thống Novotny, người lãnh đạo đất nước suốt mười bốn năm trước 1968, cũng có mái tóc bạc dọn cong như thế và ngón tay trở của ông dài hơn bất cứ ngón tay người dân nào cư ngụ ở Trung Âu.

Khi nhân vật di tản danh giá nghe từ đôi môi người họa sĩ ông chưa bao giờ biết tranh vẽ ra sao, rằng trông ông giống Tổng thống Novotny của Cộng sản thì mặt ông biến thành đỏ gấc, rồi

trắng bệch, rồi lại đỏ, rồi lại trắng; ông cố gắng thốt ra điều gì đó nhưng không thành lời, rồi ông im bật. Mọi người cũng im thin thít cho đến khi Sabina đứng dậy bỏ về.

Cô buồn rầu hết sức, và khi bước xuống đường cô tự trách mình tại sao phải giữ liên hệ với những người Tiệp này. Cái gì trói buộc cô vào họ? Cảnh thổ? Nếu mỗi người trong bọn họ được hỏi tên gọi cái phần đất chôn nhau cắt rốn đó gọi nhớ điều gì thì những hình ảnh hiện lên trong trí não họ khác biệt đến nỗi sẽ không còn sự đồng nhất nào nữa.

Hay là văn hóa? Nhưng văn hóa là gì? Âm nhạc? Dvorák và Janacek? Vâng. Nhưng nếu một người Tiệp không còn chút cảm thụ nào cho âm nhạc nữa thì sao? Cái yếu tính cốt lõi để trở thành người Tiệp tan biến vào hư không mất rồi.

Hay vì những bậc vĩ nhân? Jan Hus? Không ai trong căn phòng đó từng đọc một dòng chữ nào của ông. Họ chỉ có thể hiểu được ngọn lửa, niềm vinh quang của ngọn lửa khi ông bị hỏa thiêu, niềm vinh quang của tro tàn, và do đó, với họ, yếu tính để trở thành người Tiệp là đám tro tàn và chỉ có thể thôi. Điều duy nhất giữ họ lại là sự chiến bại và những lời khiển trách lẫn nhau.

Cô bước nhanh. Chính những ý nghĩ trong đầu làm cô khổ sở nhiều hơn là sự tách ly khỏi những người di dân lưu vong đồng hương. Cô biết cô không công bằng. Cũng có những người Tiệp khác, những người hoàn toàn khác gã đàn ông có ngón tay trở dài ngoằng. Sự im lặng đầy ngượng nghịu sau bài diễn văn nhỏ của cô không có nghĩa tất cả bọn họ đều chống đối cô. Không, có lẽ họ chỉ chung hửng khi đột nhiên nhìn ra sự thù ghét, ngu dốt của mình trong cuộc sống tị nạn. Nhưng tại sao cô không thương xót họ? Tại sao cô không thấy họ chỉ là những sinh vật bất hạnh và bị ruồng rẫy bỏ rơi?

Chúng ta biết tại sao. Sau khi bội phản người cha già, đời sống mở ra trước mắt cô, con đường dài đầy rẫy bội phản, mỗi lần bội phản, tệ bạc và chiến thắng khiến cô như bị thu hút. Cô không chịu đứng vào hàng ngũ! Cô chối bỏ hàng ngũ – luôn luôn chùng đó con người, chùng đó bài diễn văn! Đó là lý do tại sao sự thiếu công bằng của chính cô làm cô khuấy động. Nhưng không hẳn đó là cảm giác không vui; ngược lại, Sabina có cảm tưởng cô vừa chiến thắng và có nhân vật vô hình nào đó đang vỗ tay tán thưởng cô.

Thốt nhiên, men say bỗng nhường chỗ cho phiền não: Con đường phải chấm dứt nơi nào đó! Sớm muộn cô phải chấm dứt những trò bội phản này! Sớm muộn cô phải tự ngừng lại!

Lúc đó trời đã tối và cô vội vã bước nhanh vào trạm ga. Chuyển tầm đi Amstertam đang chờ khách. Cô tìm ra toa của mình. Người soát vé niềm nở đưa cô vào tận nơi, cô mở cánh cửa căn buồng toa tàu và thấy Franz đang ngồi trên băng ghế. Anh đứng dậy đón cô vào, cô choàng hai tay ôm anh và hôn anh đến nghẹt thở.

Cô vô cùng muốn nói với anh, như người đàn bà tầm thường nhất, "Đừng bỏ em, hãy ôm em thật chặt, hãy biến em thành trò chơi của anh, em là nô lệ của anh, hãy mạnh mẽ lên!" Nhưng cô không nói được điều gì.

Khi anh buông cô ra, cô chỉ thốt được câu, "Anh không biết em vui sướng dường nào có anh bên cạnh." Bản tính khép kín chỉ cho phép cô nói câu nói nùng nàn nhất như thế.

Quyển từ điển ngắn những từ ngữ bị hiểu sai (tiếp theo)

DIỄN HÀNH

Ở Pháp hay Ý người ta dễ dàng quá. Khi cha mẹ ép buộc con cái đi nhà thờ, con cái phản kháng bằng cách gia nhập Đảng (Cộng sản, Mao-ít, Trốt-kít, vân vân.) Sabina bị người cha bắt đi nhà thờ rồi sau đó còn phải tham dự các buổi họp hành của Đoàn Thanh niên Cộng sản. Ông lo ngại có chuyện chẳng lành nếu cô cố tình tránh né mãi.

Khi cô bị ép buộc gia nhập đoàn người diễn hành nhân ngày lễ Lao động, cô chẳng bao giờ giữ bước đi cho đúng nhịp, cô gái đi sau lớn tiếng mắng mỏ và cố tình đạp lên gót chân cô. Đến lúc hợp ca, cô cũng chẳng thuộc lời bài hát và chỉ biết nhép miệng theo. Những cô gái khác để ý báo cáo lên cấp trên. Từ lúc trẻ, cô đã ghét cay ghét đắng những buổi diễn hành.

Franz theo học ở Paris. Vì là sinh viên vô cùng xuất sắc nên ngay từ năm hai mươi tuổi anh đã nắm chắc sự nghiệp trong tay. Ở tuổi hai mươi, anh đã biết cuộc sống anh sẽ chỉ quanh quẩn nơi văn phòng trường đại học, một hai thư viện và hai, ba giảng đường khác nhau. Ý tưởng về cuộc sống như thế làm anh thấy ngột thở. Anh mong mỗi bước ra khỏi đời sống đó như người ta mong từ nhà bước ra đường.

Và còn sinh sống ở Paris ngày nào, anh không bỏ qua bất cứ cuộc diễn hành, mít-tinh nào. Thật khoan khoái khi ăn mừng, đòi hỏi hay phản đối điều gì; bước ra nơi trống trải, hòa mình vào chốn đông người. Anh cảm thấy kích động đến ngây ngất với những cuộc diễn hành tràn ngập đại lộ Saint-Germain hay từ quảng trường Place de la République đến ngục Bastille. Dưới mắt nhìn của anh, đám đông diễn hành la hét đó là hình ảnh về lịch sử Âu châu. Âu châu là cuộc Diễn hành lớn. Cuộc Diễn hành từ cách mạng sang cách mạng, từ đấu tranh sang đấu tranh, và cứ thế tiếp diễn.

Tôi có thể nói cách khác: Franz cảm thấy đời sống sách vở của anh không thật chút nào. Anh khao khát đời sống thật, khao khát được sờ mó đụng chạm những người đi cạnh anh, khao khát tiếng la hét của họ. Anh không bao giờ nhận thức điều anh cho là không thật (công việc anh làm một mình trong văn phòng hoặc thư viện) lại chính là đời sống thật của anh, còn cuộc diễn hành anh tưởng tượng có thật thì chẳng qua chỉ là những hí trường, những buổi khiêu vũ, những cuộc hội hè đình đám – hay nói khác đi, chỉ là giấc mơ.

Khi còn đi học, Sabina sống trong ký túc xá. Ngày lễ Lao động, tất cả sinh viên có lệnh tụ tập thật sớm để đi diễn hành. Giám thị trường vào từng phòng kiểm soát. Sabina trốn trong phòng vệ sinh và đợi mọi người đi hết mới quay về phòng. Lúc đó, không gian yên ắng vô cùng. Tiếng ồn duy nhất là tiếng nhạc diễn hành văng vẳng vọng lại từ xa. Như thế cô tìm được nơi trú ẩn bên trong cái vỏ ốc và âm thanh duy nhất cô nghe được là tiếng ồn ào vọng lại từ biển cả thế giới nghịch thù.

Một hai năm sau khi di cư ra nước ngoài, cô tình cờ có mặt ở Paris trong dịp đánh dấu ngày Nga xâm lăng đất nước cô. Một cuộc biểu tình tuần hành được dự trù và cô tự cảm thấy có bốn phận tham dự. Những nắm tay giơ cao, những chàng trai Pháp hét to khẩu hiệu lên án đế quốc Xô viết. Những khẩu hiệu nghe cũng lọt tai cô, nhưng cô vô cùng ngạc nhiên khi thấy mình không cách nào cất tiếng la to những khẩu hiệu đó cùng mọi người chung quanh. Cô có mặt trong đoàn người không quá mười phút.

Khi kể lại mẩu chuyện với những người bạn Pháp, họ tỏ ra kinh ngạc vô cùng: "Cô không muốn đấu tranh để giành lại đất nước cô sao?" Cô rất muốn bày tỏ ý nghĩ mình là đằng sau những chủ nghĩa, Cộng sản, Phát xít, đằng sau mọi chiếm đóng và xâm lăng là sự hiểm ác cơ bản và sâu sắc hơn. Bộ mặt sự hiểm ác đó là cuộc diễn hành có những nắm tay giơ cao và miệng đồng thanh hô to những âm thanh đồng điệu. Nhưng cô biết những người bạn đó không bao giờ hiểu giùm cô. Cô ngưng nghịu chuyển câu chuyện sang đề tài khác.

CÁI ĐẸP CỦA NEW YORK

Franz và Sabina thường tản bộ hàng giờ trên đường phố New York. Cảnh vật bên đường biến đổi theo từng bước đi như thể hai người đang đi trên con đường núi ngoằn ngoèo chung quanh tíu tít những cảnh tượng lạnh người: Một thanh niên quỳ giữa vệ đường chấp tay cầu nguyện; cách đó vài bước, một thiếu nữ da đen đứng dựa gốc cây; một người đàn ông mặc com lê đen quơ tay điều khiển ban nhạc vô hình trong lúc băng qua đường; bồn nước phun lên thành vòi trong lúc đám thợ xây ngồi chung quanh ăn trưa; những cầu thang bằng sắt lạ mắt chạy lên chạy xuống những tòa nhà cao tầng mặt tiền màu đỏ trông xấu xí dị kỳ, xấu đến độ trông mãi cũng chẳng thành đẹp; và bên cạnh, hai, ba tòa nhà kính chọc trời khổng lồ đứng dựa vào nhau, tầng thượng là khu giải trí kiểu Ả rập với những tháp đài nho nhỏ, phòng triển lãm, cột dát vàng.

Cô nghĩ đến tranh cô vẽ. Ở những bức họa cũng thế, những vật thể thiếu cân xứng hòa nhập với nhau: công trường thép dè lên chiếc đèn dầu; chiếc đèn kiểu xưa, chụp đèn bằng kính màu vỡ thành trăm nghìn mảnh nhỏ li ti và nhô trên khung cảnh đầm lầy điêu tàn hoang phế.

Franz nói, "Cái đẹp hiểu theo tinh thần Âu châu luôn luôn kèm theo dụng tâm nào đó. Chúng ta bao giờ cũng có sẵn chủ ý thẩm mỹ và chương trình dài hạn. Điều đó khiến người Âu có thể bỏ ra nhiều chục năm trời xây cất những công trình như thánh đường thời Gô-tích hay công trường thời Phục hưng. Cái đẹp của New York dựa trên căn bản hoàn toàn khác biệt. Ở đây không có dụng tâm, nó mọc lên hoàn toàn ngoài chủ ý thiết kế của con người, y như một hang động thạch nhũ. Những thể dạng xấu xí ngẫu nhiên vươn lên, không hề sắp đặt trước, nằm giữa khung cảnh kỳ dị ngoài sức tưởng tượng chung quanh, đột ngột bật lên nét thi vị lóng lánh diệu kỳ.

Sabina trả lời anh, "Cái đẹp không chủ tâm. Đúng đấy. Cách khác để diễn tả có thể là 'đẹp do vô ý'. Trước khi cái đẹp hoàn toàn biến mất khỏi mặt đất, nó sẽ hiện hữu một thời gian do lỗi lầm vô ý. 'Đẹp do vô ý' – giai đoạn cuối cùng của lịch sử cái đẹp."

Cô lại nhớ đến những bức họa khi nét cọ cô bắt đầu già giãn, những bức họa thành tựu nhờ vệt sơn đỏ do cô vô ý rơi vãi xuống mặt bố. Vâng, tranh cô vẽ dựa trên căn bản "cái đẹp do vô ý", và New York là cứ địa bí mật nhưng đích thực cho những bức họa đó.

Franz gật gù, "Có lẽ cái đẹp không chủ tâm của New York phong phú và đa dạng hơn nhiều nếu đem so với cái đẹp do con người chủ ý xếp đặt. Nhưng đó không phải là cái đẹp Âu châu của chúng ta. Đó là một cảnh giới xa lạ."

Cuối cùng hai người đồng ý điểm nào đó chẳng?

Không. Vẫn có khác biệt. Sabina bối rối bởi cái đẹp lạ lùng của New York. Còn với Franz, thành phố làm anh thấy hiếu kỳ nhưng có cái gì đó sờ sợ; nó làm anh nhớ nhà, nhớ châu Âu của anh.

QUÊ HƯƠNG CỦA SABINA

Sabina hiếu tại sao Franz không ưa thích Mỹ châu. Con người anh là hiện thân của châu Âu: mẹ anh người Vienna, cha Pháp, còn chính anh lại là Thụy sĩ.

Franz vô cùng thán phục quê hương Sabina. Khi Sabina kể chuyện về cô hoặc những người bạn từ quê nhà, anh nghe toàn những từ ngữ như "nhà tù", "ngược đãi", "chiến xa kẻ thù", "di cư", "truyền đơn", "sách bị cấm", "triển lãm bị cấm", và anh thấy trong anh cảm giác lạ lùng, nửa ganh tị của cảm hoài.

Anh thú nhận với Sabina. "Lần đó có một triết gia viết về anh, ông ta phê phán công trình của anh là những suy cứu thiếu minh chứng và gọi anh là 'ngụy-Socrates'. Anh cảm thấy bị xúc phạm nặng nề và giận dữ trả đũa. Bây giờ nghĩ lại thấy cái vở kịch tức cười đó lại là xung đột ghê gớm nhất đời anh. Điểm cao nhất trong mọi biến cố đời anh chỉ có thế! Anh và em, chúng ta sống hai chiều khác nhau. Em đi vào đời anh như Gulliver bước vào thế giới người Li-li-pút."

Sabina cãi lại. Cô bảo mọi xung đột, biến cố, thảm kịch đều không có ý nghĩa gì; nơi chúng người ta không thể tìm ra giá trị nào, chúng không đáng để thán phục hay quý trọng. Chính công trình của Franz mới có giá trị và anh có sự thanh tịnh để đặt hết tinh thần vào nó.

Franz lắc đầu. "Trong xã hội giàu có, người dân không phải làm lụng bằng chân tay; họ có phương tiện tham gia những sinh hoạt tinh thần. Càng ngày trường đại học càng nhiều, sinh viên theo học càng đông. Sinh viên muốn có bằng cấp phải viết luận án. Và họ có thể viết về bất cứ điều gì dưới ánh mặt trời này, đề tài trở nên nhiều vô số kể. Những trang giấy dày đặc chữ nằm xếp đống trong văn khố trông buồn thảm hơn nghĩa trang vì không ai thém thăm hỏi, ngay cả vào ngày Lễ Linh Hồn[2]. Văn hóa đang bị tàn tạ vì sản xuất quá độ, dưới cơn thác của chữ nghĩa, trong cơn điên của số đông. Đó là lý do tại sao một quyển sách bị cấm ở nước em có giá trị hơn một tỉ từ ngữ mưa ra từ các trường đại học xứ anh." Chính trong tinh thần này chúng ta có thể hiểu ra nhược điểm của Franz về cách mạng. Thoạt đầu anh có cảm tình với Cuba, rồi Trung quốc, trong khi sự dã man tàn bạo của các chế độ này làm anh khiếp đảm thì với tiếng thở dài hắt ra, anh rút về cái biển cả chữ nghĩa vô trọng lượng và không chút tượng

hình đời sống kia. Anh trở thành vị giáo sư ở Geneva (nơi không có các cuộc biểu tình), và trong cơn thịnh nộ muốn từ bỏ (nổi hiu quạnh một thế giới không đàn bà, không diễn hành) anh xuất bản dăm ba quyển sách sưu khảo uyên bác, quyển nào cũng được tán thưởng khá nồng nhiệt. Thế rồi một hôm Sabina đặt chân vào đời anh. Khả thi cô đem đến cho anh. Cô đến từ vùng đất nơi ảo giác cách mạng tàn lụi từ lâu nhưng những gì của cách mạng anh thán phục nhiều nhất vẫn còn: đời sống trên bình diện rộng lớn; đời sống với những bấp bênh, táo bạo, hiểm nguy, chết chóc. Sabina gieo lại niềm tin nơi anh ý nghĩa to tát của nỗ lực vươn lên của con người. Dem chắp ráp vỡ bi kịch đón đau trên đất nước cô lên con người cô, anh càng thấy cô tuyệt mỹ.

Vấn đề rắc rối ở chỗ Sabina không chút yêu thích vỡ bi kịch đó. Những từ ngữ "nhà tù", "ngược đãi", "sách bị cấm", "chiếm đóng", "chiến xa" với cô đều mang hình ảnh xấu xí tàn tệ và chẳng lãng mạn chút nào. Từ ngữ duy nhất gợi trong tâm khảm cô nỗi hoài cảm ngọt ngào về quê mẹ là chữ "nghĩa trang."

NGHĨA TRANG

Nghĩa trang ở Bohemia trông như thửa vườn. Phủ lên những nắm mộ là cỏ xanh rì và bông hoa đủ màu sắc. Những tấm mộ bia khiêm tốn nằm khuất lấp dưới màu xanh lục của cỏ. Lúc hoàng hôn, nghĩa trang lập lòe ánh nến như thể người chết đang nhảy múa trong cuộc vui chơi của trẻ con. Cuộc vui nhảy múa của trẻ con bởi người chết và trẻ con đều vô tội như nhau. Không cần biết đời sống thô bạo đến mức nào, sự thanh thản bình yên luôn luôn hiện hữu trong nghĩa trang. Ngay cả thời chiến, thời Hitler, thời Stalin, thời bị xâm lăng. Những lúc buồn bã, cô vào xe, bỏ Praha phía sau lưng, bước xuống tản bộ trong một khu nghĩa trang miền quê nào đó cô yêu thích. Dưới rặng đồi xanh biếc, khu nghĩa trang đẹp như một bài hát ru em.

Với Franz, nghĩa trang là bãi rác xấu xí toàn gạch đá và xương xẩu.

"Tôi không bao giờ lái xe. Tôi sợ tai nạn xe cộ lắm, sợ đến cứng cả người. Bị tai nạn, không chết cũng thương tích suốt đời!" Trong lúc nói, nhà điêu khắc bất chợt nắm chặt ngón tay có lần suýt bị cửa mất trong lúc ông tạc pho tượng gỗ. Quả có phép lạ ngón tay không bị chặt phăng.

"Ông nói thế nghĩa là gì chứ?" Marie-Claude hỏi lại giọng cổ khàn khàn. Đầu óc cô đang thư giãn ung dung. "Tôi có lần bị tai nạn rất nặng, vậy mà tôi còn thích chí là đằng khác. Chưa bao giờ tôi thấy khoan khoái như thời gian nằm bệnh viện. Vì không ngủ được nên tôi đọc sách ngày đêm."

Mọi người nhìn cô với con mắt kinh ngạc. Cô có vẻ thú vị. Franz phản ứng với cả hai thái độ chán ngấy (anh biết sau tai nạn cô lâm vào tình trạng khủng hoảng nặng nề và không ngót than van) và ngưỡng phục (khả năng thay đổi mọi chuyện cô trải qua là chỉ dấu một sinh lực có thật.)

"Chính trong thời gian nằm bệnh viện tôi khởi sự chia sách đọc thành hai loại, sách đọc ban ngày và sách đọc ban đêm," cô nói tiếp. "Thật ra, có loại sách dành đọc ban ngày và có loại chỉ nên đọc ban đêm."

Đến đây tất cả mọi người nhìn cô bằng con mắt vừa kinh ngạc vừa ngưỡng phục. Tất cả, ngoại trừ nhà điêu khắc, ông vẫn nắm chặt ngón tay, mặt mày nhăn nhó nhớ lần tai nạn.

Marie-Claude quay sang ông hỏi, "Theo ông Stendhal phải xếp vào loại nào?"

Nhà điêu khắc không nghe ra câu hỏi, bức bối nhún vai. Một nhà phê bình hội họa đứng cạnh đỡ lời, ông xếp Stendhal vào loại sách đọc ban ngày.

Marie-Claude lắc đầu, giọng vẫn khàn đục, "Không, không, ông sai rồi! Ông sai rồi! Sách Stendhal phải đọc ban đêm!"

Sự tham dự của Franz vào cuộc tranh luận giữa nghệ thuật ban ngày và nghệ thuật ban đêm chốc chốc lại bị cắt đứt vì anh biết Sabina có thể xuất hiện bất cứ giây phút nào. Hai người mất nhiều ngày trời đắn đo không biết Sabina có nên nhận lời mời tham dự bữa tiệc rượu này hay không. Bữa tiệc do Marie-Claude tổ chức để đãi đãi tất cả họa sĩ và điêu khắc gia từng triển lãm tại phòng triển lãm riêng của cô. Từ khi Sabina quen biết Franz, cô tránh mặt bà vợ anh. Nhưng vì sợ bị khám phá, hai người đi đến kết luận nếu Sabina nhận lời tham dự thì vẫn tự nhiên và đỡ bị nghi ngờ hơn.

Trong lúc kín đáo liếc mắt nhìn ra cửa ra vào, Franz nghe giọng nói Marie-Anne, cô con gái mười tám tuổi của anh, đang bô lô ba la gì đó ở cuối phòng bên kia. Anh xin lỗi rút lui khỏi nhóm có vợ anh đang làm chủ tịch đoạn bước qua thăm chừng nhóm do con gái anh nắm đầu.

Kể đứng, người ngồi trên ghế, nhưng Marie-Anne ngồi xếp bằng dưới sàn nhà. Franz đoán chắc Marie-Claude chẳng mấy chốc cũng sẽ ngồi xếp xuống thảm ở phía bên kia. Ngồi dưới thảm tiếp khách là hành vi nói lên sự giản dị, không trang trọng, chứng tỏ quan niệm chính trị tự do cấp tiến, lòng hiếu khách, và cũng là lối sống của dân Paris. Marie-Claude thêm ngồi dưới thảm đến độ Franz bắt đầu lo ngại có ngày cô sẽ ngồi xuống sàn tiệm bán thuốc lá cô vẫn thường đến mua thuốc hút.

"Alain, hiện ông đang vẽ cái gì đấy?" Marie-Anne cất tiếng hỏi người đàn ông cô đang ngồi dưới chân.

Alain quả ngây thơ và thật thà khi ông cố tìm câu trả lời thành thật để làm vừa lòng cô con gái bà chủ phòng triển lãm. Ông giải thích cho cô nghe về thủ pháp mới của ông, một kết hợp giữa nhiếp ảnh và sơn dầu, nhưng ông nói chưa hết ba câu thì Marie-Anne bắt đầu chu miệng huýt gió. Người họa sĩ tập trung tinh thần vào từng câu nói chậm rãi của mình, không nghe tiếng huýt gió.

"Tại sao con huýt gió? Con nói cho pa-pa nghe được không?" Franz ghé vào tai cô hỏi thầm.

"Bởi vì con không thích nghe người ta nói chuyện chính trị." Cô trả lời rõ to.

Quả thật, hai người đàn ông đứng cạnh đó đang bàn cãi về cuộc bầu cử sắp tới ở Pháp. Marie-Anne thấy có bốn phận làm chủ đám đông nên cô cất tiếng hỏi hai người có định đi xem đoàn đại nhạc kịch từ Ý lên trình diễn vở nhạc kịch của Rossini vào tuần tới không. Trong lúc đó, ông họa sĩ Alain vẫn chìm đắm vào những chi tiết càng lúc càng nhiều về thủ pháp mới của ông trong hội họa. Franz cảm thấy xấu hổ về đứa con gái. Anh bảo cô gái, "Vậy mà mỗi lần đi xem nhạc kịch ai là người kêu toáng lên là chán?" "Pa-pa này!" Marie-Anne giơ tay dấm vào bụng anh. "Anh chàng ca sĩ chính giọng tê-no đẹp trai ra phết. Đẹp trai quá chừng thôi. Con xem anh chàng trình diễn hai lần rồi, và con đến yêu anh chàng mất thôi."

Tại sao con gái anh giống mẹ nó đến thế! Sao nó không giống anh? Nhưng Franz làm được gì? Nó không giống anh chút nào. Bao nhiêu lần anh phải nghe Marie-Claude tuyên bố cô yêu họa sĩ này, ca sĩ nọ, nhà văn này, nhà chính trị nọ và có lần cả một cua rơ xe đạp. Dĩ nhiên, những thứ đó chỉ là chuyện trà dư tửu hậu, nhưng đôi lúc anh vẫn không sao quên được cách đây hơn hai mươi năm cô nói như thế về anh và dọa tự tử nếu anh không lấy cô làm vợ.

Ngay lúc đó, Sabina đặt chân vào phòng. Marie-Claude bước ra đón. Trong lúc Marie-Anne đang thao thao nói về Rossini, Franz quay sang lắng nghe hai người đàn bà trao đổi nhau những gì. Sau vài câu xã giao chào hỏi, Marie-Claude cầm xâu chuỗi hạt làm bằng gỗ Sabina đeo trên cổ rồi kêu to: "Cái gì thế này? Xấu đến thế thì thôi!"

Câu nói đập vào tai Franz ấn tượng thật sâu đậm. Câu nói không mang chủ tâm gây hấn; tiếng cười khản đục sau đó vang lên chứng tỏ Marie-Claude không cố tình gây sứt mẻ tình bạn giữa cô và Sabina. Nhưng đó không phải là cái gì cô thường nói hằng ngày. "Chính tay tôi làm đấy." Sabina nói.

"Xâu chuỗi xấu thế chị đeo làm gì!" Marie-Claude nhắc lại câu nói, giọng thật to.

Franz biết rõ vợ anh thật ra chẳng hề quan tâm gì đến vẻ xấu đẹp của xâu chuỗi. Món vật trở nên xấu nếu cô muốn nó xấu, và đẹp nếu cô muốn nó đẹp. Những xâu chuỗi bạn bè cô đeo đều đẹp. Và cho dù cô thấy chúng xấu, cô cũng chẳng bao giờ mở miệng chê bai, bởi sự ton hót nịnh nọt từ lâu đã là bản chất thứ hai trong con người cô.

Vậy, tại sao lúc đó cô có quyết định tuyên bố xâu chuỗi do chính tay Sabina làm lại vô cùng xấu xí?

Franz thốt nhiên thấy câu trả lời thật rõ ràng: Marie-Claude chê bai xâu chuỗi của Sabina chỉ vì cô đã đủ sức làm điều đó.

Hay chính xác hơn: Marie-Claude cất tiếng chê bai xâu chuỗi xấu để làm sáng tỏ điều cô đã đủ sức bảo Sabina xâu chuỗi của cô xấu lắm.

Năm ngoái, cuộc triển lãm của Sabina không mấy thành công, vì thế lòng trọng vọng Marie-Claude dành cho Sabina giảm sút rất nhiều, nhưng ngược lại, Sabina có mọi lý do thấy mình vẫn phải trọng vọng người đàn bà này. Tuy thế, hành vi của cô không để lộ điều gì về thái độ đó.

Vâng, Franz thấy rõ lắm: Marie-Claude dùng cơ hội này để làm sáng tỏ cho Sabina (và những người khác) thấy rõ cán cân lực lượng thật giữa hai người là gì.

Quyển từ điển ngắn những từ ngữ bị hiểu sai (phần kết).

NGÔI NHÀ THỜ CỔ Ở AMSTERDAM

Một bên đường là phố xá, cửa tiệm nối tiếp nhau. Sau cửa kính, mỗi cô gái điếm chiếm một căn phòng nhỏ. Các cô ngồi sát cửa kính, an vị trong chiếc ghế bành bọc nhung, trên người chỉ mặc nịt vú và quần lót. Trông các cô như những chị mèo buồn thiu buồn thiu.

Phía bên kia đường sừng sững ngôi nhà thờ Gô-tích xây từ thế kỷ mười bốn.

Giữa thế giới các cô gái điếm và thế giới của Thượng đế, con đường như dòng sông chia ngăn hai đế quốc, mùi nước tiểu lưu cữu xông lên nồng nặc.

Bên trong ngôi nhà thờ cổ, tất cả những gì còn sót lại phơi bày di tích tòa thánh đường Gô-tích là bốn bức tường cao vợi vợi màu trắng trần trụi, cộng với cột kèo, nóc trần và cửa sổ chung quanh. Trên tường trống trơn, ngay một pho tượng nhỏ cũng không. Ngôi nhà thờ trống hốc như phòng tập thể dục, ngoại trừ ngay chính giữa lòng chông mấy dãy ghế dựa vây quanh cái bục nhỏ dành cho người đứng giảng kinh. Phía sau dãy ghế là phòng ngăn làm bằng gỗ và mấy hàng ghế dài dành riêng cho hạng người giàu có.

Đồ đạc trong ngôi nhà thờ hình như được xếp đặt không chút quan tâm gì đến hình thể bức tường và cột kèo chung quanh, như thể muốn cho thấy sự cách biệt là lòng khinh miệt kiến trúc Gô-tích. Nhiều thế kỷ trước, người Tân giáo[3] biến tòa thánh đường thành nhà kho. Công dụng duy nhất của nó là che chở những tín đồ ngoan đạo khỏi bị mưa, tuyết.

Ngôi nhà thờ khiến Franz ngây ngất: cuộc Diễn hành Vĩ đại của Lịch sử từng diễn qua chính gian sảnh đường rộng lớn này!

Sabina nhớ sau khi Cộng sản lên nắm chính quyền, người ta biến những tòa lâu đài cổ kính ở Bohemia thành trung tâm huấn luyện, nhà dưỡng lão, và có khi cả chuồng bò. Cô có ghé thăm một trong những chuồng bò đó: móc sắt đóng đầy trên tường dùng để cột bò. Lũ bò đưa mắt lim dim nhìn ra cửa sổ, ngoài sân gà què chạy tứ tung.

"Chính sự hoang lạnh làm anh mê hoặc. Người ta vào dọn sạch mọi thứ từ bàn ghế cho đến tượng Chúa, tranh vẽ, ghế ngồi, thảm lót sàn, sách vở, và rồi có lúc thấy nhẹ nhõm vui sướng, họ ném tất cả các thứ đó ra ngoài cửa như đồ tống đồ tháo dỡ ăn thừa ngày hôm qua. Em hình dung ra cây chổi của Hercules càn quét qua tòa thánh đường này như thế nào không?"

"Người nghèo phải đứng, trong khi người giàu có ghế ngồi," Sabina nói trong lúc đưa tay chỉ mấy dãy ghế dựa. "Nhưng có điếm chung buộc gã ăn mày vào ông chủ nhà băng: đó là lòng ghét bỏ cái đẹp."

"Đẹp là gì?" Franz hỏi lại và anh thấy hình ảnh mình bên cạnh vợ, vì lời khẩn khoản của cô, trong một buổi khai mạc phòng tranh mới đây với những bài diễn văn, những từ ngữ hư phù đến vô tận. Văn hóa hư phù, nghệ thuật hư phù.

Khi còn trong Đoàn Thanh niên Sinh viên, tâm hồn Sabina bị ung độc bởi tiếng nhạc diễn hành đình tai nhức óc liên tục phát ra từ máy khuếch âm. Một hôm này Chủ Nhật cô mượn chiếc xe gắn máy phóng lên đồi. Cô dừng xe tại một xóm làng xa lạ, dựng xe bên cạnh ngôi nhà thờ đoạn bước chân vào. Bên trong nhà thờ, lễ Mi-sa đang cử hành. Chế độ không cho phép tự do tôn giáo nên hầu hết đều vắng nơi thờ tự. Ngồi trên băng ghế chỉ có người già cả, bởi người già không sợ chế độ. Người già chỉ sợ cái chết.

Vị linh mục nói như hát, và mọi người đồng thanh lặp lại. Đó là bài kinh cầu. Lời kinh lặp đi lặp lại như gã lang thang vô định không thể dời mắt khỏi phong cảnh đồng quê hay như người không làm chủ được đời sống. Cô ngồi xuống hàng ghế cuối, mắt nhắm lại để lắng nghe lời kinh âm vang như tiếng nhạc, rồi lại mở mắt nhìn lên vòm nhà màu xanh có điểm những ngôi sao vàng. Cứ thế cô mê thiếp đi.

Tại ngôi nhà thờ đó, điều cô không chú ý nhưng bất ngờ hội ngộ là cái đẹp chứ không phải Thượng đế. Cô biết chắc cả ngôi nhà thờ lẫn bài kinh cầu đều không có gì đáng nói, nhưng bên cạnh cái công trường đang xây cất, nơi cô phải chịu đựng hàng ngày những bài hát ồn ào chát chúa, ngôi nhà thờ và khúc kinh cầu trở nên đẹp đẽ vô cùng. Buổi lễ Mi-sa đẹp đẽ bởi thốt nhiên nó kì bí hiện lên cho cô thấy thế giới bội phản.

Từ lúc đó cô nhận thức ra cái đẹp là thế giới bội phản. Chúng ta tìm thấy cái đẹp chỉ khi nào những người cầm đoán sao nhãng, không để ý. Cái đẹp nằm ẩn giấu dưới quanh cảnh ngày diễn hành mừng một tháng năm. Nếu muốn tìm ra nó, chúng ta phải triệt hủy khung cảnh bên ngoài.

"Đây là lần đầu tiên một ngôi nhà thờ làm anh mê hoặc." Franz bảo cô.

Không phải niềm tin vào tôn giáo hay chủ nghĩa khổ hạnh khiến anh chấn động như vậy; có cái gì khác, cái gì rất riêng tư, riêng tư đến nỗi ngay cả Sabina anh cũng không dám đem ra bàn luận. Hình như anh nghe tiếng nói đâu đây thúc giục anh hãy giật lấy cây chổi của Hercules để quét sạch tất cả những buổi khai mạc tranh của Marie-Claude, tất cả những anh ca sĩ của Marie-Anne, tất cả những buổi họp hành, diễn thuyết, tất cả những bài diễn văn vô bổ, những từ ngữ hão huyền phù phiếm – hãy quét sạch chúng ra khỏi đời anh. Khoảng không gian rộng lớn hoang vắng của ngôi nhà thờ ở Amsterdam thốt nhiên kỳ bí hiện lên cho anh thấy hình ảnh của chính anh sau khi giải thoát.

SỨC MẠNH

Có lần nằm trên giường khách sạn nơi hai người làm tình với nhau, Sabina bảo Franz trong lúc vuốt ve cánh tay trần của anh. "Bắt thịt anh, chao ời là rắn chắc!"

Franz khoái chí vì lời khen tặng lắm. Anh nhảy ra khỏi giường, xuống tấn, rồi dùng một tay

từ từ nhắc bổng chiếc ghế làm bằng gỗ sến nặng chình chịch. Anh nói, "Em không bao giờ phải e sợ ai. Có anh bảo vệ em trong bất cứ hoàn cảnh nào. Anh từng là vô địch nhu đạo đấy!"

Lúc anh nhắc chiếc ghế nặng nề lên khỏi đầu bằng một cánh tay, cô bảo anh, "Ừ, anh khỏe như vậy tốt lắm."

Nhưng sâu kín bên trong cô nói với chính mình, Franz có thể khỏe mạnh, nhưng sức mạnh đó của anh chĩa thẳng ra bên ngoài, còn đối với những người anh sống chung, những người anh yêu quý, anh yếu đuối lắm. Sự yếu đuối của Franz có tên gọi khác là lòng lương hảo. Franz không bao giờ mở miệng ra lệnh bắt Sabina phải làm điều này điều nọ. Anh không bao giờ buông mệnh lệnh, như Tomas từng làm, bắt cô đặt tấm gương soi dưới sàn nhà rồi bước qua bước lại trên đó, trần truồng. Không phải anh không có khoái cảm nhục dục; chỉ vì anh không đủ sức mạnh ra lệnh cho ai. Có những sự việc chỉ thức hiện được qua bạo hành. Không có bạo hành quả khó có tình yêu xác thịt.

Sabina nhìn Franz đi qua đi lại trong phòng với chiếc ghế nhắc bổng khỏi đỉnh đầu; cô thấy cảnh tượng kì khôi nhưng nó làm cô vương vấn nỗi buồn lạ lùng khó tả.

Franz đặt ghế đối diện Sabina đoạn ngồi xuống. Anh bảo cô, "Dĩ nhiên anh tự hào về sức mạnh của mình, nhưng ở Geneva anh biết làm gì với những bắp thịt này? Nó như món vật trang trí mà thôi, như chòm lông đuôi của con công. Trong đời anh chưa bao giờ đánh nhau với ai."

Sabina tiếp tục mơ màng: Nếu cô có người đàn ông đầy uy quyền đời cô sẽ ra sao? Người đàn ông muốn làm chủ đời cô? Cô sẽ chịu cảnh sống đó được bao lâu? Không đầy năm phút! Từ đó cô suy ra sự kiện là không người đàn ông nào trên cõi đời này thích hợp cho cô. Mạnh hay yếu.

"Tại sao anh không bao giờ dùng sức mạnh với em?" Cô hỏi Franz.

"Bởi vì yêu là khước từ sức mạnh." Franz nói nhẹ.

Sabina nhận thức ra hai điều: thứ nhất, câu nói của Franz thật cao thượng và chính đáng; thứ hai, câu nói loại anh khỏi đời sống tình cảm của cô.

SỐNG TRONG SỰ THẬT

Đâu đó trong nhật ký hay thư từ, Kafka đặt ra công thức đó. Franz không nhớ rõ từ đâu. Tuy thế nó chiếm ngự tâm tưởng anh. Nhưng sống trong sự thật là gì? Giải thích cách tiêu cực thì dễ thôi: sống trong sự thật là không nói dối, không giấu giếm ai điều gì, sống không giả vờ, đóng kịch.

Tuy vậy, từ ngày gặp Sabina, Franz sống trong dối trá. Anh bịa ra những hội nghị ở Amsterdam, những buổi diễn thuyết ở Madrid để lừa dối vợ; anh không đi dạo phố với Sabina ở Geneva. Và anh thấy thú vị với trò dối gạt giấu giếm đó: nó mới mẻ với anh quá. Anh thấy

kích động như cậu học trò cưng của thầy giáo một hôm nổi hứng thu hết can đảm trốn học đi chơi.

Với Sabina, sống trong sự thật, dù là thành thật với chính mình hay với người khác, chỉ khả hữu ở ngoài tầm kiểm soát của tập thể: giây phút có ai ghé mắt vào quan sát những việc ta làm, tự động ta mở hết ra cho con mắt đó, và việc làm chẳng còn gì thực tâm nữa. Có một tập thể, lúc nào cũng canh cánh trong đầu cái tập thể, có nghĩa là sống trong trá ngụy. Sabina ghét cay ghét đắng loại văn chương trong đó con người cho đi mọi bí mật thầm kín của riêng mình và của tình bằng hữu. Người mất riêng tư là người mất tất cả, Sabina nghĩ vậy. Và kẻ nào tự ý cho đi những điều riêng tư, kẻ đó là con quái vật. Đó là lý do tại sao Sabina không chút khổ tâm khi phải giữ kín mối tình trong vòng bí mật. Trái lại là đằng khác, chỉ có cách đó cô mới có thể sống trong sự thật.

Franz thì ngược lại, anh chắc mẩm chính sự phân chia đời sống thành hai phần tách bạch, trong nhà và ngoài xã hội, là nguyên do mọi điều giả dối: con người trong nhà khác hẳn con người trước công chúng. Với Franz, sống trong sự thật là phá đổ bức tường ngăn chia hai môi trường sống đó. Anh hay mượn câu nói của André Breton về thuật sống "trong ngôi nhà kính" nơi không có bí mật nào bị che phủ và mọi người đều có thể ngắm nhau trong suốt.

Khi anh nghe vợ mình nói với Sabina, "Đôi bông tai sao xấu thế!" anh biết ngay anh không thể tiếp tục sống trong giả dối thêm phút giây nào và anh phải đứng ra bên vực Sabina. Anh chưa làm chỉ vì anh sợ mình sẽ trở thành kẻ phản bội mối tình bí mật của hai người.

Hôm sau bữa tiệc rượu, anh có chương trình đi Roma với Sabina hưởng thời gian cuối tuần. Anh không sao gột rửa được câu nói "Đôi bông tai sao xấu thế!" ra khỏi đầu óc anh. Nó khiến anh nhìn Marie-Claude dưới tia sáng hoàn toàn mới lạ. Thái độ khiêu khích của Marie-Claude – vững vàng, miệng nói huyền thuyên, trên người đầy sinh lực – giúp anh trút bỏ cái hệ lụy một tâm hồn lương hảo anh kiên nhẫn gánh vác suốt hai mươi năm trời vợ chồng chung sống. Anh chạnh nhớ khoảng không gian cực kỳ trống rỗng bên ngôi nhà thờ cổ ở Amsterdam và anh choáng váng với cảm giác đê mê ngây ngất lạ lùng không hiểu nổi do cái khoảng không rộng lớn đó gây nên trong anh.

Marie-Claude bước vào phòng trong lúc anh nhét quần áo vào va li. Cô nói về những người khách trong bữa tiệc, đồng ý quan điểm người này, cười chê người kia.

Franz nhìn cô một lúc lâu rồi nói, "Anh không có buổi hội họp nào ở Roma cả."

Cô không hiểu ý anh. "Vậy tại sao anh phải đi?"

"Anh đi vì chín tháng nay anh có một cô nhân tình," anh bảo cô. "Cô ấy và anh không thích gặp nhau ở Geneva. Đó là lý do tại sao anh vắng nhà luôn. Anh nghĩ đã đến lúc phải nói ra sự thật cho em rõ."

Nói được mấy câu anh bỗng hoảng trí. Anh quay mặt ra chỗ khác để khỏi phải nhìn thấy nét tuyệt vọng anh nghĩ đang hiện dần trên khuôn mặt Marie-Claude.

Sau một khắc im lặng anh nghe cô nói, "Vâng, em nghĩ đã đến lúc em phải được biết."

Giọng cô chắc nịch đến nỗi Franz phải quay mặt lại. Nét mặt cô không chút bối rối; thật ra, trông cô y như người đàn bà mấy hôm trước đây thốt ra câu nói giọng khản đặc, "Đôi bông tai sao xấu thế!"

Cô nói tiếp: "Anh có can đảm cho em biết anh phản bội em chín tháng trời nay, vậy anh có thể nói luôn người đàn bà đó là ai không?"

Anh lúc nào cũng tự nhủ mình không có quyền làm khổ Marie-Claude và phải biết quý trọng người đàn bà trong cô. Nhưng người đàn bà trong cô bỏ đi đâu mất rồi? Nói cách khác, cái gì xảy đến hình ảnh người mẹ anh vẫn hằng liên tưởng qua vợ anh? Mẹ anh, buồn bã, bầm giập, mẹ anh, hai chân xỏ hai chiếc giày khác nhau, bước ra khỏi Marie-Claude mất rồi – hay có lẽ không, có lẽ bà chẳng bao giờ hiện hữu trong con người Marie-Claude. Tất cả đột nhiên lóe lên trong anh với nỗi chán chường thê thiết. "Anh không có lý do nào phải giấu giếm em nữa." Anh bảo cô.

Nếu anh không thành công làm cô tổn thương với lòng dạ thiếu chung thủy của mình, khi tiết lộ tình địch cô là ai, anh chắc chắn cô sẽ đau lắm. Nhìn thẳng vào mắt cô, anh kể cô nghe về Sabina.

Một lúc sau anh gặp Sabina ở phi trường. Lúc phi cơ nhắc cánh bay bổng lên cao, anh thấy mình nhẹ ra, nhẹ ra mãi. Cuối cùng, anh nói với chính mình, sau chín tháng trời anh sống trong sự thật.

Sabina có cảm tưởng Franz phá tung cánh cửa bí mật của hai người. Như thể cô đang nhìn soi mói vào đầu óc Marie-Claude, Marie-Anne, ông họa sĩ Alain, nhà điêu khắc có ngón tay suýt bị cửa – tất cả những người cô quen biết ở thành phố Geneva này. Dù muốn dù không giờ đây cô trở thành tình địch của người đàn bà cô không bao giờ muốn lý đến. Franz sẽ ly dị vợ và cô sẽ thế chỗ Marie-Claude vào nằm trên chiếc giường vợ chồng rộng lớn kia của anh. Hết người này đến người kia từ khoảng cách xa gần sẽ tuần tự tìm đến, cô sẽ phải đóng kịch trước mặt họ; thay vì là Sabina, cô sẽ phải đóng vai trò của Sabina, quyết định thế nào cho vai trò trở nên xuất sắc nhất. Một khi tình yêu cô bị đem ra phơi bày trước mặt mọi người, nó sẽ có trọng lượng và biến thành hệ lụy. Mới nghĩ đến chừng đó Sabina đã co rúm người lại.

Hai người ăn tối tại một nhà hàng ở Roma. Cô im lặng ngồi uống ly rượu vang.

"Em không thấy đói?" Franz hỏi cô.

Cô bảo anh cô không đói. Cô vẫn còn hoang mang không rõ mình có nên vui mừng hay không. Cô nhớ lần hai người trên chuyến tàu tốc hành đi Amsterdam, lần đó cô như muốn quỳ xuống trước mặt anh, van xin anh hãy ôm cô thật chặt, hãy siết cô trong vòng tay anh, và đừng bao giờ để cô vượt mất. Cô xiết bao mong mỗi có ngày mình về đến chặng cuối con đường bội phản đầy trắc trở kia. Cô muốn dừng bước ngay đây.

Cô cố gắng khuếch đại lòng mong mỏi đó, cô dựa vào nó, kêu gọi nó trợ giúp mình. Nhưng cô chỉ thấy cảm giác chán ngấy càng lúc càng gia tăng.

Hai người băng qua phố phường Roma tản bộ về khách sạn. Họ đi bên nhau trong im lặng giữa tiếng huyên náo của đám đông dân Ý nhộn nhịp chung quanh đang la hét om xòm, tay chân múa may cuồn cuộn. Vì thế họ đi bên nhau trong im lặng và không nghe được tiếng im lặng của nhau.

Sabina tắm gội rất lâu trong phòng tắm; Franz nằm sẵn trong chăn đợi cô. Như mọi lần khác, ngọn đèn nhỏ mờ mờ tỏa lên gian phòng.

Từ phòng tắm bước ra, cô đưa tay tắt đèn. Đó là lần đầu tiên cô làm cử chỉ này. Franz lẽ ra phải để ý. Nhưng anh không nhận ra bởi với anh ánh sáng không có ý nghĩa gì. Như chúng ta biết, anh làm tình với hai mắt nhắm nghiền.

Sự thật, chính đôi mắt nhắm nghiền của Franz khiến Sabina tắt đèn. Cô không chịu nổi phải nhìn hai mi mắt nhắm tịt đó thêm giây phút nào nữa. Đôi mắt, như câu nói thường nghe, là cửa sổ linh hồn. Vì thế thân xác Franz, nhấp nhô trên thân xác cô với đôi mắt nhắm nghiền là thân xác không có linh hồn. Nó giống như con thú mới đẻ, hai mắt còn mù tịt và ư ử rúc vào tìm vú mẹ. Cái anh chàng Franz vạm vỡ khỏe mạnh lúc giao hợp trông giống con chó con khổng lồ bú vú mẹ. Anh ngậm đầu vú cô trong miệng như thể đang bú sữa mẹ! Ý nghĩ Franz người đàn

ông trưởng thành ở phần dưới và đứa bé đang bú vú mẹ ở phần trên làm cô gớm nhòm đến tởm cả người. Hóa ra cô đang giao hợp với đứa bé con! Không, cô sẽ không bao giờ phải trông thấy thân xác anh di động đầy tuyệt vọng trên thân thể cô nữa, cô sẽ không bao giờ hiến dâng bộ ngực cô cho anh, đồ chó con, hôm nay là lần cuối cùng, nhất định lần cuối cùng!

Dĩ nhiên, cô biết như thế không công bằng chút nào, cô biết Franz là người đàn ông tốt lành nhất trong những người đến với cô – anh thông thái, hiểu tranh cô vẽ, anh còn điển trai và tốt bụng – nhưng càng nghĩ cô càng muốn hất bỏ cái trí tuệ, càng muốn bôi xóa lòng lương hảo, càng muốn vi phạm cái sức mạnh vô hiệu đó của anh.

Đêm đó, cô làm tình với anh say đắm cuồng nhiệt hơn những lần khác, do nhận thức đây là lần ân ái cuối cùng. Trong lúc làm tình, cô bay đi thật xa, thật xa. Một lần nữa cô nghe tiếng tù và vang vọng từ khoảng cách xa xôi kêu gọi lòng bội phản, và cô biết cô không tài nào cưỡng chế nổi. Cô thấy bến bờ tự do rộng lớn đang dần trải trước mặt mình, và cảnh tượng bao la bát ngát đó khiến cô thấy lòng tràn đầy kích động. Cô chưa từng làm tình với Franz say mê đắm đuối như thế bao giờ.

Franz khóc mùi mẫn trong lúc nằm đè trên thân thể cô; anh tin chắc điều mình hiểu: Sabina giữ im lặng suốt bữa ăn tối, không nói câu nào về quyết định của anh, nhưng đây mới là câu trả lời của cô. Cô bộc lộ cho anh thấy rõ ràng cô vô cùng vui sướng, lòng cô tràn ngập nỗi đam mê và cô sẵn sàng về chung sống với anh cho đến hết cuộc đời. Anh có cảm tưởng anh như người đang phóng ngựa đi vào cõi hư vô huyền diệu, cõi hư vô không vợ, không con, không nhà cửa, cõi hư vô huyền diệu được quét sạch nhờ cây chổi của Hercules, cõi hư vô huyền diệu anh sẽ lấp đầy bằng tình yêu của anh.

Người này cười người kia như đang cười ngựa và mỗi người mỗi hướng, ra sức sải vó về những khoảng trời hoan lạc xa xăm, say sưa vì lòng bội phản giúp mình giải thoát. Franz cười lên Sabina, phản bội vợ mình; Sabina cười lên Franz, phản bội chính Franz.

Suốt hai mươi năm trời anh hình dung hình ảnh mẹ anh – con người yếu đuối, đáng thương, cần sự bao che của anh – bên trong vợ anh. Hình ảnh đó ăn sâu trong anh và mới hai ngày làm sao anh gột rửa nó ra khỏi đầu óc anh được. Trên đường về nhà lương tâm anh bắt đầu cắn rứt: anh sợ Marie-Claude quy ngã sau khi anh ra khỏi nhà và giờ đây chắc hẳn cô đang sầu khổ ghê gớm lắm. Anh rón rén mở khóa rồi len lén bước vào phòng anh. Anh đứng đó một lúc lâu, nghe ngóng: Vâng, vợ anh có nhà. Sau hồi lưỡng lự anh mở cửa bước vào phòng cô, sẵn sàng chào hỏi như thường lệ.

"Cái gì?" Cô kêu lên, đôi mày cô nhướng lên làm ra vẻ kinh ngạc tốt độ. "Anh đấy à? Anh còn ở đây sao?"

"Anh biết về đâu bây giờ?" Anh rất muốn nói với cô như thế (ngạc nhiên thật sự chứ không phải giả vờ), nhưng anh lại hoàn toàn im lặng.

"Chúng ta hãy tính toán mọi việc cho ra lẽ đi chứ? Anh cứ việc dọn về ở với cô ta ngay tức khắc, em không cản đâu."

Trước khi đi Rome anh thú nhận mọi chuyện với vợ, nhưng anh không suy tính trước việc gì. Anh nghĩ đợi lúc về sẽ nói chuyện với cô trong tinh thần thiện để giúp cô tránh mọi đau đớn không cần thiết. Anh không bao giờ tưởng tượng Marie-Claude không những vẫn bình thản như thường mà lại còn lạnh lùng xua đuổi anh ra khỏi nhà.

Điều này giúp anh đỡ bối rối khó xử nhưng không hiểu sao anh cảm thấy thất vọng. Suốt đời anh canh cánh nỗi sợ hãi làm cô đau khổ và cố gắng sống chung thủy với cô. Giờ đây, sau hai mươi năm, anh đột nhiên khám phá điều đó thừa thãi vô ích quá và anh đã bỏ qua hàng chục cơ hội có đàn bà chỉ vì hiểu lầm!

Chiều hôm đó, sau buổi dạy, từ trường ra anh về thẳng nhà Sabina. Anh định sẽ nói với Sabina cho mình ngủ lại đêm. Anh nhấn chuông, nhưng không thấy cửa mở. Anh sang quán cà phê bên kia đường, nhìn chăm chăm vào cửa ra vào khu nhà phố. Đêm xuống, anh không biết về đâu. Cả cuộc đời anh chia sẻ chiếc giường ngủ với Marie-Claude. Nếu anh về nhà với Marie-Claude, anh sẽ ngủ nơi đâu? Dĩ nhiên, anh vẫn có thể ôm gối ra nằm sô pha phòng bên. Nhưng điều đó phải chăng là hành vi lập dị thôi ư? Nó có vẻ bất nghĩa làm sao. Dù sao anh vẫn muốn duy trì tình bạn với cô. Nhưng chui vào giường ngủ chung với cô nhất định không ổn rồi. Cô sẽ mỉa mai nói cạnh nói kháy hỏi tại sao anh chê giường Sabina. Đêm đó anh thuê phòng khách sạn ngủ tạm qua đêm.

Sáng hôm sau anh đến nhấn chuông nhà Sabina lần nữa, rồi buổi trưa, chiều tối.

Hôm sau nữa anh vào hỏi người quản lý, nhưng người này không biết gì và đề nghị anh hỏi thẳng bà chủ khu phố. Anh điện thoại và được biết Sabina đã gửi giấy báo dọn nhà từ hai hôm

trước.

Những ngày sau đó anh đều đặn quay lại với hy vọng gặp cô. Một hôm anh thấy cửa mở và có ba người phu khuân vác đang chất đồ đạc, tranh vẽ lên chiếc xe tải nhỏ đậu ngoài đường.

Anh bước lại hỏi họ dọn nhà đi đâu.

Họ trả lời họ được dặn tuyệt đối không tiết lộ cho ai biết địa chỉ nơi dọn tới. Anh định hỏi lộ vài quan tiền để xin địa chỉ nhưng đột nhiên anh thấy mình không đủ sức mạnh làm việc đó. Nỗi buồn làm anh tan rã. Anh hoang mang không biết chuyện gì xảy ra; điều duy nhất anh nhận biết là anh đã chờ đợi chuyện này từ ngày anh gặp gỡ Sabina. Cái gì phải xảy ra sẽ phải xảy ra thôi. Anh không chống cự làm gì.

Anh thuê một căn phố nhỏ trong vùng gia cư xưa cũ của thành phố. Anh về nhà lúc Marie-Claude và con gái vắng mặt thu nhặt quần áo và ít sách vở cần thiết. Anh thận trọng không lấy theo món gì Marie-Claude cần dùng trong nhà.

Một hôm, anh bắt gặp cô ngồi trong quán cà phê. Cô ngồi với hai người đàn bà khác, mặt cô, khuôn mặt đầy nếp nhăn vì lúc nào cũng làm bộ làm tịch nhăn nhó, đang tươi tắn linh động lắm. Hai người đàn bà chăm chú nghe cô nói và phá lên cười luôn miệng. Franz không thể không nghĩ cô đang kể cho họ nghe về anh. Chắc chắn cô biết Sabina biến mất khỏi thành phố cùng lúc anh quyết định về chung sống với cô. Quả là chuyện lý thú! Anh không ngạc nhiên chút nào mình trở thành đề tài cho những người bạn vợ lôi ra chế giễu.

Lúc về nhà, căn phố nơi mỗi giờ có tiếng chuông vọng lại từ nhà thờ Saint-Pierre, anh thấy cái bàn giấy anh đặt mua đã về tới. Lập tức anh quên ngay Marie-Claude và những bà bạn của cô. Ngay cả Sabina anh cũng tạm quên trong chốc lát. Anh ngồi vào bàn viết. Anh vui thích đã tự tay chọn cái bàn. Hai mươi năm anh sống với những đồ đạc không phải do tay anh lựa chọn. Marie-Claude lo lắng mọi thứ trong nhà. Cuối cùng anh không còn là cậu bé nữa; lần đầu tiên trong đời, anh tự làm chủ lấy mình. Ngày hôm sau anh thuê thợ mộc đóng cho anh kệ sách. Anh bỏ ra mấy hôm vẽ kiểu kệ và quyết định dựng nó ở chỗ nào trong nhà.

Có lúc anh chợt ngạc nhiên vì nhận ra anh không đến nỗi cực kỳ buồn thảm. Không có Sabina bằng xương bằng thịt không quan trọng như anh tưởng. Điều quan trọng là dấu chân vàng, dấu chân huyền nhiệm cô để lại trong đời anh và không ai có thể bôi xóa được. Trước khi biến mất tầm khỏi vòm trời của anh, cô nhét vào tay anh cây chổi của Hercules và anh dùng nó quét sạch mọi thứ anh hằng kính tởm ra khỏi đời sống. Niềm vui sướng đột ngột, cảm giác tìm ra chân hạnh phúc, niềm vui được tự do sống đời sống mới – đây chính là quà tặng cô để lại cho anh.

Thật ra, con người anh luôn ngưỡng vọng những điều không tưởng. Anh hạnh phúc với nữ thần Sabina hơn là Sabina bằng xương bằng thịt kè kè bên anh khắp nơi trên thế giới và mỗi tình lúc nào anh cũng thất thỏm lo âu có lúc chấp cánh bỏ anh bay đi, điều đó giống như anh thấy thoải mái với những cuộc biểu tình diễn hành (mà tôi vạch ra cho thấy chỉ toàn đóng kịch và mơ tưởng) hơn là những giảng đường đầy nghẹt sinh viên. Cô đột ngột đem đến cho anh tự

do làm chủ lấy mình trong cuộc sống, vì thế cô cũng cho anh luôn cái hào quang quyến rũ đàn bà. Anh trở thành người đàn ông được nhiều đàn bà ưa thích, và một trong những cô sinh viên học trò của anh đem lòng yêu thương anh rất mực.

Thế là chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi cuộc đời anh thay đổi toàn diện. Cách đây không lâu anh sống trong ngôi nhà rộng rãi thuộc giới khá giả trung lưu với đầy tớ, cô con gái và bà vợ; giờ đây anh ngụ trong căn phố nhỏ vùng nhà cửa cũ kỹ, gần như tối nào cũng có cô gái nửa học trò nửa nhân tình đó đến với anh. Anh không phải tháp tùng cô từ khách sạn này sang khách sạn kia; anh có thể làm tình với cô ngay tại nhà anh, trên giường ngủ của anh, bên cạnh đồng sách vở và gạt tàn thuốc lá ngổn ngang đầu giường! Cô gái dung dị và không xinh đẹp lắm, nhưng cách cô tán phục Franz giống như Franz mới đây tán phục Sabina. Anh không buồn. Và nếu quả thật anh có cảm giác đánh đổi Sabina với cô gái học trò đeo kính cận là cái gì xuống giá thì bản chất lương hảo sẵn có của anh cũng khiến anh thương cô gái như người cha thương con, vì Marie-Anne luôn luôn cư xử như phó bản của Marie-Claude chứ không phải là con gái anh nên tình phụ tử của anh không có chỗ trút vào.

Một hôm anh đến thăm người vợ cũ. Anh bảo cô chắc anh sẽ tiến thêm bước nữa. Marie-Claude lắc đầu.

"Nhưng ly dị rồi cô có khác gì đâu? Cô không mất mát gì cả! Tôi sẽ cho cô hết tài sản của cải."

"Em không màng đến tài sản của cải."

"Thế cô màng cái gì?"

"Tình yêu." Cô nói miệng tủm tỉm cười.

"Tình yêu?" Franz hỏi lại mặt đầy kinh ngạc.

"Tình yêu là bãi chiến trường," Marie-Claude nói tiếp, miệng vẫn mỉm cười. "Và em sẽ tiếp tục chiến đấu. Cho đến cùng."

"Tình yêu là bãi chiến trường?" Franz lẩm bẩm. "Nhưng tôi không thấy ham chiến đấu chút nào." Nói xong anh bỏ ra về.

Sau bốn năm sinh sống ở Geneva, Sabina dọn về Paris, nhưng cô vẫn không sao thoát khỏi nỗi buồn chán trong cuộc sống. Nếu có người hỏi cái gì khiến cô như vậy chắc cô sẽ vô cùng khó khăn tìm ra câu trả lời.

Khi diễn tả hoàn cảnh bi thiết trong đời sống, chúng ta thường hay vay mượn ẩn dụ ví von những gì nặng nề. Chúng ta nói đời sống bị những hệ lụy to lớn nhận chìm. Chúng ta hoặc gánh vác cái hệ lụy đó lên vai hoặc thất bại và ngã quỵ, chúng ta vùng vẫy chống trả, có thể thắng nhưng cũng có thể thua. Còn Sabina – cái gì nhận chìm cô xuống? Không gì cả! Cô bỏ người đàn ông ra đi chỉ vì cô thích làm vậy. Người đàn ông có lên án cô không? Anh ta có tìm cách trả thù cô không? Không. Bi kịch của cô không phải là bi kịch về những điều nặng nề mà là bi kịch của những điều vô trọng lượng, những điều nhẹ như tơ. Rơi xuống đời cô không phải là hệ lụy mà là cái khinh phù khôn kham của nhân sinh.

Cho đến thời điểm đó, lòng bội phản khiến tim cô ngập tràn nỗi kích động và niềm vui, bởi nó mở ra những con đường mới dẫn đến những cuộc phiêu lưu bội phản mới. Nhưng chuyện gì xảy ra nếu cô đặt chân đến cuối chặng đường? Người ta có thể bội phản cha mẹ, chồng con, quê hương, tình yêu mất hết thì còn lại gì cho chúng ta tiếp tục bội phản?

Sabina thấy nỗi hoang vắng ghê gớm tràn ngập chung quanh cô. Phải chăng sự hoang vắng đó chính là mục tiêu những trò bội phản?

Trước đó cô không nhìn ra điều này. Làm sao cô thấy được? Có mục đích nào không bị che đậy đâu? Có thiếu nữ mơ tưởng hôn nhân mơ tưởng điều cô không bao giờ biết đến. Cậu thanh niên khao khát danh vọng nhưng không hề biết danh vọng là gì. Ý nghĩa đằng sau mọi động cơ hướng dẫn chúng ta sống luôn luôn mờ mịt tối tăm. Sabina không trông thấy mục tiêu phía sau lòng mong muốn bội phản. Cái khinh phù khôn kham của nhân sinh – có phải là mục tiêu không? Bỏ Geneva ra đi, cô bị đẩy khá gần đến mục tiêu đó.

Ba năm ở Paris, một hôm cô nhận được lá thư từ Praha. Thư của cậu con trai Tomas. Không hiểu dò la cách nào cậu biết về cô và tìm ra địa chỉ, cậu gọi Sabina là người bạn "chí thân" của cha cậu. Cậu viết về cái chết của Tomas và Tereza. Thời gian mấy năm qua, hai người đưa nhau về quê sinh sống, Tomas làm nghề lái xe tải trong một nông trường tập thể. Thỉnh thoảng họ lái xe sang thị trấn gần làng và ngủ qua đêm trong một khách sạn rẻ tiền. Đường sang thị trấn có đoạn leo đồi quanh co khúc khuỷu, và chiếc xe tải nhỏ lạc tay lái đâm sầm xuống lòng vực sâu. Xác hai người nát nhừ. Sau đó công an điều tra biết tai nạn xảy ra vì thắng xe ở tình trạng hoàn toàn hư hỏng.

Cô bàng hoàng khi nghe tin. Sợi dây nối liền cô về quá khứ bị chặt đứt phẳng.

Theo thói quen cũ, cô tìm cách làm dịu xuống bằng cách vào đi bộ trong một khu nghĩa trang. Nghĩa trang Montparnasse gần nhà nhất. Trên mỗi nấm mộ là cái nhà nhỏ xíu, một mái

giáo đường thu nhỏ. Sabina không hiểu tại sao người chết muốn có những tòa lâu đài giả tạo xây trên họ. Nghĩa trang là cõi hư vô hóa kiếp trở thành đồng đá vụn. Thay vì trở nên có ý nghĩa hơn khi về bên kia thế giới, những cư dân của nghĩa trang trở nên buồn ngốc vớ vẩn hơn so với lúc còn sống. Đài kỷ niệm của họ dùng làm nơi phô trương lúc còn sống họ quan trọng tới mức nào. Nơi đây không thấy cha, anh, con, bà được chôn cất, chỉ có những nhân vật của công chúng, những chức sắc tên tuổi, bằng cấp, danh dự; ngay người thư ký bưu điện cũng dương danh nghề nghiệp mình, sự quan trọng trong xã hội – phẩm giá mình.

Đi dọc theo những nấm mộ, cô gặp một đám tang. Người lo việc tổng táng tay ôm bó hoa đi phát cho mỗi người một nhánh. Sabina cũng được phát một nhánh hoa. Cô bước theo đám đông. Họ luồn lách xuyên qua nhiều đài kỷ niệm trước khi đến huyết mộ chưa có tấm bia nặng nề bên trên. Cô nghiêng người nhìn vào huyết mộ. Đáy huyết sâu hun hút. Cô ném nhánh hoa xuống. Nhánh hoa chao đi chao lại vài vòng rồi nằm yên trên nắp quan tài người chết. Ở Bohemia huyết chôn người chết không sâu đến vậy. Ở Paris mộ người chết sâu hơn cũng những các tòa nhà cao tầng hơn. Mắt cô đập vào tấm mộ bia nằm bên cạnh. Cô lạnh run người, và cô vội vã bỏ ra về.

Suốt buổi cô nghĩ ngợi về tấm mộ bia. Tại sao cô khiếp hãi nó đến thế?

Cô tự tìm câu trả lời cho mình: Mộ bia dùng chặn người chết, không cho họ chui ra khỏi mộ.

Nhưng đằng nào người chết cũng không chui ra khỏi mộ! Có gì khác biệt đâu nếu người chết được phủ bằng đất hay đá?

Nó khác nhau ở chỗ nếu dùng tảng đá đập úp nấm mộ lại, điều đó có nghĩa chúng ta không muốn thấy người chết trở về. Tảng đá nặng nề bảo người chết: "Này, bạn cứ việc ở đấy nhé."

Sabina chạnh nhớ đến ngôi mộ của cha cô. Mộ ông đắp bằng đất, trên mộ bông hoa nở rộ rồi lại còn có cây phong từ trên cao rủ xuống. Rễ cây và bông hoa giúp ông biết lối chui ra khỏi mộ. Giá thử mộ ông bị tấm đá to lớn đè chặt, cô sẽ chẳng bao giờ nói chuyện được với ông sau khi ông chết để nghe lời tha thứ ông thốt ra từ đám cây.

Nghĩa trang nơi chôn cất Tereza và Tomas trông ra sao nhỉ?

Một lần nữa cô lan man nghĩ ngợi đến hai người. Thỉnh thoảng họ lái xe sang thị trấn gần làng và ngủ qua đêm trong một khách sạn rẻ tiền. Đoạn viết trong thư làm cô chú ý. Có nghĩa hai người hạnh phúc. Cô lại hình dung ra Tomas như thể anh là một trong những bức tranh của cô: Don Juan ở tiền diện sân khấu, bối cảnh màu mè, và qua kẽ hở – Tristan! Anh chết như Tristan chết chứ không phải như Don Joan. Cha mẹ Sabina chết trong cùng tuần lễ. Tomas và Tereza chết trong cùng khắc giây. Đột nhiên cô nhớ nhưng Franz khôn tả.

Lúc cô kể anh nghe về những lần cô đi dạo trong nghĩa trang, anh rung mình kinh hãi và gọi nghĩa trang là bãi rác đầy xương xẩu và gạch đá. Hố sâu ngăn cách lập tức mở ra giữa hai người. Mãi đến hôm ở nghĩa trang Montparnasse cô mới hiểu ra ý nghĩa câu nói của Franz. Cô tiếc đã không kiên nhẫn với anh. Có lẽ nếu hai người gần nhau lâu hơn, chắc Sabina sẽ bắt đầu

hiểu rõ hơn những từ ngữ hai người sử dụng. Dần dà bộ từ vựng của hai người hòa nhập vào nhau, như những người tình nhút nhát, và âm nhạc người này bắt đầu tương giao âm nhạc người kia. Nhưng giờ đây, mọi việc trỗi tràng quá rồi.

Vâng, quá trỗi rồi, và Sabina biết cô phải rời bỏ Paris lên đường lần nữa, và cứ thế mãi mãi thôi, bởi, giá như cô chết nơi đây họ sẽ chôn cô lên phiến đá, và trong đầu óc người đàn bà không nơi chốn nào là nhà thì ý tưởng bỏ cuộc là điều không sao chịu đựng nổi.

Bạn bè Franz ai cũng biết về Marie-Claude, về cô gái có cặp kính cận thị to quá khổ. Nhưng không ai biết về Sabina. Franz ngỡ vợ anh nói xấu anh với bạn bè cô. Nhưng không phải. Sabina có nhan sắc, và Marie-Claude chẳng dại gì đem chuyện đó ra kể để thiên hạ có dịp so sánh dung nhan hai người.

Nhưng bởi Franz quá sợ bị khám phá đến độ anh không lấy bất cứ món gì từ Sabina, một bức tranh, ký họa, hay một tấm ảnh của cô anh cũng không có. Kết quả, cô biến khỏi đời anh không một dấu tích để lại. Không có đến mảnh vụn bằng chứng khả tín nào cho thấy anh từng sống những tháng ngày tuyệt diệu nhất của đời anh với cô.

Điều đó chỉ làm tăng thêm lòng chung thủy của anh với cô thôi.

Đôi lúc trong nhà chỉ có hai người, cô gái có lúc rời quyển sách, ngừng đầu lên, ném về phía anh cái nhìn dò hỏi, "Anh đang nghĩ ngợi gì vậy?"

Ngồi trong ghế bành, hai mắt phóng lên trần nhà, Franz luôn luôn tìm câu trả lời làm hài lòng cô gái nhưng thật lòng anh đang nghĩ đến Sabina.

Lần này anh có bài đăng trên tạp san nghiên cứu, cô gái là người đọc đầu tiên và cô bàn luận với anh. Nhưng trong đầu anh chỉ quanh quẩn câu hỏi giá Sabina có mặt lúc này cô sẽ nói như thế nào. Mọi việc anh làm, anh làm cho Sabina, cách thức anh làm cũng là cách thức Sabina mong muốn.

Hình thức thiếu chung thủy hoàn toàn vô tội đó phù hợp con người Franz. Anh chẳng bao giờ muốn làm khổ cô gái. Anh thờ phụng Sabina, xem đó là tôn giáo chứ không phải tình yêu. Đúng thế, theo lý thuyết thần hệ của tôn giáo đó, chính Sabina đã đem cô gái đến cho anh. Vì thế giữa tình yêu trần tục và tình yêu thánh hóa (những lý do có tính thần học) bắt buộc phải chứa đựng liều thuốc cực mạnh những điều không thể lý giải cũng như lí hội (chúng ta chỉ cần nhớ lại quyển từ vựng những từ ngữ bị hiểu sai), tình yêu trần tục lại dựa trên sự thông hiểu nhau thật sự. Cô gái học trò trẻ tuổi hơn Sabina nhiều, khúc nhạc đời sống cô chỉ mới được phác thảo; cô sung sướng đón nhận những mô-típ từ Franz để điền vào khúc nhạc. Cuộc Diễn hành Vĩ đại của Franz cô xem như tín ngưỡng. Âm nhạc giờ đây là bầu rượu cuồng say. Hai người hay rủ nhau đi khiêu vũ. Họ sống trong sự thật, không có gì bí mật. Họ tìm đến bạn bè, đồng nghiệp, sinh viên, người lạ mặt và thích thú ngồi tán gẫu hàng buổi. Họ cũng thường hay đi du ngoạn cảnh vùng Alps. Franz cúi người xuống, cô gái nhảy lên lưng anh, anh cõng cô chạy băng băng trên cánh đồng, miệng đọc to bài thơ tiếng Đức mẹ anh dạy thuở anh còn bé thơ. Cô gái thích chí cười sằng sặc trong lúc hai tay ôm chặt cổ anh.

Điều duy nhất cô không sao dò tìm được là thiện cảm đến kỳ lạ anh dành cho những quốc gia bị đế quốc Nga chiếm đóng. Có lần hai người tham dự một buổi lễ tưởng niệm ngày Tiệp khắc bị xâm chiếm do nhóm di dân Tiệp tổ chức ở Geneva. Phòng họp gần như trống trơn. Diễn

giả có mái tóc bạc dợn sóng. Ông ta đọc bài diễn văn dài thậm thụt và ngay những người nhiệt tâm ngồi đó cũng phát chán. Tiếng Pháp ông đúng văn phạm nhưng giọng nói rất khó nghe. Thỉnh thoảng, để nhấn mạnh, ông giơ ngón tay trở lên, như thể đang đe dọa đám thính giả ngồi bên dưới.

Cô gái cố lắm mới không ngáp ngáp dài, trong lúc Franz mặt mày tươi tỉnh và miệng nở nụ cười chân phước. Càng nhìn lâu người đàn ông có mái tóc bạc và ngón tay trở dài ngoằng anh lại càng thấy ông là vị sứ giả bí mật, vị thiên thần làm trung gian giữa anh và nữ thần của anh. Anh nhắm mắt lại và để hồn mình bay bổng. Đôi mắt anh nhắm như khi anh ép sát người trên thân thể Sabina trong mười lăm khách sạn ở Âu châu và một ở Mỹ châu.

PHẦN BỐN

tâm hồn và thể xác

Gần một giờ rưỡi đêm lúc Tereza về nhà. Cô vào phòng tắm thay quần áo ngủ rồi nằm xuống cạnh Tomas. Anh đang ngủ say. Trong lúc cúi xuống hôn lên mặt anh cô bỗng ngửi thấy mùi gì là lạ toát ra từ mái tóc anh. Cô ngửi đi ngửi lại hai ba lần. Cô dí mũi vào hít hít như chó đánh hơi mãi mới phát giác ra cái mùi lạ lùng bốc lên từ đầu tóc Tomas: mùi phần thơm kín nhất, phần trái cấm trên thân thể đàn bà.

Sáu giờ sáng, chuông đồng hồ báo thức reo vang. Thời điểm sung sướng nhất của Karenin đã điếm. Tuy bao giờ cũng thức dậy thật sớm nhưng nó không dám đánh thức ông bà chủ. Nó nóng nảy đợi tiếng chuông đồng hồ báo thức, lúc đó nó mới được quyền nhẩy lên giẫm bừa bãi trên giường và húc mõm dựng hai người dậy. Hồi mới đầu, hai người còn cố kềm nó xuống và đẩy nó ra khỏi giường, nhưng nó khỏe lắm, hai người chẳng dễ gì tước đoạt quyền lợi của nó. Dần dà, Tereza trở nên yêu thích thói quen được nó chào đón mỗi sáng như vậy. Với nó, thức dậy buổi sáng là niềm vui sướng tột cùng: nó luôn luôn tỏ ra kinh ngạc cách ngổ ngác và giản dị khi khám phá mình vẫn còn trên mặt đất; nó thật sự vui mừng. Tereza thì khác, cô thức dậy trong uể oải và chỉ mong quên phứt đi ngày dài trước mặt bằng cách cứ nhắm yên hai mắt.

Nó chạy ra đứng gần cửa ra vào, ghéch mõm lên nhìn giá treo mũ, trên đó treo toòng teng sợi dây xích cổ. Cô trông dây rồi dẫn nó đi chợ. Cô cần mua ít sữa, bánh mì và như thường lệ ổ bánh nướng cho Karenin. Từ chợ ra, nó lon ton chạy bên cạnh cô, mõm ngậm ổ bánh, mắt nhìn ngang nhìn dọc ra vẻ dương dương tự đắc lắm về sự chú ý của đám đông qua lại.

Về đến nhà, nó vào nằm dài ngay cửa phòng ngủ, ổ bánh vẫn ngậm trên mõm chờ đợi Tomas nhận ra mình. Nó đợi anh bò đến gần, miệng gầm gừ làm như đang tìm cách giật ổ bánh khỏi miệng nó. Ngày nào cũng thế. Anh và con Karenin đuổi nhau như vậy trong nhà ít nhất năm phút trước khi nó chui vào gầm bàn ăn hết ổ bánh.

Tuy nhiên, lần này nó đợi mãi vẫn không thấy nghi thức mỗi sáng đó diễn ra. Tomas đang chăm chú lắng nghe một chương trình phát thanh từ chiếc máy thu thanh nhỏ đặt trên bàn trước mặt.

Đó là chương trình phát thanh đặc biệt về cộng đồng di dân Tiệp ở hải ngoại gồm những đoạn đối thoại kín thu lén bằng máy móc tinh xảo nhất do một tay gián điệp nằm vùng len lỏi trà trộn trong cộng đồng lưu vong nước ngoài thu được và gửi về Praha. Cuộn băng toàn những lời nói huyền thiên trên trời dưới biển, thỉnh thoảng xen vào những câu chửi bới chế độ, nhưng cũng có chỗ nhân vật lưu vong này gọi nhân vật lưu vong kia là thằng ngu, thằng bịp. Những điểm tầm thường thấp kém đó là chủ điểm buổi phát thanh. Nó cố minh chứng cộng đồng lưu vong hải ngoại không phải chỉ nói xấu Liên Xô, họ còn mắng chửi lẫn nhau toi bời và tự tiện dùng những ngôn từ hạ cấp nhất. Người ta mở miệng văng tục văng tẩn suốt ngày, nhưng khi nghe trên máy thu thanh nhân vật tầm tiếng, nhân vật họ kính trọng, mỗi câu mỗi "đù má đù mẹ", họ bỗng có cảm tưởng như bị bỏ rơi.

"Mọi chuyện bắt đầu từ Prochazka." Tomas nói.

Jan Prochazka, nhà văn Tiệp khắc bốn mươi tuổi với sức mạnh và sinh lực một con bò mộng, ngay từ trước 1968 đã bắt đầu gào thét chỉ trích chính quyền. Rồi ông trở thành một trong những nhân vật được yêu mến nhất của Mùa Xuân Praha, cái biến cố chóng mặt muốn tự do hoá chủ nghĩa Cộng sản và bị đập tan với cuộc xâm lăng của Nga. Sau vụ xâm lăng ít lâu, báo chí mở chiến dịch bôi nhọ ông, nhưng báo chí càng ra sức bôi nhọ ông bao nhiêu dân chúng càng yêu mến ông bấy nhiêu. Thế rồi (năm 1970, cho chính xác) đài phát thanh Tiệp khắc phát thanh một loạt những mẫu đối thoại riêng tư giữa Prochazka và người bạn giáo sư của ông. Những mẫu đối thoại bị thu lén trước đó hai năm (tức là mùa Xuân 1968). Cả hai người không hề hay biết căn nhà vị giáo sư bị đặt máy nghe lén và mỗi bước chân của họ đều có con mắt nhìn theo. Prochazka rất thích biệt đãi bằng hữu với những điều khoa đại quá trớn. Giờ đây những điều quá trớn đó biến thành chương trình phát thanh hằng tuần. Sở mật thám trách nhiệm sản xuất và đạo diễn chương trình, họ bỏ ra nhiều công sức nhấn mạnh những đoạn Prochazka giễu cợt bạn bè ông Dubcek chẳng hạn. Người ta phỉ báng bạn bè chỉ vì chuyện không đâu nhưng bị sốc vì một Prochazka đáng kính nhiều hơn là cái sở mật thám đáng ghét kia.

Tomas tắt máy rồi nói, "Quốc gia nào cũng có mật thám. Nhưng mật thám đi thu băng lén rồi phát trên làn sóng điện cho dân chúng nghe thì chỉ xảy ra ở Praha, tuyệt đối chưa từng thấy ở đâu bao giờ!"

"Có chứ." Tereza bảo anh. "Năm mười bốn tuổi, em có tập nhật kí. Em cất giữ nó kĩ lắm vì sợ có người đọc lén. Em giấu nó trên gác xép. Thế mà không hiểu mẹ em mò mẫm thế nào vẫn tìm ra. Một hôm giữa bữa ăn tối, mọi người đang cầm cúi ăn súp, bà thò tay vào túi lấy ra quyển nhật kí rồi cất tiếng, 'Mọi người lắng nghe này!' Và sau mỗi câu bà phá lên cười. Mọi người cười bò lăn bò càng đến nỗi bỏ cả ăn."

Thường anh cố không làm cô mất giấc ngủ lúc anh thức dậy một mình ra ăn sáng. Nhưng cô không chịu. Tomas làm ca ngày từ bảy giờ sáng đến bốn giờ chiều, trong khi cô làm ca tối từ bốn giờ đến nửa đêm. Nếu không cùng ăn sáng cô chỉ trông thấy mặt anh vào ngày Chủ nhật. Đó là lí do cô thức dậy cùng lúc với anh rồi sau đó vào giường ngủ tiếp.

Tuy nhiên, sáng nay cô không dám ngủ thêm vì mười giờ cô phải có mặt tại nhà tắm hơi bên khu đảo Zofin. Nhà tắm hơi không đủ chỗ chứa từng đó người chờ đợi xin vào cửa, vì thế chỉ có cách nhờ cậy chỗ quen biết. May mắn, người thu ngân là vợ một giáo sư bị mất chức sau 1968 và vị giáo sư là bạn một bệnh nhân cũ của Tomas. Nhờ thế Tereza mỗi tuần đều có vé vào cửa.

Cô đi bộ đến nhà tắm hơi. Cô ghét lấy xe điện vì trên xe lúc nào cũng chật cứng. Người ta xô đẩy nhau đầy ác ý, giẫm lên chân nhau, giật đứt khuy áo nhau và quác miệng hét những lời thoá mạ nặng nề.

Quang cảnh trông đến chóng cả mặt. Trong lúc vội vã bước tới, mọi người đồng loạt giương dù lên che đầu và lập tức đường phố đông như nêm cối. Những cây dù va vào nhau. Đàn ông còn lịch sự, khi đi ngang Tereza họ giơ cao cây dù nhường chỗ cho cô bước qua. Đàn bà không thế. Họ nhìn thẳng phía trước, chờ đợi người đàn bà kia chấp nhận yếu kém hơn và lạng người sang bên tránh chỗ. Va chạm dù vào nhau là cuộc thử thách sức mạnh. Tereza lúc đầu còn nhường nhịn, nhưng dần dà cô thấy mình lịch sự mãi vẫn chẳng thấy ai đáp lại nên cô làm y như những người đàn bà khác, cô giữ chặt dù mình rồi đâm sầm vào những chiếc dù đang lao tới. Chẳng ai buồn nói "Xin lỗi" bao giờ. Phần lớn họ cầm cúi đi tiếp, mặc dù đôi ba lần cô nghe tiếng chửi thề "Đồ bò!" hay "Tiên sư cha mày!" văng lại.

Những người đàn bà với vũ khí là chiếc dù trên tay, già có trẻ có, nhưng đám trẻ tuổi dường như vẫn là những nữ chiến sĩ vô cùng sắt thép. Tereza nhớ buổi đầu cuộc xâm lăng và những cô gái mặc váy ngắn tay cầm ngọn cò chạy ngoài đường phố. Rửa hận bằng sắc dục: lính Nga, những tên lính bị cầm gông đàn bà suốt mấy năm dài chần hẩn phải có cảm tưởng mình đang đặt chân đến hành tinh chỉ có trong truyện khoa học viễn tưởng, hành tinh nơi những cô gái phô bày lòng khinh miệt bằng những cặp đùi thon dài tuyệt mỹ cả năm sáu thế kỉ không thấy trên đất Nga.

Cô chụp nhiều bức ảnh các cô gái trẻ tuổi đó đứng trước họng súng xe tăng. Cô cảm phục họ xiết bao! Giờ đây chính những người đàn bà này đang dũ dần và đầy ác ý đâm sầm vào cô. Thay vì ngọn cò, họ cầm cây dù trên tay, nhưng hào khí trên mặt họ không đổi khác. Họ sẵn sàng chiến đấu ương ngạnh, dù đối đầu là đội quân xâm lăng hay cây dù khác không chịu ngoan ngoãn nhường lối cho họ đi.

Cô đi về phía quảng trường Phố Cổ tháp chuông toà thánh đường Tyn, những dinh thự Gothic và Ba-rốc hình chữ nhật không đều. Toà thị sảnh khu Phố Cổ, xây từ thế kỷ mười bốn và có thời chiếm trọn một bề dãy phố, bị bỏ hoang phế suốt hai mươi năm qua. Warsaw, Dresden, Berlin, Cologne, Budapest tất cả bị tàn phá tan hoang trong cuộc chiến vừa qua. Nhưng cư dân các thành phố đó bắt tay xây dựng lại từ đổ vỡ và họ còn bỏ ra biết bao công sức trùng tu các di tích lịch sử. Dân Praha mang mặc cảm tự ti với những thành phố nọ. Toà thị sảnh khu Phố Cổ là di tích duy nhất bị phá hủy trong chiến tranh, và họ quyết định giữ nguyên như thế để người Ba lan, người Đức không được phân bì ai khổ hơn ai. Phía trước quang cảnh điêu tàn đầy vinh quang đó, người ta dựng một khán đài để nhắc nhở thế hệ bây giờ cũng như mãi mãi mai sau về tội ác chiến tranh. Khán đài cũng là nơi đảng Cộng sản lừa dân Praha ra đứng khi cần hò hét hoan hô đả đảo cái gì.

Nhìn đồng gạch vụn toà thị sảnh khu Phố Cổ, Tereza chạnh nhớ mẹ cô: con người cần phải phơi bày vẻ tàn tạ xấu xa, phải hô hoán nổi thống khổ, phải giơ ra khúc tay cụt và ép cả thế giới này nhìn vào. Gần đây, hình như cái gì cũng quy vào nhắc nhở cô về bà mẹ. Thế giới mẹ cô, thế giới cô từ bỏ mười năm trước, hình như đang quay về vây bủa cô vào giữa. Đó là lí do tại sao sáng nay cô kể Tomas nghe câu chuyện mẹ cô đem quyển nhật kí ra làm trò cười giữa bàn ăn. Khi câu chuyện riêng tư giữa hai người bạn qua li rượu bị đem ra phát trên làn sóng điện, điều đó có khác gì thế giới đang biến thành trại tập trung?

Ngay khi còn thơ ấu, Tereza đã dùng tên gọi này để diễn tả cảm giác của cô về cuộc sống trong gia đình. Trại tập trung là thế giới nơi con người thường trực sống chen chúc bên nhau, ngày cũng như đêm. Hung tợn, thô bạo chỉ là những thuộc tính phụ (và bắt buộc phải có.) Trại tập trung đồng nghĩa với sự tước đoạt hoàn toàn mọi điều riêng tư. Prochazka, người không được phép ngồi uống rượu nói chuyện phiếm với bạn mình trong vòng riêng tư, là người sống (không hề hay biết sai lầm chết người về phần ông!) trong trại tập trung. Tereza sống trong trại tập trung lúc cô sống dưới cùng mái nhà với bà mẹ. Ngay từ thuở nhỏ, cô đã biết trại tập trung chẳng có chi ghê gớm, đó là nơi chúng ta sinh ra và chúng ta chỉ có thể vượt thoát với nỗ lực phi thường nhất.

Ba tầng ghế dài trong phòng tắm hơi chật đến nỗi các bà các cô phải ngồi sát nhau. Bên cạnh Tereza là một bà trạc ba mươi tuổi có khuôn mặt rất xinh đẹp. Nhưng bộ ngực bà ta lại to lớn không thể tưởng được, cặp vú núng nính chảy xệ xuống từ hai vai, lắc lư theo mỗi cử động dù rất nhẹ. Khi bà ta đứng lên, Tereza thấy đôi mông bà vĩ đại như hai cái bao tải. Thân hình người đàn bà chẳng ăn nhập gì tới khuôn mặt xinh đẹp kia.

Có lẽ người đàn bà hay đứng trước gương nhìn ngắm thân hình mình, cố thấu thị tâm hồn mình qua cái thân xác đó như Tereza thường làm khi còn bé. Chắc hẳn bà ta cũng ấp ủ niềm hi vọng chân phước nhìn thấy tâm hồn mình qua tấm gương thể xác. Nhưng quả là một tâm hồn góm ghiếc nếu nó phản ánh qua thân hình như bốn cái túi treo lủng lẳng đó.

Tereza đứng dậy dội nước lên người. Đoạn cô bước ra ngoài trời. Cô vẫn thấy chóng mặt. Đứng đây, ngay dưới sàn gỗ là khu Vltava và cách biệt với thành phố ngoài kia nhờ bức tường gỗ cao rộng vài thước vuông, cô đưa mắt nhìn xuống chạm phải đầu người đàn bà cô vừa suy nghĩ đến. Đầu bà ta nổi dềnh trên dòng sông chảy mạnh.

Người đàn bà ngược mặt lên nhìn cô mỉm cười. Bà ta có cái mũi rất thanh tú, đôi mắt to nâu và nụ cười trẻ thơ.

Trong lúc bước lên cầu thang, những nét dịu dàng trên mặt người đàn bà bỗng nhường chỗ cho hai cái túi rung rinh bắn những giọt nước lạnh li ti hai bên phải, trái.

Tereza bước vào trong mặc áo quần rồi đứng trước tấm gương lớn.

Không, thân hình cô không có gì gớm ghiếc. Cô không có hai cái túi chảy xệ xuống từ hai vai; thật ra, ngực cô rất nhỏ. Mẹ cô hay trêu chọc về bộ ngực không mấy kích thước đó của cô, và cô mang mặc cảm này mãi cho đến khi gặp Tomas. Nhưng chưa hết, cô còn bị hành xác bởi hai vòng tròn thật lớn, thật đen đậm chung quanh đầu vú. Giá cô có khả năng tự vẽ kiểu thân hình cho mình, chắc hẳn cô sẽ chọn loại đầu vú thật mờ nhạt, chỉ hơi nhu nhú trên vòm ngực một chút và tiếp với màu da thịt khắp người. Cô có cảm tưởng đầu vú cô là những vòng tròn đỏ thắm của tấm bia tập bắn do tay thợ vẽ tranh khiêu dâm hạng tồi nào đó vẽ cho dân nhà nghèo xem.

Nhìn thân thể mình, cô phân vân tự hỏi không biết cô sẽ ra sao nếu mũi cô mỗi ngày dài thêm một mili-mét. Bao lâu khuôn mặt cô bắt đầu giống mặt người khác?

Và nếu các phần khác trên thân thể cô cũng bắt đầu nở ra hay teo lại và Tereza không còn như bây giờ, lúc đó cô còn là cô, còn là Tereza nữa hay không?

Dĩ nhiên còn. Ngay nếu Tereza hoàn toàn không còn là Tereza tâm hồn cô bên trong vẫn không đổi khác và nó sẽ kinh ngạc lắm khi nhòm ra thấy cái phần thể xác ngoài kia đang hoá thân.

Nếu vậy, tương quan giữa Tereza và thể xác cô sẽ là gì? Thể xác cô vẫn có quyền tự gọi là Tereza hay không? Nếu không, phải gọi nó là gì? Cái vô thể? Cái không thể đụng chạm?

(Đây là những câu hỏi vướng vít trong đầu Tereza ngay từ khi cô còn bé thơ. Đúng vậy, câu hỏi vô cùng hệ trọng là câu hỏi chỉ cần đứa trẻ cũng có thể đặt ra. Những câu hỏi ngờ nghệch nhất là những câu hỏi hệ trọng nhất. Đó là những câu hỏi không có câu trả lời. Câu hỏi không có câu trả lời là phòng tuyến không sức mạnh nào phá thủng. Nói cách khác, chính những câu hỏi không có câu trả lời đặt ra giới hạn những khả hữu, vạch biên cương cho sự hiện hữu của con người.)

Tereza đứng trước gương như bị mê hoặc. Cô nhìn vào thân xác mình như thể nó xa lạ với cô lắm. Xa lạ nhưng thuộc về chính cô chứ không ai khác. Cô thấy ghê tởm nó. Nó không đủ sức mạnh trở thành thân xác có một không hai trong cuộc đời Tomas. Nó dối gạt và làm cô thất vọng. Suốt đêm đó cô đã phải hít vào mùi háng một người đàn bà khác bốc lên từ mái tóc anh!

Đột nhiên cô muốn đuổi thân xác cô đi như người ta đuổi đầy tớ: chỉ để phần tâm hồn ở lại với Tomas còn phần thể xác, hãy đuổi quách nó về cái thế giới kia để nó sống như các thể xác đàn bà khác, luông tuồng chung đụng với thể xác đàn ông. Nếu thể xác cô thất bại trong cố gắng trở thành thể xác có một không hai của Tomas, tức là thảm bại trong trận chiến lớn nhất đời cô, nó cứ việc tự nhiên ra đi!

Cô về nhà và tự bắt mình đứng ăn trưa trong bếp. Ba giờ rưỡi chiều, đến giờ đi làm, cô trông sợi dây vào cổ con Karenin rồi dẫn nó đi bộ (lại đi bộ) về phía ngoại ô thành phố. Cô làm việc trong quán rượu một khách sạn sau khi bị đuổi khỏi tờ tạp chí. Chuyện đó xảy ra vài tháng sau khi cô từ Zurich về: cuối cùng, họ cũng không tha cô về tội dám chụp hình xe tăng Nga. Cô có việc làm mới này là nhờ chỗ bạn bè quen biết, những người phải vào nung nấu sau khi bị người Nga cho nghỉ việc: vị cựu giáo sư thần học trong phòng kế toán, ông đại sứ (ông lên truyền hình nước ngoài phản đối vụ xâm lăng) tại quầy tiếp tân.

Cô lại lo lắng về đôi chân mình. Thời kì còn làm hầu bàn tại nhà hàng ăn dưới tỉnh, cô vô cùng khiếp đảm khi nhìn những đường gân xanh vằn vện nổi trên da chân những bà hầu bàn luống tuổi, kết quả một đời người làm lưng lúc nào cũng đâm xấp bồ ngựa với vật nặng trên tay. Nhưng công việc mới của cô không đến nỗi cực nhọc: bắt đầu mỗi ca làm cô phải khệ nệ lôi ra những két bia và chai nước suối nặng chình chịch, nhưng sau đó cô chỉ phải đứng sau quầy rượu, rót rượu cho khách và rửa ráy li tách trong cái bồn nước nhỏ phía trong. Suốt thời gian cô làm việc, Karenin nằm ngoan ngoãn dưới chân cô.

Đã quá nửa đêm từ lâu lúc cô tính toán tiền nong xong xuôi và đem xấp biên lai đến giao cho người quản lí khách sạn. Sau đó cô ra chào ông đại sứ, ông làm ca đêm. Đằng sau quầy tiếp tân là căn phòng nhỏ có cái ghế bố cho ông ngả lưng. Trên tường phía trên cái ghế bố, ông treo không biết bao nhiêu khung ảnh. Có tấm ông đang bắt tay một nhân vật nào đó, mắt nhìn vào máy ảnh và miệng cười tươi tắn. Có tấm ông ngồi cùng bàn với nhiều người và họ đang kí kết cái gì đó. Có tấm có chữ kí đề tặng. Chỗ danh dự nhất trên tường, bên cạnh khuôn mặt chính ông là khuôn mặt Tổng thống John F. Kennedy đang nở nụ cười. Lúc Tereza bước vào phòng ông đêm đó, cô thấy ông không nói chuyện với Tổng thống Kennedy mà với người đàn ông tuổi trạc sáu mươi cô chưa bao giờ gặp mặt, người đàn ông đột nhiên im bặt khi thấy cô bước vào.

"Không sao đâu," ông đại sứ nói. "Cô ấy là bạn, anh cứ việc tự nhiên." Đoạn ông quay sang Tereza, "Con trai anh bạn tôi đây vừa bị kêu án năm năm tù."

Thì ra trong những ngày đầu cuộc xâm lăng, anh con trai ông cùng vài người bạn giữ nhiệm vụ đứng canh chừng cổng ra vào toà nhà dùng làm nơi đặt bản doanh ban tham mưu quân đội Nga. Những người Tiệp ra vào toà nhà bắt buộc phải là tay sai của bọn xâm lăng Nga nên cậu trai và các bạn cậu theo dõi hành tung những người đó, ghi bảng số xe và chuyển các chi tiết này đến đài phát thanh và đài truyền hình thân Dubcek đang hoạt động bí mật chống Nga. Đài loan báo trên làn sóng điện để công chúng đề phòng. Trong lúc thi hành công tác cậu con trai ông và các bạn cậu đặc biệt chiếu cố khá tận tình đến một trong những tên Tiệp gian.

Người cha chép miệng, "Tấm hình này là bằng chứng buộc tội nó đây. Nó chối mãi cho đến lúc bọn chúng chìa tấm hình ra."

Ông moi trong ví ra tấm hình cắt từ mặt báo. "Tôi cắt tấm hình này trên tờ Thời Báo số mùa thu 1968."

Tấm hình chụp cậu thanh niên đang nắm cổ một gã đàn ông và đám đông đứng đằng sau làm bối cảnh. "Tay sai cho kẻ thù đang bị trừng phạt" là lời ghi chú phía dưới.

Tereza thở phào nhẹ nhõm. Không, tấm hình không phải do cô chụp.

Trời Praha về khuya, trong lúc cuộc bộ về nhà bên cạnh con Karenin, cô nhớ những ngày xông xáo ngoài đường chụp hình xe tăng Nga. Bọn mình ngây thơ thật, cứ ngỡ đang liều mạng sống cho quê hương, đâu biết làm vậy chỉ tiếp tay cho bọn công an Nga.

Cô về đến nhà lúc một giờ rưỡi khuya. Tomas đang ngủ say. Tóc anh vẫn bốc mùi háng đàn bà.

Tán tỉnh là gì? Có thể nói đó là hành vi khiến người khác tin tưởng có thể sẽ có chuyện lên giường ngủ với nhau, cùng lúc lại ngăn ngừa, không cho điều đó biến thành sự thật. Nói cách khác, tán tỉnh là lời hứa hẹn sẽ có cuộc mây mưa nhưng không kèm theo bảo đảm nào.

Lúc Tereza đứng sau quầy rượu, những gã đàn ông cô hầu rượu thi nhau tán tỉnh ve vãn cô. Cô có bị quấy nhiễu bởi những lời tán dương nhăng nhít, những mẩu chuyện vu vơ, những câu tỏ tình sống sượng, những cái nhìn cái liếc không ngớt đó không? Không chút nào. Có cái gì thôi thúc khiến cô như muốn phô bày thân xác mình (thân xác cô muốn tống khứ quách về cái thế giới to rộng kia).

Tomas cố thuyết phục cô tình yêu và tình dục là hai cái gì hoàn toàn khác biệt. Cô không thèm hiểu. Giờ đây chung quanh cô là những gã đàn ông cô không chút quan tâm đến. Làm tình với những gã đàn ông này như thế nào nhỉ? Cô tò mò muốn thử, nhưng với điều kiện chỉ dưới hình thức một lời hứa hẹn không bảo đảm, lời hứa hẹn có tên gọi khác là tán tỉnh.

Chúng ta đừng hiểu sai ở đây: Tereza không hề muốn trả thù Tomas; cô chỉ mong tìm ra lối thoát cho chính mình để bước ra khỏi mê lộ cô đang lâm phải. Cô biết cô trở thành hệ lụy của Tomas: cô trầm trọng quá, với cô chuyện gì cũng có thể biến thành tấn thảm kịch, cô không thấu hiểu được sự hời hợt của tình yêu xác thịt. Cô ước mong xiết bao biết ra hời hợt là gì! Phải chi có người giúp cô bước ra cái vỏ xác lỗi thời đó của cô.

Có hạng đàn bà xem tán tỉnh ve vãn chỉ là cái gì thứ yếu, thường nhật, không đáng kể. Nhưng với Tereza nó trở thành môn học nghiên cứu với mục đích dạy cho cô biết cô là ai và cô có những khả năng nào. Nhưng vì quá trầm trọng, nó không hời hợt nữa mà trở nên o ép, dốc sức quá trớn. Cô làm xáo trộn sự cân bằng một lời hứa hẹn không có bảo đảm (nếu được giữ cho cân bằng sẽ là dấu hiệu sự tán tỉnh rất nhà nghề); cô hứa hẹn quá nhiệt tình, cô không chịu làm sáng tỏ lời hứa hẹn đó chẳng có chi bảo đảm. Nói cách khác, cô cho mọi người cảm tưởng cô ở đó sẵn sàng, nhưng khi những gã đàn ông đáp lại bằng cách đòi hỏi điều họ được hứa hẹn thì cô cương quyết chống cự chối từ, và để giải thích họ chỉ có thể gán lên cô nhãn hiệu cô là hạng đàn bà tà tâm dối trá.

Một hôm, một cậu trai chừng mười sáu tuổi sà vào ngồi trước quầy rượu. Cậu ta buông câu nói trong cuộc đối thoại bình thường nghe như đường vẽ trật trìa trong bức tranh, đường vẽ kéo dài ra không ổn tấy xoá đi cũng không xong.

"Cặp đùi cô đẹp hết xẩy!"

"Cậu nhìn xuyên qua gỗ được sao?" Cô trả đũa.

"Tôi thấy cô đi ngoài đường," cậu ta trả lời, nhưng lúc đó cô bận bung rượu cho người khách khác. Lúc cô quay lại, cậu ta gọi một li cô-nhắc. Cô lắc đầu.

"Tôi mười tám tuổi rồi mà." Cậu ta phản đối.

"Cho tôi xem thẻ chứng minh nhân dân."

"Không." Cậu trai trả lời.

"Vậy thì một li nước ngọt nhé."

Không nói không rằng, cậu ta đứng dậy bước ra khỏi quán. Chừng nửa giờ sau cậu ta quay lại, hơi thở sặc mùi rượu. Cậu ta ngồi xuống và ra lệnh, "Cho tôi li nước ngọt."

"Cậu say quá rồi." Tereza nói.

Cậu trai giơ tay chỉ tấm biển treo trên tường sau lưng Tereza: Cấm Bán Rượu Cho Thanh Thiếu Niên. "Cô không được phép bán rượu cho tôi," cậu ta miệng nói tay đưa sang chỉ vào Tereza, "Nhưng có ai cấm tôi không được quyền say sưa đâu."

"Cậu đi đâu uống rượu vậy?" Tereza hỏi lại.

"Quán rượu bên kia đường," cậu ta nói, miệng cười, và lại đòi li nước ngọt.

"Tại sao cậu không ở luôn bên đó?"

"Vì tôi muốn nhìn mặt cô," cậu ta vẫn lè nhè. "Tôi yêu cô."

Trong lúc nói mặt mũi cậu ta méo mó rất khó coi khiến Tereza khó phân biệt cậu ta đang chế nhạo, tấn công hay chót nhả với mình. Hay chỉ vì cậu ta say quá và chẳng biết mình đang lảm nhảm nói điều gì?

Cô đem đến li nước ngọt đặt trước mặt cậu trai rồi bỏ ra chỗ khác. Hình như sau câu nói "Tôi yêu cô" cậu ta cạn sạch vốn liếng nên chỉ biết yên lặng ngồi nốc hết li nước xong móc tiền bỏ lên quầy đoạn lảng lảng rút lui êm trước khi Tereza có thì giờ ngược lên nhìn.

Một chập sau khi cậu trai ra khỏi quán, một gã đàn ông người thấp lùn đầu hói uống tới li vốt-ka thứ ba, ngược lên bảo cô, "Cô nên biết bán rượu cho thanh thiếu niên như vậy là vi phạm pháp luật."

"Tôi đâu có bán rượu cho cậu ấy! Nước ngọt mà!"

"Chính mắt tôi thấy cô rót rượu vào li."

"Ông ăn nói cái gì vậy?"

"Cho tôi li vốt-ka khác," gã đàn ông đầu hói nói tiếp, "Mắt tôi vẫn theo dõi cô từ hồi nào đến giờ."

"Nếu vậy tại sao ông không chịu ngồi yên thưởng thức nét đẹp một người đàn bà và khoá mồm mình lại?" Một gã đàn ông khác dáng người cao ráo chọt xen vào, gã bước đến quầy rượu đúng lúc quan sát mọi chuyện xảy ra.

"Không việc gì ông phải xen vào chuyện này!" Gã đàn ông đầu hói quát to.

"Cho tôi hỏi việc của ông trong chuyện này là gì?" Gã đàn ông dáng người cao trả miếng ngay.

Tereza rót li vốt-ka cho gã đàn ông đầu hói. Gã đưa lên miệng ực một hơi hết sạch, trả tiền rồi bước khỏi.

"Cám ơn ông." Tereza nói với gã đàn ông dáng cao.

"Có gì đâu cô." Gã trả lời rồi cũng bỏ đi.

Mấy hôm sau, gã trở lại quán rượu. Thấy gã, cô nở nụ cười như gặp người quen. "Cám ơn ông lần nữa. Cái lão đầu hói đó vô đây hoài. Lão ta khó chịu lắm."

"Cô quên hẳn ta đi."

"Tôi không hiểu tại sao lão ấy muốn hại tôi?"

"Hắn ta chỉ là thằng say. Cô quên hẳn đi."

"Vâng, nếu ông bảo vậy."

Gã đàn ông nhìn thẳng vào mắt cô. "Cô hứa nhé?"

"Tôi hứa."

"Tôi thích nghe cô hứa hẹn với tôi." Gã nói trong lúc mắt vẫn nhìn vào mắt cô.

Sự tán tỉnh đang diễn ra: hành vi khiến người khác tin tưởng cuộc mây mưa có thể xảy ra, nhưng chính sự có thể đó vẫn còn trong lí thuyết, vẫn còn treo lơ lửng nơi đâu.

"Người xinh đẹp như cô sao lại chui vào cái xó xỉnh tối tăm dơ dáy nhất Praha này?"

"Còn ông?" Cô phản công. "Ông đang làm gì ở cái xó xỉnh tối tăm dơ dáy nhất Praha này?"

Gã bảo nhà gã gần đây. Gã làm nghề kĩ sư và hôm nọ chỉ tình cờ tạt vào quán trên đường từ sở làm về nhà.

Khi Tereza nhìn Tomas, mắt cô không nhìn vào mắt anh mà chiếu vào phần trên đó mấy phân, vào mái tóc anh nơi mùi hăng đàn bà bốc lên. "Em chịu đựng hết rồi, Tomas ạ. Em biết em chẳng nên trách cứ anh điều gì. Từ khi vì em anh quay về Praha, em tự cấm, không cho mình ghen tuông. Nhưng em không đủ sức chống giữ mãi như vậy. Giúp em với, anh làm ơn giúp em."

Anh khoác tay cô đoạn dìu cô đến khu công viên nơi nhiều năm trước hai người thường ra đi dạo. Công viên có những chiếc ghế dài sơn màu vàng xanh đỏ. Hai người ngồi xuống. "Anh hiểu em. Anh biết em muốn gì." Tomas bảo cô. "Anh đã lo liệu mọi bề. Còn em, em chỉ cần leo lên đỉnh đồi Petrin."

"Đỉnh đồi Petrin?" Cô ngạc nhiên vô cùng. "Tại sao lại đồi Petrin?"

"Khi lên đó em sẽ thấy."

Cô bực dọc với ý tưởng phải leo lên ngọn đồi. Thân xác cô yếu ớt đến độ cô cảm thấy vô cùng khó nhọc nhắc mình ra khỏi ghế. Nhưng cô không có quyền cãi lệnh Tomas. Cô lấy hết sức duỗi chân đứng dậy.

Cô quay lại nhìn. Tomas vẫn ngồi trên ghế dài, nhìn theo cô miệng cười rạng rỡ. Anh giơ tay vẫy vẫy như khuyến khích cô hãy bước tới.

Đến chân ngọn đồi Petrin, cái mỏm đất xanh rì sừng sững giữa lòng Praha, cô ngạc nhiên thấy vắng ngắt bóng người. Lạ thật, bởi vào những lúc khác có đến nửa dân số Praha túa ra đây. Cô lo sợ trong bụng. Nhưng ngọn đồi yên ả quá và sự yên ả dễ chịu đến nỗi cô có cảm tưởng như muốn buông người vào để nó ôm chầm lấy cô. Trong lúc leo lên đồi, thỉnh thoảng cô ngừng chân ngoái đầu nhìn lại: phía dưới là tháp đài, cầu cống; những ông thánh đang khoa nắm tay và ngược đôi mắt đá lên nhìn mây. Praha quả là thành phố đẹp nhất hoàn cầu.

Cuối cùng cô lên đến đỉnh đồi. Đằng sau những quầy bán kem và kỉ vật (không quầy nào mở cửa bán hàng) là bãi cỏ rộng cây cối mọc đây đó lưa thưa. Cô thấy có bóng người qua lại trên thảm cỏ. Càng đến gần, chân cô càng chậm. Có sáu người cả thảy. Kẻ đứng, người đi nhàn tản như những tay chơi gôn đang quan sát bãi cỏ chuẩn bị tinh thần cho cuộc tranh tài sắp tới.

Cuối cùng cô đến gần họ. Trong số sáu người đàn ông có ba người đóng vai trò cô đang đóng: họ nôn nả, tỏ vẻ sốt ruột như muốn mở miệng hỏi han điều gì nhưng lại sợ gây phiền hà nên cố giữ lại và đành nhìn với con mắt dò hỏi đợi chờ. Ba người kia khuôn mặt toát ra vẻ từ tâm độ lượng. Một người ôm khẩu súng dài trong tay. Trông thấy Tereza, ông giơ tay vẫy cô lại miệng nở nụ cười, "Đúng nơi đây rồi đấy."

Cô khẽ gật đầu xác nhận nhưng trong lòng vẫn thấy mười phần lo lắng. Người đàn ông lại nói: "Để biết chắc không nhầm lẫn, chúng tôi xin hỏi có phải chính cô tự ý lên đây tìm gặp chúng tôi?"

Tereza có thể dễ dàng cải chính, "Không, không. Tôi đâu có tự ý dẫn xác lên đây bao giờ!" nhưng Tomas sẽ thất vọng biết bao nếu cô nói vậy! Cô sẽ phải ăn nói giải thích như thế nào khi về nhà đối diện Tomas? Và vì thế cô bảo người đàn ông, "Vâng, dĩ nhiên rồi, chính tôi tự ý lên đây."

Người đàn ông tay ôm khẩu súng nói tiếp, "Để tôi giải thích cô nghe tại sao tôi cần biết điều đó. Chúng tôi làm công việc này chỉ khi nào biết chắc chắn người đến với chúng tôi là người tự ý đi tìm cái chết. Chúng tôi xem đây là một ân huệ."

Ông vẫn nhìn cô với đôi mắt soi mói dò hỏi khiến cô phải trấn an ông lần nữa, "Không, không. Ông đừng lo. Chính tôi tự chọn như thế."

"Cô muốn đi trước không?" Ông hỏi cô.

Vì muốn kéo dài thời gian chờ đợi thời điểm bị hành quyết cô trả lời, "Không, không, tôi không muốn đi trước. Nếu có thể tôi xin là người đi sau cùng."

"Được, nếu cô muốn vậy." Nói xong ông quay sang người khác. Những người phụ tá ông không có vũ khí trong tay; nhiệm vụ họ chỉ là đưa dắt những kẻ đang đi tìm cái chết. Họ nắm

cánh tay những người này rồi dẫn họ đi băng qua bãi cỏ. Bãi cỏ rộng thênh thang, xanh biếc tận chân trời. Kẻ bị hành quyết có quyền chọn mỗi người một gốc cây. Đến gốc cây nào họ cũng dừng lại ngẫm nghĩ mà vẫn chưa tìm ra gốc vừa ý. Cuối cùng hai người chọn hai cây dương ngô đồng còn người thứ ba lòng vòng đi mãi, như thể không gốc cây nào xứng đáng là nơi ông ta gửi gắm cái chết của mình. Người phụ tá nắm cánh tay ông ta kiên nhẫn bước theo đến khi ông ta không còn can đảm đi thêm và dừng lại trước một cây phong cành lá tươi tốt sum suê.

Đoạn họ lấy khăn bịt mắt ba người đàn ông.

Thế rồi ba người đàn ông, mắt bịt kín, mặt ngừng lên trời xanh, lưng dựa vào ba gốc cây trên bãi cỏ bao la.

Người cầm súng giờ nòng súng và bóp cò. Không một tiếng động nào vang lên ngoài tiếng chim riu rít hót trên cây: khẩu súng như có gắn bộ phận hãm thanh. Cảnh vật yên ả trầm lắng ngoại trừ hình ảnh người đàn ông lưng dựa gốc cây phong đột nhiên gục xuống.

Vẫn không tiến thêm một bước, người hành quyết quay sang hướng khác, và thêm xác người nữa lặng lẽ co rúm. Vài giây sau (chỉ thấy người hành quyết khẽ xoay người), đã thấy người đàn ông thứ ba nằm sổng sượt trên thảm cỏ.

Một người phụ tá tiến đến Tereza; ông cầm trong tay chiếc khăn màu xanh dương đậm.

Cô hiểu ông đang định bịt mắt cô. "Đừng," cô lắc đầu. "Tôi muốn nhìn."

Nhưng đó không phải là lí do thật cô không chịu bịt mắt. Cô đâu phải hạng anh thư quyết tâm trừng mắt nhìn họng súng đội hành quyết. Giản dị, cô chỉ muốn kéo dài thời gian trước cái chết. Một khi hai mắt bị bịt kín, cô lọt vào phòng đợi của tử thần mất rồi, và từ đó cô sẽ mất hẳn lối về.

Người đàn ông không ép buộc cô; ông ta chỉ nắm cánh tay cô rồi dẫn đi. Nhưng Tereza đi mãi vẫn chưa tìm được gốc cây như ý. Không ai hối thúc nhưng cô biết cuối cùng cô vẫn không sao tránh được cái chết cận kề. Trông thấy một cây dẻ đang ra hoa trước mặt, cô đến đứng dưới gốc cây. Cô dựa lưng vào thân cây rồi ngừng đầu lên nhìn. Cô thấy tàn lá rục rĩ dưới ánh dương quang; cô nghe tiếng thành phố, êm ái và ngọt ngào như hàng ngàn cây vĩ cầm từ xa vang lại.

Người đàn ông giờ khẩu súng lên.

Tereza thấy lòng can đảm cứ thế nhạt dần. Tính yếu đuối dồn cô vào trạng huống tuyệt vọng, nhưng cô không biết phải làm gì để chống chọi. "Ô hay, tôi có tự ý đến đây bao giờ đâu!"

Ông ta lập tức hạ nòng súng xuống và giọng nói vẫn từ tốn nhẹ nhàng, "Nếu cô không tự ý lên đây tìm chúng tôi thì chúng tôi không thể thi hành công tác này được. Chúng tôi không có quyền hạn đó."

Ông ta nói năng tử tế như thể cáo lỗi cùng Tereza đã không có khả năng cho cô phát đạn vì đó không phải là điều cô lựa chọn. Sự tử tế của ông làm Tereza thấy tâm can mình chấn động, cô úp mặt vào thân cây rồi bật lên tiếng khóc.

Toàn thân cô run lên theo tiếng khóc nức nở. Cô ôm thân cây như thể nó không phải là thân cây mà là người cha quá cố từ lâu hay người tổ phụ cô chưa từng biết mặt, cái vỏ cây sần sùi bỗng biến thành khuôn mặt ông già râu tóc bạc phơ bước ra từ quá khứ mịt mù an ủi vỗ về cô.

Lúc cô ngừng khóc quay đầu lại ba người đàn ông đã bỏ đi từ lâu. Họ vẫn chậm chạp thả bước trên đồi cỏ như những tay chơi gôn nhàn tản. Người giữ khẩu súng dài còn cầm nó trên tay như người ta cầm cây gậy đánh gôn.

Trong lúc quay gót trở xuống chân đồi Petrin, cô miên man suy nghĩ về người đàn ông lẽ ra đã cho cô phát súng ân huệ kia. Chao ơi, cô mong đợi ông biết đường nào! Dẫu sao, phải có người giúp cô đứng dậy chứ! Tomas không chịu giúp lại còn đẩy cô vào chỗ chết. Nhất định phải có người khác giúp đỡ cô!

Càng về gần thành phố cô càng mong nhớ người đàn ông với khẩu súng dài và càng hãi sợ Tomas. Anh sẽ chẳng bao giờ tha thứ cô vì cô dám cãi lời anh. Anh sẽ chẳng bao giờ tha thứ hành động hèn nhát và tính phản trắc của cô. Về đến con đường nhà mình, chỉ còn một hai phút đồng hồ nữa cô phải đối diện anh. Cô sợ phải gặp anh đến nỗi ruột gan cô quặn thắt và cô có cảm tưởng cô đang ngã bệnh.

Gã đàn ông làm nghề kĩ sư bắt đầu mời mọc dụ dỗ cô lên phòng gã. Hai lần đầu cô từ chối nhưng lần thứ ba cô nhận lời.

Sau bữa ăn trưa đứng trong bếp như thường lệ, cô ra khỏi nhà. Lúc đó khoảng trước hai giờ chiều.

Gần đến nhà gã cô thấy đôi chân mình không tự chủ được nữa mà cứ quỳnh quít vào nhau.

Nhưng thốt nhiên cô nhận ra chính Tomas là người đẩy cô đến đây. Có phải chính anh đã nói đi nói lại không biết bao nhiêu lần tình yêu và xác thịt là hai cái gì hoàn toàn khác biệt? Cô chỉ thử nghiệm câu nói của anh thôi, cô đang tìm cách minh chứng câu nói đúng hay sai sự thật. Tại cô còn văng vẳng câu nói, "Anh hiểu em. Anh biết em muốn gì. Anh đã lo liệu mọi bề. Em sẽ thấy khi em đặt chân lên đó."

Vâng, cô chỉ ngoan ngoãn vâng lời Tomas thôi.

Cô không định ở lại lâu; vừa vặn để uống cạn tách cà phê; vừa vặn để thấy cảm giác đứng tại biên giới sự phản bội ra sao. Cô sẽ nhích người ra mấp mé bên bờ đó trong thoáng chốc, và rồi khi gã đàn ông quàng hai tay lên người cô, cô sẽ bảo gã như cô phân trần với người đàn ông trên đồi Petrin, "Ô hay, tôi đâu có tự ý đến đây."

Lúc đó gã sẽ hạ nòng súng xuống và nói với cô bằng giọng nói ôn nhu từ tốn, "Nếu cô không tự ý lên đây tìm chúng tôi thì chúng tôi không thể thi hành công tác này được. Chúng tôi không có quyền hạn đó."

Rồi cô sẽ úp mặt vào thân cây và bật lên tiếng khóc.

Khu nhà xây hồi đầu thế kỉ trong khu lao động của Praha. Cô bước vào, hai bên tường dơ bẩn. Lăn theo bậc cầu thang đá mòn nhẵn, cô lên lầu rồi quẹo về phía trái. Phòng thứ hai, không bảng tên, không chuông bấm. Cô giơ tay gõ cửa.

Gã đàn ông ra mở cửa.

Nhà chỉ có một phòng. Tấm màn ngăn đôi phòng ngoài và phòng trong. Bàn, bếp điện và tủ lạnh. Vén màn bước vào trong, cô thấy gian phòng hẹp lại, một bên là kệ sách, bên kia cái giường nhỏ và cái ghế bành kê sát nhau. Cuối phòng là khung cửa sổ hẹp nhìn ra ngoài trời.

"Chỗ tôi ở giản dị lắm," Gã đàn ông bảo cô. "Tôi hi vọng cô không thấy chán."

"Không, không. Ông nói quá lời." Tereza bảo gã trong lúc đứng nhìn lên kệ sách che kín mít bức tường. Gã đàn ông không có bàn viết nhưng có đến hàng trăm quyển sách. Cô thích nhìn sách, và nỗi lo sợ trong người giảm đi đôi chút. Từ lúc trẻ, cô đã xem sách vở là biểu tượng tình thân anh em. Người đàn ông có tủ sách như vậy chẳng lẽ gia hại cô sao?

Gã hỏi cô muốn dùng gì. Rượu vang không?

Không, không, đừng đem rượu ra. Cà phê được rồi.

Gã lách mình sau tấm màn, cô vẫn đứng xem tủ sách. Một quyển sách làm cô chú ý ngay. Đó là bản dịch quyển Oedipus của Sophocles. Quả là chuyện hi hữu! Nhiều năm trước, Tomas mua tặng cô quyển sách đó, và sau khi cô đọc xong anh nói đi nói lại về nó. Rồi anh gói ghém ý tưởng mình trong bài viết gửi đăng báo và bài báo đảo lộn cuộc sống hai người. Nhưng giờ đây chỉ cần nhìn vào gáy quyển sách cô đã thấy lòng mình dịu êm hẳn lại. Quyển sách cho cô cảm giác như thể Tomas cố tình để lại dấu vết, sắp sẵn thông điệp sự có mặt của cô nơi đây là do chính anh định đoạt. Cô cầm quyển sách xuống và lật ra xem. Khi gã đàn ông trở lại, cô sẽ hỏi lí do nào gã có quyển sách, gã đọc nó hay chưa, và gã nghĩ gì về nó. Đó là mưu kế cô dùng để chuyển biến câu chuyện ra khỏi vùng đất nguy hiểm trong nhà kẻ lạ thành thế giới gần gũi thân quen tràn đầy những ý tưởng Tomas hằng suy ngẫm.

Cô thấy bàn tay gã đặt lên vai mình. Gã lấy quyển sách trong tay cô, không nói không rằng đặt nó trở lại kệ rồi dìu cô ra giường.

Một lần nữa cô nhớ câu nói cô phân trần với người xử bắn trên đồi Petrin và cô kêu to, "Nhưng tôi đâu có tự ý đến đây!"

Cô tin tưởng câu nói là công thức kì diệu lập tức sẽ thay đổi trạng huống, nhưng trong căn phòng đó câu nói hoàn toàn mất hết sức mạnh màu nhiệm. Tôi có cảm tưởng câu nói còn làm gia tăng sức lực gã đàn ông khiến gã cương quyết hơn: gã ép người sát vào cô và đặt tay lên ngực cô.

Kể cũng lạ, khi bàn tay gã chạm vào ngực cô, lập tức mọi lo sợ còn sót lại trong người cô đột nhiên tan biến. Bởi bàn tay gã đàn ông chỉ chạm vào thân xác cô thôi, còn chính cô (tâm hồn cô) thì chẳng hề dính dáng. Chỉ có thân xác, cái thân xác phản bội cô đã vất ra thế giới ngoài kia cho nó chung chạ với các thân xác khác từ lâu lắm rồi.

Gã cởi khuy áo thứ nhất rồi ra dấu bảo cô cởi tiếp. Cô không chịu. Cô vắt thân xác cô rồi, cô đâu còn trách nhiệm gì về nó nữa. Cô không chống cự hành động gã đàn ông mà cũng không tiếp tay gã, tâm hồn cô tuyên bố tuy nó không tha thứ chuyện đang xảy ra nhưng nó quyết định đứng vào vị thế trung lập.

Cô gần như bất động trong lúc gã lần tay cởi quần áo cô. Lúc gã hôn cô, đôi môi cô không đáp lại. Nhưng đột nhiên cô thấy phần dưới mình ẩm ướt, cô bỗng lên cơn hoảng sợ.

Sự kích thích càng mạnh hơn vì cô bị kích thích ngược với ý chí. Nói cách khác, mặc dù cố tình che giấu, tâm hồn cô quả có dung thứ chuyện đang xảy ra. Nhưng cô cũng biết thêm là để cảm giác kích thích này tiếp tục, sự đồng thuận của tâm hồn phải giảm đi. Một khi nó lớn tiếng tán trợ, một khi nó cố tình xen vào giữ vai trò chủ động trong cuộc mây mưa, lập tức sự kích thích sẽ mau chóng tàn lụi. Bởi tâm hồn bị kích động là lúc thể xác đi ngược lại ý chí, thể xác phản bội ý chí trong lúc tâm hồn đứng xem.

Đoạn gã kéo quần lót cô xuống và cô hoàn toàn lộ thể. Khi tâm hồn nhìn thấy thể xác trần truồng nằm trong tay kẻ lạ, nó có cảm giác khó tin như đang quan sát Hoả tinh ở khoảng cách thật gần. Dưới ánh sáng của sự khó tin đó, lần đầu tiên tâm hồn thấy thể xác không hẳn là cái gì tầm thường, vô vị; lần đầu tiên nó nhìn thể xác với cảm giác say đắm lạ thường. Tất cả những đặc điểm của một thể xác duy nhất, có một không có hai trên đời, không thể xác nào bắt kịp, không thể xác nào bắt chước được, đột nhiên hiện ra trước mắt. Đây không phải là thể xác tầm thường như bao thể xác khác (cho đến lúc đó tâm hồn vẫn xem vậy); đây là một thể xác khác thường, nó đặc biệt hơn bất cứ thể xác nào khác. Tâm hồn đừng tưởng có thể ngoảnh mặt không thèm nhìn vết bớt hằn trên thể xác, cái tì vết tròn tròn màu nâu nằm phía trên khoảng tam giác mẹn lông. Nó nhìn vết hằn như con dấu, con dấu thánh thiện in sâu đậm trên thể xác, và giờ đây dương vật một kẻ lạ mặt đang thô bạo tìm cách tiến đến gần.

Nhìn chòng chọc vào mặt gã đàn ông, cô nhận ra cô sẽ không bao giờ cho phép thể xác cô, thể xác tâm hồn cô để lại vết hằn, tiếp nhận niềm hoan lạc từ vòng tay kẻ cô không quen biết hay không muốn quen biết. Cô thấy lòng khinh miệt tràn ứ lên. Cô lấy sức phun bãi nước bọt vào mặt kẻ lạ. Gã cũng đang chú tâm quan sát cô như cô quan sát gã. Khi thấy cô lên cơn giận dữ, gã hồi hả nhấp nhồm trên người cô nhanh hơn. Tereza thấy dường như cơn khoái lạc đang từ xa dần dần ulla lại. Cô kêu lên, "Không, không, không!" để cố chống cự, kèm hãm xuống. Nhưng càng chống cự, càng kèm hãm, càng muốn đè nén khoái cảm, khoái cảm càng dằng dai ở lại thể xác cô, tuôn chảy trong mạch máu cô như liều moọc-phin. Cô giẫy giụa trong tay gã đàn ông, hai nắm tay vung lên trong không khí và cô đập đánh chát một cái vào mặt gã.

Ở thời đại mới toa-lét phòng tắm trắng trẻo như những bông hoa huệ nước. Kiến trúc sư vẽ kiểu ngôi nhà tìm mọi cách cho người ta quên bằng thân thể mình dơ dáy đường nào, để người ta không phải quan tâm đến những căn bã ruột gan thải ra sau khi dội nước trôi sạch xuống ống cống. Mặc dù ống cống chạy khắp nhà nhưng nó được che giấu kĩ lưỡng và chúng ta sung sướng không phải nhìn thấy nguyên một Venice đầy cứt đá nằm bên dưới nhà tắm, phòng ngủ, phòng khiêu vũ, toà nhà Quốc hội của chúng ta.

Phòng tắm căn gác trong khu lao động ngoại thành Praha không được nguy trang khéo léo như thế: sàn lát gạch màu xám và toa-lét rộng bề ngang nhưng thấp lè tè. Trông nó chẳng giống bông hoa huệ nước chút nào, nó chỉ là miệng cái ống cống thông xuống bên dưới. Ngay bàn cầu gỗ cũng không có, Tereza phải ghé hông ngồi lên rìa bồn tráng men lạnh lẽo.

Cô ngồi đó trong nhà cầu, đột nhiên cô muốn đi tiêu. Thật ra, đó chỉ là ý muốn tiến đến cực điểm của nhục nhã, biến thành một thân xác dần dần, thân xác bà mẹ cô lúc xưa vẫn cho là chẳng được tích sự gì ngoài chuyện tiêu hoá và bài tiết. Trong lúc ngồi bài tiết, nỗi buồn và niềm cô độc vô hạn dâng lên tràn ngập tâm hồn cô. Chẳng gì thê thảm hơn hình ảnh thân thể trần truồng của cô ngồi bấp bênh trên miệng ống cống loe rộng.

Tâm hồn cô không còn lòng hiếu kì của kẻ bàng quan nữa, nó cũng mất đi tính âm độc và lòng kiêu ngạo; nó lại rút về ẩn nấp thật sâu trong thể xác và nằm đợi chờ trong tuyệt vọng ai đó gọi ra.

Cô đứng dậy, dội nước cầu đoạn trở ra phòng ngoài. Tâm hồn cô run rẩy trong thể xác, cái thể xác trần trụi bị coi thường, khinh rẻ. Cảm giác lúc chùi đất dường như cô vẫn thấy lờ mờ nhòe bên dưới.

Thốt nhiên cái gì không quên được chợt xảy ra: bùng lên trong cô cảm giác cô muốn nghe tiếng gã nói. Giả như gã thủ thủ vào tai cô những lời êm ái, rất có thể tâm hồn cô sẽ can đảm chui ra khỏi thể xác, và cô sẽ bật lên tiếng khóc. Cô sẽ ôm choàng hai tay quanh người gã như cô ôm gốc cây dễ sần sùi trong giấc mơ kia.

Đứng đó, cô cố hết sức không bật tiếng khóc trước mặt gã. Cô biết nếu làm vậy, hậu quả sẽ tai hại vô cùng. Cô đến yêu gã mất thôi.

Ngay lúc đó, gã cất tiếng gọi cô. A, đến bây giờ cô mới nghe tiếng nói của gã (tiếng nói tách li khỏi thân hình cao lớn), cô kinh ngạc vô cùng: giọng gã cao và mỏng. Sao cô vô tâm đến thế? Bấy lâu rồi cô không để ý đến điều đó ư?

Có lẽ sự ngạc nhiên khi nhận ra giọng nói không mấy truyền cảm đó đã cứu cô khỏi cảm dỗ. Cô bước vào phòng, nhặt quần áo mặc vội lên người rồi ra khỏi nhà.

Cô mua sắm xong và đang trên đường về nhà. Karenin ngậm ổ bánh trên mồm như thường lệ. Sáng hôm đó trời lạnh, tuyết rơi nhẹ. Cô đi ngang một khu chung cư. Xen giữa những toà nhà cao tầng là những mảnh đất nhỏ người ta trồng hoa hay rau cỏ. Karenin đột nhiên đứng khựng lại, hai mắt nhìn chăm chăm vào vật gì. Cô nhìn theo nhưng chẳng thấy gì bất thường. Nó chạy kéo cô theo sau và khi đến gần cô mới nhìn ra vật lạ. Từ dưới mặt đất trong mảnh vườn trơ trụi khô cằn nhô lên đầu và mỏ một con quạ đen. Đầu con quạ hấp hối nhấp nhô lên xuống và mỏ nó thỉnh thoảng quác ra tiếng kêu thảm thiết.

Karenin nhảy cẫng lên đến nỗi đánh rơi ổ bánh. Tereza cột nó vào gốc cây để nó không hại đến con quạ. Đoạn cô quì xuống cố đào xới chỗ đất nện chặt chôn sống con quạ. Không dễ như cô tưởng. Cô làm gãy một móng tay. Máu ứa ra.

Bỗng có hòn đá ai ném rơi gần đó. Cô quay lại và bắt gặp hai đứa bé trai chừng chín mười tuổi đang thập thò sau bức tường. Cô đứng dậy. Hai đứa trẻ thấy cô dợm chân, lại thấy con chó cạnh gốc cây, chúng liền bỏ chạy.

Cô trở lại tiếp tục cào xới đám đất. Cuối cùng cô lôi được con quạ ra khỏi mồ chôn nó. Nhưng con quạ nằm ì một chỗ chứ không đi đứng hay cất cánh bay lên nổi. Cô lấy chiếc khăn phủ la màu đỏ đang quấn trên cổ phủ trùm con quạ rồi ôm nó vào lòng. Tay trái ôm con quạ, tay phải cô nắm sợi dây xích cổ con Karenin. Phải vận hết sức lực cô mới ghì nó xuống được.

Cô nhấn chuông cửa vì chẳng còn tay nào mở khoá. Tomas mở cửa cho cô vào. Cô đưa anh sợi dây xích chó bảo anh cầm lấy rồi ôm con quạ vào phòng tắm. Cô đặt nó dưới sàn. Nó yếu ớt đập đôi cánh hai ba cái, nhưng chỉ được thế. Chất nước vàng đặc sệt rỉ ra từ thân nó. Cô gom mấy miếng giẻ làm ổ cho nó nằm để nó khỏi bị lạnh. Thỉnh thoảng con quạ đập đập đôi cánh thương tích và ngóc mỏ lên kêu như quả trách ai.

Cô ngồi thờ người trên thành bồn tắm, mắt nhìn con quạ đang giãy chết. Trong nỗi hiu quạnh và thê lương đó cô như nhìn thấy định mệnh đời cô, và cô lẩm bẩm nhiều lần trong miệng, Mình đâu còn ai nữa trên cõi đời này ngoài Tomas.

Cuộc phiêu lưu với gã đàn ông làm nghề kĩ sư có dạy cô bài học chuyện xác thịt nhăng nhít chẳng qua chỉ là chuyện qua đường, không quan hệ chi đến tình yêu không? Rằng đó chỉ là cái gì vô trọng lượng và nhẹ như tơ? Cô có thấy tâm hồn mình yên ổn hơn không?

Hoàn toàn không.

Đầu óc cô cứ hình dung ra cảnh tượng sau: Từ phòng tắm bước ra, thể xác cô đứng đó, trần truồng và kinh tởm. Còn tâm hồn cô thì run rẩy, kinh hãi, chìm ngập dưới cặn bã của chính cô. Giá lúc đó gã đàn ông ở phòng ngoài gọi đúng tâm hồn cô, cô sẽ oà lên khóc và lăn xả vào vòng tay gã.

Cô tưởng tượng giả thử cô gái đứng bên trong là một trong những người tình của Tomas và gã đàn ông bên ngoài là chính anh. Anh chỉ cần thốt lên tiếng gọi, vồn vện một tiếng thôi, cô gái sẽ chạy ào ra ôm chầm lấy anh và nước mắt tuôn rơi.

Tereza biết rõ chuyện gì xảy ra khi tình yêu ra đời: người đàn bà không cưỡng được tiếng gọi đang kêu gọi tâm hồn khiếp hãi của mình; người đàn ông không cưỡng được người đàn bà mà tâm hồn đã đáp lại tiếng gọi đó. Tomas không có vật tự vệ trong tay để cưỡng lại sự quyến rũ của tình yêu, và Tereza hãi sợ cho anh từng giây từng phút.

Vũ khí cô có trong tay là gì? Có gì đâu ngoài tấm lòng chung thủy. Và cô hiến dâng anh điều đó ngay từ buổi đầu, ngay từ ngày đầu, như thể cô biết mình chẳng có gì khác cho anh. Tình yêu hai người là cấu trúc bất đối xứng đến kì lạ: nó được chống đỡ bởi sự khẳng định tuyệt đối tấm lòng chung thủy của cô như toà lâu đài khổng lồ được chống đỡ bằng cột trụ duy nhất.

Chẳng bao lâu, con quạ ngừng đập cánh, nó nằm bất động, thỉnh thoảng co giật hai cái chân gầy. Tereza không chịu rời nó. Cô ngồi nhìn như thể nó là người em bất hạnh đang qua đời. Tuy vậy, cuối cùng cô cũng ra bếp tìm cái gì ăn cho đỡ đói.

Khi cô trở lại, con quạ đã chết cứng.

Năm đầu yêu Tomas, mỗi lần ân ái Tereza hét thật to. Tiếng hét, như tôi thuật, có mục đích khiến mọi giác quan trở nên mù loà, tê liệt. Dần dà cô hét ít đi, nhưng tâm hồn cô vẫn bị tình yêu làm mù loà, nó vẫn đắm chìm trong tăm tối. Làm tình với người đàn ông không có tình yêu, cuối cùng tâm hồn cô mở mắt ra.

Lần đi tắm hơi sau đó, như thường lệ cô lại đứng trước gương, nhìn vào chính mình, hồi tưởng cuộc chơi yêu đương xác thịt với gã đàn ông lạ trên căn gác của gã. Tâm trí cô đâu để ý gì đến người tình của cô. Thật vậy, bây giờ có ai hỏi cô mặt mũi gã ra sao chắc cô khó lòng miêu tả cho chính xác. Cô cũng chẳng buồn để ý lúc trần truồng gã như thế nào. Cô chỉ nhớ thân hình của chính cô thôi (và giờ đây đứng trước gương cô cảm thấy rạo rực khôn tả): khoảng tam giác trái cấm và cái bốt son tròn đỏ ửng ngay trên đó. Cái bốt trước đây cô xem như vết xấu xa trên da thịt mình, giờ đây cô bị nó ám ảnh. Cô khao khát được nhìn thấy nó gần gũi hạ thể một người đàn ông xa lạ.

Đến đây tôi lại phải nhấn mạnh thêm lần nữa: Cô không hề khao khát thân xác một người đàn ông khác. Cô chỉ ước mong được nhìn thấy phần da thịt thâm kín nhất của mình gần gũi, va chạm hạ thể một người đàn ông xa lạ. Cô không thèm muốn da thịt của người tình. Cô thèm muốn thể xác của chính cô, một thể xác vừa được khám phá, gần gũi và khác lạ vượt xa mọi thể xác khác, rạo rực không gì so sánh bằng.

Nhìn vào thân thể mình lấm tấm những giọt nước vừa tắm ra, cô tưởng tượng gã đàn ông sẽ quay lại quán rượu. Ôi, cô nhung nhớ gã xiết bao! Cô háo hức chờ đợi gã rủ cô về phòng lần nữa. Ôi, cô khao khát điều đó biết dường nào!

Hôm nào cô cũng nơm nớp lo âu gã đàn ông xuất hiện tại quán rượu và cô không đủ sức mạnh chối từ gã. Nhưng ngày qua ngày, dần dà nỗi lo âu biến thành lòng khiếp hãi tại sao gã không đến?

Một tháng trời trôi qua, gã đàn ông vẫn né tránh. Tereza thấy khó hiểu. Từ thất vọng cô biến thành hoang mang: Tại sao gã không đến?

Một hôm, trong lúc bung rượu cho khách, cô chợt đụng phải lão đàn ông hỏi đầu, chính lão là người vu oan cô bán rượu cho cậu trai vị thành niên bữa nọ. Lão đang bô bô kể một chuyện tiếu lâm tục tĩu. Cô nghe câu chuyện này không biết bao nhiêu lần từ hồi còn làm hầu bàn tại nhà hàng ăn dưới tỉnh. Một lần nữa, cô có cảm tưởng bà mẹ cô đang lén lút xâm phạm đời sống cô. Cô bực bội đến bảo lão đàn ông hỏi bớt tiếng xuống.

"Cô là ai mà dám ra lệnh cho tôi, hả?" Lão đổ quạu lớn tiếng sinh sự. "Này, tôi nói cho cô biết, cô phải cảm ơn ngôi sao may mắn của cô vì chúng tôi để cô làm việc trong quán rượu này."

"Chúng tôi? Chúng tôi là ai vào đây?"

"Chúng tôi." Lão vừa nói vừa giơ li lên đòi thêm rượu vốt-ka. "Cô không được quyền lăng mạ tôi nữa, nghe rõ chưa? À này, nhân tiện tôi hỏi cô," vừa nói lão vừa chỉ xâu chuỗi ngọc trai giả Tereza đeo trên cổ, "Cái này ở đâu ra? Đừng bảo tôi chồng cô mua tặng cô. Chồng cô, một tên làm nghề lau chùi cửa sổ đời nào có tiền mua được món quà đắt tiền như thế. Chắc bọn khách khứa đến uống rượu mua tặng cô chứ gì? Tôi thắc mắc cô đã tặng lại bọn chúng cái gì?"

"Ông câm họng lại ngay!" Cô rít lên.

"Cô nên nhớ mãi dâm là một tội phạm." Lão ta vẫn tiếp tục lải nhải lại còn giơ tay định giật xâu chuỗi.

Đột nhiên con Karenin chồm hai chân trước lên thành quầy rượu và bắt đầu gầm gừ trong cổ họng.

Ông đại sứ nói: "Hắn là người của sở mật thám."

"Nếu vậy tại sao hắn lộ liễu đến thế? Mật thám không giữ được bí mật thì còn gì là mật thám?"

Ông đại sứ co hai chân lên ghế bố ngồi xếp bằng như lúc ngồi thiền quán. Tổng thống Kennedy từ khung ảnh treo trên tường nhìn xuống như đang công nhận lời ông đúng.

"Cô cháu của tôi ơi, sở mật thám có nhiều nhiệm vụ," ông nói như bậc trưởng thượng đang dạy bảo con cháu trong nhà. "Nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ bất di dịch của công an chìm xưa nay là nghe ngóng người ta nói gì rồi về tường trình lên thượng cấp.

"Nhiệm vụ thứ hai là đe dọa, uy hiếp dân lành. Họ làm như thể chúng ta nằm dưới nắm tay quyền lực của họ; họ muốn chúng ta lúc nào trong lòng cũng nơm nớp lo sợ. Đó là công tác ông bạn hói đầu của cô đang thi hành.

"Nhiệm vụ thứ ba là dàn cảnh để ép buộc chúng ta phải theo họ. Hết rồi cái thời họ buộc tội chúng ta là phản động, là âm mưu lật đổ chính quyền nhà nước. Điều đó chỉ khiến chúng ta chiếm cảm tình của dân chúng nhiều hơn thôi. Ngày nay, họ lén lút nhét cần sa vào túi chúng ta hay hô hoán chúng ta hiếp dâm cô bé gái mười hai tuổi. Làm gì họ chẳng tìm ra một cô bé gái như thế để kết tội chúng ta."

Ngay lúc đó, hình ảnh gã đàn ông làm nghề kĩ sư hiện về trong trí óc cô. Tại sao gã không bao giờ quay lại?

"Họ cần giăng bẫy," ông đại sứ nói tiếp, "để ép buộc người này cộng tác với họ giăng bẫy người khác, cứ thế dần dà họ biến đất nước này thành một tổ chức toàn người điềm chỉ."

Tereza không thể không nghi ngờ gã đàn ông làm nghề kĩ sư. Chắc chắn gã là người sở mật thám. Còn cậu trai lạ mặt uống rượu say khướt rồi buông lời chọc ghẹo cô là ai? Vì cậu ta lão lính kín đầu hói mới chụp cơ hội bắt chẹt cô để gã đàn ông làm nghề kĩ sư đứng lên bênh vực. Thì ra cả ba người đều thủ vai trong vở kịch đưa cô vào tròng.

Chỉ có thể mà cô nghĩ không ra! Căn gác của gã đàn ông có cái gì không ổn, nhà gã đâu phải ở đó! Tại sao một kĩ sư ăn mặc lịch sự lại sống trong căn gác tồi tàn như vậy? Gã có thật là kĩ sư không? Nếu thật, tại sao gã tan sở về nhà lúc hai giờ chiều? Hơn nữa, có bao nhiêu kĩ sư đọc Sophocles? Không, người hành nghề kĩ sư không thể có tủ sách đó được! Căn gác mang không khí nơi cư ngụ của một nhân vật trí thức thanh bần bị bắt bỏ tù. Chính cha cô cũng bị bắt vào tù năm cô lên mười và ngôi nhà cùng sách vở của ông cũng bị nhà nước tịch thu. Ngôi nhà sau đó được dùng vào việc gì thì chỉ có trời biết.

Cô bừng tỉnh và hiểu ra líu do tại sao gã đàn ông không bao giờ quay lại: gã đã hoàn tất

nhiệm vụ của mình. Nhiệm vụ gì? Lão lính kín đầu hói say rượu lơ đãng tiết lộ khi nói, "Cô nên nhớ mãi dân là một tội phạm." Gã đàn ông tự nhận làm nghề kĩ sư sẽ cung khai là cô đòi trả tiền khi ngủ với gã! Họ sẽ làm lớn chuyện ngụy tạo một vụ xì căng đan trừ phi cô chịu cộng tác nhận nhiệm vụ dòm ngó và tường trình lên họ những kẻ vào quán uống rượu.

"Đừng lo lắng thái quá cô ạ," ông đại sứ trấn an cô. "Câu chuyện của cô chẳng có gì nguy hiểm đâu."

"Cháu cũng nghĩ vậy." Giọng cô buồn buồn, nói xong cô ra về. Vẫn một mình với con chó Karenin lầm lũi bước vào trời đêm Praha.

Người ta thường đi vào tương lai để lẩn trốn khó khăn của mình; họ vẽ ra đường ranh tưởng tượng mà chỉ cần bước qua các khó khăn sẽ tự nhiên biến mất. Nhưng Tereza không thấy đường ranh đó ở tương lai. Chỉ có cách nhìn ngược về quá khứ cô mới thấy an ủi. Lại một ngày chủ nhật. Hai người lên xe bỏ Praha thật xa đằng sau lưng.

Tomas ngồi ở tay lái, Tereza bên cạnh và Karenin ở băng sau, thỉnh thoảng nó chồm lên thè lưỡi liếm tai hai người. Lái mất hai tiếng đồng hồ, họ dừng xe tại một thị trấn nhỏ nổi tiếng có suối nước nóng. Sáu năm trước, hai người ghé chơi mấy bữa. Hôm nay họ dự định ở lại ngủ qua đêm.

Tomas đậu xe trước công trường ngay phố chính. Cảnh vật chẳng có gì thay đổi. Họ đứng đối diện khách sạn họ thuê phòng lúc trước. Vẫn những cây đoan nhô lên trước khách sạn. Phía trái công trường, hàng cột gỗ cũ kĩ chạy dài, dòng nước chữa bệnh chảy róc rách xuống bồn đá cẩm thạch. Người đứng lom khom chung quanh bồn nước, vẫn những cái li nhỏ cầm trên tay.

Lúc Tomas ngược lại nhìn khách sạn thêm lần nữa, anh nhận ra nó có thay đổi. Bảng hiệu "Đại Khách Sạn" lúc trước bây giờ đổi thành "Khách Sạn Baikal." Anh nhìn lên bảng tên đường ở góc toà nhà: Công trường Moskva. Đoạn hai người tản bộ trên những con đường quen thuộc (Karenin lon ton chạy theo sau, cổ không dây xích.) Đường phố hoàn toàn thay tên mới: đường Stalingrad, đường Leningrad, đường Rostov, đường Novosibirsk, đường Kiev, đường Odessa. Rồi viện điều dưỡng Tchaikovsky, viện điều dưỡng Tolstoy, viện điều dưỡng Rimsky-Korsakov, lại có khách sạn Suvorov, rạp chớp bóng Gorky, và cà phê Pushkin. Tất cả đều lấy từ địa dư và lịch sử nước Nga.

Đột nhiên Tereza nhớ lại ngày đầu cuộc xâm lăng. Khắp nơi, từ thành phố cho đến tỉnh lỵ, bảng chỉ đường, bảng tên đường bị dân chúng gỡ hết. Chỉ qua một đêm, cả quốc gia không nơi nào còn bảng chỉ đường. Suốt bảy ngày, lính Nga lang thang ngoài đồng nội, không biết đang ở đâu. Sĩ quan Nga lùng lên đi tìm toà báo, đài truyền thanh, truyền hình, nhưng đành chịu vì không biết chúng tọa lạc nơi đâu. Hỏi dân thì dân nhún vai hoặc chỉ trỏ lung tung.

Điều đó giờ đây biến thành tai hại. Nhà cửa phố xá không mang tên cũ nữa. Rốt cuộc, cái thị trấn khoáng tuyến nước Tiệp đột nhiên hoá thân biến thành một nước Nga giả tưởng thu nhỏ, và cái quá khứ Tereza đi tìm bị tước đoạt mất rồi. Hai người làm sao ở lại ngủ đêm trong khung cảnh đó được.

Họ trở lại chỗ đậu xe trong im lặng. Tereza miên man với ý tưởng cảnh và người dường như ai cũng phải cải dạng biến thân. Một thị trấn Tiệp cổ kính nay mang toàn tên Nga. Người Tiệp thu hình cuộc xâm lăng vào ống kính vô tình làm công không cho mật thám. Người đàn ông đưa cô đến cũi chết đeo mặt nạ khuôn mặt Tomas. Tên mật thám thủ vai trò người kĩ sư, và người kĩ sư thủ vai trò người đàn ông trên đồi Petrin. Quyển sách trên căn gác là biểu tượng vở kịch đưa cô vào tròng.

Nhớ đến quyển sách cầm trên tay lúc đứng trên căn gác, óc cô chợt loé lên ý nghĩ thầm kín khiến hai má cô đỏ bừng. Lốp lang vớ kịch như thế nào? Thoạt đầu, gã đàn ông bảo cô gã đi lấy cà phê cho cô. Cô đến bên giá sách và cầm xuống quyển Oedipus của Sophocles. Đoạn gã trở lại. Nhưng không có cà phê!

Cô trần trố với cảnh tượng trên căn gác lúc đó: gã đi lấy cà phê trong bao lâu? Chắc chắn ít nhất một phút. Có lẽ hai ba phút không chừng. Gã làm gì ở phòng ngoài lâu đến thế? Hay gã vào phòng tắm? Cô cố nhớ xem có tiếng đóng cửa hay tiếng dội cầu không. Không, cô chắc chắn không có tiếng nước; nếu có cô không thể quên được. Và cô cũng chắc không nghe tiếng cửa đóng. Vậy gã làm gì lúc ở phòng ngoài?

Rõ như ban ngày thôi. Nếu định đưa cô vào tròng, nhất định bọn chúng cần thêm nhân chứng ngoài gã đàn ông giả dạng kĩ sư. Bọn chúng cần có những bằng chứng không thể chối cãi. Trong lúc ở phòng ngoài, chắc chắn gã đã đi bấm máy quay phim. Hay, có lẽ đúng hơn, đã mở cửa cho kẻ nào đó lén vào đứng sau màn chụp ảnh hai người.

Trước đó chỉ vài tuần, cô mắng mỏ Prochazka không chịu nhận ra đang sống trong trại tập trung, nơi mọi điều riêng tư hoàn toàn không có. Nhưng cô thì sao? Ra khỏi mái nhà bà mẹ, cô ngây thơ tưởng mình từ nay làm chủ được cuộc sống riêng của mình. Nhưng không, mái nhà bà mẹ cô kéo dài khắp thế giới và sẽ chẳng bao giờ cho cô tự do. Tereza sẽ không bao giờ thoát khỏi bàn tay bà.

Trong lúc hai người bước trở lại chỗ đậu xe, Tomas hỏi cô, "Em sao vậy?"

Trước khi cô kịp trả lời anh, có tiếng người chào hỏi Tomas.

Ông ta trạc năm mươi tuổi, khuôn mặt dày dạn nắng mưa. Ông làm nghề nông và trước đây được Tomas giải phẫu chữa bệnh, mỗi năm ông đến thị trấn khoáng tuyến này chữa bệnh một lần. Ông mời Tomas và Tereza đi uống rượu. Luật pháp cấm không cho thú vật vào nơi công cộng nên Tereza phải dẫn con Karenin trở lại xe trong lúc Tomas và người đàn ông đi tìm bàn trong quán cà phê gần đó. Lúc ngồi vào bàn, cô nghe người đàn ông nói, "Chúng tôi sống bình lặng êm ả lắm. Cách đây hai năm tôi còn được bầu làm chủ nhiệm hợp tác xã."

"Chúc mừng ông." Tomas nói.

"Bác sĩ biết đó. Người ta tranh nhau dọn lên thành phố. Đám chớp bu, họ mừng lắm khi có người muốn ở lại thôn quê. Họ không dám đá động gì đến chúng tôi đâu."

"Thật lí tưởng cho chúng tôi." Tereza bảo ông.

"Thưa bà, bà sẽ buồn chán đến chết mất thôi. Chẳng có việc gì. Hoàn toàn không."

Tereza nhìn khuôn mặt dày dạn mưa nắng của người đàn ông. Cô thấy ông rất tử tế. Lâu lắm rồi, cả thế kỉ cô mới gặp người tử tế như thế! Cảnh đời sống thôn dã hiện ra trước mắt cô: ngôi làng có gác chuông nhà thờ, ruộng nương đồng áng, rừng cây, chú thỏ chạy nháy nhón như bên luống cày, và người thợ săn đầu đội mũ màu xanh. Cô chưa bao giờ sinh sống dưới làng quê. Hình ảnh này hoàn toàn do những gì cô nghe được. Hay đọc trong sách vở. Hay từ tổ tiên hiện về trong vô thức. Tuy vậy, nó sống trong tâm khảm cô, bình dị và rõ ràng như tấm ảnh xưa cũ chụp hình bà cố ba đời của cô trong quyển an-bum gia đình.

"Ông còn bị bệnh hành không?" Tomas hỏi người đàn ông.

Ông đưa tay chỉ sau gáy mình. "Thỉnh thoảng tôi vẫn bị đau chỗ này."

Tomas luồn tay ra sau gáy người đàn ông. "Tôi không được phép cho toa nữa," anh nói sau khi khám sơ chỗ đau của ông, "nhưng ông về nói chuyện với bác sĩ đang điều trị cho ông là ông có nói chuyện với tôi và tôi đề nghị ông nên dùng loại thuốc này." Nói xong anh rút ví lấy ra tập giấy nhỏ, xé một mảnh rồi ghi xuống tên vị thuốc.

Hai người lên xe về lại Praha.

Suốt dọc đường, Tereza ưu tư mãi về bức ảnh cô trần truồng ôm thân hình gã đàn ông làm nghề kĩ sư. Cô cố tự an ủi bằng cách nghĩ là ngay cả nếu bức ảnh thật sự hiện hữu chắc gì Tomas sẽ trông thấy nó. Bức ảnh chỉ có giá trị khi nó được dùng vào việc hăm dọa. Nó sẽ mất giá trị nếu Tomas trông thấy.

Nhưng việc gì xảy ra nếu bọn công an bỗng dưng quyết định không dùng cô nữa? Bức ảnh sẽ trở thành món đồ chơi trong tay chúng, và chẳng có gì cản trở chúng nhét bức ảnh vào phong bì gửi đến Tomas. Như một cuộc mua vui.

Chuyện gì xảy ra nếu Tomas nhận được bức ảnh như vậy? Anh sẽ tống cổ cô ra khỏi nhà chẳng? Có lẽ không. Nhưng toà lâu đài mong manh tượng trưng cho tình yêu hai người chắc sẽ sụp đổ mất thôi. Bởi toà lâu đài đó xây dựng trên cột trụ duy nhất là lòng chung thủy của cô với anh. Và tình yêu giống như đế quốc: một khi lí tưởng sụp đổ, tình yêu dựa trên lí tưởng đó cũng sụp đổ theo.

Giờ đây trước mắt cô hiện lên hình ảnh: chú thỏ chạy nhảy nhón nhơ bên luống cà, người thợ săn đầu đội mũ màu xanh, và gác chuông nhà thờ đầu làng nhô lên trước khu rừng.

Cô rất muốn quay sang bảo Tomas vợ chồng mình hãy từ bỏ Praha đi nơi khác. Hãy từ bỏ những đứa trẻ tinh quái thích chôn sống bầy quạ, hãy từ bỏ những tên mật thám, hãy từ bỏ những người đàn bà trẻ với vũ khí là cây dù trên tay. Cô rất muốn bảo anh vợ chồng mình hãy về quê sinh sống, bởi đó là con đường giải thoát duy nhất cho hai người.

Cô quay sang anh. Không thấy Tomas phản ứng gì. Anh đang chăm chú lái xe. Không phá vỡ được bầu không khí im lặng giữa hai người, cô tiêu tan can đảm bày tỏ ý nghĩ mình. Cô có cảm tưởng cô gục ngã như lúc từ đồi Petrin leo xuống. Ruột gan cô quặn thắt, và cô ngỡ mình đang ngã bệnh. Cô sợ Tomas. Anh mạnh mẽ quá còn cô thì yếu đuối vô cùng. Anh ra lệnh cho cô, những mệnh lệnh cô không hiểu nổi; cô cố gắng thực hiện nhưng không biết phải làm gì.

Cô muốn trở lại ngọn đồi Petrin và yêu cầu người đàn ông có khẩu súng dài hãy bịt mắt cô và dẫn cô đến dựa lưng vào gốc cây dẻ. Cô muốn chết.

Tỉnh giấc, cô thấy trơ trọi một mình ở nhà.

Cô ra khỏi nhà và đi về hướng bờ sông. Cô muốn nhìn dòng Vltava. Cô muốn ra đứng bên bờ sông để nhìn thật lâu, thật kĩ dòng nước, bởi chỉ có dòng nước êm đềm mới làm lòng cô dịu xuống. Dòng sông chảy từ thế kỉ này sang thế kỉ khác, bên bờ dòng nước con người bày ra không biết bao nhiêu cuộc chơi. Cuộc chơi có thể bị lãng quên ngay ngày hôm sau, nhưng dòng sông vẫn miên man chảy.

Đứng tựa thành lan can, cô nhìn chăm chú xuống dòng nước. Cô đang ở ngoại thành, và dòng Vltava xuôi chảy qua thành phố bỏ lại mọi vinh quang đèn đài dinh thự; giống như người nữ diễn viên sau buổi trình diễn, dòng nước mệt mỏi, như đang trầm tư suy nghiệm điều gì. Hai bên bờ sông dơ bẩn, hàng rào bao quanh nhà máy và sân chơi bỏ không.

Cô vẫn nhìn xuống dòng sông ở đây cảnh vật dường như buồn thảm, tối tăm hơn đột nhiên cô nhìn thấy vật lạ đang trôi giữa dòng nước, vật gì màu đỏ à, một băng ghế dài. Băng ghế gỗ, chân sắt, loại thường thấy trong các công viên thành phố. Băng ghế dài trôi trên dòng Vltava. Một cái khác trôi sau đó, một cái khác, lại một cái nữa, và đến lúc đó Tereza chợt nhận ra tất cả ghế công viên ở Praha, nhiều lắm, không biết cơ man nào mà kể, hết chiếc này đến chiếc khác cứ thế trôi về cuối dòng sông, dạt dờ như lá thu bị dòng nước cuốn đi đỏ, vàng, xanh.

Cô quay lại như thể nhờ người qua đường nào đó giải thích giúp cô thế này nghĩa là gì. Tại sao ghế công viên ở Praha lại trôi hết về cuối dòng sông? Nhưng người qua đường dừng đứng bởi họ có bao giờ để ý đến con sông vẫn chảy qua cái thành phố phù vân của họ thế kỉ này qua thế kỉ khác đâu.

Cô lại nhìn xuống dòng nước. Nỗi sầu não dâng lên vô tả. Cô hiểu đây là lần vĩnh biệt.

Những băng ghế trôi đi gần hết, chỉ còn đôi ba cái lác đác sau cùng: cái màu vàng, rồi thêm cái nữa, cái màu xanh là cái cuối cùng.

PHẦN NĂM

nặng và nhẹ

Như tôi thuật ở phần một, ngay hôm Tereza đột ngột đến thăm Tomas ở Praha, hay đúng hơn giây phút đầu tiên gặp gỡ, anh đã làm tình với cô. Nhưng sau đó cô lên cơn sốt nặng. Lúc cô nằm trên giường anh đứng bên cạnh nhìn cô, anh không sao gạt bỏ được ý nghĩ cô là đứa trẻ ai đó đặt trong chiếc thúng cói rồi đẩy xuống dòng nước trôi giạt đến chân anh.

Từ lúc đó anh thấy lòng mình yêu mến lạ lùng hình ảnh đứa bé sơ sinh bị bỏ rơi, và anh thường liên hệ tới những huyền thoại cổ. Hiển nhiên, với ý tưởng đó trong đầu anh đi mua bản dịch quyển *Oedipus* của Sophocles.

Không ai không biết truyện *Oedipus*: bị bỏ rơi khi mới lọt lòng, chàng được vua Polybus đem về nuôi nấng. Một hôm, khi đã khôn lớn, chàng chạm trán một nhân vật quý phái cưỡi ngựa trên núi. Đôi bên đi đến chỗ gây gỗ và Oedipus giết chết nhân vật nọ. Về sau chàng lấy hoàng hậu Jocasta làm vợ và trở thành chúa tể Thebes. Chàng không biết người chàng giết chết trên núi chính là cha chàng và người đàn bà chàng ngủ chung hàng đêm là mẹ chàng. Trong lúc đó, định mệnh giáng xuống thần dân chàng trận dịch tai ương khủng khiếp. Khi Oedipus biết ra chính mình là nguyên nhân nổi thống khổ của thần dân, chàng tự chọc mù hai mắt rồi bỏ thành Thebes ra đi.

Người nhận định các chế độ Cộng sản ở Trung Âu đơn thuần chỉ là những tổ chức ăn cướp, người đó không nhìn ra sự thật hết sức cơ bản: bọn cầm đầu các chế độ ăn cướp đó không phải là bọn cướp. Chúng là những kẻ tin tưởng nhiệt thành vào niềm tin chúng tìm ra con đường duy nhất đưa con người đến Thiên đàng. Chúng kiên quyết bênh vực con đường đó, kiên quyết đến nỗi không ngần ngại giết hại biết bao nhiêu mạng người. Dần dà về sau, khi Thiên đàng chỉ là ảo vọng, bọn người nhiệt tâm kia biến thành lũ sát nhân.

Đến lúc đó, mọi người đồng loạt lên án Cộng sản: Chính các ông đã đưa đất nước đến chỗ khốn cùng (càng ngày càng nghèo đói và lạc hậu); chính các ông đã làm mất nước (quốc gia rơi vào tay người Nga); chính các ông đã dung túng lũ sát nhân hợp pháp kia!

Những kẻ bị kết tội chống cự lại: Nào chúng tôi có hay biết gì đâu! Chúng tôi bị lừa gạt! Chúng tôi đầy lòng tin chân thành! Tận sâu trong tâm khảm chúng tôi là những người vô tội!

Cuối cùng, cuộc cãi vã thu hẹp lại còn câu hỏi duy nhất: Có thật họ không hề hay biết hay chỉ cố tình lấp liếm che đậy tội lỗi?

Tomas (cũng như mười triệu người dân Tiệp khắc) theo dõi thật sát cuộc tranh luận, và anh có ý kiến riêng. Anh nghĩ chắc chắn phải có những người Cộng sản biết rất rõ về những tội ác xảy ra (làm sao họ không biết những tội ác kinh khủng xảy ra và vẫn đang tiếp diễn trong thời hậu cách mạng ở Nga), nhưng có lẽ phần lớn những người Cộng sản khác không hay biết gì.

Nhưng, anh nói với chính mình, dù họ biết hay không, vấn đề chính đặt ra ở đây là người không biết có tội hay vô tội? Thăng không ngồi trên ngai vàng được tha thứ chỉ vì hắn là thăng không?

Chúng ta thử nêu trường hợp như sau: Thời gian đầu thập kỷ 50, công tố viên Tiệp khắc đòi lên án tử hình một người dân vô tội vì ông biện lý bị mật thám Nga và chính nhà nước Tiệp lừa gạt. Nhưng giờ đây tất cả chúng ta đều biết rõ lời cáo buộc đó thật ra phi lý và người dân vô tội kia chết oan, nhưng thử hỏi ông biện lý đó làm sao có thể tự biện minh cho lòng thanh khiết của mình bằng cách dấm tay lên ngực và cất tiếng than van, "Lương tâm tôi trong sạch! Tôi không biết! Tôi chỉ là người có lòng tin!" Phải chăng chính cái "Tôi không biết! Tôi chỉ là người có lòng tin!" của ông ta là căn nguyên tội lỗi không sao cứu vãn.

Tomas liên tưởng đến huyền thoại Oedipus: Oedipus không biết chàng ngủ với chính mẹ chàng, tuy vậy khi biết ra sự thật, chàng không thấy mình vô tội. Không ngăn được nỗi cắn rứt khi nhìn cảnh tang thương do cái "không biết" của mình đem lại, chàng tự chọc mù hai mắt rồi bỏ thành Thebes ra đi.

Khi Tomas nghe người Cộng sản lớn tiếng biện minh cho lòng thanh khiết của họ, anh nhủ

thầm, chỉ vì cái "không biết" của bọn các ông, đất nước này mất tự do, có lẽ cả thế kỷ, vậy mà các ông bảo các ông vô tội ư? Lương tâm các ông không bị cắn rứt khi nhìn cảnh đất nước tang thương hôm nay do chính bàn tay các ông gây nên sao? Các ông không thấy kinh hoàng à? Các ông mù mắt cả rồi ư? Nếu chưa mù, các ông nên tự móc mắt mình rồi bỏ Thebes mà đi cho khuất!

Anh đặc ý với sự so sánh đó lắm và anh thường đem ra chia sẻ với bằng hữu chung quanh. Càng ngày ý tưởng anh trình bày càng chuẩn xác và chuốt lọc.

Cũng như tất cả các thành phần trí thức khác lúc đó, anh thường xuyên theo dõi tờ báo tuần do hội Nhà văn Tiệp ấn hành mỗi kỳ ba trăm ngàn số. Tờ báo khá độc lập và nêu những vấn đề bị xem là cấm kỵ. Chính tờ báo đã đưa ra câu hỏi ai là người gánh chịu mọi tội lỗi của những kẻ sát nhân hợp pháp do hậu quả những phiên tòa chính trị trong thời kỳ đảng Cộng sản mới nắm chính quyền.

Tờ báo chỉ lặp lại câu hỏi: Những người Cộng sản biết hay không biết? Tomas thấy câu hỏi này không đáng bàn tới, vì thế một hôm anh bỏ ra cả ngày trời cặm cụi viết xuống những ý tưởng anh ấp ủ bấy lâu và gửi bài viết đến tờ báo. Một tháng sau anh nhận được thư phúc đáp: họ mời anh đến tòa soạn. Tổng biên tập tờ báo người thấp bé nhưng thẳng băng như cây thước kẻ. Ông đề nghị Tomas thay đổi vị trí đôi ba từ ngữ trong một câu văn. Sau đó ít hôm, bài báo xuất hiện – trên trang áp chót, trong mục Thư Bạn Đọc.

Tomas chẳng thấy vui lòng chút nào. Họ bỏ thì giờ mời anh đến tòa soạn xin anh ưng thuận thay đổi vị trí đôi ba từ ngữ trong một câu văn, nhưng rồi không cần biết anh ưng chịu hay không, họ tự tiện cắt bỏ bài viết đến nỗi nội dung giảm xuống chỉ còn cái sườn căn bản (khiến bài viết trở nên giản lược và mang giọng điệu gây hấn.) Anh chán nản, không thêm để tâm đến nữa.

Chuyện đó xảy ra vào mùa Xuân 1968. Alexander Dubcek còn tại chức cùng những người Cộng sản thấy mình có tội và sẵn sàng làm điều gì đó để chuộc lại mọi lỗi lầm quá khứ. Nhưng những người Cộng sản khác, những người vẫn gào thét tự xưng là vô tội, sợ bị đem ra trừng trị trước pháp luật nếu toàn dân có ngày nổi cơn phẫn uất, hằng ngày họ đến cầu khẩn tòa đại sứ Nga mong người Nga can thiệp. Khi lá thư Tomas xuất hiện trên mặt báo, họ hô hoán: Đó, thấy chưa! Bây giờ họ còn đòi chúng tôi phải tự móc mắt ra!

Hai ba tháng sau, người Nga quyết định phải chấm dứt trò tự do ngôn luận này trong hệ thống cai trị của họ, và một đêm họ xua quân sang đánh chiếm quê hương Tomas.

Khi Tomas từ Zurich về Praha, anh vẫn làm việc như cũ trong bệnh viện. Một hôm ông bác sĩ trưởng khoa phẫu thuật gọi anh vào phòng nói chuyện.

Ông bảo anh, "Cả anh lẫn tôi đều biết rõ anh không phải là nhà văn, cũng chẳng phải nhà báo hay người đứng lên cứu nguy đất nước. Anh là một y sĩ, một nhà khoa học. Tôi buồn lắm nếu mất anh và tôi sẽ làm bất cứ điều gì trong phạm vi khả năng của tôi để giữ anh lại đây. Nhưng anh phải lên tiếng phủ nhận bài báo anh viết về Oedipus. Với anh điều đó có ý nghĩa trọng đại lắm không?"

"Nói thật với ông, tôi thấy nó hết sức trọng đại." Tomas vừa trả lời vừa nhớ lại bài viết của mình bị cắt bỏ cả một phần ba như thế nào.

"Anh biết chuyện bất tường sẽ xảy đến cho anh nếu anh không khứng chịu?"

Anh biết chứ. Đem hai sự việc đặt lên cán cân: một bên là danh dự (anh từ chối không chịu rút lại lời nói) và một bên là ý nghĩa đời sống (công việc anh đang làm trong ngành y tế.)

Ông bác sĩ trưởng nói tiếp: "Áp lực bắt người ta phải phủ nhận câu nói tuyên bố trong quá khứ – nghe như đang ở thời Trung cổ. Nhưng 'phủ nhận' điều mình nói nghĩa là gì? Làm sao người ta có thể biện minh một cách rạch ròi điều mình nói lúc trước bây giờ lại không còn giá trị gì nữa? Thời nay, ý tưởng chỉ có thể bị bác bỏ chứ không thể phủ nhận. Và bởi lẽ chúng ta không thể phủ nhận một ý tưởng, tôi thiết tưởng anh nên làm vừa lòng họ. Trong một xã hội cai trị bằng bạo lực, không ai thêm quan tâm đến một câu nói. Toàn những lời tuyên bố bị ép buộc, và những người dân lương thiện đều phải có bốn phận gác bỏ ngoài tai những lời nói đó. Để kết luận, tôi mong anh nghĩ đến tôi, đến những bệnh nhân mà ở lại với chúng tôi."

"Ông nói rất đúng, tôi biết chắc như vậy." Mặt Tomas bỗng buồn rười rượi.

"Nhưng?" Ông y sĩ trưởng cố dò xét ý nghĩ của anh.

"Tôi sợ không nhìn được mặt ai."

"Không nhìn được mặt ai? Anh coi trọng đồng nghiệp anh đến nỗi anh sợ họ nghĩ gì về anh à?"

"Không, tôi chẳng coi trọng họ đến mức đó đâu." Tomas trả lời.

"À, nhân tiện nói anh rõ, anh không phải công khai lên tiếng. Họ đảm bảo với tôi như thế. Họ quan liêu lắm. Họ chỉ cần nắm tờ giấy trong hồ sơ chứng nhận anh không chống chế độ để phòng ngừa trường hợp có kẻ báng bổ chỉ trích họ cho phép anh làm việc trong bệnh viện. Họ hứa không để lọt ra ngoài. Họ không có ý đồ phổ biến một chữ một lời nào."

"Ông cho tôi một tuần lễ để suy nghĩ." Tomas trả lời và câu chuyện tạm yên.

Trong bệnh viện, Tomas được xem là bác sĩ giỏi nhất khoa phẫu thuật. Có lời đồn đại ông bác sĩ trưởng sắp đến tuổi về hưu và anh sẽ được cất nhắc lên thế chỗ. Khi lời đồn đó cộng với lời đồn anh bị nhà nước yêu cầu tự kiểm thảo, mọi người chắc hẳn anh sẽ ngoan ngoãn vâng lời thôi.

Đó là điều thứ nhất đập vào anh: mặc dù anh chưa bao giờ phạm điều gì khiến người khác phải nghi ngờ lòng liêm khiết của anh, nhưng anh thấy người ta sẵn sàng nghĩ xấu về anh thay vì bênh vực.

Điều thứ hai là phản ứng của họ về vị thế họ đang gán cho anh. Tôi có thể chia thành hai loại phản ứng cơ bản:

Phản ứng thứ nhất đến từ những người mà chính họ (hoặc những người thân quen) từng có hành động phủ nhận như vậy. Họ là người bị ép buộc phải công khai sống chung hòa bình với chế độ hay đang chuẩn bị sống như thế (bị ép buộc, dĩ nhiên – có ai tự ý đâu.)

Những người này bắt đầu nhìn anh với nụ cười khó hiểu trên môi, nụ cười trước đây anh chưa từng trông thấy bao giờ: nụ cười ngượng ngùng như thể trong bụng họ đang toan tính chuyện đồng lõa bí mật nào đó. Nụ cười của hai người đàn ông tình cờ gặp nhau trong nhà thổ: cả hai ngượng ngùng trơ trẽn như nhau, nhưng cùng lúc lại thấy đỡ khổ vì dù sao đó là tội lỗi chung, người kia như mình thôi chứ có khá hơn chút nào đâu, và mỗi dây thân mật tình huynh đệ bỗng dưng nảy nở giữa hai người.

Nụ cười còn hàm chứa niềm tự mãn vì Tomas xưa nay nổi tiếng là người cứng cỏi, ít chịu giam mình vào khuôn phép. Họ xem sự việc anh chấp thuận lời đề nghị của ông y sĩ trưởng là bằng chứng xác thực cho lòng hèn hạ đang dần dà nhưng vô cùng chần chẫn trở thành cái gì bình thường trong tư cách con người Tomas và chẳng bao lâu nó sẽ thay thế những điều cao đẹp họ vẫn nghĩ về anh. Anh không bao giờ xem bọn này là bạn hữu, và anh cảm thấy thất vọng khi nghĩ giả như anh khứng chịu lời yêu cầu của ông y sĩ trưởng, họ sẽ bắt đầu mời mọc anh đến nhà ăn uống và nghiêm nhiên anh trở thành bạn bè thân quen trong đám họ.

Phản ứng thứ hai đến từ những người mà chính họ (hoặc những người thân quen) từng bị kết án. Có người không chịu cộng tác với nhà nước, có người tự tin họ sẽ không bao giờ thỏa hiệp (như kí tên vào bản văn kiện đầu hàng) mặc dù không ai yêu cầu họ phải thi hành điều đó (thí dụ, họ còn quá trẻ để bị dính líu nhiều.)

Một hôm, bác sĩ S., một bác sĩ trẻ tuổi nhưng có tài, chặn hỏi Tomas, "Thế nào? Anh viết thư cho họ chưa?"

"Cậu đang nói trắng nói cuội gì đấy?" Tomas hỏi lại.

"Việc gì anh phải trả lời tôi như vậy, chuyện anh định rút lại lời tuyên bố trước đây..." Giọng anh ta không chút ác ý. Trên miệng còn điểm nụ cười. Lại thêm một nụ cười hóm hỉnh đặc chí.

"Cậu biết gì về lời tuyên bố của tôi?" Tomas hỏi lại. "Cậu đọc nó chưa?"

"Chưa." S. trả lời.

"Vậy thì cậu đang bép xép chuyện gì đây?"

Vẫn hiu hiu đặc chí, vẫn nụ cười nửa miệng trên môi, S. trả lời, "Này, chúng tôi biết cả đấy. Anh kèm nó trong lá thư gửi lên ông y sĩ trưởng hay ông bộ trưởng nào đó. Rồi họ hứa với anh họ không tiết lộ ra ngoài để anh khỏi mất mặt. Có đúng như thế không?"

Tomas nhún vai để S. nói tiếp.

"Nhưng mặc dù bản văn có chữ ký nào đó được cất giữ thật kỹ lưỡng, người ký tên thừa biết bất cứ lúc nào nó cũng có thể bị công khai hóa. Vì thế từ giờ phút đó trở đi, anh ta sẽ không bao giờ dám hở miệng chỉ trích ai, không bao giờ dám có thái độ chống đối dù chỉ là chống đối lấy lệ. Hở ra một chút bản văn lập tức xuất hiện trên mặt báo, tên tuổi người ký tên sẽ bị bôi nhọ và rao truyền khắp nơi. Nhưng nhìn chung, cách đó có lẽ lại hay. Người ta còn tưởng tượng ra những điều độc hại hơn thế nhiều."

"Vâng, cách đó hay lắm." Tomas trả lời, "Nhưng xin cậu cho tôi biết ai là người gieo vào đầu óc cậu tư tưởng tôi sẽ khứng chịu trong chuyện này?"

S. nhún vai, nhưng nụ cười vẫn không tắt.

Đột nhiên Tomas nhận ra hiện tượng vô cùng lạ lùng: những người chung quanh ai nấy nhìn anh mỉm cười, mọi người đồng loạt muốn anh ký tên; điều đó làm họ vui sướng hả hê vô cùng! Hạng người với phản ứng thứ nhất vui sướng vì lòng hèn nhát được thối phòng, và nhờ đó họ thấy tác phong họ lúc trước rất thông thường, chẳng có chi đáng trách và danh dự họ sẽ được phục hồi. Hạng người với phản ứng thứ hai mặc dù tự xem danh dự mỗi cá nhân là đặc quyền bất khả quy thuận, nhưng họ bí mật mưu mang tình thương cho những ai hèn nhát, bởi cõi đời này nếu không còn kẻ hèn nhát nữa thì lòng can đảm của họ chẳng bao lâu sẽ bị bào mòn thành cái gì tầm thường buồn tẻ, hết được ngưỡng mộ, tôn sùng.

Tomas chịu đựng hết nổi những nụ cười. Anh có cảm tưởng đâu đâu anh cũng thấy người ta cười vào mặt anh, ngay cả những người lạ mặt gặp trên hè phố. Anh bắt đầu mất ngủ. Lẽ nào? Có thật anh xem trọng những người này đến vậy sao? Không. Anh thấy họ chẳng có gì tốt lành đáng nói và anh giận dữ với chính anh đã để những cái liếc xéo kia làm anh điên đảo. Thật phi lý. Một mặt anh xem thường họ nhưng mặt khác anh lại bị ảnh hưởng quá nhiều từ những gì họ nghĩ về anh.

Có lẽ mỗi nghi hoặc vốn ăn sâu trong lòng anh về con người (không cho phép ai có quyền áp đặt lên định mệnh hay thậm chí định con người anh) đã góp phần trong việc anh chọn lựa nghề

nghiệp, làm nghề gì không phải ra đứng trước đám đông. Người chọn nghề chính trị là người tự nguyện dùng công chúng làm thẩm phán đánh giá con người mình với niềm tin ngây ngô mình sẽ được đám đông yêu chuộng. Nếu đám đông quần chúng kia biểu lộ lòng bất mãn, ông ta như bị kích động phải thực hiện những điều to tát tốt đẹp hơn, giống như Tomas hăm hở khi gặp ca bệnh khó khăn hiểm nghèo.

Y sĩ (khác với nhà chính trị hay người diễn viên) chỉ phải đối diện với bệnh nhân và những đồng nghiệp ngay bên cạnh mình, điều đó có nghĩa là, đằng sau cánh cửa khép kín, chỉ có quan hệ giữa người và người. Giờ đây phải đối diện với những cái nhìn phê phán, Tomas lập tức phản ứng với ánh mắt mình, để giải thích hay biện minh. (Lần đầu tiên trong đời) Tomas rơi vào cảnh huống mà những cái nhìn ập vào anh nhiều đến nỗi anh không sao ghi nhớ hết. Dù bằng ánh mắt nhìn ngược lại hay bằng ngôn từ, anh hoàn toàn bất lực. Vận mệnh anh nằm trong tay mọi người. Người ta xì xào cả trong lẫn ngoài bệnh viện (đó là thời điểm tin tức về những ai phản bội, ai rút lui, ai ra cộng tác, tràn ngập kinh thành Praha nơm nớp âu lo với tốc độ chớp nhoáng đến kỳ quặc của bức điện tín khẩn); và mặc dù biết vậy anh bó tay, không làm được điều gì. Anh ngạc nhiên khi thấy mình phải chịu đựng nhiều đến vậy. Anh không hiểu cái gì khiến anh hoảng sợ đến mức đó. Người đời chú ý đến anh lẽ ra chỉ gây khó chịu chút đỉnh như lúc bị kẹt giữa đám đông chen lấn hay như có đêm bị ác mộng vật vờ áo xé quần.

Anh đến nói với ông y sĩ trưởng anh sẽ không viết một chữ nào.

Ông bắt tay anh chặt hơn bình thường, ông bảo ông đoán trước quyết định của anh.

"Có cách nào tôi vẫn ở lại bệnh viện mà không cần phải ký tên vào bản văn?" Tomas gợi ý ông y sĩ trưởng thử đưa ra biện pháp như toàn thể bác sĩ đồng nghiệp đe dọa từ chức nếu anh bị cách chức.

Nhưng các bác sĩ đồng nghiệp anh chẳng bao giờ mơ chuyện họ đồng loạt đe dọa từ chức và chỉ trong thời gian ngắn (ông y sĩ trưởng bắt tay anh chặt hơn cả lần trước – không khí nặng nề u ám suốt mấy ngày trời), anh bị đuổi khỏi bệnh viện.

Thoạt tiên anh về làm việc tại một bệnh xá cách Praha chừng năm chục dặm. Anh đạp xe lửa đi làm mỗi ngày và tối nào về nhà anh cũng mệt nhoài. Một năm sau, anh xoay sở tìm được chỗ gần nhà hơn, ngay ngoại thành Praha nhưng anh phải chấp nhận công việc thấp kém hơn nhiều. Anh chỉ khám bệnh cho toa chứ không được phép hành nghề bác sĩ giải phẫu. Phòng đợi bệnh xá lúc nào cũng chật cứng, anh cố vừa vặn năm phút đồng hồ cho mỗi bệnh nhân; anh bảo họ uống bao nhiêu át-pi-rin, ký giấy xin nghỉ việc cho họ, xong giới thiệu họ đến bác sĩ chuyên khoa. Anh tự xem mình là công nhân viên nhiều hơn là bác sĩ.

Một hôm, lúc giờ tan việc, một gã đàn ông chạc năm mươi tuổi, nhân dáng bệ vệ vào tìm anh. Gã tự giới thiệu là người đại diện cho bộ Nội vụ rồi mời Tomas sang quán bên kia đường uống rượu.

Gã đàn ông gọi một chai rượu. "Tôi phải lái xe về nhà," Tomas từ chối khéo. "Tôi sẽ bị tịch thu bằng lái nếu bị bắt." Gã mỉm cười. "Bất kỳ chuyện gì xảy ra, anh chỉ việc đưa họ xem cái này." Đoạn gã chìa ra tấm danh thiếp in tên họ (dĩ nhiên là bí danh của gã) và số điện thoại trên bộ.

Sau đó gã lên giọng thuyết giảng tràng giang đại hải nào là gã vô cùng thán phục tài năng Tomas, nào là trên bộ hết sức khổ tâm về chuyện một bác sĩ khoa phẫu thuật có tài như Tomas mà phải ra ngồi phát át-pi-rin tại một chấn y viện xa xôi. Gã cố tình cho Tomas thấy mặc dù gã không thể đứng ra tuyên bố công khai, nhưng ngành công an không đồng ý với những biện pháp gắt gao như búng các chuyên gia ra khỏi công việc của họ.

Đã lâu Tomas không nghe ai tâng bốc mình, anh lắng nghe gã đàn ông mập mạp nói chuyện, và anh ngạc nhiên vì những gì gã biết về nghề nghiệp anh đều chính xác và chi tiết. Thế mới biết khi được thối phòng nịnh bợ chúng ta trở nên yếu đuối xiết bao! Tomas không sao phân biệt được đâu là chân và đâu là giả từ gã đàn ông.

Nhưng không phải chỉ có sự nịnh nọt giả dối. Quan trọng hơn, Tomas là người thiếu kinh nghiệm. Khi bạn ngồi mặt đối mặt với một nhân vật khả kính, vui vẻ, và lịch sự, bạn sẽ thấy rất khó khăn nếu phải tự nhắc nhở tất cả những gì ông ta nói đều sai sự thật, tất cả đều không chân thành. Để duy trì lòng trá ngụy (liền lạc, có hệ thống, không chút dao động) đòi hỏi người ta phải có nỗ lực phi thường và được huấn luyện kỹ lưỡng – nói cách khác, phải quen thắm vấn kiểu công an. Tomas không có chút kinh nghiệm nào.

Gã đàn ông nói tiếp: "Chúng tôi biết anh có việc làm vị trí rất cao bên Zurich, và chúng tôi biết ơn anh đã quay về quê hương. Đó là hành vi cao cả. Anh ý thức được vị trí của anh ở đây." Rồi gã nói thêm, như thể đang mắng nhiếc Tomas chuyện gì, "Nhưng vị trí của anh là nơi bàn mồi!"

"Tôi không chối cãi chuyện đó." Tomas trả lời.

Sau một giây im lặng, gã đàn ông nói tiếp, giọng trầm xuống: "Vậy thì, hơi ngại bác sĩ, có thật anh nghĩ những người Cộng sản nên tự móc mắt họ ra không? Anh, người đem sức khỏe đến cho không biết bao nhiêu con người?"

"Nhưng chuyện đó phi lý hết sức!" Tomas kêu lên bào chữa. "Tại sao ông không tìm đọc xem tôi viết cái gì?"

"Tôi đọc rồi." Giọng gã bỗng trở nên cực kỳ bi thiết.

"Vậy, trong đó ông có thấy tôi viết người Cộng sản hãy tự móc mắt ra không?"

"Nhưng ai cũng hiểu như vậy." Giọng gã càng lúc càng buồn bã.

"Nếu ông đọc từ đầu đến cuối bài viết khi chưa bị cắt xén, ông sẽ không nghĩ như vậy đâu. Bản in trên báo bị cắt bỏ đôi chút."

"Cái gì?" Gã đàn ông ngồi bật dậy, tai vểnh lên. "Anh nói họ không đăng nguyên văn những gì anh viết à?"

"Họ cắt xén tùm lum."

"Nhiều không?"

"Chừng một phần ba."

Thái độ gã đàn ông xem chừng bất nhẫn thật. "Họ làm vậy không đúng đắn chút nào."

Tomas nhún vai không nói gì.

"Lẽ ra anh phải phản đối, yêu cầu họ đính chính ngay!"

"Trước khi tôi kịp có thì giờ suy nghĩ về chuyện đó thì người Nga tràn sang. Lúc đó có ai rảnh rang đâu."

"Nhưng anh đâu muốn thiên hạ nghĩ rằng anh, đường đường một bác sĩ, lại đòi tước đoạt quyền nhìn thấy ánh sáng của người khác."

"Xin ông nghĩ kỹ giùm. Đó chỉ là lá thư độc giả, bị nhét vào tận trang cuối. Chẳng ai rồi công đâu để ý đến nó ngoại trừ ban tham mưu tòa đại sứ Nga, vì đó là cái gì họ tìm kiếm."

"Anh chớ nên nói vậy! Chớ bao giờ nghĩ vậy! Chính tôi từng nói chuyện với nhiều người đọc bài viết của anh và ai cũng tỏ ý ngạc nhiên khi biết anh là tác giả. Nhưng bây giờ anh nói tôi mới biết bài viết của anh bị sửa đổi, và tôi thấy có nhiều chuyện ăn khớp vào nhau. Họ có thuyết phục anh làm chuyện đó không?"

"Thuyết phục tôi viết bài báo? Không. Tôi tự ý viết và gửi đến họ."

"Anh biết rõ những người ở đó không?"

"Người nào?"

"Người đã cho đăng bài viết của anh."

"Không."

"Có nghĩa là anh không bao giờ nói chuyện với họ?"

"Họ có yêu cầu tôi đích thân đến tòa soạn một lần duy nhất."

"Tại sao?"

"Về bài viết."

"Anh nói chuyện với những ai?"

"Một trong những biên tập viên."

"Tên ông ta là gì?"

Mãi đến lúc đó Tomas mới nhận ra anh đang bị thẩm vấn. Ngay lập tức anh biết mỗi lời anh nói ra đều có thể gây rắc rối nguy hiểm đến người nào đó. Anh nhớ tên người biên tập tờ báo nhưng chối phăng: "Tôi không nhớ tên ông ta là gì."

"Này, này." Giọng gã đàn ông bỗng nhiên đầy bức tức. "Anh đừng bảo tôi ông ta không tự giới thiệu!"

Thật là bi hài, sự việc chúng ta được nuôi nấng dậy dỗ tử tế lại là đồng minh đặc lực của công an. Chúng ta không biết nói dối. Mệnh lệnh từ các bậc cha mẹ bề trên: "Hãy nói thật!" như tiếng trống đập vào tai thành thói quen tự động đến nỗi ngay cả không thành thật với gã công an chìm đang thẩm vấn cũng khiến chúng ta thấy xấu hổ ngượng ngùng. Thà lớn tiếng cãi cò hay mắng chửi sỉ nhục (không hợp lý chút nào) còn dễ dàng hơn phải nói lời dối trá vào mặt hắn (điều duy nhất làm được.)

Khi gã đàn ông buộc lỗi Tomas thiếu thành thật, anh suýt chút nữa thấy mình có lỗi; phải khó khăn lắm anh mới vượt qua bức tường đạo đức để câu nói dối gọn gàng trôi chảy: "Tôi chắc ông ta có tự giới thiệu, nhưng vì không có chi đáng để ý nên tôi quên bég."

"Tướng mạo ông ta ra sao?"

Người tiếp chuyện Tomas ở tòa báo dáng người thấp lùn, mái tóc màu nâu nhạt cắt ngắn. Dựa vào đó Tomas cố tình bịa ra hình ảnh hoàn toàn trái ngược: "Ông ta cao ráo, tóc đen, dài."

"A, và cằm thì lớn."

"Đúng đấy."

"Lưng hơi gù."

"Đúng." Đến đây Tomas biết gã đàn ông đối diện anh đã phăng ra được một nhân vật nào đó. Tomas đang làm công tác điểm chỉ một người làm báo đáng thương, nhưng quan trọng hơn, dữ kiện anh đưa ra hoàn toàn sai lạc.

"Ông ta cần gặp anh để nói chuyện gì?"

"Chỉ để thay đổi vị trí một từ ngữ."

Nghe như một cố gắng né tránh lối bịch tức cười. Một lần nữa, gã đàn ông như không dẫn được bức tức vì Tomas không chịu nói sự thật: "Thoạt đầu anh bảo tôi họ cắt xén cả một phần ba bài viết của anh, bây giờ anh bảo họ nói chuyện với anh chỉ để thay đổi vị trí một từ ngữ. Nghe có hợp lý không?"

Lần này Tomas trả lời không ngượng ngập, bởi điều anh nói hoàn toàn có thật. "Nghe không hợp lý chút nào, nhưng đó là sự thật." Anh cười. "Họ xin phép tôi cho họ thay đổi vị trí từ ngữ trong một câu văn và rồi họ cắt xén một phần ba những gì tôi viết."

Gã đàn ông lắc đầu như thể không hiểu nổi việc làm tặc trách như vậy. "Việc họ làm không đúng chút nào."

Gã uống cạn ly rượu rồi kết luận: "Bác sĩ, anh bị họ cho vào tròng, anh bị lợi dụng. Thật bất hạnh cho anh và cho các bệnh nhân của anh đã phải gánh chịu thiệt hại do việc họ gây ra. Chúng tôi hiểu rất rõ khả năng của anh. Để xem chúng tôi làm được những gì."

Gã thân thiện bắt tay Tomas đoạn hai người từ giã.

Sau buổi nói chuyện với gã đàn ông trên bộ, Tomas thấy lòng mình chìm đắm trong nỗi buồn vô hạn. Càng nghĩ anh càng không hiểu tại sao anh có thể kéo dài câu chuyện với gã trong bầu không khí vui vẻ như vậy. Đồng ý đi theo gã (chuyện xảy đến bất ngờ quá và anh không nắm rõ luật pháp cái gì được phép và cái gì trái phép), nhưng ít nhất anh vẫn có thể khước từ lời mời uống rượu với gã như hai người bạn thân thiết chứ! Giả sử có người trông thấy anh vào quán với gã và biết gã là công an chìm, người đó đương nhiên sẽ suy luận Tomas đang cộng tác với công an nhà nước! Và việc gì anh phải cho gã biết bài viết anh bị cắt xén? Tại sao anh phải ném ra sự kiện đó? Anh tự bất mãn với chính anh không để đâu cho hết.

Hai tuần lễ sau, gã đàn ông trên bộ lại đến tìm anh. Gã lại mời anh đi uống rượu nhưng lần này Tomas yêu cầu nói chuyện ngay tại văn phòng anh.

"Vâng, bác sĩ, tôi hiểu rõ lắm." Gã đàn ông vừa trả lời vừa nhếch mép cười.

Tomas hơi thắc mắc về thái độ gã đàn ông. Gã nói năng như tay đấu cờ đang cho đối thủ biết nước cờ trước chú mày đi hổng rồi.

Hai người ngồi đối diện nhau, Tomas sau bàn giấy. Sau chừng mười phút nói chuyện lan man về trận dịch cúm đang hoành hành, gã đi vào vấn đề chính, "Chúng tôi suy nghĩ rất nhiều về trường hợp của anh. Giữa chúng ta chuyện đó thật chẳng có chi trọng đại. Nhưng ở đây chúng ta có quần chúng để quan tâm. Chính vì thế dù có chủ ý hay không bài viết của anh cũng đã thổi phồng ngọn lửa chống Cộng điên cuồng vào quần chúng. Tôi phải cho anh hay sự việc nghiêm trọng đến nỗi có người đòi đưa anh ra tòa xét xử. Xúi giục dân chúng bạo động là có tội."

Gã ngưng nói trong chốc lát để nhìn vào mắt Tomas. Anh nhún vai không nói gì. Gã đàn ông đổi lại giọng hòa nhã. "Nhưng chúng tôi biểu quyết chống đề nghị đó. Không cần biết trách nhiệm của anh ra sao trong việc đó, xã hội phải biết tận dụng những người có khả năng như anh. Ông bác sĩ trưởng nơi bệnh viện anh làm việc lúc trước đề cao anh hết lời. Chúng tôi còn nhận được báo cáo từ bệnh nhân của anh nữa. Anh làm một chuyên gia giỏi. Bác sĩ không cần phải hiểu biết chính trị. Anh đã để mình bị lôi cuốn. Đã đến lúc chúng ta giải quyết chuyện này, một lần cho xong, rồi thôi. Vì lẽ đó, chúng tôi dự thảo lá thư này để anh ký tên vào. Anh chỉ cần gửi lá thư cho báo chí, chúng tôi sẽ thu xếp mọi chuyện làm sao cho lá thư xuất hiện đúng lúc trên mặt báo." Gã trao vào tay Tomas mảnh giấy.

Tomas đưa mắt đọc sơ và anh toát mồ hôi hoảng sợ. So với lá thư ông y sĩ trưởng yêu cầu anh ký cách đây hai năm trước tờ giấy này mang lời lẽ nặng nề độc hại hơn nhiều. Ngoài chuyện rút lại bài viết về Oedipus, lá thư còn chứa đựng những câu như tỏ ý miễn yêu Liên bang Xô viết, tuyên thệ trung thành với đảng Cộng sản, lên án thành phần trí thức, đổ lỗi thành phần này muốn đẩy đất nước vào cảnh nội chiến; và, trên hết, nó miệt thị ban biên tập tờ báo tuần (đặc biệt nhấn mạnh đến người tổng biên tập cao cao lừng gù; Tomas chưa bao giờ gặp mặt,

nhưng anh biết tên tuổi ông và thấy hình ảnh ông xuất hiện trên mặt báo), tổ giác những người đó đã bóp méo bài viết của anh, dùng bài viết như công cụ, biến nó thành lời kêu gọi dân chúng phản cách mạng. Thật hèn nhát! Không dám tự phát biểu những điều đó, họ phải núp sau lưng người y sĩ thật thà ngây thơ.

Gã đàn ông nhận ra nét hoảng sợ trong ánh mắt Tomas. Gã chồm tới thò tay dưới gầm bàn thân thiện vỗ lên đùi anh. "Bác sĩ nên nhớ đây chỉ là bản dự thảo thôi! Bác sĩ suy nghĩ thật kỹ và nếu có gì trong đó anh muốn thay đổi tôi chắc không đến nỗi khó khăn lắm đâu. Nói cho cùng, chính anh là người ký tên mà!"

Tomas trả lại gã công an chìm tờ giấy như thể anh không muốn giữ nó trong tay mình thêm phút giây nào nữa, như thể anh lo sợ rủi có người tìm ra dấu tay anh trên đó. Nhưng thay vì cầm lại tờ giấy, gã công an chìm dang hai cánh tay ra với thái độ sừng sờ đầy giả dối (tư thế gã rất giống lúc Đức Giáo hoàng giang tay ban phép lành cho tín đồ dưới bao lơn.) "Ô hay, tại sao bác sĩ lại làm thế? Cứ giữ nó đi. Về nhà rồi bình tĩnh suy nghĩ lại."

Tomas lắc đầu, cánh tay anh vẫn nhẵn nại đưa thẳng về phía trước. Cuối cùng, gã đàn ông phải thu lại tư thế giang tay như Đức Giáo hoàng để cầm tờ giấy.

Tomas định nói thẳng vào mặt gã một cách rạch ròi là anh sẽ không đời nào viết hay ký tên vào bất cứ văn bản nào, nhưng chưa kịp nói anh vụt đổi ý, và bằng giọng nói từ tốn anh bảo gã, "Tôi đâu có mù chữ, phải không? Tại sao tôi phải ký tên vào mảnh giấy không do chính tôi đặt bút viết?"

"Tốt lắm, bác sĩ. Làm theo cách của anh cũng tốt thôi. Anh cứ tùy tiện viết xuống rồi chúng ta cùng duyệt lại sau. Anh có thể dựa vào những gì anh vừa đọc làm bản mẫu."

Tại sao Tomas không từ chối phút cho xong?

Có lẽ đây là điều đang vụt qua trí óc anh: Ngoài việc dùng những lá thư tương tự để áp đảo dân trong nước (hiển nhiên đây là chiến lược của người Nga), riêng trường hợp Tomas nha công an có thể đang nhắm vào mục đích cụ thể: rất có thể họ đang đi thu lượm tang chứng để truy tố ra tòa những biên tập viên tờ báo đăng bài viết của anh. Nếu quả thật như vậy, họ cần văn kiện để trưng ra trong phiên xử và dùng nó cho chiến dịch bôi nhọ trên báo chí. Trường hợp anh từ chối thẳng, trên nguyên tắc, nha công an vẫn có thể ngang nhiên ngụy tạo chữ ký anh rồi đăng tải lá thư không cần biết anh có cho phép hay không. Sẽ chẳng tờ báo nào dám đăng lời thanh minh của anh. Không người nào trên cõi đời này không tin anh viết hay ký tên vào lá thư. Trông thấy người khác khổ sở nhục nhã người ta thống khoái đến độ chẳng ai buồn quan tâm đến một lời giải thích biện minh.

Cho bọn công an hy vọng anh tự tay viết lá thư, anh kéo dài được ít thì giờ. Ngay ngày hôm sau anh xin nghỉ việc. Anh suy nghĩ (đúng) sau khi anh tự nguyện bước xuống nấc thang thấp nhất của xã hội (cùng với cả ngàn trí thức ở các lãnh vực khác), bọn công an sẽ để anh yên. Lý do giản dị bởi khi anh ở nấc thang thấp nhất, lá thư dù tung ra sẽ chẳng ai tin là thật. Xưa nay sự bôi nhọ thường đi đôi với sự đi lên của người ký tên chứ chẳng bao giờ dính líu đến người đi

xuống.

Nhưng quốc gia nơi Tomas sinh trưởng, bác sĩ là nhân viên nhà nước và nhà nước có quyền quyết định cho đi hay giữ lại người làm. Nhân vật Tomas thương lượng xin thôi việc biết rõ tên tuổi và chức phận anh, ông cố nài nỉ anh ở lại. Đột nhiên Tomas thấy hoang mang về quyết định của mình, nhưng cùng lúc anh thấy bị trói buộc vào quyết định đó bằng lời thề bất thành văn, vì vậy anh đứng bật dậy. Và đó là câu chuyện đưa đẩy Tomas trở thành người lau chùi cửa sổ.

Ít năm sau đó, trong lúc trên đường từ Zurich quay về Praha, Tomas lẩm nhẩm trong đầu câu, "*Es muss sein!*" Anh đang nghĩ đến chuyện tình yêu anh dành cho Tereza. Tuy vậy, lúc vừa băng qua biên giới, anh bỗng thấy hoang mang trong lòng và anh không rõ có thật không còn con đường nào khác và anh phải trở về. Sau đó, lúc nằm yên bên cạnh Tereza, anh hồi tưởng duyên có anh và Tereza gặp nhau do một chuỗi những biến cố tình cờ đến tức cười xảy ra bảy năm trước đó (khi ông y sĩ trưởng bị đau dây thần kinh háng) và những biến cố dun rủi đẩy anh vào cái cũi anh không còn cách nào thoát ra.

Phải chăng điều đó có nghĩa đời sống anh thiếu "*Es muss sein!*" anh không có động lực cần thiết tự làm chủ đời mình ư? Có chứ, theo tôi nghĩ. Nhưng nó ở bên lãnh vực nghề nghiệp của anh chứ không phải trong tình yêu. Anh làm nghề thuốc không phải do tình cờ hay chủ ý lựa chọn mà do lòng khao khát sâu đậm trong anh.

Nếu phải phân loại con người ra nhiều thành phần khác nhau, tiêu chuẩn phân định đảm bảo chính xác nhất là nỗi khao khát ăn sâu trong lòng mỗi người muốn làm công việc gì suốt cuộc đời mình. Mỗi người Pháp là một con người cá biệt. Nhưng tất cả diễn viên trên cõi đời này tương tự như nhau – dù ở Paris, Praha hay bất cứ chân trời nào khác. Diễn viên là người ngay từ thuở ấu thơ đã tự nguyện suốt cuộc đời đem chính bản thân ra phô diễn cho công chúng xem. Nếu không có lòng tự nguyện cơ bản đó, không ai có thể trở thành diễn viên. Lòng tự nguyện không dính dáng gì đến bản chất thiên tư, trong con người nó nằm ở tầng sâu hơn tầng bản chất. Tương tự như vậy, y sĩ là người tự nguyện dùng trọn đời mình làm công việc liên quan đến thể xác con người và tất cả những gì dính líu đến nó. Chính lòng tự nguyện cơ bản đó (không phải tài năng thiên phú) là động cơ thúc đẩy hấn bước chân vào phòng mổ năm đầu trường thuốc và bền tâm vững chí suốt những năm trời học hỏi.

Ngành phẫu thuật đầy chức năng cơ bản của nghề thuốc đến bến bờ tận cùng nhất, nơi con người tiếp cận với thiêng liêng. Khi có người bị đánh thật mạnh vào đầu, hấn ngã vật xuống và tắt thở. Mặt khác, không chuyện gì xảy ra, ngày nào đó hấn cũng sẽ ngừng hơi thở. Cách giản dị, sát nhân chỉ là hành động thúc đẩy cho mau chóng cái gì Thượng đế đã an bài. Có thể giả thiết Thượng đế nghĩ đến trường hợp sát nhân chứ Ngài không nghĩ đến ngành phẫu thuật. Ngài không bao giờ tưởng tượng nổi có kẻ dám cả gan thò tay vào bộ máy Ngài tạo dựng, bộ máy có lớp da bao bọc cẩn thận bên ngoài che kín không cho con mắt phàm tục nào trông thấy. Khi Tomas cầm con dao mổ chạm vào da thịt người bệnh đang bị gây mê và rạch thủng làn da với nhát dao thật chuẩn xác đều đặn (như thể đó là miếng vải – áo khoác ngoài, váy đàn bà hay bức màn che), trong thoáng chốc nhưng vô cùng mãnh liệt anh có cảm giác dường như Thượng đế đang bị anh thách thức. Chính đây mới là cái gì cuốn hút anh! Đây mới thực sự là cái "*Es muss sein!*" bám rễ sâu chặt trong lòng anh, và nó được cấy vào không phải do những sự kiện tình cờ may rủi, không phải vì chứng bệnh đau dây thần kinh háng của ông y sĩ trưởng hay bất cứ duyên do ngoại tại nào khác.

Nhưng, phần đòi trọng đại như thế làm sao anh có thể vất bỏ cách mau chóng, quả quyết và dễ dàng như vậy?

Có lẽ anh sẽ giải thích anh làm như vậy chẳng qua chỉ vì anh không muốn bọn công an lợi dụng mình. Nhưng thành thật mà nói, trên lý thuyết điều đó rất có thể xảy ra (một số trường hợp thật sự xảy ra như vậy), nhưng không có gì làm chắc công an sẽ dùng chữ ký của anh cho một bài báo ngụy tạo.

Đồng ý, người ta có quyền sợ hãi những điều hung hiểm vẫn vơ. Đồng ý, anh rầu rĩ với chính anh, vì anh quá vụng về, và anh muốn tránh né mọi tiếp xúc với công an để khỏi phải chịu đựng cảm giác bất lực mỗi khi bị tra vấn. Và đồng ý, dù sao anh cũng mất việc rồi, bởi công việc phát thuốc anh làm nơi chẩn y viện nọ không chút liên quan đến khái niệm của anh về ngành thuốc. Ngay cả như vậy, tôi vẫn thấy có điều gì bất thường kỳ quặc trong cách thể anh quyết định vội vã bỏ đi. Phải chăng còn có cái gì khác lạ sâu bên dưới tiềm ẩn trong anh và nằm ngoài mọi lý lẽ suy nghĩ thông thường?

Mặc dù qua Tereza anh biết thưởng thức và yêu nhạc Beethoven, Tomas thật ra không có căn bản nhiều lắm về âm nhạc, và tôi chắc anh không biết rõ câu chuyện thật xảy ra đằng sau mô-típ "*Muss es sein? Es muss sein!*" nổi tiếng của Beethoven.

Chuyện đó xảy ra như sau: Có người tên Dembscher thiếu nợ Beethoven năm chục quan tiền, và khi nhà soạn nhạc, vốn lúc nào cũng rỗng túi nhắc nhở Dembscher về món nợ, ông ta thở hắt ra ảo não và trả lời, "*Muss es sein?*" Beethoven cười lớn đáp, "*Es muss sein!*" và lập tức ông ghi xuống sổ tay hai câu nói đó cùng với giai điệu kèm theo. Dựa trên mô-típ rất thật này Beethoven soạn khúc luân xướng cho bốn giọng: ba giọng hát câu "*Es muss sein, es muss sein, ja, ja, ja, ja!*" (Phải vậy thôi, phải vậy thôi, vâng, vâng, vâng, vâng!), và giọng thứ tư lượn hòa theo "*Heraus mit dem Beutel!*" (Hãy chìa ví tiền ra!)

Một năm sau, cũng mô-típ đó xuất hiện làm căn bản cho hành âm thứ tư trong tứ cầm khúc cuối cùng, Opus 135. Ở thời điểm này, Beethoven quên bẵng ví tiền của Dembscher. Nhóm chữ "*Es muss sein!*" bỗng nhiên thụ đắc tiếng chuông trang trọng hơn nhiều; như thể nó trực tiếp xuất phát từ đôi môi của Định mệnh. Trong ngôn ngữ của Kant, ngay cả câu nói "Chào ông" nếu phát âm đúng lúc cũng có thể mang hình thức một công án siêu hình. Tiếng Đức là ngôn ngữ với những từ nặng ký. "*Es muss sein!*" không còn là câu chuyện đùa giỡn khôì hài nữa; nó biến thành "*der schwer gefasste Entschluss*" (nỗi khó khăn hay quyết định trọng đại.)

Vì lẽ đó, Beethoven biến nguồn cảm hứng tầm phào lảng nhãng đó thành khúc nhạc nghiêm trang, từ câu chuyện bông phèng thành chân lý siêu hình. Một mẩu chuyện lý thú từ nhẹ biến thành nặng hay, như Parmenides nói, từ dương tính sang âm tính. Tuy vậy, điều đó chẳng làm chúng ta ngạc nhiên. Mặt khác chúng ta sẽ bị sốc nặng giả như Beethoven cải biên nhạc bản tứ cầm khúc trang trọng thành khúc luân xướng bốn giọng bông phèng lảng nhãng về cái ví tiền của Dembscher. Nếu làm vậy, Beethoven sẽ mang tinh thần Parmenides biến nặng thành nhẹ, nghĩa là từ âm tính sang dương tính! Thoạt tiên (dưới dạng bản phác thảo chưa hoàn chỉnh) là chân lý siêu hình, và chung cuộc (một tuyệt tác) – là câu chuyện nhãng nhít tào lao chưa từng thấy! Nhưng chúng ta không biết tư duy như Parmenides nữa.

Tôi có cảm tưởng Tomas từ lâu bị cái "*Es muss sein!*" trang trọng, khắc nghiệt, hung hãn kia âm ỉ dày vò và anh âm thầm ôm ấp hoài vọng theo đuổi tinh thần Parmenides biến nặng thành nhẹ. Nên nhớ có thời điểm trong cuộc đời, anh hoàn toàn dứt bỏ mọi liên hệ với người vợ trước và đứa con trai, anh còn thấy nhẹ nhõm khi chính cha mẹ ruột anh không thèm nhìn mặt anh. Phải chăng bên dưới mọi thứ đó hiện hữu duy nhất một hành động bừa bãi và hoàn toàn phi lý để phủ nhận cái gì vẫn lên tiếng tự nhận là trọng trách, là "*Es muss sein!*" của anh?

Dĩ nhiên, đó là cái "*Es muss sein!*" ngoại tạo do xã hội gán lên anh, trong khi cái "*Es muss sein!*" nội tại là lòng đam mê anh dành cho nghề thuốc. Thật là thiệt thòi cho anh biết bao. Chức năng nội tại bao giờ cũng mãnh liệt hơn và vì thế lúc nào cũng là động cơ xúi giục nổi loạn mạnh mẽ hơn các yếu tố khác.

Làm bác sĩ giải phẫu là cắt xẻ bề ngoài sự vật và nhìn thấu suốt bên trong. Có lẽ Tomas chọn nghề giải phẫu vì lòng khao khát muốn nhìn thấy tận mắt bề bên kia cái "Es muss sein!"; nói cách khác, anh muốn biết đời sống anh còn lại gì sau khi anh phủ nhận những điều trước đó được xem là sứ mệnh.

Hôm đi nhận việc mới từ người đàn bà tốt bụng bao thầu mọi công việc lau chùi cửa tiệm, phòng trưng bày ở Praha, và đối đầu với thực tế cụ thể kẹt cứng do chính tay mình gây ra, anh bị sốc nặng. Anh tê cứng trong cơn sốt đó liên tiếp mấy ngày đầu. Nhưng sau khi cảm giác lạ lùng đến rụng rời đó trôi qua (mất một tuần), anh đột nhiên thấy mình như đang hưởng những ngày nghỉ hè dài hạn.

Giờ đây, anh thấy vô cùng thú vị làm công việc trước đây anh chẳng bao giờ thèm đếm xỉa. Anh chợt hiểu lý do tại sao những người (có lúc anh nhìn họ với con mắt tội nghiệp xót thương) thờ thối trong lòng khi họ làm công việc không bị cưỡng ép phải mang trên vai trọng trách "Es muss sein!". Họ quên ngay công việc giây phút từ sở làm về nhà mỗi tối. Đây là lần đầu tiên anh có cảm giác vui sướng khác lạ này. Trước đây, mỗi khi có chuyện khó khăn rắc rối trên bàn mổ, anh buồn rầu chán nản đến mất ngủ. Ngay cả đàn bà anh cũng chẳng thiết ngó ngang. Cái "Es muss sein!" của nghề nghiệp như con ma cà rồng hút hết máu mủ anh.

Giờ đây, lang thang trên đường phố Praha, gậy gộc, bàn chải vác trên vai, anh thấy mình trẻ lại đến mười tuổi. Các cô bán hàng gọi anh là "bác sĩ" (hệ thống truyền tin rỉ tai ở Praha làm việc hữu hiệu hơn bao giờ) và nhờ vả anh cố vấn những chứng bệnh tật thông thường như cảm cúm, nhức lưng hay kinh nguyệt không đều. Các cô ngượng ngùng nhìn anh tưới nước lên mặt kính, gắn bàn chải vào đầu gậy và chăm chỉ lau chùi. Nếu bỏ mặc khách hàng trong tiệm được thì các cô đã chạy ra giành lấy bàn chải trên tay anh.

Tomas làm việc hầu hết tại những cửa tiệm lớn, nhưng đôi khi bà chủ anh cũng sai anh đến làm tại tư gia. Dân chúng vẫn đứng sau giới trí thức bị nhà nước đàn áp ngược đãi, và khi hay tin Tomas phải đi lau chùi cửa kính kiểm kế sinh nhai, bệnh nhân cũ của anh gọi điện thoại tới tấp đòi chính anh đến nhà họ. Họ mời anh vào nhà uống sâm banh hay rượu mận. Họ ký tên vào tờ giấy biên nhận lau chùi mười ba ô cửa sổ rồi ngồi đối ẩm nói chuyện vãn với anh cả hai tiếng đồng hồ. Sau đó Tomas lòng thơ thối hân hoan xách đồ nghề tiếp tục đến điểm hẹn tới. Trong lúc gia chủ các sĩ quan Nga lục đục tìm nhà định cư và đài phát thanh ra rả đọc thông báo loan tin viên chức ngành công an thay thế xướng ngôn viên bị bãi chức, Tomas hớn hở vui chân trên đường phố Praha, từ ly rượu này sang ly rượu khác như người lao đầu vào những bữa tiệc vui chơi bất tận. Quả anh đang tận hưởng những ngày nghỉ hè tuyệt diệu.

Anh trở về thời kỳ độc thân. Đột nhiên Tereza bước ra khỏi đời anh. Hai người chỉ thấy mặt nhau lúc khuya khi Tereza từ quán rượu về và anh đã mơ màng thiếp vào giấc ngủ. Lúc khác là buổi sáng khi Tereza còn ngái ngủ và anh vội vã thức dậy đi làm. Mỗi ngày làm việc, anh có mười sáu tiếng đồng hồ cho riêng anh, một khoảng thời gian tự do bất ngờ. Và từ thời thanh xuân của Tomas điều đó có nghĩa là đàn bà.

Khi bạn bè cật vấn bắt phải khai ra có bao nhiêu đàn bà qua tay trong đời, Tomas thường tránh né câu hỏi. Nếu bị dồn quá anh chỉ nói úp mở, "À, khoảng trên dưới hai trăm." Kẻ ganh tị bảo anh nói quá. "Vậy mà anh bảo là nhiều?" Anh trả lời nhân thể tự bào chữa. "Tôi dính líu đến đàn bà tính đến nay đã hai mươi lăm năm. Lấy hai trăm chia hai mươi lăm, tính ra trung bình khoảng tám người đàn bà một năm chứ nhiều nhõm gì. Có phải vậy không?"

Nhưng lối sống đó của anh bị vướng víu khá nhiều từ khi Tereza về chung sống dưới cùng mái nhà. Anh phải rút ngắn những cuộc truy hoan lại trong khoảng thời gian thật eo hẹp (từ phòng mỗ về nhà.) Anh tận dụng khoảng thời gian đó như người cày ruộng miền núi tận dụng dải đất nhỏ bé của mình. Bởi thế không thể so sánh với bây giờ khi anh đột nhiên có đến mười sáu tiếng đồng hồ mỗi ngày. (Tôi nói mười sáu tiếng bởi suốt tám tiếng lau chùi cửa sổ lúc nào bên cạnh anh cũng xôn xao những cô gái bán hàng, những bà nội trợ, những nữ nhân viên làm việc văn phòng mà mỗi người là một đối tượng cho những cuộc mây mưa.)

Anh tìm kiếm gì ở đàn bà? Cái gì cuốn hút anh? Phải chăng làm tình chẳng qua chỉ là hành động lặp đi lặp lại đến vô tận duy nhất một động tác?

Hoàn toàn không. Khi nhìn đàn bà, anh tự nhiên cho trí óc tưởng tượng lôi kéo vẽ vời trong đầu hình ảnh người đàn bà đó nếu khỏa thân sẽ ra sao (kinh nghiệm bác sĩ bổ sung kinh nghiệm người tình.) Nhưng mấp mé giữa sự phỏng đoán của ý tưởng và thực tế chính xác, hiện hữu kẻ hở nhỏ không cho phép óc tưởng tượng len lỏi chui vào, và chính kẻ hở đứt đoạn này khiến anh tìm kiếm không ngừng. Và rồi, cuộc chạy đuổi theo cái bóng tưởng tượng không dừng lại lúc thân thể người đàn bà bị lột trần; nó tiếp tục đi xa hơn: Lúc cởi quần áo, cử chỉ cô như thế nào? Miệng cô thốt những câu gì trong lúc làm tình với anh? Tiếng cô rên xiết ra sao? Lúc đạt đến tuyệt đỉnh ái ân khuôn mặt cô bị méo mó như thế nào?

Sự cá biệt của "cái tôi" trong mỗi con người ẩn giấu ở phần không ai tưởng tượng được về người đó. Chúng ta chỉ có thể tưởng tượng ra những phần tương tự người nào cũng có như nhau. "Cái tôi" cá biệt tách rời cá nhân ra khỏi đám đông. Nó là phần không ai có thể đoán chừng hay suy tính mà nhìn xuyên thấu được. Muốn biết phải vén lên, phải lật ra, phải chinh phục.

Suốt mười năm trong ngành y tế, Tomas chuyên về não bộ. Anh biết rất rõ không gì khó khăn hơn làm thế nào nắm bắt được "cái tôi" trong con người. Giữa Hitler và Einstein hoặc giữa Brezhnev và Solzhenitsyn có nhiều tương đồng hơn là tương dị. Dùng con số, chúng ta có thể phán bên cạnh một phần triệu phần khác biệt có chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín phần giống nhau.

Khát vọng muốn khám phá và chiếm đoạt cái một phần triệu đó ám ảnh Tomas. Đối với anh đây mới là trọng điểm nổi ám ảnh. Anh bị ám ảnh bởi cái gì nơi người đàn bà không trí óc tưởng tượng nào khám phá nổi, nói cách khác, cái một phần triệu khiến người đàn bà này khác

tất cả đàn bà khác.

(Ở đây, có lẽ, lòng say mê nghề giải phẫu và đam mê đàn bà trong anh nhập làm một. Ngay cả với những cô tình nhân, anh không buông con dao mổ tưởng tượng của anh xuống được. Bởi anh khao khát muốn sở hữu cái gì nằm sâu trong họ, anh cần mổ phanh họ ra.)

Dĩ nhiên, chúng ta có thể đặt câu hỏi tại sao anh cần cố muốn tìm kiếm cái phần một triệu đó trong thú vui xác thịt mà không ở những thứ khác. Tại sao anh không chịu tìm nó nơi đáng điếu, tài nội trợ hay trình độ thưởng ngoạn nghệ thuật của người nữ?

Hẳn nhiên, cái tương dị một phần triệu đó hiện hữu mọi ngõ ngách trong đời sống con người, nhưng ở những phần khác ngoài phạm vi tình dục, nó phơi bày trước mắt mọi người và chẳng cần ai cất công tìm tòi khám phá, nó không đòi hỏi phải có con dao mổ trong tay. Người đàn bà này thích ăn phở mát sau bữa ăn, người khác ghét su-lơ, và mặc dù qua đó mỗi người phô bày cá tính mình nhưng đó là cá tính không quan hệ, nó chẳng phóng ra tín hiệu nào bắt chúng ta phải chú tâm tìm hiểu.

Chỉ trên lãnh vực tình dục, cái tương dị một phần triệu kia trở nên quý giá, bởi muốn có nó người ta phải bỏ công đi chinh phục. Năm sáu mươi năm trước đây, những cuộc săn đuổi như vậy rất tốn kém thì giờ (nhiều tuần, có khi nhiều tháng), và thời gian chinh phục càng dài kết quả càng đáng giá. Ngay cả thời nay, mặc dù thời gian bỏ ra cho cuộc chinh phục giảm thiểu đi nhiều lắm nhưng tình dục vẫn là cái hộp cứng bí ẩn chứa "cái tôi" của người đàn bà.

Vì thế, lý do khiến Tomas theo đuổi đàn bà chính là lòng khao khát muốn sở hữu toàn thể thế giới (mổ phanh thế giới bằng con dao mổ) chứ không phải dục vọng lạc thú (lạc thú là phần thưởng phụ trội kèm theo.)

Có thể phân loại đàn ông đa mang thích săn đuổi đàn bà thành hai thành phần khác nhau. Có người tìm kiếm nơi đàn bà giấc mơ chủ quan và bất biến của mình về đàn bà. Người khác bị thúc đẩy bởi khát vọng muốn làm chủ thế giới khách quan và phong phú bất tận của người nữ.

Nỗi ám ảnh nơi hạng đàn ông thứ nhất có tính trữ tình qua đàn bà họ tìm kiếm chính họ, hay đúng hơn một lý tưởng. Và theo định nghĩa lý tưởng là cái gì không bao giờ thấy, họ thất vọng hoài hoài. Thất vọng đẩy họ đi từ người đàn bà này sang người đàn bà khác và đó là cách chạy tội lãng mạn. Nhưng chính vì thế phần đông đàn bà giàu tình cảm bị rung động bởi cái thói trăng hoa trữ tình này của đàn ông.

Nỗi ám ảnh nơi hạng đàn ông thứ hai có tính cách hào hùng, và dưới mắt đàn bà, điều này chẳng làm họ rung động chút nào: người đàn ông không biểu lộ lý tưởng chủ quan của mình về đàn bà, và bất cứ thứ gì cũng lôi cuốn anh ta được nên anh ta chẳng bao giờ biết thất vọng. Không biết thất vọng ô nhục lắm. Dưới mắt người khác, hạng đàn ông này không bao giờ được chuộc tội (thất vọng mới được chuộc tội.)

Bởi hạng đàn ông trữ tình luôn luôn chạy theo khuôn mẫu đàn bà nhất định nên dù anh ta có nhân tình mới chúng ta cũng chẳng nhận ra. Bạn bè anh ta thường xuyên gây chuyện hiểu lầm đáng tiếc vì cứ lẫn lộn cô này với cô nọ, thậm chí tên tuổi cũng chẳng bao giờ gọi cho đúng.

Đi kiếm tìm tri thức, hạng đàn ông hào hùng (và dĩ nhiên Tomas thuộc vào hạng này) ngoảnh mặt không thèm nhìn vào cái đẹp thông thường của nữ giới. Cái đẹp đó làm họ chóng chán và ruốt cuộc họ trở thành người đi sưu tập của lạ. Họ biết thế và tự thấy đôi chút xấu hổ. Để tránh trường hợp bạn bè phải ngượng ngùng bối rối, họ ít khi dẫn tình nhân xuất hiện nơi công chúng.

Tomas làm nghề lau chùi cửa sổ gần hai năm. Bữa kia anh đến nhà một khách hàng mới và vóc dáng kỳ dị của người đàn bà chủ nhà làm anh chấn động ngay từ phút đầu tiên. Mặc dù kỳ dị nhưng không phải vì thể nhân dáng cô vượt quá mọi điều bình thường (Tomas đam mê nét lạ, nhưng nỗi đam mê này không liên quan gì đến tính say mê quái vật của Fellini): người cô cao lớn, cao hơn anh khá nhiều. Sóng mũi cô thanh tú, dài, trên một khuôn mặt lạ lùng đến nỗi khó có thể gọi đó là quyến rũ (ai cũng có thể phản đối!) tuy vậy (ít nhất dưới mắt Tomas) không thể gọi khuôn mặt đó là không quyến rũ. Cô mặc quần dài, áo sơ mi trắng. Trông cô như tổng hợp kỳ dị của cò, hươu cao cổ, và cậu trai nhạy cảm.

Cô nhìn anh chăm bẵm dò xét. Cái nhìn đầy những tia sáng thông minh sắc sảo. Cô bảo anh, "Mời bác sĩ vào."

Anh nghĩ cô biết anh là ai nhưng anh không muốn cô nhận ra điều đó. Anh hỏi cô, "Nhờ cô chỉ chỗ tôi đi lấy ít nước."

Cô mở cửa phòng tắm. Trong phòng tắm anh thấy bồn tắm, la-va-bô và bàn cầu, trước mỗi thứ là một tấm thảm nhỏ màu hồng.

Khi người đàn bà có diện mạo nửa cò nửa hươu cao cổ mỉm cười, đôi mắt cô nheo lại, và mỗi câu nói thốt ra từ đôi môi cô hình như đầy giọng điệu cắc có hay ẩn chứa tín hiệu bí mật nào.

"Anh có toàn quyền sử dụng phòng tắm." Cô bảo anh. "Anh có thể làm bất cứ điều gì con tim anh đòi hỏi."

"Tôi tắm được chứ?"

"Anh thích tắm?" Cô hỏi lại anh.

Anh vặn nước nóng đầy xô rồi bước ra phòng khách. "Cô muốn tôi bắt đầu ở đâu trước?"

"Tùy anh." Cô vừa nói vừa nhún vai.

"Tôi đi xem cửa sổ các phòng khác được không?"

"À, vậy ra anh muốn đi xem nhà." Nụ cười trên môi cô dường như ám chỉ lau chùi cửa sổ chỉ là chuyện phụ không chút thú vị gì.

Anh bước sang phòng ngủ bên cạnh. Phòng có cửa sổ rộng, hai chiếc giường kê sát nhau, trên tường là cảnh mùa thu với cây phong và ánh tà huy.

Anh trở ra và thấy trên bàn đặt chai rượu mở sẵn và hai cái ly. "Anh uống chút rượu để lấy sức cho công tác lớn trước mặt."

"Vâng, tôi không phản đối điều đó chút nào." Tomas trả lời và ngồi xuống bàn.

"Việc làm anh chắc thú vị lắm nhỉ, tận mắt nhìn thấy mọi người sinh sống ra sao." Cô bảo anh.

"Chẳng có gì khiến tôi phải than phiền."

"Hàng tá những bà vợ lẻ loi ở nhà chờ đón anh."

"Ý cô muốn nói những bà nội, bà ngoại, những bà mẹ vợ, mẹ chồng?"

"Có bao giờ anh nuối tiếc nghề nghiệp cũ của anh không?"

"Làm cách nào cô biết tôi làm nghề gì trước đây?"

"Bà chủ anh thích khoe khoang về anh."

"Chùng đó năm mà vẫn còn vậy à?" Tomas tỏ vẻ ngạc nhiên.

"Lúc nói chuyện trên điện thoại, bà chủ anh hỏi tôi có muốn anh đến làm công chuyện không. Bà nói anh trước đây là bác sĩ giải phẫu nổi tiếng bị đuổi khỏi bệnh viện. Điều đó kích thích trí tò mò trong tôi."

"Tính tò mò trong cô hay ho lắm."

"Nó lộ liễu vậy sao?"

"Vâng, trong cách cô dùng mắt."

"Tôi dùng mắt như thế nào?"

"Cách cô đảo mắt liếc xéo. Và câu hỏi từ miệng cô."

"Ý anh muốn nói anh không thích trả lời?"

Nhờ cô, cuộc đối thoại ngay từ lúc khởi đầu đã có chiều lấp lờ vui thích. Không điều gì cô nói ràng buộc với thế giới bên ngoài; tất cả đều hướng nội, chĩa thẳng vào hai người. Và bởi nội dung câu chuyện quá hiển nhiên nói về hai người nên chẳng có chi ngạc nhiên khi da thịt họ va chạm nhau để tạo thêm hương vị cho lời nói. Vì thế, khi Tomas nói đến đôi mắt hay liếc xéo của cô, anh đưa tay lên mắt cô ve vuốt. Cô cũng làm như vậy với anh. Hành động này không phải do phản ứng ngẫu nhiên; dường như cô đang chủ ý vẽ ra trò chơi "ăn miếng trả miếng" với anh. Và cứ thế, hai người ngồi mặt đối mặt, tay tuồn tự lần mò thân thể nhau.

Cho đến lúc bàn tay của Tomas sờ xuống vùng cấm địa bên dưới cô mới bắt đầu chống cự. Anh không đoán được cô chống cự thật hay chỉ giả vờ, hơn nữa đã đến giờ gặp khách hàng tới nên anh đành đứng dậy bảo cô anh phải đi.

Mặt cô đỏ bừng. "Tôi phải kí tên vào tờ biên nhận." Cô bảo anh.

"Nhưng tôi có làm gì đâu." Anh phản đối.

"Lỗi là ở tôi." Và rồi với giọng nhẹ nhàng vô tội, cô lè nhè, "Có lẽ tôi phải gọi anh trở lại làm cho xong công việc bị tôi cản trở."

Thấy Tomas không chịu đưa tờ biên nhận, cô ngọt ngào nói với anh như thể đang nhờ vả anh ân huệ gì, "Làm ơn đưa cho tôi đi." Cô lại đảo đôi mắt rồi nói tiếp, "Nói ngay, tôi đâu phải là người trả tiền. Chồng tôi trả. Và tiền trả cho nhà nước chứ không phải cho anh. Hai chúng ta chẳng dính dáng gì đến khoản tiền đó."

Người đàn bà nhân dáng nửa cò nửa hươu cao cổ cứ thế xâm chiếm đầu óc anh: nửa chót nhả bốn cọt nửa vụng về ngây ngô; nụ cười cắc có châm chọc khơi dậy niềm khao khát dục tình; ngôi nhà tầm thường cổ điển nhưng chủ nhân lại rất mực tân kì. Lúc làm tình trông cô như thế nào? Cổ tưởng tượng nhưng không tài nào anh hình dung nổi. Suốt mấy hôm liên tiếp đầu óc anh chẳng nghĩ ngợi được chuyện gì khác.

Khi cô gọi anh đến nhà lần thứ hai, trên bàn đặt sẵn chai rượu và hai cái ly. Lần này mọi chuyện diễn tiến êm xuôi đầu vào đấy. Chẳng bao lâu, hai người đứng đối diện nhau trong phòng ngủ (nơi mặt trời đang lặn trên vòm cây phong trong bức tranh) và hôn nhau. Nhưng khi anh thốt mệnh lệnh quen thuộc "Cởi quần áo ra!" cô chẳng những không tuân lời mà còn ra lệnh ngược lại, "Không, anh làm trước đi!"

Anh hơi khựng vì bất ngờ với lối phản ứng như vậy. Cô bắt đầu kéo cửa quần anh xuống. Sau khi ra lệnh thêm vài lần nữa (và lần nào cũng thất bại cách buồn cười), anh đành chấp nhận giải pháp dung hòa. Theo điều lệ cô đặt ra trong lần trước ("ăn miếng trả miếng"), cô lột quần áo anh thì anh cởi váy cô, rồi cô cởi áo anh, anh cởi áo cô cho đến lúc hai người hoàn toàn trần truồng. Anh đặt tay lên chỗ thâm kín của cô rồi đi lần xuống hậu môn. Thân thể người đàn bà, anh thích nhất chỗ này. Hậu môn cô lòi ra cách lạ thường, chứng tỏ ruột rà cô dài lắm, ăn lấn ra tận bên ngoài. Trong lúc đang mải mê cái phần tuyệt vời trên cơ thể người đàn bà mà bác sĩ vẫn gọi là cơ vòng, đột nhiên anh cảm thấy ngón tay cô cũng đang rờ mó phần đó của anh. Cô bắt chước từng động tác anh làm như tấm gương phản chiếu.

Mặc dù anh từng ăn nằm với chừng hai trăm đàn bà (chưa kể khá đông những người anh gặp trong thời gian làm nghề lau chùi cửa sổ), chưa bao giờ anh chạm chán người đàn bà nào cao hơn anh, liếc nhìn anh, và thò tay xuống rờ hậu môn anh. Để chế ngự cảm giác bẽ bàng, anh đẩy cô ngã xuống giường.

Hành động của anh bất ngờ đến nỗi cô không kịp chống cự. Trong lúc thân hình cao lênh khênh của cô ngã ngửa về phía sau, anh thấy những vết sần đỏ trên mặt cô bỗng thoáng hiện nét sợ hãi vì mất thăng bằng. Anh nắm hai chân cô hơi xoạc ra rồi giơ lên cao, đôi chân bỗng nhiên trông giống như hai cánh tay người lính trận đang giơ tay đầu hàng trước họng súng kẻ thù.

Vụng về cộng với say đắm, say đắm đi với vụng về – Tomas bị kích thích đến tột độ. Anh làm tình với cô thật lâu. Trong lúc làm tình chốc chốc anh cúi xuống nhìn khuôn mặt sần đỏ tìm kiếm nét sợ hãi của người đàn bà bị xô ngã, nét mặt chẳng bao giờ tái diễn lần thứ hai mà thoáng chốc mới đây truyền lên óc não anh những tín hiệu kích thích.

Làm tình xong, anh đứng dậy vào phòng tắm. Cô đi theo anh miệng dặn dò dài dòng kỹ lưỡng nào là xà phòng ở đâu, khăn tắm chỗ nào, cách mở nước nóng ra sao. Anh ngạc nhiên không hiểu tại sao cô phải đi vào chi tiết những sự việc tầm thường giản dị đến vậy. Cuối cùng

anh phải ôn tồn bảo cô anh hiểu hết và ra dấu cho cô đi ra để anh một mình trong phòng tắm.

"Anh không cho em nhìn anh tắm sao?" Cô van nài.

Cuối cùng anh đẩy được cô ra. Trong lúc kì cọ và tiểu tiện trong bồn tắm (bác sĩ Tiệp đều làm thế), anh có cảm tưởng cô đang chạy tới chạy lui bên ngoài phòng tắm tìm cách đột nhập vào. Lúc anh tắt nước và căn nhà đột nhiên yên ắng trở lại, anh có cảm tưởng anh đang bị quan sát. Anh dám chắc đôi mắt đẹp của cô đang mở lớn nhìn mình qua kẽ hở đâu đó ngoài cửa phòng tắm.

Anh ra khỏi nhà, lòng thơ thẩn hân hoan hơn bao giờ. Vừa đi anh vừa cố ghi nhận vào trí nhớ những nét đặc biệt của người đàn bà và từ trí nhớ đó anh tìm ra công thức hóa học định nghĩa điểm độc nhất vô nhị của cô (cái một phần triệu tương dị.) Kết quả là công thức gồm ba phần:

1) vụng về cộng với say đắm,

2) khuôn mặt sợ hãi vì mất thăng bằng, và

3) đôi chân xoạc ra như hai cánh tay người lính giơ lên đầu hàng trước họng súng quân địch.

Đúc kết lại những điều trên, anh nghe lâng lâng cảm giác thú vị vừa chinh phục thêm một phần thế giới, như khi anh cầm con dao mổ tưởng tượng rạch thêm đường nữa trên bức tranh vũ trụ bao la này.

Cũng khoảng thời gian đó, anh hẹn hò với một thiếu phụ trẻ trong căn phòng người bạn cho mượn dùng mỗi ngày đến nửa đêm. Sau một hai tháng trời gặp gỡ, có lần cô nhắc đến một trong những lần đầu: hai người làm tình trên thảm nhìn ra cửa sổ trong lúc bên ngoài trời mưa gió sấm chớp bão bùng; anh làm tình với cô trong suốt thời gian cơn bão; thật là một kỉ niệm đẹp khó quên.

Nhưng Tomas kinh ngạc vô cùng. Vâng, anh nhớ rõ lắm anh làm tình với cô trên thảm (người bạn anh ngủ trên ghế nệm dài chật hẹp mà Tomas thấy không thoải mái chút nào), nhưng cơn bão hoàn toàn không có trong ký ức anh! Thật lạ lùng. Anh nhớ từng chi tiết mỗi lần hai người gặp gỡ; anh nhớ cả những động tác ái ân (cô nhất định không chịu cho anh đi vào từ đằng sau); anh nhớ những lời cô nói (cô bảo anh ôm siết hông cô và đừng nhìn mặt cô); đến vết rách trên quần áo lót cô anh cũng nhớ mồn một. Vậy mà cơn bão hoàn toàn không để lại dấu vết gì.

Mỗi lần trải qua một kinh nghiệm yêu đương, ký ức anh chỉ ghi giữ con đường dốc đứng và chật hẹp của cuộc chinh phục dục tình: câu nói tấn công đầu tiên, cái ve vuốt đầu tiên, lời nói suồng sã gọi dục đầu tiên giữa hai người, những đòi hỏi dâm dăng anh ép cô ưng chịu và những đòi hỏi cô nhất định không cho. Tất cả những điều đó anh cho vào ký ức rất kĩ, kì dư anh quên tuốt. Ngay cả nơi chốn gặp gỡ người đàn bà lần đầu anh cũng không nhớ nổi, nếu cuộc gặp gỡ đó xảy ra trước khi anh ra tay săn đuổi.

Người thiếu phụ trẻ nở nụ cười mơ màng trong lúc ôn lại với anh về trận bão hôm đó. Anh nhìn cô kinh ngạc lẫn đôi chút ngỡ ngàng: cô đang nhắc đến một kỉ niệm đẹp vậy mà anh không chia sẻ được với cô. Cách thể ký ức hai người phản ứng về cái đêm dông bão đó phân biệt rạch ròi giữa tình yêu và phi tình yêu.

Khi nói "phi tình yêu" tôi không có ý ám chỉ anh đối xử bạc bẽo với người thiếu phụ trẻ, như cách nói thời thượng ngày nay, anh xem cô như món đồ chơi giải trí chỉ để thỏa mãn dục tình. Ngược lại, anh rất quý mến cô. Nhân cách và trí tuệ cô làm anh nể vì không ít, và lúc nào anh cũng sẵn sàng chạy đến giúp đỡ cô trường hợp cô nhờ vả anh điều gì. Ký ức anh, không phải con người anh, đối xử với cô tệ bạc. Bởi chính ký ức anh, trong lúc anh không hề hay biết, đã xô đẩy cô ra khỏi cầu vồng tình yêu.

Bên trong bộ óc con người hình như có não vực đặc biệt mà ta có thể gọi là vùng ký ức thi vị. Nó ghi nhớ tất cả những gì làm ta rung động say sưa, những gì làm đời sống ta tươi đẹp. Từ khi anh gặp Tereza, không người đàn bà nào có quyền hạn để lại ấn tượng, dù chỉ một chút nhỏ, trong phần đó não bộ anh.

Tereza chiếm cứ vùng ký ức thi vị anh như nhà bạo chúa và cô tẩy xóa sạch sẽ dấu vết những người đàn bà khác. Điều đó không công bằng lắm, bởi người thiếu phụ trẻ làm tình với anh trên thảm đêm mưa bão hôm đó không kém thi vị nếu đem so với Tereza. Cô hét lên: "Anh

nhắm mắt lại đi anh! Siết hông em mạnh vào! Ôm em chặt hơn nữa đi!" Cô không chịu nổi nếu Tomas làm tình với cô mà hai mắt cứ mở lớn nhìn cô chăm chú, nếu thân thể anh cứ cong lên không chịu ép sát vào cô. Cô không chịu cho anh quan sát thăm dò cô. Cô muốn kéo anh đắm chìm trong dòng sông màu nhiệm mà chỉ hình dung được khi nhắm nghiền đôi mắt. Cô không chịu cho anh dở trò chơi chờn vờn bằng cách đứng ra xa vì cách đó thân hình hai người hoàn toàn không đụng chạm nhau và anh có thể dễ dàng quan sát cô. Cô ghét cay ghét đắng khoảng cách đó. Cô muốn hòa nhập vào anh. Đó là lý do vì sao, nhìn thẳng vào mắt anh, cô bảo cô chẳng bao giờ đạt đến tuyệt đỉnh mặc dù mặt thắm nơi hai người nằm uớt đắm nguồn sữa ái ân. "Cái em chạy theo không phải là hoan lạc nhục cảm," cô bảo anh vậy. "Em khao khát hạnh phúc. Và hoan lạc không có hạnh phúc không còn là hoan lạc nữa." Nói cách khác, cô đang vùng tay đập lên cánh cổng khép kín nhất vùng ký ức thi vị của anh. Cô không có chỗ đứng trong đó. Cô chỉ có tấm thảm mà thôi.

Cuộc phiêu lưu của anh với Tereza bắt đầu vào đúng thời điểm các cuộc phiêu lưu với những người đàn bà khác chấm dứt. Nó xảy ra ở phía bên kia động lực thúc đẩy anh lao đầu vào hết cuộc chinh phục này sang cuộc chinh phục khác. Anh không hề có ý muốn khám phá điều gì nơi Tereza. Cô đến với anh hoàn toàn không che đậy. Anh làm tình với cô trước khi anh có cơ hội cầm trong tay con dao mổ tưởng tượng anh vẫn dùng rạch mổ thế giới phủ phục trước mặt anh. Trước khi anh có thì giờ tưởng tượng cô như thế nào khi làm tình, anh yêu cô mất rồi.

Chuyện tình hai người mãi sau đó mới bắt đầu: cô ngã bệnh và không cách nào anh đưa cô về nhà như anh vẫn làm với những cô tình nhân khác. Trong lúc quỳ bên cạnh giường nhìn cô thêm thiếp trong giấc ngủ, trí óc anh bỗng vẽ ra hình ảnh lạ lùng cô bị ai đó đặt trong chiếc thùng cói thả trôi sông và giạt đến chân anh. Như tôi thuật trong phần trước, ẩn dụ thường nguy hiểm. Tình yêu bắt đầu bằng ẩn dụ. Nói như vậy có nghĩa tình yêu bắt đầu vào thời điểm khi người đàn bà rút lời nói đầu tiên vào vùng ký ức thi vị của người đàn ông.

Khoảng thời gian gần đây, hình ảnh Tereza lần nữa xâm nhập đầu óc anh. Buổi sáng hôm đó, như mọi buổi sáng khác, cô đi mua sữa về. Anh thấy cô đứng nơi ngưỡng cửa, hai tay khư khư ôm con quạ đáng thương trước ngực. Cô dùng chiếc khăn quàng cổ màu đỏ ủ kín con quạ. Cô ôm nó như người đàn bà gíp-si ôm con. Anh không bao giờ quên được hình ảnh đó: từ cái mỏ to lớn con quạ phát ra tiếng kêu thảm thiết bên cạnh khuôn mặt cô.

Cô tìm thấy con quạ lúc nó bị chôn nửa thân mình dưới đất, tương tự lối kị binh Cô-dắc hành hạ tù nhân. "Lũ trẻ con chơi như thế đấy." Cô bảo anh, và câu nói không hẳn chỉ là câu nói suông đề cập một sự việc thông thường, nó cho thấy mối ác cảm bất ngờ nơi cô với con người nói chung. Nó làm anh nhớ lời cô nói với anh cách đó không lâu: "Dần dà em thấy em phải biết ơn anh đã nhất quyết không chịu sinh con đẻ cái."

Đoạn cô than phiền với anh về gã đàn ông hay phá rối cô ở chỗ làm. Hẳn ta có lần còn dám thò tay nắm sợi dây chuyền rẻ tiền cô đeo trên cổ và ám chỉ xa gần cô phải nhảy dù tiếp khách làng chơi mới có tiền mua nổi sợi dây chuyền. Chuyện đó làm cô giận lắm. Tomas đột nhiên kinh tâm khi nhận ra suốt hai năm qua anh đã bỏ bê cô; chẳng còn bao giờ thấy anh ôm lên ve vuốt bàn tay run rẩy của cô nữa.

Sáng hôm sau anh đi làm với hình ảnh Tereza trong đầu. Bà chủ anh bảo có khách hàng đòi chính anh đến nhà lau chùi cửa sổ cho họ. Tomas ngao ngán trong lòng. Anh sợ lại phải đối diện một mụ đàn bà nào khác. Đang bận tâm với Tereza, anh chẳng tâm trí đâu nghĩ ngợi đến chuyện phiêu lưu.

Khi cánh cửa ngôi nhà mở ra, anh thở phào nhẹ nhõm. Trước mặt anh là người đàn ông đánh to cao, lưng hơi khòm. Ông có cái cằm to quá khổ và khuôn mặt trông quen quen.

"Mời ông vào." Ông mỉm cười mời Tomas vào nhaf.

Đứng ngay đó là một thanh niên trẻ. Mặt cậu đỏ hồng tươi sáng. Cậu nhìn Tomas, miệng cố nở nụ cười.

"Tôi thiết tưởng chẳng cần phải giới thiệu hai người làm gì." Người đàn ông cất tiếng.

"Vâng, đúng vậy." Tomas trả lời, anh bắt tay cậu trai, nhưng miệng không đáp lại nụ cười của cậu. Cậu chính là đứa con trai ruột thịt của anh.

Đến lúc đó người đàn ông mới lên tiếng tự giới thiệu mình.

"Tôi biết ngay ông chẳng xa lạ gì." Tomas đáp lời. "Dĩ nhiên làm sao sai trật được với tên tuổi của ông."

Sau đó ba người ngồi quanh cái bàn trông như bàn dùng làm nơi hội họp. Tomas nhận ra

một điều là cả hai người đàn ông đang ngồi trước mặt anh đều là sản phẩm bất đắc dĩ do anh sáng tạo. Người trẻ tuổi anh cho ra đời do sự ép buộc của người vợ cũ, và hình tượng người lớn tuổi nảy sinh trong thời gian anh bị công an tra vấn.

Để gạt đi những ý tưởng này, anh cất tiếng pha trò, "Ông muốn tôi lau chùi cửa sổ nào trước đây?"

Cả hai phá lên cười.

Hiển nhiên chuyện lau chùi cửa sổ chẳng dính dáng gì đến lí do anh được gọi đến. Anh bị lừa vào bẫy. Trước đây anh chưa bao giờ nói chuyện với con trai anh. Đây là lần đầu tiên anh bắt tay cậu. Anh biết mặt mũi, nhân dáng cậu ra sao và anh thấy chừng đó là đủ rồi, anh không cần biết về cậu nhiều hơn. Với anh, càng biết ít về cậu con càng tốt, và anh hi vọng cậu cũng nghĩ như vậy về anh.

"Bức bích chương đẹp đấy chứ?" Người đàn ông đứng tuổi bảo Tomas, ngón tay ông chỉ lên bức tranh đóng khung treo trên tường đối diện.

Tomas đưa mắt nhìn quanh phòng. Trên tường treo nhiều khung hình thú vị, hầu hết là ảnh chụp và bích chương. Bức ông nhà báo chỉ Tomas lấy ra từ một trong những ấn bản cuối cùng của tờ báo ông chủ trương trước khi bị người Nga đóng cửa năm 1969. Bức tranh mô phỏng bức bích chương kêu gọi thanh niên nhập ngũ, nổi tiếng trong thời kỳ Cách mạng Nga năm 1918. Hình vẽ là một người lính, mũ gắn ngôi sao đỏ, đôi mắt nghiêm nghị nhìn về phía trước, ngón tay trỏ chỉ thẳng vào người xem. Cậu nói nguyên thủy bằng tiếng Nga ở phía dưới: "Công dân, bạn đã gia nhập Hồng quân chưa?", ở đây đổi thành: "Công dân, bạn đã ký tên vào bản tuyên ngôn Hai Nghìn Chữ chưa?"

Quả là câu chuyện trào phúng chế nhạo tuyệt hảo! Hai Nghìn Chữ là bản tuyên ngôn vẽ vang đầu tiên trong phong trào Mùa Xuân Praha 1968. Nó kêu gọi chế độ Cộng sản phải dân chủ hóa toàn diện. Thoạt tiên chỉ có một số trí thức ký tên, và rồi nhiều người khác đứng lên xin ký, cuối cùng thì số người ký lên cao đến nỗi không ai đếm nổi có bao nhiêu người ký cả thấy. Khi Hồng quân Nga xâm lăng đất nước họ và tung ra một loạt những cuộc thanh trừng chính trị, câu hỏi thường được hỏi khi chất vấn là: "Ông có ký tên vào bản tuyên ngôn Hai Nghìn Chữ không?" Người trả lời có lập tức bị đuổi việc.

"Một bức biếm họa thật hay," Tomas trả lời. "Tôi còn nhớ rõ lắm."

"Hãy cứ hy vọng chúng ta không bị bọn Hồng quân nghe lén." Người đàn ông cựu biên tập viên tờ báo vừa nói vừa cười.

Ông nói tiếp, nụ cười không còn trên môi. "Thật tình, đây không phải là chỗ ở của tôi. Căn nhà này do một người bạn cho mượn. Chúng tôi không rõ căn nhà có bị công an nghe lén hay không, nhưng nếu tôi mời ông về nhà tôi thì điều đó kể như nắm chắc."

Rồi ông đổi sang giọng bồn chồn: "Nhưng theo cái nhìn của tôi thì chúng ta chẳng có chi phải

giấu giếm. Tốt cho các sử gia Tiệp khắc tương lai biết chừng nào. Toàn bộ đời sống thành phần trí thức Tiệp khắc được cất giữ vào hồ sơ trong văn khố công an! Ông biết các nhà văn học sử đã khổ công như thế nào khi dựng lại chi tiết đời sống tình dục của các văn hào như Voltaire, Balzac hay Tolstoy không? Với các nhà văn Tiệp khắc điều đó dễ ợt. Tất cả đều được ghi âm vào băng nhựa. Ngay cả tiếng thở hắt sau cùng.

Đoạn hướng về ổ máy ghi âm vô hình trên tường, ông cất to giọng, "Thưa quý vị, như những lần khác, tôi khuyến khích quý vị làm việc tốt hơn nữa và nhân danh tôi, nhân danh tất cả các sử gia tương lai, tôi xin cảm ơn quý vị."

Sau trận cười no bụng giữa ba người, ông thuật lại chuyện tờ báo của ông bị đình bản ra sao, công việc người họa sĩ vẽ bức biếm họa làm sau đó, và những gì xảy đến với các họa sĩ, triết gia, nhà văn khác. Sau cuộc xâm lăng, không ai được quyền sáng tạo hay viết lách nữa, họ phải đi làm những nghề như lau chùi cửa sổ, trông coi bãi đậu xe, gác đàn, chạy máy hơi nước trong dinh thự công cộng, hay khá nhất là làm tài xế tắc xi.

Mặc dù câu chuyện nghe khá thú vị nhưng Tomas không tài nào tập trung được tư tưởng để theo dõi. Đầu óc anh miên man nghĩ ngợi về đứa con trai mình. Hai tháng qua, thỉnh thoảng anh gặp cậu đi ngoài phố. Hiển nhiên những cuộc gặp gỡ này không phải do tình cờ. Nhưng anh không bao giờ tưởng tượng có lúc gặp con mình đứng bên cạnh nhân vật làm báo đang bị chính quyền kết án. Vợ trước của Tomas là người Cộng sản chính thống, đương nhiên anh nghĩ con mình cũng bị ảnh hưởng theo chiều hướng đó. Anh không chút hay biết gì về người con trai. Dĩ nhiên anh có thể hỏi thẳng cậu về mối quan hệ giữa hai mẹ con, nhưng anh thấy điều đó không tế nhị lắm trước sự có mặt của người thứ ba.

Cuối cùng ông nhà báo đi đến điểm then chốt. Ông nói càng ngày càng có nhiều người bị bắt bỏ tù chẳng phải vì lý do trọng đại gì mà chỉ vì muốn bảo thủ những ý kiến riêng, và ông kết luận, "Vì thế chúng tôi quyết định phải làm cái gì đó."

"Các ông định làm gì?" Tomas hỏi lại.

Đến đây, cậu con trai anh cất tiếng. Đó là lần đầu tiên trong đời anh nghe giọng nói con mình. Anh ngạc nhiên nhận ra cậu bị cà lăm.

"Theo như chỗ chúng tôi biết, tù nhân chính trị bị ngược đãi tàn nhẫn lắm. Có người đang ở trong tình trạng vô cùng bi đát. Vì thế chúng tôi quyết định dự thảo một lá thỉnh nguyện thư và đi xin chữ ký những trí thức Tiệp quan trọng nhất, những người vẫn còn chút tâm huyết nào đó."

Không, cậu không bị cà lăm; đúng ra cậu cố tình chậm rãi nhấn mạnh như gằn từng chữ một. Hiển nhiên cậu nhận ra điều đó, và đôi má cậu vừa mới hơi bình thường lại đỏ ửng lên.

"Và các ông gọi tôi đến đây để nhờ tôi cố vấn về những nhân vật có thể ký tên trong lĩnh vực nghề nghiệp của tôi phải không?" Tomas hỏi.

"Không phải", ông nhà báo cất tiếng cười bảo Tomas "Chúng tôi không cần ông cố vấn. Chúng tôi cần chữ ký của ông!"

Một lần nữa tự ái anh được vượt ve! Một lần nữa anh có cảm giác vui sướng khi biết có người vẫn còn nhớ mình là bác sĩ! Anh phản đối chỉ vì muốn tỏ thái độ khiêm nhường, "Hãy khoan đã. Tôi bị đá ra khỏi công việc, nhưng điều đó không có nghĩa tôi là một bác sĩ danh tiếng!"

"Chúng tôi chưa quên bài viết ông gửi đăng trên báo của chúng tôi." Ông nhà báo tủm tỉm cười nhìn Tomas.

"Vâng." Cậu con Tomas thở hắt ra. Thái độ cậu pha lẫn vui sướng và hãnh diện mà có lẽ vì vô tình Tomas không nhận ra.

"Tôi không hiểu chữ kí tôi trên tờ thỉnh nguyện thư sẽ giúp tù nhân chính trị của các ông ra sao. Tại sao các ông không tìm đến những người chưa bị va chạm nhiều với chế độ, những người ít nhất còn chút ảnh hưởng lên chính sách của nhà nước."

Ông nhà báo vẫn giữ nguyên nụ cười, "Dĩ nhiên rồi."

Cậu con trai Tomas cười theo; nụ cười của cậu là nụ cười của kẻ hiểu biết nhiều chuyện. "Vấn đề duy nhất là họ chẳng bao giờ chịu ký!"

"Nhưng điều đó không có nghĩa chúng tôi không tìm đến họ." Ông nhà báo đỡ lời, "và cũng không có nghĩa chúng tôi quá lịch sự muốn tránh trường hợp mất mặt cho họ." Đến đây ông lại cười. "Ông phải nghe những lý do họ nại ra để từ chối. Tuyệt diệu lắm!"

Cậu con trai Tomas cười tán thành.

"Dĩ nhiên thoát đầu bao giờ họ cũng tán đồng với chúng tôi từng điểm một," ông nhà báo nói tiếp: "Nhưng sau đó họ khuyên chúng tôi nên dùng cách khác thận trọng hơn, hợp lý hơn, khôn ngoan hơn. Họ sợ, không dám ký nhưng cũng sợ bị chúng tôi xem thường."

Một lần nữa, cậu con trai Tomas và ông nhà báo đồng thanh cả cười.

Đoạn ông đưa Tomas xem một lá thư ngắn lời lẽ tương đối cung kính kêu gọi Tổng thống ân xá tù nhân chính trị.

Tomas suy nghĩ lung trong đầu. Ân xá tù chính trị? Liệu lời thỉnh cầu xin ân xá sẽ được chấp thuận vì lá thư thỉnh nguyện gửi lên Tổng thống xuất phát từ những người dân bị chế độ ruồng bỏ (và vì thế chính họ có thể trở thành tù nhân chính trị?) Một lá thỉnh nguyện thư như vậy chỉ khiến các tù nhân chính trị bị quản thúc lâu hơn thôi giả như ngay thời điểm đó chính quyền đang dự trù phóng thích họ.

Cậu con trai anh bỗng cất tiếng cắt đứt dòng suy tưởng của anh, "Điểm chính ở đây là cho họ thấy đất nước này vẫn còn những người không sợ hãi. Và cho thấy chỗ đứng của mỗi hạng

người. Tách rời cây lúa ra khỏi rơm rác."

Đúng, đúng, Tomas nghĩ trong đầu, nhưng điều đó liên quan gì đến các tù nhân chính trị? Hoặc anh kêu gọi xin ân xá hoặc anh tách cây lúa ra khỏi rơm rác. Hai sự việc đâu dính líu gì đến nhau.

"Phải chăng ông lưỡng lự?" Ông nhà báo hỏi Tomas.

Vâng. Anh đang lưỡng lự. Nhưng anh không đủ can đảm nói ra điều đó. Người lính trong bức bích chương trên tường chĩa ngón tay đe dọa chỉ thẳng vào mặt anh và nói, "Anh đang lưỡng lự chưa chịu gia nhập Hồng quân ư?" hay "Anh chưa chịu ký tên vào bản tuyên ngôn Hai Nghìn Chữ à?" hay "Anh đã ký tên vào bản tuyên ngôn Hai Nghìn Chữ rồi sao?" hay "Anh không muốn ký tên vào lá thỉnh nguyện thư xin ân xá sao?" Nhưng mặc những gì người lính nói, đây là một đe dọa.

Ông nhà báo nói một hơi những gì ông nghĩ về những người tán đồng chuyện xin ân xá cho các tù nhân chính trị nhưng có cả nghìn lý do từ chối ký tên vào lá thỉnh nguyện thư. Theo ý kiến của ông lý do họ nài ra chỉ là cái cớ để họ miễn, không phải ký tên và bên dưới cái cớ đó là lòng hèn nhát. Tomas phải trả lời sao đây?

Cuối cùng anh phá tan bầu không khí yên lặng bằng tiếng cười rồi chỉ bức biếm họa treo trên tường, anh nói, "Làm sao tôi có thể suy nghĩ đảng hoàng được khi tên lính kia cứ đe dọa hỏi tôi có chịu ký hay không."

Cả ba người phá lên cười một lúc lâu.

"Được rồi", Tomas nói sau khi tiếng cười lắng xuống. "Tôi sẽ suy nghĩ thêm về chuyện này. Vài ngày nữa chúng ta có thể gặp lại nhau được không?"

"Lúc nào cũng được", ông nhà báo trả lời, "nhưng chúng tôi dự định gửi lá thỉnh nguyện thư vào ngày mai."

"Ngày mai?" Đột nhiên Tomas nhớ đến gã công an mập mạp đưa anh lá thư triệt hạ không ai khác hơn chính ông nhà báo này. Mọi người tìm cách bắt anh ký vào bản văn không do chính tay anh viết.

"Chẳng có gì phải nghĩ lại." Cậu con trai anh chen vào. Mặc dù ý nghĩa câu nói đầy vẻ gay gắt nhưng giọng nói cậu lại như khẩn khoản van nài. Lúc này hai người nhìn thẳng vào mắt nhau, nhờ vậy Tomas để ý thấy lúc tập trung tư tưởng, môi trên cậu phía trái hơi nhếch lên. Khi nhìn vào gương mỗi lần cạo râu Tomas cũng nhếch môi như vậy. Anh khó chịu nhìn thấy hình ảnh đó hiện trên nét mặt người khác.

Khi sống chung với con cái từ lúc ấu thơ cho đến lúc trưởng thành, cha mẹ quá quen với những nét đồng dạng như vậy; điều đó quá tầm thường để phải chú ý, hay thắng hoặc có lúc bất chợt ngấm nghĩ chỉ thấy ngồ ngộ vui vui. Nhưng đây là lần đầu tiên trong đời Tomas nói

chuyện với con trai mình! Anh hoàn toàn không quen ngồi đối diện với cái miệng thiếu cân xứng của chính anh!

Thử tưởng tượng một cánh tay bị cưa đứt và được gắn vào người nào đó. Tưởng tượng người đó ngồi đối diện bạn và cứ quơ cánh tay trước mặt bạn. Chắc hẳn bạn phải nhìn chăm chặp vào cánh tay như đang nhìn một con ma. Mặc dù trước đây nó là cánh tay yêu quý của riêng bạn nhưng bạn sẽ kinh hồn hoảng vía nếu cánh tay va chạm vào người bạn!

"Ông không ở phía những người bị tù tội sao" Con trai anh lại nói, và đột nhiên Tomas nhận ra trong cảnh huống hiện tại, cái đang đe dọa không phải là vụ đòi ân xá các tù nhân chính trị mà chính là tình phụ tử giữa cha con anh. Nếu anh ký tên, định mệnh hai người sẽ kết hợp vào nhau và ít nhiều Tomas sẽ thân thiện với con hơn; còn trong trường hợp anh không ký, tình cảm giữa anh và con sẽ vẫn trống trơn như xưa, mặc dù điều đó do chủ ý từ con anh nhiều hơn là từ anh, con anh sẽ không nhìn nhận một người cha hèn nhát như anh.

Anh lâm vào hoàn cảnh người đánh cờ đang gặp nước bí và đành bó tay chịu thua. Ký tên vào lá đơn thỉnh nguyện thư hay không, anh chẳng thay đổi được điều gì. Đời sống anh, đời sống những tù nhân chính trị vẫn như cũ mà thôi.

"Đưa tôi lá thư." Anh cầm lên mảnh giấy.

Như để tán thưởng quyết định của anh, ông nhà báo cất tiếng, "Bài ông viết về Oedipus xuất sắc lắm."

Cậu con trai tiếp lời trong lúc đưa anh cây bút, "Có những tư tưởng mà sức mạnh như quả bom nổ."

Mặc dù câu nói tán dương từ ông nhà báo làm anh vui thích, ẩn dụ cậu trai dùng khiến anh như bị đánh văng ra khỏi chỗ ngồi. "Rất tiếc, tổn thất duy nhất lại chính là tôi. Chính vì những tư tưởng đó mà hiện giờ tôi không được phép cầm con dao mổ chữa trị những bệnh nhân của tôi."

Câu nói lạnh lẽo, gần như hằn học.

Hy vọng hóa giải nốt nhạc nghịch âm, ông nhà báo nói như bào chữa, "Nhưng hãy nghĩ đến những người được cứu giúp nhờ bài viết của ông!"

Từ thuở thơ ấu, Tomas liên tưởng hành vi "giúp người" với sự vật duy nhất: thuốc thang. Làm sao một bài viết có thể giúp người được? Hai người này đang cố ép bắt anh nuốt vào họng cái gì đây? Cả cuộc đời anh co rút lại thành một ý tưởng nhỏ nhoi đơn độc về Oedipus, hay tệ hại hơn: một tiếng "không" cộc lốc trước mặt chế độ cầm quyền.

"Có thể có, có thể không," anh nói (giọng vẫn lạnh lùng, nhưng có lẽ anh không nhận ra), "nhưng nếu làm bác sĩ giải phẫu, tôi biết tôi cứu giúp được đôi ba người."

Không khí im lặng bao trùm lên ba người cho đến lúc cậu trai lên tiếng phá vỡ. "Tư tưởng cũng có thể giúp người được chứ."

Nhìn chính đôi môi mình trên khuôn mặt cậu trai, Tomas thầm nghĩ. Quả lạ lùng khi nhìn chính môi mình mấp máy.

"Ông biết kết quả tốt đẹp nhất bài viết ông đem lại là gì không?" Cậu trai tiếp tục nói, và Tomas nhìn thấy cố gắng cậu đang khắc phục trong lúc nói. "Ông không chịu hòa giải. Ý thức rạch ròi nơi ông phân biệt đâu là thiện đâu là ác, một điều chúng ta đang bắt đầu đánh mất. Chúng ta không còn ý thức cảm giác tội lỗi mang ý nghĩa gì nữa. Người Cộng sản lấy cớ họ bị Stalin dẫn dụ vào con đường sai lầm. Bọn cảnh sát nhân cớ vì không được cha mẹ yêu thương. Đột nhiên ông đứng ra: không ai được quyền lấy cớ này cớ nọ. Tâm hồn và lương tri mình không ai trong sạch hơn Oedipus, nhưng Oedipus đã tự xử khi biết ra hành động sai lầm của mình."

Tomas tránh nhìn miệng cậu con trai mình và chú mục vào ông nhà báo. Anh thấy khó chịu và có cảm giác như đang tranh cãi với hai người. "Nhưng tất cả chỉ là ngộ nhận! Lằn ranh giữa thiện và ác thật vô cùng mù mờ. Tôi không hề có ý định muốn trừng phạt ai. Trừng phạt người

không hay biết việc mình làm là hành vi mọi rợ. Huyền thoại Oedipus thật trắng lẹ, nhưng đem nó ra như vậy..." Anh định nói nhiều hơn nhưng chợt nhớ ra căn nhà có thể bị đặt máy nghe lén. Anh không hề có ý muốn được các sử gia đời sau trích dẫn. Anh sợ câu nói của mình bị công an đem ra làm bằng cớ. Có phải đó chính là cái gì bọn chúng đang xăm xoi tìm kiếm nơi anh? Một lời nói bài bác phủ nhận bài viết? Anh không muốn lời nói đó lọt vào tay công an từ chính miệng anh. Ngoài ra, anh cũng biết là bất cứ điều gì do bất cứ ai nói đều có thể bị phát thanh trên làn sóng điện bất cứ giờ phút nào. Nghĩ đến đây anh bỗng khựng lại, không nói thêm nữa.

"Tôi thắc mắc cái gì khiến ông thay đổi ý kiến về bài viết như vậy?" Ông nhà báo hỏi anh.

"Cái tôi thắc mắc là điều gì đã thúc đẩy tôi đặt bút viết." Tomas trả lời ông nhà báo và ngay lúc đó anh nhớ lại: Cô giạt đến chân giường anh như đứa trẻ sơ sinh bị ai đó đặt trong chiếc thúng cói thả trôi sông. Vâng, đó chính là lý do tại sao anh cầm quyển sách lên và tìm đọc những truyện cổ về Romulus, Moses và Oedipus. Giờ đây hình ảnh cô lại hiện về trong anh. Anh thấy cô ủ con quạ trong chiếc khăn quàng đỏ và ôm nó trước ngực. Hình ảnh này cho anh cảm giác an lành, yên ấm. Anh như được cho biết Tereza vẫn hiệu hữu, vẫn sống chung trong cùng thành phố với anh, và ngoài ra chẳng có điều chi quan hệ.

Lần này, ông nhà báo là người phá vỡ bầu không khí im lặng, "Tôi hiểu. Tôi cũng chẳng ưa gì ý tưởng trừng phạt." Ông nói tiếp, miệng lại nở nụ cười, "Nói cho đúng, chúng tôi không kêu gọi trừng phạt ai, chúng tôi kêu gọi hãy chấm dứt sự trừng phạt."

"Tôi biết." Tomas trả lời. Trong chốc lát anh sẽ làm một việc có thể được xem là đáng ca ngợi nhưng chắc chắn hoàn toàn vô bổ (bởi nó sẽ chẳng giúp ích gì các tù nhân chính trị) và làm anh khó chịu trong lòng (bởi nó xảy ra trong hoàn cảnh anh bị hai người khác ép buộc.)

"Ký tên là bốn phận của ông." Cậu con anh nói, giọng gần như khấn khoản.

Bốn phận ư? Cậu con anh nhắc nhở anh đến bốn phận ư? Đó là từ ngữ tồi tệ nhất dùng chỉ con người anh! Một lần nữa, hình ảnh Tereza hiện ra trước mắt anh, cô ôm con quạ trong tay. Đoạn anh nhớ chuyện cô bị gã công an chìm lặn la tìm cách làm quen hôm trước đó. Đôi tay cô bắt đầu run rẩy trở lại. Cô già đi. Với anh cô là tất cả, anh còn gì nữa ngoài cô ra. Cô, nảy sinh từ sáu chuyện tình cờ ngẫu nhiên, cô, đóa hoa bung nở từ chứng bệnh đau dây thần kinh háng của người y sĩ trưởng, cô, bề trái của cái "*Es muss sein!*" trong anh – cô là cái gì duy nhất sót lại trên cõi đời này anh còn quan tâm.

Tại sao phải nghĩ đến chuyện ký hay không ký? Tiêu chuẩn duy nhất cho quyết định của anh là: anh không được làm bất cứ điều gì có thể phương hại đến cô. Tomas không thể cứu các tù nhân chính trị, nhưng anh có thể đem hạnh phúc đến cho Tereza. Thật tình ngay cả chuyện đó anh cũng không làm nổi. Nhưng nếu anh ký tên vào lá thỉnh nguyện thư, chắc chắn cô sẽ bị những gã công an chìm thăm viếng nhiều hơn, và đôi tay cô sẽ càng ngày càng run rẩy thêm.

"Cứu con quạ bị chôn sống một nửa ra khỏi nắm đất còn quan trọng hơn nhiều so với chuyện gửi thỉnh nguyện thư lên Tổng thống."

Anh biết chẳng ai hiểu câu nói anh vừa thốt ra, nhưng anh thấy thú vị trong lòng. Đột nhiên, cảm giác ngây ngất bất ngờ xâm chiếm lòng anh. Cũng cảm giác ngây ngất đen tối khi anh long trọng tuyên bố với người vợ cũ là anh không còn muốn nhìn mặt mẹ con nhà cô nữa. Cũng cảm giác ngất ngây đen tối khi anh gửi lá thư chấm dứt sự nghiệp y khoa của anh. Anh không biết việc anh làm đúng hay sai, nhưng anh biết chắc đó là cái gì anh muốn làm.

"Xin lỗi, tôi không thể ký tên vào lá thỉnh nguyện thư được."

Vài ngày sau anh đọc trên báo chí về lá thỉnh nguyện thư.

Dĩ nhiên, không một từ ngữ nào được dùng để diễn tả lời lẽ nhún nhường của lá thư xin phóng thích tù nhân chính trị. Không tờ báo nào trích dẫn một câu một chữ từ bức thư ngắn đó. Thay vào là những bài báo tràn giang đại hải, gồm toàn những từ ngữ hăm dọa mơ hồ về một bản tuyên cáo chống chính phủ dùng làm nền tảng cho chiến dịch mới chống báng chủ nghĩa xã hội. Họ đưa lên đầy đủ tên tuổi những người ký tên vào bản tuyên cáo, và không quên kèm theo những lời phỉ báng dơ bẩn đến độ Tomas nổi da gà.

Chẳng phải vì điều đó không đoán trước được. Ai cũng biết bất cứ cuộc tụ họp công cộng nào (hội thảo, thỉnh nguyện, tụ tập ngoài đường phố), ngoại trừ do đảng Cộng sản tổ chức, đều đương nhiên bị xem là phạm pháp và chuyện không hay sẽ xảy đến cho tất cả những người tham dự. Nhưng anh cảm thấy hối tiếc vì đã không ký tên. Tại sao anh không ký? Anh không tài nào nhớ nổi lý do nào thúc đẩy anh đi đến quyết định đó.

Và một lần nữa tôi thấy anh không khác lúc anh mới xuất hiện trong phần nhập của quyển tiểu thuyết: anh đứng bên cửa sổ phóng tầm mắt qua khoảng sân nhìn vào bức tường đối diện.

Đây chính là cảnh tượng từ đó Tomas nảy sinh. Như tôi vạch ra ở phần trước, nhân vật tiểu thuyết nảy sinh không giống sự ra đời của con người nơi cuộc sống bên ngoài; họ có mặt do một cảnh huống, một câu văn hay một ẩn dụ như vỏ bọc chứa đựng khả hữu cơ bản liên quan đến con người mà tác giả nghĩ chưa ai khám phá hay đề cập điều gì trọng yếu về nó.

Nhưng có đúng không tác giả chỉ có thể viết về chính mình?

Đưa mắt nhìn cách bắt lực vào khoảng tường bên kia sân, không biết phải làm gì; nghe tiếng sôi bụng của chính mình ngay giữa giây phút tình yêu chớm nở; bội phản, nhưng thiếu ý chí từ bỏ con đường bội phản đầy quyến rũ mê hoặc; giờ nắm tay giữa đám đông trong cuộc Diễn hành Vĩ đại; phô diễn trí tuệ mình trước máy ghi âm vô hình – tôi biết rất rõ và cũng đã trải qua tất cả những cảnh huống đó, nhưng không cảnh huống nào có thể nảy sinh ra nhân vật mà lai lịch tôi cũng như chính tôi cùng tiêu biểu. Nhân vật trong tiểu thuyết tôi là những khả hữu vô thức của chính tôi. Đó là lý do vì sao tôi yêu quý và khiếp sợ những nhân vật đó ngang nhau. Mỗi nhân vật vượt qua lần ranh biên cương do chính tôi vạch ra. Chính lần ranh bị vượt qua đó (bên kia lần ranh, "cái ngã" của riêng tôi chấm dứt) là cái gì quyến rũ tôi nhất. Bởi bên kia lần ranh là nơi khởi đầu cho cái ẩn mật quyển tiểu thuyết yêu cầu. Tiểu thuyết không phải là lời tự thú của tác giả; nó là cuộc chiêm nghiệm đời sống con người trong cái bầy thế giới này đang dần dà biến thành. Nhưng chừng đó đủ rồi. Chúng ta hãy trở về với Tomas.

Một mình ở nhà, anh phóng tầm mắt qua khoảng sân nhìn vào bức tường dơ bẩn của khu nhà cao tầng đối diện. Anh chạnh nghĩ đến người đàn ông dáng cao cao lưng hơi khòm với cái cầm to quá khổ và những bằng hữu của ông, những người anh không hề quen biết, không ở

trong giới bạn bè thân thiết của anh. Anh có cảm giác như vừa chạm mặt một người đàn bà nhan sắc trên sân ga, nhưng trước khi anh kịp có cơ hội nói gì với cô, cô đã khuất bóng trong toa xe và đang trên đường đi Istanbul hay Lisbon mất rồi.

Đoạn anh cố gạn lọc ký ức nhớ lại những điều lẽ ra anh phải làm. Mặc dù cố gạt sang tất cả những gì thuộc thế giới cảm tính (lòng ngưỡng mộ anh dành cho ông nhà báo và sự khó chịu do cậu con anh gây ra), anh vẫn không tìm ra câu trả lời thỏa đáng anh có nên ký tên vào lá thỉnh nguyện thư hay không.

Cất cao tiếng nói trong khi tiếng nói của những người khác bị bóp nghẹt, điều đó đúng không? Đúng.

Mặt khác, tại sao báo chí lại chú tâm quá đáng đến lá thỉnh nguyện thư? Nói cho cùng, báo chí (vốn hoàn toàn là công cụ của nhà nước) có thể giữ im lặng và sẽ chẳng ai hay biết chuyện gì. Nhưng nếu công khai hóa bức thư, thể thượng phong sẽ nằm trong tay nhà cầm quyền! Đúng là của trên trời rơi xuống, một lý do vô cùng chính đáng để bắt đầu cuộc thanh trừng mới!

Vậy, anh nên làm gì? Ký hay không ký?

Cách khác đặt câu hỏi, cách nào tốt hơn, gào thét để kết liễu mau chóng hay giữ im lặng và chờ đón cái chết đến từ từ?

Có câu trả lời cho câu hỏi này không?

Một lần nữa anh trở về ý tưởng chúng ta đã biết qua: Đời sống con người xảy ra chỉ một lần, và số dĩ chúng ta không xác quyết được quyết định nào của chúng ta đúng và quyết định nào sai bởi ở cảnh huống nào đó, chúng ta chỉ có thể chọn một quyết định mà thôi; không ai cho chúng ta đời sống thứ hai, thứ ba, thứ tư để từ đó chúng ta có thể đem ra so sánh những quyết định khác nhau.

Ở phương diện này, lịch sử và đời sống cá nhân có sự tương đồng. Chỉ có duy nhất một lịch sử nước Tiệp. Ngày nào đó nó sẽ đi đến chung cuộc y như đời sống Tomas, và không bao giờ tái diễn.

Năm 1618, triều đình Tiệp lấy can đảm trút cơn giận dữ lên hoàng đế đang trị vì ở Vienna bằng cách ném hai chức sắc cao cấp sứ thần của hoàng đế ra khỏi cửa thành Praha. Hành động thách đố đó châm ngòi cuộc Chiến Ba Mươi Năm, và dẫn đến tình trạng tàn phá gần như toàn thể nước Tiệp. Người Tiệp có nên cân nhắc cẩn thận thay vì tỏ ra dũng cảm? Câu trả lời có thể giản dị là không.

Ba trăm hai mươi năm sau, sau hội nghị Munich 1938, toàn thể thế giới quyết định hy sinh nước Tiệp cho Hitler. Người Tiệp lúc đó có nên đứng dậy cố chống lại lực lượng hùng mạnh gấp tám lần mình? Trái với năm 1618, lần này họ lựa chọn thái độ dè dặt xem chừng. Hành động đầu hàng của họ dẫn đến Thế chiến Thứ Hai và sau đó là tình trạng mất tự do trong nhiều thập

kỷ, có lẽ cả thế kỷ. Họ có nên tỏ ra dũng cảm thay vì thận trọng? Đúng ra họ phải làm gì?

Nếu lịch sử nước Tiệp có khả năng tái diễn, dĩ nhiên chúng ta nên thử nghiệm mỗi khả hữu mỗi lần có biến cố xảy ra và từ đó đem kết quả ra đúc kết. Không có cuộc thử nghiệm như vậy, tất cả mọi xét đoán kiểu này chỉ là những trò chơi võ đoán giả định.

Einmal ist keinmal. Cái gì xảy ra chỉ một lần tốt hơn đừng bao giờ xảy ra. Lịch sử Tiệp khắc, cũng như lịch sử Âu châu sẽ không bao giờ tái diễn. Lịch sử Tiệp khắc và lịch sử Âu châu là hai bức phác họa từ ngòi bút thiếu kinh nghiệm tất định của nhân loại. Lịch sử cũng nhẹ như đời sống cá nhân con người, nhẹ khôn kham, nhẹ như lông hồng, như hạt bụi bị cuốn lên không trung, như bất cứ cái gì ngày mai không tồn tại.

Một lần nữa, với lòng hoài niệm như trong tình yêu, Tomas chạnh nghĩ đến ông nhà báo đáng người cao lưng khòm. Ông hành xử như thể lịch sử là bức tranh hoàn tất chứ không phải bức phác họa. Như thể mọi hành động của ông tái diễn đến vô hạn, trở về mãi mãi, và ông không chút nghi hoặc gì về việc mình làm. Ông tin tưởng mình đúng, và với ông đó là đức tính chứ không phải dấu hiệu một đầu óc thiển cận hẹp hòi. Vâng, ông và Tomas không sống chung trong cùng lịch sử: lịch sử của ông không phải (hay chính nó không nhận ra) là bức phác họa sơ sài.

Vài hôm sau, anh bị dòng tư tưởng khác làm dao động mà tôi ghi xuống đây như phần phụ lục cho chương trước: Ở nơi nào đó ngoài không gian có một hành tinh trên đó tất cả mọi người đều đầu thai trở lại làm người. Ký ức họ không hề mờ phai về kiếp trước cùng những kinh nghiệm tích lũy trong suốt thời gian họ sống trên mặt hành tinh.

Lại có một hành tinh khác nơi tất cả chúng ta đầu thai lần thứ ba với kinh nghiệm của hai đời sống trước. Hành tinh này tiếp nối hành tinh kia, ở mỗi hành tinh con người sinh ra trưởng thành hơn kiếp trước một bậc (một đời người.)

Đó là suy nghĩ riêng của Tomas về sự trở về vĩnh cửu.

Dĩ nhiên chúng ta đang ở quả đất này (hành tinh số khởi đầu, hành tinh không kinh nghiệm) và chỉ có thể thấu hiểu những điều huyền hoặc mơ hồ về chuyện gì xảy đến cho con người trên những hành tinh kia. Con người khôn ngoan hơn? Phải chăng trí tuệ là sức mạnh của con người? Con người có thể đạt tới trình độ đó đó bằng sự tái sinh?

Chỉ từ giác độ một thế giới mộng tưởng như vậy mới khả dĩ cho phép chúng ta sử dụng khái niệm bi quan và lạc quan: người lạc quan là người cho rằng trên hành tinh số năm lịch sử con người bớt đổ máu. Người bi quan là người nghĩ ngược lại.

Một trong những quyển tiểu thuyết nổi tiếng của Jules Verne, quyển Tomas ưa thích từ thời thơ ấu, là quyển *Hai Năm Nghỉ Lễ*, và thật vậy, tối đa hai năm. Tomas bước vào năm thứ ba làm nghề lau chùi cửa kính.

Mấy tuần lễ qua, anh nhận thấy (nửa buồn nôn nửa tức cười) anh càng ngày càng đuối sức (ngày nào cũng một, đôi khi hai vụ mây mưa ong bướm), và anh thấy anh như đang vận sức đến tận cùng. (Tôi xin nói thêm sức anh đuối, không phải khả năng tình dục của anh kém đi; anh có vấn đề với hơi thở chứ không phải dương vật của anh, một sinh hoạt với bề mặt hài hước của nó.)

Một hôm anh vất vả lắm vẫn không bắt liên lạc được với cô khách xuất chiều, dường như anh sắp hưởng một ngày nghỉ hiếm hoi. Anh tuyệt vọng. Anh liên tục gọi dây nói cô gái trẻ này đến chục bận. Một nữ sinh viên kịch nghệ với thân hình tròn nắn trên những bãi biển khóa thân của xứ Nam tư đều đặn đến độ người ta phải liên tưởng đến cái xiên thịt chạy máy quay đều chậm chậm.

Sau khi làm xong xuất việc cuối cùng và chuẩn bị về văn phòng lúc bốn giờ chiều để nộp biên nhận, anh chạm trán ngay giữa trung tâm Praha một cô gái anh không tài nào nhớ nổi là ai. "Anh biến đâu mất vậy? Cả thế kỷ rồi không gặp anh!"

Tomas bối rối đầu óc mình cố nhớ cô gái là ai. Chẳng lẽ cô là một trong những bệnh nhân cũ của anh? Cử chỉ cô thân tình như người bạn gái gần gũi tương thân. Anh vừa trả lời vừa cố đừng để cô thấy sự thật anh không nhận ra cô là ai. Anh đang nghĩ kế hoạch dụ dỗ cô lên phòng người bạn (anh có sẵn chìa khóa trong túi) thì câu nói tình cờ của cô khiến anh chợt vỡ lẽ nhận ra cô là ai: cô chính là người nữ diễn viên mằm non với thân hình tròn nắn tuyệt hảo anh cố liên lạc suốt ngày không được.

Biến cố nho nhỏ đó khiến anh vừa thấy lạ lùng vừa kinh hãi: nó chứng tỏ anh mệt mỏi chẳng những thể chất mà cả tinh thần. Hai năm nghỉ lễ không thể nào kéo dài vô thời hạn được.

Ngày nghỉ lễ không làm việc bên bàn mổ cũng là ngày nghỉ lễ không có Tereza. Sau sáu ngày trong tuần gần như không thấy mặt nhau bao giờ, hai người cuối cùng có nhau vào ngày Chủ nhật, lòng họ tràn đầy ham muốn tình yêu; nhưng giống như đêm đầu tiên Tomas từ Zurich trở về, họ thấy xa cách và phải mất một lúc lâu họ mới va chạm da thịt, trao nhau nụ hôn. Tình yêu thể xác đem lại sự hoan lạc nhưng không thấy an ủi nguôi ngoai. Cô không hét lên như dạo trước, và lúc lên đến tuyệt đỉnh ái ân, anh thấy khuôn mặt nhăn nhúm của cô như đang biểu hiện nét khổ sở chịu đựng và xa vắng lạ lùng. Chỉ vào lúc đêm khuya, trong giấc ngủ, hai người mới thật sự êm dịu hòa nhập vào nhau. Ông vào lòng bàn tay anh, cô quên hẳn miệng hố sâu (hố sâu của ban ngày) chia cách hai người. Nhưng ban đêm không cho anh thời giờ cũng như phương tiện chăm sóc vỗ về cô. Sáng ra, anh nhìn cô đứt ruột, và anh sợ cho cô: trông cô buồn bã, bạc nhược vô cùng.

Một hôm ngày Chủ nhật, cô bảo anh lấy xe chở cô ra ngoài châu thành Praha. Họ lái xe đến một thành phố khoáng tuyến, đi băng qua những con đường đổi sang tên Nga nghe xa lạ, và tình cờ họ gặp một bệnh nhân cũ của Tomas. Sau đó Tomas rầu rĩ vô cùng. Đột nhiên, có người gọi anh là bác sĩ, và anh thấy quãng đời trước như đang trôi qua khoảng sâu cách biệt trở về với tất cả những niềm vui thường nhật nhìn thấy bệnh nhân của mình, cảm nhận ánh mắt tin tưởng từ họ, ánh mắt trước đây anh tảng lờ không chú ý nhưng sự thật đầy thích thú và giờ đây anh tiếc nhớ vô cùng.

Lúc lái xe, Tomas thù người nghĩ ngợi về sai lầm tai hại anh bỏ Zurich quay về Praha. Anh chăm chú lái xe để khỏi phải nhìn sang Tereza. Anh giận cô lắm. Sự hiện diện của cô bên cạnh anh hơn bao giờ gây cảm giác cuộc sống này sao đầy bất định ngẫu nhiên không kham nổi. Cô đang làm gì bên cạnh anh đây? Ai là người bỏ cô trong chiếc thúng cói thả trôi sông? Tại sao giường của anh lại được chọn làm bến đậu cho cô? Và tại sao là cô mà không phải người đàn bà nào khác?

Suốt quãng đường hai người không trao đổi với nhau lời nào.

Về đến nhà, hai người ngồi ăn cơm tối vẫn trong im lặng.

Im lặng phả lên hai người như nỗi đau ray rứt. Mỗi phút mỗi căng thêm. Để trốn tránh hai người lên giường đi ngủ ngay. Anh đánh thức cô dậy vào lúc nửa đêm. Cô đang khóc.

"Em bị chôn," cô bảo anh. "Em bị chôn lâu lắm rồi. Tuần nào anh cũng ra thăm em. Mỗi lần như vậy anh gõ vào mộ, và em chui ra. Hai mắt em đầy đất cát. Anh bảo, 'Mắt em vậy làm sao em trông thấy?' và anh cố gạt đất cát ra khỏi mắt em."

"Em bảo, 'Em chẳng trông thấy gì đâu. Mắt em chỉ là hai cái lỗ sâu hoắm mà thôi.'"

"Rồi một hôm anh ra đi trong chuyến du hành xa, và em biết anh có người đàn bà khác."

Thời gian trôi qua, tuần này qua tuần khác, bóng anh vẫn mù khơi. Em sợ mất anh, và em không ngủ được. Mãi rồi anh cũng về gõ lên mộ, nhưng cả tháng trời không ngủ em kiệt sức đến độ em nghĩ em không tài nào lết ra nổi. Cuối cùng khi em chui ra, anh dường như thất vọng. Anh bảo em trông bạc nhược quá. Em cảm thấy mình thật xấu xí trước mắt anh với hai má hóp sâu và cử chỉ run rẩy hoang mang.

"Em xin lỗi, ' em tạ lỗi với anh. 'Em không chợp mắt được chút nào từ khi anh ra đi."

"Em thấy không?' Anh nói giọng đầy vui mừng giả tạo. 'Em chỉ cần nghỉ ngơi thật nhiều. Nghỉ chơi ở nhà một tháng!'"

"Làm như em không rõ anh toan tính điều chi trong đầu! Một tháng trời nằm nhà tức là một tháng trời anh không thèm nhìn nhõi gì đến em, anh có người đàn bà khác. Rồi anh bỏ đi và em lại trôi xuống năm mộ, trong lòng em biết chắc cả tháng nữa không ngủ được vì mòn mỏi đợi chờ anh và khi anh trở lại em càng xấu xí hơn, anh càng thất vọng hơn."

Chưa bao giờ anh nghe vào tai những lời nói nát lòng hơn vậy. Ôm chặt cô trong vòng tay, anh có cảm tưởng không sao chịu đựng nổi tình yêu của mình.

Hãy để đạn bom phá nổ rung chuyển quả đất, hãy để lũ rợ cường chiếm đất nước thân yêu, hãy để tất cả những người chung quanh bị đem ra xử bắn – anh chấp nhận nổi những điều đó dễ dàng. Nhưng nỗi sầu não ẩn tàng trong giấc mơ của Tereza là cái gì anh không tài nào chế ngự.

Anh cố chui vào giấc mơ cô vừa kể. Anh hình dung cảnh anh đưa tay vuốt mặt cô và thật nhẹ nhàng – đừng để cô hay biết – anh phúi đất cát khỏi hốc mắt cô. Đoạn anh nghe câu nói nát lòng thâm "Em chẳng trông thấy gì đâu, mắt em chỉ là hai cái lỗ sâu hoắm mà thôi."

Tim anh như sắp rạn vỡ; anh có cảm tưởng anh đang sắp bị cơn chấn tim làm ngã gục.

Tereza nhắm mắt ngủ lại trong lúc anh vẫn còn thao thức. Anh hình dung cái chết của cô. Cô chết rồi mà vẫn bị những cơn ác mộng khủng khiếp dày vò; nhưng bởi cô chết rồi nên anh không cách nào lay tỉnh cô dậy. Vâng, đó là cái chết: Tereza ngủ với những cơn ác mộng khủng khiếp và anh đành bó tay, không đánh thức cô dậy được.

Năm năm trôi từ khi quân Nga xâm chiếm quê hương Tomas, Praha trải qua nhiều đổi thay đáng kể. Những người Tomas gặp ngoài đường cũng khác. Một nửa bạn bè anh di cư ra nước ngoài, một nửa của nửa ở lại lần lượt qua đời. Sẽ không sử gia nào ghi chép xuống sự kiện những năm tháng sau cuộc xâm lăng là thời kỳ của những đám tang: con số người chết gia tăng vùn vụt. Tôi không chỉ nói đến trường hợp (họa hoằn lắm, dĩ nhiên) những người bị săn đuổi đến chết như nhà văn Jan Prochazka. Hai tuần lễ sau khi những mẫu đối thoại riêng tư của ông phát thanh hàng ngày trên làn sóng điện, ông được chở vào nhà thương. Căn bệnh ung thư có lẽ nằm yên trong người ông đột nhiên bùng dậy như đóa hoa hồng. Họ giải phẫu chữa trị ông trước sự hiện diện của công an, và khi thấy ông không có cơ thoát khỏi cái chết, họ mất hết thú vị và để ông chết trong vòng tay vợ ông. Nhưng cũng có rất nhiều người bỏ mạng dù không hề bị buộc tội kết án trực tiếp; nỗi tuyệt vọng tràn lan khắp đất nước, xâm nhập qua tâm hồn soi thẳng vào thể xác, tàn hủy thân xác người ta. Có người trong tuyệt vọng cố trốn tránh những ưu ái chế độ dành cho họ, muốn họ đứng trình diễn bên cạnh đám lãnh tụ mới. Đó là trường hợp cái chết của nhà thơ Frantisek Hrubin – chạy trốn lòng yêu thương của Đảng. Ông bộ trưởng bộ Văn hóa, người nhà thơ khi sống tìm mọi cách lẩn tránh, và phải đợi nhà thơ qua đời mới bắt kịp ông. Bên huyết mộ, ông bộ trưởng lên đọc diếu văn nói về lòng yêu mến nhà thơ dành cho Liên bang Xô viết. Có lẽ ông ta hy vọng những lời nói bịa đặt đó trắng trợn đến nỗi Hrubin phải đội mồ chui lên. Nhưng thế gian bần thủ quá, chẳng thấy ai thêm đội mồ sống dậy làm gì.

Bữa nọ, Tomas đến lò hỏa táng tham dự đám tang một nhà sinh học nổi tiếng nhưng bị chế độ tổng khởi viện Hàn lâm Khoa học. Nhà nước cấm chỉ mọi loan truyền về ngày giờ tang lễ trong lời báo tang, họ sợ đám tang biến thành cuộc biểu tình. Những người tham dự giờ chót mới hay biết lễ hỏa thiêu sẽ cử hành lúc sáu giờ rưỡi sáng.

Bước chân vào lò hỏa thiêu, Tomas không hiểu chuyện gì đang diễn ra: sảnh đường đèn đuốc thấp sáng như phim trường. Ngạc nhiên đảo mắt nhìn quanh, anh thấy ba máy quay phim đặt ở ba vị trí khác nhau. Không, đây không phải máy quay phim của đài truyền hình mà của công an. Họ quay phim buổi tang lễ để nhận diện những người tham dự là ai. Một đồng nghiệp già của nhà khoa học, vẫn giữ ghế trong Viện hàn lâm Khoa học, can đảm lên đọc diếu văn. Đừng bao giờ nghĩ ông sẽ trở thành tài tử xi nê.

Khi đám tang bế mạc và mọi người lần lượt lên chia buồn cùng tang quyến người quá cố, Tomas để ý thấy một nhóm đàn ông đang đứng trong góc sảnh đường và anh nhận ra ông nhà báo đáng người cao lừng khòm. Hình ảnh ông làm Tomas chạnh lòng nhận ra ông nhớ họ biết bao, những con người không biết sợ hãi và dường như kết chặt vào nhau bởi tình bằng hữu thâm sâu. Anh dợm chân bước về phía ông nhà báo với nụ cười thân thiện chào hỏi trên môi. Nhưng vừa thấy anh, ông bỗng dừng kêu lên, "Cẩn thận! Đừng lại gần chúng tôi."

Câu nói nghe lạ lùng thật. Tomas không rõ phải hiểu câu nói như lời cảnh giác chân tình

thân thiết ("Coi chừng, chúng ta đang bị quay phim; nếu anh đến nói chuyện với chúng tôi, rất có thể anh sẽ bị lôi đầu vào thẩm vấn lần nữa") hay câu móc lò mĩa mai ("Nếu anh không đủ can đảm ký tên vào lá thỉnh nguyện thư thì hãy giữ nguyên vị thế đó đi, đừng giả vờ đóng kịch làm như chỗ bạn bè thân thiết với chúng tôi làm gì.") Chẳng cần biết thông điệp mang ý nghĩa nào, Tomas khựng lại, ngần ngừ đôi chút rồi bỏ ra về. Anh có cảm tưởng người đàn bà đẹp trên sân ga không phải chỉ biến mất vào toa ngủ, cô còn đưa ngón tay lên môi anh, cấm anh không được thốt điều gì lúc anh vừa định mở miệng buông lời ve vãn.

Chiều hôm đó, anh gặp một cảnh huống lạ lùng khác. Anh đang lau rửa cửa kính một tiệm bán giày dép lớn chợt một người đàn ông dáng dấp còn trẻ đến đứng sát bên anh dán mũi vào cửa kính quan sát giá tiền.

"Giá cả đua nhau leo thang," Tomas nói trong lúc hai tay không ngừng đùa theo dòng nước tuôn chảy trên mặt kính.

Người đàn ông quay sang nhìn anh. Đó là người bạn đồng nghiệp của anh tại bệnh viện, người tôi gán cho cái tên S., người ngỡ anh viết bản tự kiểm điểm và buông lời nhạo báng cay độc. Tomas vui mừng gặp lại anh ta (một cách thật thà ngây thơ, bởi chúng ta luôn vui mừng khi va chạm những biến cố bất ngờ), nhưng anh nhìn ra trong ánh mắt người bạn đồng nghiệp (trước khi S. có cơ hội lấy lại tự chủ) cái nhìn ngạc nhiên không-chút-vui-vẻ.

"Anh khỏe không?" S. hỏi anh.

Trước khi Tomas trả lời, anh nhận ra vẻ hổ thẹn của S. sau câu hỏi. Thật lỗi bịch có bằng cấp khi bác sĩ đang hành nghề hỏi bác sĩ lau chùi cửa kính có khỏe không.

Để không khí bớt căng thẳng Tomas vui vẻ trả lời "Khỏe, khỏe lắm," nhưng ngay sau đó anh cảm thấy dù anh cố gắng cách nào chẳng nữa (thật ra, vì anh cố gắng quá) chữ "khỏe" của anh vẫn mang giọng điệu mỉa mai cay đắng. Vì thế anh nhanh miệng hỏi thêm, "Ở bệnh viện có gì lạ không?"

"Chẳng có gì lạ," S. trả lời. "Mọi việc vẫn như cũ."

Câu trả lời không thích hợp với tình thế chút nào mặc dù chủ ý câu nói có tính cách trung dung vô thưởng vô phạt, và cả hai người đều nhận ra. Cả hai đều ngầm hiểu chẳng che giấu nhau được điều gì. Làm sao mọi việc vẫn "như cũ" khi một trong những người ở đó phải đi lau chùi cửa kính kiếm kế sinh nhai? "Ông xếp ra sao rồi?" Tomas lại hỏi.

"Anh không gặp ông ấy sao?"

"Không."

Sự thật đúng vậy. Từ khi ra khỏi bệnh viện, anh không hề gặp lại ông bác sĩ trưởng lần nào. Hai người làm việc với nhau rất tương đắc; còn xem nhau như bạn bè. Vì thế không cần biết cách anh trả lời, chữ "không" của anh vẫn mang giọng buồn bã tất nhiên, và Tomas đoán S. đang bực bội vì anh đem chuyện đó ra hỏi: cũng như ông bác sĩ trưởng, S. chẳng bao giờ tạt ngang hỏi han xem Tomas ra sao hay anh cần nhờ vả điều gì không.

Cuộc đối thoại của hai cựu đồng nghiệp bế tắc không chữa nổi, mặc dù cả hai đều hối tiếc, nhất là Tomas. Anh không giận những đồng nghiệp cũ đã quên bằng anh. Phải chi anh làm sáng

tổ được điều này với người đồng nghiệp trẻ đang đứng bên cạnh. Điều anh thật sự muốn nói là, "Chẳng có gì phải hổ thẹn! Đường chúng ta đi không gặp nhau, bình thường thôi. Chẳng có gì phải bực bội! Tôi rất vui mừng khi gặp lại anh!" Nhưng anh không dám nói ra, bởi cho đến giờ phút đó điều gì anh nói ra cũng không đúng theo chủ ý, và những lời nói chân thành kia chỉ mang giọng điệu nhạo báng châm biếm đối với người bạn đồng nghiệp cũ của anh mà thôi.

"Xin lỗi anh." Sau một lúc lâu im lặng S. cáo từ. "Tôi phải đi gấp." Anh ta bắt tay Tomas. "Tôi sẽ gọi anh."

Lúc nghĩ những đồng nghiệp anh nhìn anh với con mắt khinh miệt, nghĩ anh là người hèn nhát, họ mỉm cười với anh. Giờ đây họ không dám khinh thường anh, ngược lại phải miễn cưỡng ngưỡng phục anh, họ xa lánh anh.

Ngay cả những bệnh nhân cũ của anh cũng chẳng còn ai gọi anh đến làm việc cho họ, đừng nói đến chuyện chào đón bằng chai rượu sâm banh. Cảnh huống một trí thức bị thất sủng bạc đãi mất hết tính cách ngoại lệ rồi; nó trở thành cái gì nhàm chán và chẳng vui thú chút nào khi phải đối diện.

Anh về nhà, lên giường nằm và dỗ giấc ngủ sớm hơn mọi bữa. Một tiếng đồng hồ sau anh thức dậy, bao tử anh đau nhói từng cơn. Bệnh cũ anh tái phát mỗi khi anh có điều gì lo lắng buồn rầu. Anh đi mở tủ thuốc nhưng phải buột miệng buông tiếng chửi thề: tủ thuốc trống trơn; anh quên khuấy mua thuốc men dự trữ trong nhà. Anh cố dùng ý chí trấn át cơn đau và thấy dễ chịu đôi chút, nhưng không tài nào nhắm mắt ngủ tiếp được. Một giờ rưỡi khuya Tereza về và anh muốn nói chuyện vãn với cô. Anh kể cô nghe về đám tang, về ông nhà báo không chịu tiếp chuyện anh, và cuộc gặp gỡ với S.

"Praha gần đây trở nên xấu xí quá." Tereza bảo anh.

"Anh biết."

Tereza im lặng trong giây lát rồi nói nhỏ, "Cách hay nhất là đi khỏi nơi đây."

"Anh đồng ý, nhưng đi đâu bây giờ?"

Tomas mặc quần áo ngủ ngồi ở mép giường, cô đến ngồi xuống bên cạnh rồi dang tay ôm anh.

"Anh nghĩ sao nếu bọn mình dọn về quê sinh sống?" Cô hỏi anh.

"Về quê?" Anh ngạc nhiên hỏi lại.

"Về quê tại mình sẽ yên ổn. Anh sẽ không phải gặp lại lão nhà báo hay những đồng nghiệp cũ của anh. Dân dưới quê khác lắm. Tại mình sẽ trở về với thiên nhiên. Thiên nhiên lúc nào cũng thế, không thay đổi bao giờ."

Ngay lúc đó bao tử Tomas lại đau nhói lên. Cơn đau khiến anh chợt thấy mình trở nên già nua, anh thấy anh chẳng còn mong ước điều gì hơn ngoài chút yên bình tĩnh lặng.

"Có lẽ em nói đúng." Anh nói cách khó khăn. Cơn đau làm anh khó thở.

"Tại mình sẽ có một căn nhà nhỏ và một thửa vườn con con, nhưng đủ rộng cho Karenin chạy chơi."

"Ừ," Tomas ậm ừ.

Anh đang cố hình dung cảnh sống sẽ như thế nào nếu anh và Tereza dọn về quê. Anh sẽ không còn mỗi tuần một người đàn bà nữa. Về quê có nghĩa là chấm dứt những cuộc phiêu lưu trăng hoa tình ái.

"Trở ngại duy nhất là anh sẽ vô cùng buồn chán sống với em dưới quê." Tereza nói như đọc

được ý nghĩ của anh.

Cơn đau lại gia tăng. Anh cắn răng chịu đau không mở miệng nói nổi câu nào. Anh nhận ra thứ săn đuổi đàn bà của anh là thứ gì thuộc về "*Es muss sein!*" – một mệnh lệnh kiềm tỏa câu trói anh. Anh khao khát ngày nghỉ. Nhưng phải là một ngày nghỉ tuyệt đối, hoàn toàn không dính dáng gì đến tất cả những mệnh lệnh, những "*Es muss sein!*" Nếu anh có thể rời bỏ (vĩnh viễn) bàn mổ bệnh viện, tại sao anh không xa lìa được bàn mổ thế giới, nơi anh cầm con dao mổ tưởng tượng mở toang cái hộp cứng đàn bà bao bọc che đậy phần khác biệt một phần triệu kia của họ?

"Bệnh bao tử của anh lại tái phát rồi!" Tereza kêu lên, lúc đó cô mới hay anh có gì không ổn.

Anh gật đầu.

"Anh chích thuốc chưa?"

Anh lắc đầu. "Anh quên mua thuốc dự trữ trong nhà."

Mặc dù bực mình vì tính hay quên của anh, cô đưa tay lên xoa trán anh lúc đó ướt đầm mồ hôi vì cơn đau.

"Anh thấy hơi đỡ rồi."

"Anh nằm xuống," Cô kéo chăn đắp cho anh. Sau đó cô vào nhà tắm trong chốc lát rồi trở ra nằm xuống bên cạnh anh.

Anh quay sang nhìn cô, đầu vẫn không nhấc khỏi mặt gối. Thiếu chút nữa anh đã phải giật thót cả người: nỗi sầu khổ đang thiêu cháy trong mắt cô trông sao nào lòng quá mức.

"Tereza, nói anh nghe, việc gì thế? Có cái gì không ổn trong em lúc gần đây. Anh cảm thấy như vậy."

"Không. Em không sao cả." Cô lắc đầu.

"Không việc gì em phải giấu."

"Thì vẫn chuyện cũ," cô bảo anh.

"Vẫn chuyện cũ" có nghĩa là lòng ghen tuông trong cô và tính trăng hoa của anh.

Nhưng Tomas không chịu yên. "Không, Tereza. Lần này có cái gì khác. Chưa bao giờ tình trạng tồi tệ như vậy."

"Được rồi, em sẽ nói cho anh biết." Cô bảo anh. "Anh đi gọi đầu đi."

Anh không hiểu gì.

Câu nói giải thích của cô buồn bã, không chút gây hấn, gần như ôn tồn nhỏ nhẹ. "Cả mấy tháng rồi tóc anh lúc nào cũng có mùi nắng nặng. Mùi chỗ kín đàn bà. Em chẳng muốn nói anh chuyện đó làm gì, nhưng thật khổ sở đêm nào em cũng phải hít vào mũi mùi háng những cô nhân tình của anh."

Ngay lúc cô nói xong, bao tử anh lại lên cơn đau. Thật rõ chán. Kì cọ rửa ráy chùng đó mà chẳng ăn thua gì! Thân thể, hai tay, mặt mũi, anh rửa thật kỹ để không còn tí dấu vết hơi hướm nào dính lại. Anh còn không dám dùng xà phòng thơm của mấy cô, lần nào anh cũng đem theo đồ dùng riêng của anh. Nhưng anh quên khuấy mái tóc! Thật chẳng bao giờ anh nghĩ ra chuyện đó!

Anh nhớ người đàn bà kẹp đùi vào mặt anh rồi bảo cô muốn anh làm tình với cô trong tư thế đó. Lúc này anh ghét cô ả lắm. Thật ngu ngốc! Anh thấy chối cãi chẳng ích gì. Anh chỉ có nước cất tiếng cười rất ư vô duyên rồi định nhóm dậy vào nhà tắm gội đầu.

Nhưng cô xoa trán anh và bảo, "Anh nằm lại giường đi. Đừng gội đầu làm gì mất công. Em quen rồi." Bao tử anh đau muốn chết, và anh thêm khát cuộc sống yên bình. "Anh sẽ biên thư hỏi ông bạn bệnh nhân cũ của anh, người tội mình gặp ở thành phố khoáng tuyến. Em nhớ làng ông ta ở quận hạt nào không?"

"Em không nhớ."

Tomas nói không nổi nữa. Anh chỉ còn lẩm bẩm được những tiếng, "Rừng cây... núi đồi chập chùng..."

"Đúng đó. Mình sẽ làm như vậy. Mình sẽ đi khỏi nơi đây. Nhưng bây giờ anh đừng nói thêm gì nữa..." Và cô tiếp tục xoa vuốt trán anh. Hai người nằm cạnh nhau, không nói gì thêm. Từ từ cơn đau trong bụng anh thuyên giảm. Lát sau cả hai chìm vào giấc ngủ.

Nửa đêm, anh chợt thức giấc và ngạc nhiên nhận ra anh vừa nằm mơ hết giấc này sang giấc khác, toàn những giấc mơ đậm ô bảy bạ. Anh chỉ còn nhớ rõ ràng giấc mơ cuối cùng: một người đàn bà trần truồng nhưng to lớn dị thường, to hơn anh ít nhất năm lần, nằm ngửa nổi lều bều trên mặt hồ bơi, bụng dưới bà ta từ rốn xuống đến háng đầy lông rậm rạp. Anh đứng trên bờ hồ nhìn lòng đầy kích thích.

Làm sao anh thấy kích động được trong khi cơ thể anh đang suy nhược vì bụng dạ không lành? Và làm sao anh nổi hứng được trước người đàn bà mà lúc tỉnh chắc phải đội ngược nếu gặp ngoài đường?

Anh nghĩ: guồng máy đồng hồ trong não bộ có hai bánh xe răng cưa quay ngược chiều nhau. Một cái ghi giữ hình ảnh; cái kia những phản ứng của cơ thể. Cái mang hình ảnh đàn bà trần truồng ăn khớp với cái ra lệnh cho dương vật cương cứng. Nhưng khi, vì lý do này hay lý do nọ, những bánh xe bỗng quay trật gọng và cái có nhiệm vụ kích thích ăn rập với cái mang hình ảnh chim én bay lượn, và dương vật tự động cương lên khi trông thấy chim én.

Thêm nữa, một đồng nghiệp cũ của Tomas, vốn là chuyên gia về giấc mơ của con người, trong một công trình nghiên cứu công bố đàn ông hề nằm mơ dương vật tự nhiên cương cứng. Điều đó có nghĩa tương quan giữa sự cương cứng và hình ảnh đàn bà trần truồng chỉ là một trong nghìn cách Đấng Tạo hóa dùng để vận hành guồng máy đồng hồ trong đầu óc người đàn ông.

Vậy tình yêu có gì tương đồng với những thứ này không? Hoàn toàn không. Nếu một bánh xe răng cưa trong đầu Tomas bị trật gọng và anh thấy kích thích khi trông thấy chim én, điều đó tuyệt đối không ảnh hưởng gì đến tình yêu anh dành cho Tereza.

Nếu kích thích là cơ chế Đấng Tạo hóa của chúng ta dùng để giải khuây thì tình yêu là cái gì hoàn toàn thuộc về chúng ta và chúng ta có thể dùng nó thoát ly khỏi Tạo hóa. Tình yêu chính là tự do của chúng ta. Tình yêu ở bên kia "*Es muss sein!*" Tuy vậy điều đó không hoàn toàn chính xác. Ngay cả nếu tình yêu là cái gì tách biệt khỏi guồng máy tình dục Đấng Tạo hóa dùng trong thú vui giải trí của Ngài, tình yêu và tình dục vẫn dính liền vào nhau. Hai thứ dính vào nhau như người đàn bà trần truồng mềm mại dính vào quả lắc cái đồng hồ vĩ đại.

Tomas nghĩ: Sát nhập tình yêu vào tình dục là một trong những ý tưởng lạ lùng quái dị nhất của Tạo hóa. Anh còn nghĩ thêm: Cách cứu nguy tình yêu ra khỏi sự ngu xuẩn của tình dục là làm thế nào chỉnh lại guồng máy đồng hồ trong đầu óc chúng ta khiến chúng ta thấy kích thích khi nhìn chim én bay.

Và với ý nghĩ ngọt ngào này anh từ từ chìm lại vào giấc ngủ. Nhưng khi vẫn còn mơ màng, giữa không gian lằng đằng của những ý niệm hỗn độn mơ hồ, anh đột nhiên đoán chắc anh vừa tìm ra câu trả lời cho tất cả mọi câu đố, chìa khóa cho mọi bí ẩn, một thế giới mộng tưởng mới,

một Thiên đàng: thế giới trong đó đàn ông kích thích khi nhìn thấy chim én và Tomas có thể yêu thương Tereza mà không bị sự ngu xuẩn hung hãn của tình dục quấy nhiễu.

Rồi anh chìm vào giấc ngủ.

Đôi ba đàn bà ăn mặc hở hang lượn lờ uốn éo chung quanh anh, nhưng anh mệt mỏi quá, và để thoát khỏi vòng vây anh mở cánh cửa thông qua phòng bên. Trong phòng, ngay trước mặt anh là người đàn bà trẻ nằm nghiêng người trên sofa. Trên người cô cũng chẳng có bao nhiêu tấc vải: cô không mặc gì ngoài chiếc quần lót. Cô chống người lên khuỷu tay, mắt ngược nhìn anh miệng nở nụ cười như ngầm bảo cô biết anh sẽ đến.

Anh đến bên cô. Anh thấy nỗi vui sướng không sao tả được tràn đầy với ý tưởng cuối cùng anh tìm ra cô và sẽ ở mãi mãi bên cô. Anh ngồi xuống bên cạnh cô, nói với cô cái gì đó và cô đáp lại anh. Người cô toát ra vẻ êm dịu. Cử chỉ bàn tay cô chậm rãi mềm mại. Cả cuộc đời, anh khao khát ngóng tìm dáng điệu êm ái nơi cô. Suốt đời anh, cái gì êm ái nữ tính chẳng bao giờ đến.

Nhưng ngay lúc đó giấc mơ bỗng như muốn trôi về thực tại. Anh thấy anh trở lại vùng không gian lằng đặng nơi chúng ta không ngủ hẳn mà cũng chưa thức hẳn. Anh hoảng sợ vì có thể sẽ phải nhìn người đàn bà trẻ biến mất trước mắt và anh tự nói với chính mình, "Chúa ơi, đừng để con mất nàng." Tuyệt vọng nhưng anh vẫn cố moi móc trí nhớ xem người đàn bà đó là ai, anh đã gặp gỡ cô nơi đâu, hai người liên hệ với nhau như thế nào. Làm sao anh có thể quên cô trong khi cô biết anh tường tận đến thế? Anh tự hứa việc đầu tiên sáng mai thức dậy là sẽ gọi cô. Nhưng vừa tự hứa xong anh nhận ra ngay anh không thể giữ lời hứa được: anh không biết tên cô là gì. Làm sao anh không nhớ nổi tên một người vô cùng thân thiết với anh? Đến lúc đó, anh gần như tỉnh ngủ hẳn, hai mắt anh rộng mở, và anh tự hỏi, Mình đang ở đâu? Vâng, mình đang ở Praha, nhưng người đàn bà, cô ấy cũng ở đây hay nơi nào khác? Mình có gặp cô ở nơi nào khác không? Chẳng lẽ cô người Thụy sĩ? Phải mất một chập khá lâu anh mới chấp nhận ý nghĩ anh không hề biết người đàn bà đó là ai, cô không ở Praha cũng chẳng phải Thụy sĩ, cô chỉ là người sống trong giấc mơ của anh mà thôi.

Anh bức tức quá và ngồi thẳng dậy trên giường. Tereza vẫn đang thở sâu hút bên cạnh. Anh lại nghĩ đến người đàn bà trong giấc mơ, cô không giống bất cứ người đàn bà nào anh từng gặp gỡ. Người anh cho là thân yêu nhất lại là người anh không hề quen biết. Cô chính là người anh luôn luôn khao khát mong chờ có ngày đến với anh. Nếu có Thiên đàng cho riêng anh thì cô là người sống bên cạnh anh trong Thiên đàng đó. Người đàn bà trong giấc mơ chính là cái "*Es muss sein!*" của tình yêu trong anh.

Bỗng nhiên anh liên tưởng đến huyền thoại ai cũng biết trong quyển *Symposium* của Plato: con người mang lưỡng tính nửa nam nửa nữ cho đến khi Thượng đế bố đôi họ ra, và giờ đây những nửa con người đó lang thang khắp thế giới tìm nhau. Tình yêu là lòng khao khát ngóng tìm phân nửa con người bị thất lạc kia của chính mình.

Hãy giả thử có trường hợp như vậy, đâu đó trên thế giới mỗi chúng ta đều có người bạn đời có thời là một phần da thịt chúng ta. Phần kia của Tomas là người đàn bà trẻ trong giấc mơ. Vấn đề rắc rối là, người đàn ông không tìm thấy phần kia của mình. Thay vào đó, một Tereza

trong chiếc thúng cói được gửi đến. Nhưng điều gì xảy ra nếu về sau anh gặp người đúng ý, cái phần kia của chính anh? Ai sẽ là người thích hợp hơn cho anh? Người trong chiếc thúng cói hay người trong huyền thoại Plato?

Anh cố hình dung cảnh anh sống nơi thế giới tuyệt hảo với người đàn bà trẻ trong giấc mơ. Nhìn ra cửa sổ căn nhà lý tưởng nơi anh chung sống với người đàn bà trẻ, anh thấy Tereza. Cô đi một mình. Cô ngừng lại nhìn anh trong nhà với ánh mắt sâu thẳm vô hạn. Anh không chịu nổi ánh mắt đó. Một lần nữa anh cảm nhận nỗi đau của cô trong tim anh. Một lần nữa anh bị lòng thương lụy chế ngự và anh chìm sâu vào tâm hồn cô. Anh nháy qua cửa sổ, nhưng cô cay đắng bảo anh hãy ở lại nơi nào anh thấy hạnh phúc, cử chỉ cô vùng vằng làm anh khó chịu. Anh nắm đôi tay run rẩy của cô rồi ép trong tay để xoa dịu cô. Và anh biết thêm lần nữa anh lại từ bỏ ngôi nhà hạnh phúc của anh, thêm một lần nữa từ bỏ Thiên đàng nơi có người đàn bà trong giấc mơ và quay lưng lại cái "*Es muss sein!*" của tình yêu để chạy theo Tereza, người nảy sinh từ sáu việc tình cờ ngẫu nhiên buồn cười.

Suốt thời gian đầu óc lao đao với những ý nghĩ này, anh vẫn ngồi thẳng trên giường mắt nhìn xuống người đàn bà đang nằm bên anh, tay nắm chặt tay anh trong giấc ngủ. Anh cảm thấy anh yêu cô khôn tả. Lúc đó chắc cô chỉ ngủ chập chờn vì mắt cô mở ra nhìn lên anh thẩn thẩn.

"Anh đang nhìn cái gì vậy?" Cô hỏi anh.

Anh biết thay vì đánh thức cô dậy anh nên ru cô ngủ lại, vì thế anh tìm câu trả lời thế nào để cấy hình ảnh vào giấc mơ mới trong đầu óc cô.

"Anh đang nhìn những vì sao."

"Anh chỉ khéo nói tầm phào. Anh đang nhìn xuống mà."

"Bởi vì chúng mình đang ở bên trong phi cơ. Sao trời nằm dưới mình."

"Ồ, bên trong phi cơ," Tereza vừa nói vừa siết tay anh chặt hơn rồi cô nhắm mắt ngủ tiếp. Tomas biết cô đang nhìn ra ô cửa kính tròn tròn của chiếc phi cơ đang lướt cánh bên trên sao trời.

PHẦN SÁU

cuộc diễn hành vĩ đại

Mãi đến năm 1980, trên tờ *Chủ Nhật Thời Báo*, chúng ta mới biết Yakov, con trai Stalin, chết như thế nào. Bị quân Đức bắt sống trong Thế chiến Thứ Hai, anh bị giam giữ trong trại tù binh chung với một số sĩ quan Anh. Mọi người dùng chung nhà cầu. Anh con trai Stalin có tật xấu mỗi lần đi cầu thường làm bừa bãi hôi thối không chịu nổi. Các sĩ quan Anh tức giận lắm vì nhà cầu của họ cứ bị cắt đá làm dơ bẩn dù là cắt đá con trai nhân vật quyền uy nhất thế giới. Họ đem chuyện đó ra nói với anh. Anh cho là bị xúc phạm. Họ nhắc đi nhắc lại nhiều lần, bắt anh lau rửa nhà cầu. Anh nổi cáu, cãi lại và xô xát đánh nhau với đám sĩ quan Anh. Cuối cùng, anh đòi viên chỉ huy trưởng trại xuống phân xử. Nhưng gã chỉ huy trưởng người Đức hống hách không chịu bỏ thì giờ phân xử chuyện cắt đá. Anh con trai Stalin không chịu nổi nhục nhã. Ngừng mặt lên trời gào thét những lời nguyền rủa kinh khiếp nhất của ngôn ngữ Nga, anh đâm đầu vào hàng rào kẽm gai điện cao thế chung quanh trại. Anh đâm trúng mục tiêu. Thân thể anh, không bao giờ làm bẩn nhà cầu đám sĩ quan Anh nữa, nằm phơi trên hàng rào gai kẽm.

Đời sống anh con trai Stalin đau khổ không ít. Mọi bằng chứng quy kết chính cha anh đã giết chết người đàn bà sinh đẻ ra anh. Vì thế anh vừa là Con Trời (bởi cha anh được tôn sùng như Thượng đế) vừa là đứa con bị xua đuổi. Người đời hãi sợ anh cả hai mặt: cơn thịnh nộ của anh có thể gây tổn thương người khác (dù sao anh cũng là con Stalin), nhưng ân huệ anh ban cho ai có thể đem nguy hại đến người đó (cha anh có thể trừng phạt đứa con bị từ bỏ bằng cách trừng phạt bạn bè nó.)

Xua đuổi và đặc ân, hạnh phúc và khổ đau – không ai cảm nhận cụ thể hơn Yakov những đối cực này hoán đổi như thế nào, bước đường từ cực này sang cực khác trong hiện hữu của con người ngắn ngủi ra sao.

Rồi, ngay sau khi chiến tranh bùng nổ, anh bị quân Đức bắt giam làm tù binh ở chung với đám tù binh từ một quốc gia xa lạ không hiểu nổi và lúc nào cũng có thái độ khinh bỉ gớm ghiếc anh, đổ lên đầu anh cái tội ở dơ. Phải chăng anh, người mang trên vai vớ bi kịch cao cả nhất (thiên thần gãy cánh và Con Trời), chịu đựng phê phán không phải từ cái gì siêu việt (cõi giới của Thượng đế và thiên thần) mà chỉ vì chuyện cút đái tầm thường? Phải chăng điểm cao cả nhất và thấp kém nhất trong vớ bi kịch có thể cận kề nhau đến chóng mặt như vậy?

Cận kề đến chóng mặt? Cận kề gây chóng mặt được không? Được. Khi bắc cực tiến xuống đụng nam cực, trái đất tan biến và con người rơi vào khoảng không, con người thấy đầu mình quay mòng mòng rồi ngã gục.

Nếu xua đuổi và đặc ân là một và y như nhau, nếu chẳng có gì khác biệt giữa siêu việt và tầm thường, nếu cậu Con Trời còn bị đem ra phê phán về chuyện cút đái, thì đời sống con người mất hết chiều kích, nó trở nên nhẹ khôn kham. Khi anh con trai Stalin đâm đầu chạy để phải phơi xác trên hàng rào điện, thế giới mất hết chiều kích, nhẹ hẫng đến vô hạn, bờ rào bị kéo giật lên và trông nó như cái đĩa cân đâm thẳng lên trời cách tội nghiệp.

Con trai Stalin bỏ mạng vì cút đái. Nhưng cái chết vì cút đái chưa hẳn là cái chết tầm thường. Người Đức hi sinh mạng sống để bành trướng lãnh thổ quốc gia họ về phía Đông, người Nga chết để thế lực nước họ mở rộng về phía Tây – vâng, họ chết cho những điều ngu xuẩn, và cái chết của họ chẳng hề mang ý nghĩa hay lý tưởng nào. Giữa những ngu xuẩn phi lý của chiến tranh, cái chết anh con trai Stalin nổi bật thành cái chết siêu hình độc nhất.

Thuở ấu thơ tôi hay lật xem quyển Thánh Kinh phần Cựu Ước viết riêng cho thiếu nhi đọc do Gustave Doré trình bày minh họa, tôi thấy Đức Chúa Trời đứng trên đám mây. Ngài là ông già có mắt mũi và chòm râu dài. Tôi nhủ thầm nếu Ngài có miệng tất Ngài phải ăn uống. Và nếu Ngài ăn uống tất ngài phải có ruột gan. Những ý tưởng đó luôn luôn làm tôi hãi sợ, bởi mặc dù sinh trưởng trong gia đình không sùng đạo lắm, nhưng tôi có cảm tưởng mình vừa phạm tội báng bổ thánh thần.

Thốt nhiên, không chút kiến thức nào về Thần học, tôi, một đứa trẻ, bỗng nhiên thấu hiểu sự bất tương giữa Thượng đế và cút đáí, và từ đó đặt câu hỏi tra vấn luận đề căn bản nhất của chủng học Thiên Chúa giáo, đó là: con người được tạo dựng từ hình ảnh Đức Chúa Trời – và Đức Chúa Trời có gan ruột trong bụng! – hoặc: Đức Chúa Trời không có gan ruột và con người không giống Ngài.

Những người theo đạo phái Ngộ đạo thời cổ hần phải có ý nghĩ như tôi lúc năm tuổi đầu. Thế kỷ thứ hai, Valentinus, một giáo chủ uyên bác của đạo phái này giải quyết vấn nạn rắc rối diên đầu đó bằng cách giải thích Đức Chúa Giê-su "ăn uống, nhưng không tiêu biểu."

Cút đáí là vấn đề nhức đầu cho Thần học nhiều hơn cả tội lỗi quỷ ma. Bởi Thượng đế ban bố tự do cho con người, chúng ta có thể, nếu cần thiết, chấp nhận ý tưởng Ngài không chịu trách nhiệm về những tội ác con người. Tuy vậy, trách nhiệm về cút đáí hoàn toàn nằm trong tay Ngài, trong tay Đấng Tạo hóa tạo dựng nên loài người.

Đến thế kỷ thứ tư, thánh Jerome hoàn toàn phủ nhận quan điểm ông Adam và bà Eva giao hợp trong Vườn Địa Đàng. Mặt khác, Johannes Scotus Erigena, nhà Thần học uyên bác khác ở thế kỷ thứ chín, lại chấp nhận ý tưởng đó. Hơn nữa, ông còn tin thánh vật tổ tông của ông Adam có thể tùy nghi sai khiến giơ lên như cánh tay hay ống chân: Chúng ta chớ nên bác bỏ ý tưởng hoang muội này, đừng xem nó là giấc mơ tái hồi của gã đàn ông bị chứng bệnh bất lực ám ảnh thường xuyên. Ý tưởng của Erigena bao hàm ý nghĩa khác. Nếu chỉ cần một mệnh lệnh giản dị là đủ cho dương vật cương lên thì kích thích tình dục chẳng còn chỗ đứng trên cõi đời này. Dương vật cương lên không phải vì chúng ta bị kích thích mà vì chúng ta ra lệnh sai khiến nó. Điều nhà Thần học uyên bác tìm ra bất tương với Thiên đàng không phải là chuyện giao hợp và niềm hoan lạc của người trong cuộc; cái bất tương với Thiên đàng chính là lòng kích thích. Hãy ghi nhớ điều này: Trên Thiên đàng có hoan lạc nhưng kích thích thì không.

Biện thuyết của Erigena là chìa khóa đưa đến lý giải Thần học (nói cách khác, Thần lý học) của cắt đứt. Con người khi được phép ở lại Thiên đàng, hoặc (như Giê-su của Valentinus) hoàn toàn không tiêu tiểu, hoặc (có lẽ đúng hơn) không xem cắt đứt là cái gì gớm ghiếc đáng kinh tởm. Sự kinh tởm chỉ có nơi con người sau khi con người bị Thượng đế đuổi ra khỏi Thiên đàng. Con người bắt đầu che đậy những gì làm hấn hổ thẹn, và lúc vén tấm màn che mắt hấn hổ trở nên mù lòa vì chạm phải luồng ánh sáng rực rỡ. Do đó, ngay khi biết thế nào là kinh tởm, hấn cũng biết thế nào là kích thích. Không có cắt đứt (cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng của từ ngữ) sẽ không có tình yêu xác thịt như chúng ta hằng biết, thứ tình yêu đi đôi với trái tim đập mạnh và những giác quan mù lòa.

Trong Phần Ba của quyển tiểu thuyết tôi thuật lại chuyện Sabina nửa thân hình lửa thể đứng với cái mũ dạ tròn trên đầu và Tomas áo quần chỉnh tề bên cạnh. Lúc đó có chuyện tôi quên nhắc tới. Trong lúc quan sát mình trong gương, kích thích khi thấy phẩm tiết mình như bị chà đạp, trong đầu cô còn lớn vồn giấc mơ hoang muội khác là cô được Tomas bế đặt ngồi lên bàn cầu, trên đầu cô vẫn đội cái mũ và Tomas đứng nhìn cô phóng uế. Đột nhiên tim cô bắt đầu đập mạnh và, thiếu chút nữa ngất xỉu, cô kéo Tomas xuống mặt thảm và lập tức òa vỡ tiếng kêu hoan lạc.

Cuộc xung đột giữa người tin tưởng vũ trụ do Thượng đế tạo dựng và kẻ tư duy vũ trụ tự nó hiện ra phải đương đầu với những hiện tượng ngoài tầm lý luận và kinh nghiệm của chúng ta. Hiện thực hơn nhiều là lẫn ranh phân biệt người nghi hoặc đời sống con người được ban bố (không cần biết như thế nào và từ ai) với kẻ chấp nhận nó không chút dè dặt nghi ngờ.

Đằng sau mọi đức tin của người Âu, tôn giáo cũng như chính trị, chúng ta tìm thấy chương đầu của Sáng Thế Kí, qua đó chúng ta biết thế giới được dựng nên đầy thiện hảo, hiện hữu của con người rất tốt lành, và do đó chúng ta cần sinh sôi nảy nở. Hãy tạm gọi đức tin căn bản này là *sự đồng thuận tuyệt đối với nhân sinh*.

Sự kiện cho đến gần đây chữ "cút" xuất hiện trên sách báo được viết là c... không dính líu gì đến những vấn đề đạo đức. Nói cho cùng, bạn chẳng thể biện diệt cho cút đáí là phi đạo đức! Chống báng cút đáí là hành vi siêu hình. Việc tiêu biểu hàng ngày là bằng chứng Đấng Tạo hóa không được chấp nhận. Hoặc phải chấp nhận cút đáí (trường hợp đó bạn đừng đóng cửa phòng tắm) hoặc chúng ta được tạo dựng với những hành vi không thể chấp nhận nổi.

Thế rồi chuyện đó đưa đến điều sau, lý tưởng mỹ học của sự đồng thuận tuyệt đối với nhân sinh là thế giới trong đó cút đáí bị chối từ và mọi người ứng xử như thể cút đáí chẳng hề hiện hữu. Cái lý tưởng mỹ học này được xem là *kitsch*.

"*Kitsch*" là một từ ngữ Đức xuất hiện giữa thế kỷ mười chín đầy tình cảm, từ ngôn ngữ Đức nó đi vào tất cả các ngôn ngữ Tây phương khác. Tuy nhiên, dùng đi dùng lại nhiều lần, ý nghĩa siêu hình nguyên thủy của nó lu mờ. Lúc đầu *kitsch* có nghĩa là tuyệt đối chối bỏ cút đáí, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng; *kitsch*, từ tầm nhìn của nó, loại trừ tất cả những gì không được chấp nhận là trọng yếu trong vùng hiện hữu của con người.

Lúc đầu sự nổi loạn ngấm ngầm trong Sabina chống lại chủ nghĩa Cộng sản mang tính cách thẩm mỹ nhiều hơn là đạo đức. Cô phản uất vì cái xấu xa của thế giới Cộng sản (lâu đài cổ bị biến thành chuồng bò) thì ít mà vì cái mặt nạ đẹp để giả tạo nó cố đeo lên mặt thì nhiều – nói cách khác, có thể gọi đó là *kitsch* Cộng sản. Mô hình *kitsch* Cộng sản là ngày Quốc tế lao động mừng một tháng năm.

Cô từng chứng kiến những biểu diễn hành ngày lễ Lao động trong thời kỳ người ta còn hồ hởi hay giả vờ thật khéo chứng tỏ mình hồ hởi. Đàn bà ai nấy mặc áo ba màu đỏ trắng xanh. Công chúng đứng trên ban công hoặc cửa sổ lầu cao nhìn xuống những người diễn hành làm thành ngôi sao năm cánh, trái tim, hoặc mẫu tự này nọ, mỗi nhóm diễn hành như vậy đều có ban nhạc nho nhỏ thổi kèn đồng đi theo giữ nhịp. Lúc gần đến khán đài, ngay cả bộ mặt đưa đám nhất cũng nở nụ cười rạng rỡ, như thể cố chứng tỏ họ đang vui sướng thật tình hay chính xác hơn, đang đồng thuận thật tình. Không phải họ biểu lộ sự đồng thuận chính trị với chủ nghĩa Cộng sản; không, họ đồng thuận với đời sống đấy. Buổi lễ ngày Quốc tế lao động tạo hứng khởi từ cái giếng sâu sự đồng thuận tuyệt đối với nhân sinh. Khẩu hiệu bất thành văn nằm trong bụng mọi người không phải là câu "Chủ nghĩa Cộng sản muôn năm!" mà là "Đời sống muôn năm!" Chính trị Cộng sản uy quyền và nham hiểm chính nhờ biết khai thác và sử dụng đúng chỗ khẩu hiệu này. Bởi chính lối suy nghĩ nhập nhằng chiều nào cũng đúng đầy ngu xuẩn đó ("Đời sống muôn năm!") đã thu hút những người bất đồng quan điểm với chủ nghĩa Cộng sản đến diễn hành trong hàng ngũ Cộng sản.

Mười năm sau (lúc đó cô đã sang Mỹ sinh sống), một Thượng nghị sĩ Mỹ, bạn của những người bạn cô, đưa Sabina đi chơi trên một chiếc xe vĩ đại của ông, bốn đứa con ông nhảy lên nhảy xuống phía sau. Ông Thượng nghị sĩ dừng xe trước một vận động trường có sân trượt băng nhân tạo, mấy đứa trẻ phóng ra rồi chạy dọc theo bãi cỏ quanh sân. Ngồi sau tay lái mắt nhìn mơ màng theo hình ảnh tung tăng của mấy đứa con, ông nói với Sabina, "Hãy nhìn chúng." Và với cánh tay vẽ thành vòng tròn, vòng tròn bao gồm sân vận động, bãi cỏ và những đứa trẻ con, ông nói tiếp, "Đó! Đó chính là cái gì tôi gọi là hạnh phúc."

Đằng sau câu nói của ông, có cái gì khác hơn niềm vui được nhìn trẻ con chạy nhảy và cỏ mọc xanh rì; có sự thấu hiểu sâu sắc về hoàn cảnh đáng thương của một người tị nạn từ quốc gia Cộng sản nơi ông Thượng nghị sĩ tin chắc không hề có bãi cỏ xanh rì hay trẻ con đùa giỡn chạy tung tăng.

Ngay lúc đó hình ảnh ông Thượng nghị sĩ đứng trên khán đài giữa công trường Praha vụt thoáng qua đầu Sabina. Nụ cười trên môi ông cũng chính là nụ cười tươi tắn từ các lãnh tụ Cộng sản đứng trên khán đài cao hướng xuống các công dân mặt mày tươi cười đồng dạng như nhau trong đoàn người diễu hành bên dưới.

Cách nào ông Thượng nghị sĩ biết trẻ con có nghĩa là hạnh phúc? Ông nhìn thấu suốt vào tâm hồn chúng được ư? Giả như, lúc không có người lớn chung quanh, ba đứa xúm vào đánh đập đứa thứ tư thì sao?

Ông Thượng nghị sĩ có câu biện giải duy nhất cho ông: cảm quan của ông. Khi trái tim ông phát biểu, đầu óc ông không được sỗ sàng phản đối. Trong thế giới của *kitsch*, trái tim độc tài thống trị trên đỉnh cao tối thượng.

Cảm quan xuất phát từ *kitsch* hẳn phải là thứ tình cảm chung nơi đám đông. *Kitsch*, do đó, chưa chắc tùy thuộc vào một cảnh huống bất thường nào; nó phải phát sinh từ những hình ảnh người ta khắc ghi vào ký ức: đứa con gái bất nghĩa, người cha bị từ bỏ, trẻ con chạy trên cỏ, quê mẹ bị phản bội, mối tình đầu.

Kitsch tạo thành hai dòng nước mắt thi nhau chảy xuống. Dòng thứ nhất nói: Thật tươi đẹp biết bao khi nhìn trẻ con chạy nhảy trên thảm cỏ!

Dòng thứ hai nói: Cảm xúc của ta và tất cả nhân loại thật tươi đẹp biết bao khi nhìn trẻ con chạy nhảy trên thảm cỏ!

Kitsch và *kisch* chính là dòng nước mắt thứ hai đó.

Tình thương huynh đệ giữa con người trên mặt quả đất này chỉ có thể tồn lưu trên cơ bản *kitsch*.

Và không ai thấu hiểu điều này hơn các nhà chính trị. Bất kỳ khi nào thấy ống kính máy quay phim xuất hiện trong tầm nhìn, họ chạy ngay lại đưa bé con gần nhất, bế nó giơ lên cao, hôn lên má nó. *Kitsch* là lý tưởng mỹ học của tất cả chính trị gia, tất cả đảng phái hoặc phong trào chính trị nào.

Những ai trong chúng ta sống trong xã hội nơi có nhiều khuynh hướng chính trị khác biệt hiện diện cùng lúc, tranh giành ảnh hưởng, hóa giải hoặc giới hạn lẫn nhau, ít nhất còn khéo léo né tránh tầm truy nã của *kitsch*: cá nhân vẫn có thể bảo tồn tính cách riêng tư của mình; người nghệ sĩ vẫn có thể sáng tạo những công trình nghệ thuật lạ lùng. Nhưng khi chỉ có một phong trào chính trị độc quyền nắm giữ mọi quyền lực, chúng ta bắt gặp chúng ta nằm trong thế giới của *kitsch* toàn trị.

Tôi nói "toàn trị" có nghĩa là bất cứ điều gì vi phạm đến *kitsch* đều bị lưu đày vĩnh viễn: mọi phô diễn cá nhân chủ nghĩa (bởi đi chệch ra khỏi tập thể và nhổ vào mặt tình huynh đệ tươi đẹp); mọi nghi ngờ (bởi kẻ khởi đầu nghi ngờ những tiểu tiết sẽ kết thúc nghi ngờ ngay chính đời sống); mọi châm biếm (bởi trong thế giới của *kitsch* chuyện gì cũng nghiêm trọng), mọi người mẹ bỏ bê gia đình hoặc đàn ông thích đàn ông hơn đàn bà, vì làm thế là dám chất vấn thánh chỉ "Hãy sản sinh thêm nhiều và làm cho đầy rẫy mặt đất."

Dưới tia sáng này, chúng ta có thể xem *gulag* là cái thùng phân *kitsch* toàn trị dùng chứa đồ phế thải.

Thời gian mười năm sau Thế chiến Thứ Hai là thời gian cuộc khủng bố của Stalin trở nên kinh hoàng nhất. Đó là thời gian ông thân sinh Tereza bị bắt giữ chỉ vì chuyện vợ vẫn không đầu và cô bé Tereza mười tuổi bị đuổi ra khỏi nhà. Đó cũng là thời gian cô gái Sabina hai mươi tuổi đang theo học tại Học viện Mỹ thuật. Ở trường, vị giáo sư dạy chủ nghĩa Mác-xít giảng dạy lý thuyết như sau về nghệ thuật xã hội chủ nghĩa: Xã hội Xô viết đã tiến bộ đến mức cuộc đấu tranh cơ bản không còn giữa cái tốt và cái xấu nữa mà giữa cái tốt và cái tốt hơn. Do đó, cút (tức bất cứ thứ gì không được chấp nhận) chỉ có thể hiện hữu "ở phía bên kia" (Mỹ chẳng hạn), và chỉ từ đó, từ bên ngoài, ngoại vật (gián điệp chẳng hạn) mới có thể xâm nhập vào thế giới "cái tốt và cái tốt hơn."

Thật vậy, trong khoảng thời gian tàn khốc này, phim ảnh Xô viết tràn ngập các quốc gia Cộng sản mang toàn sắc thái ngây thơ trình bạch. Xung đột ghê gớm nhất giữa hai nhân vật Nga là họ yêu nhau nhưng hiểu lầm nhau: chàng ngỡ nàng không yêu chàng; nàng tưởng chàng không yêu nàng. Nhưng cảnh sau bao giờ cũng là chàng và nàng ôm chầm nhau, hai hàng nước mắt sung sướng chảy dài trên má.

Lời giải thích thông thường cho các cuốn phim này là: nó phô diễn lý tưởng Cộng sản, trong khi hiện thực Cộng sản thì tệ lậu hơn. Sabina luôn luôn chống báng lối giải thích đó. Mỗi khi tưởng tượng thế giới *kitsch* Xô viết có ngày trở nên hiện thực, cô thấy lạnh cả xương sống. Thà cứ để cô sống trong xã hội Cộng sản thật với tất cả những ngược đãi, những đám đông xếp hàng chờ mua thịt còn hơn. Đời sống trong thế giới Cộng sản thật vẫn có thể sống được. Nhưng ở thế giới đạt tới lý tưởng Cộng sản, thế giới những tên ngu xuẩn nhe răng ra cười kia, cô sẽ chẳng biết nói gì, chưa đầy một tuần lễ chắc cô sẽ chết vì kinh khiếp mất thôi.

Cảm giác hãi sợ *kitsch* Xô viết giấy lên trong người Sabina làm tôi rung động rất giống nỗi kinh hoàng của Tereza trong giấc mơ thấy chính mình diễn hành quanh hồ bơi với lũ đàn bà khác và bị ép đồng ca những bài hát vui tươi trong khi xác chết nổi lều bều dưới hồ nước. Tereza không cách gì mở miệng nói được câu nào với những người đàn bà khác; ý thức duy nhất cô làm chủ là khúc nhạc kế tiếp của bài hát đang hát. Ngay cả cái nháy mắt bí mật cô cũng không được phép làm; bởi nếu làm họ sẽ lập tức chỉ tay lên người đàn ông đứng trong chiếc giỏ treo lơ lửng trên mặt hồ và hắn sẽ bắn cô một phát chết tươi.

Giấc mơ của Tereza phơi bày năng vụ chính yếu của *kitsch*: *kitsch* chính là tấm màn bao phủ được thiết kế dùng che đậy cái chết.

Trong thế giới của *kitsch* toàn trị, tất cả những câu trả lời đều có sẵn và mọi nghi vấn bị cấm đoán. Từ đó, đối thủ thật sự của *kitsch* toàn trị là kẻ đặt câu hỏi. Câu hỏi như con dao rạch toang bức phong sơn khố và phơi bày cho chúng ta thấy cái gì bí ẩn giấu phía sau. Thật ra, đó chính là điều Sabina giải thích cho Tereza nghe về ý nghĩa những bức tranh của cô: ở bề mặt là sự giả trá rõ ràng; nhưng bên dưới là sự thật ẩn nấp lơ mờ hiện lên.

Nhưng nếu chỉ có vấn nạn và nghi ngờ, những người phải vật lộn với cái chúng ta gọi là chế độ toàn trị sẽ không thể nào sinh hoạt bình thường. Họ cũng cần sự yên tâm và đôi chút sự thật đơn giản để số đông quần chúng hiểu được họ, mũi lòng vì họ.

Có lần Sabina tổ chức triển lãm tranh dưới sự bảo trợ của một tổ chức chính trị bên Đức. Lúc cầm lên quyển ca-ta-lô, hình ảnh đầu tiên đập vào mắt cô là bức ảnh của chính cô in chồng lên hình vẽ hàng rào kẽm gai. Bên trong phần tiểu sử nghe như cuộc đời vị thánh hay người tuần giáo nào: cô chịu trăm đắng nghìn cay, phải đấu tranh chống lại bạo ngược đả, phải lìa bỏ quê hương rướm máu ra đi, nhưng vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh. "Những bức tranh của bà là cuộc đấu tranh cho hạnh phúc" là câu kết luận của bài viết.

Cô phản đối nhưng chẳng ai hiểu ý cô muốn gì.

Cô muốn nói về hội họa hiện đại không bị cấm đoán dưới chế độ Cộng sản ư?

"Kẻ thù của tôi là *kitsch* chứ không phải Chủ nghĩa Cộng sản!" Cô kiên tiết trả lời.

Từ lúc đó trở đi, cô bắt đầu nhét vào tiểu sử mình những lời lẽ mập mờ bí ẩn, và khi sang Mỹ cô còn khéo léo che giấu sự kiện cô là người gốc Tiệp. Chẳng qua đó chỉ là cố gắng tuyệt vọng cô ráng vượt thoát khỏi cái *kitsch* muốn đồ chụp lên cuộc đời cô.

Cô đứng trước giá vẽ ngắm nghía bức tranh đang vẽ dở, ông già ngồi trên ghế bành phía sau quan sát từng nét cọ của cô.

"Đã đến giờ về nhà," cuối cùng ông già cất tiếng sau khi liếc nhìn chiếc đồng hồ đeo tay.

Cô đặt bản màu xuống rồi vào phòng tắm rửa ráy. Ông già nhồm dậy với tay lấy cây can của ông dựng cạnh bàn. Cửa ra vào xưởng vẽ đậm thẳng ra sân cỏ. Trời tối dần. Cách đó chừng năm mươi bộ là ngôi nhà gỗ sơn trắng. Đèn trong nhà tầng dưới cháy sáng. Hai ô cửa sổ nơi có ánh đèn phả ra buổi chiều tàn làm Sabina thốt nhiên thấy ấm lòng.

Suốt cuộc đời lúc nào cô cũng tuyên bố *kitsch* là kẻ thù. Nhưng phải chăng cô vẫn đeo nó kè kè bên mình?

Kitsch của Sabina là hình ảnh ngôi nhà thanh bình, êm ả, đồng điệu, và ngự trị bên trong là bà mẹ yêu thương cùng người cha khôn khéo. Đó là hình ảnh bắt đầu hình thành trong cô sau cái chết của cha mẹ cô. Cuộc đời cô càng ít giống giấc mơ ngọt ngào đó bao nhiêu cô càng trở nên nhạy cảm với sự huyền nhiệm của nó bấy nhiêu, và hơn một lần cô đã rơi nước mắt khi người con gái bội bạc trong cuốn phim tình cảm ôm người cha bị từ bỏ trong lúc cửa sổ ngôi nhà hạnh phúc phả ánh đèn ra buổi chiều tàn.

Cô gặp ông già ở New York. Ông giàu có và yêu thích hội họa. Ông chung sống với bà vợ già trong ngôi nhà ở miền quê. Đối diện ngôi nhà, nhưng vẫn nằm trong phạm vi đất đai của ông là tàu ngựa cũ. Ông cho sửa sang biến tàu ngựa thành xưởng vẽ cho Sabina và ngày ngày ông ra ngồi nhìn cô làm việc trước giá vẽ.

Lúc này ba người đang ngồi dùng cơm tối. Bà vợ ông già gọi Sabina là "cô con gái của tôi", nhưng mọi bằng chứng cho thấy điều đó hoàn toàn trái ngược, có nghĩa Sabina là bà mẹ mới đúng và hai người con quẩn quít bên cô, tôn sùng cô, sẵn sàng làm bất cứ điều gì cô đòi hỏi.

Phải chăng lúc sắp bước qua tuổi xế chiều cô mới tìm ra tình phụ mẫu cô bị giạt mất khi còn con gái? Phải chăng cuối cùng cô tìm ra những đứa con chính cô chẳng bao giờ có nổi?

Cô biết rõ đó chỉ là ảo tưởng. Những ngày cô sinh sống với cặp vợ chồng già này chỉ là khoảng thời gian ngắn ngủi. Ông già bệnh tật liên miên, và sau khi ông mất, bà vợ ông sẽ lên Canada sinh sống với anh con trai hai người. Chẳng đường bội phản của Sabina lại tiếp tục nơi khác, và từ đáy sâu thẳm của tâm hồn cô, bản nhạc lòng vô vị ngây ngô về hai ô cửa sổ có ánh đèn cháy sáng và mái nhà hạnh phúc kia sẽ thỉnh thoảng dấy lên lướt về cõi nhẹ khôn kham của kiếp nhân sinh.

Mặc dù bị bài hát làm rung động, Sabina không đặt nặng tình cảm mình vào đó. Cô biết quá rõ bài hát chỉ là sự lừa dối đẹp đẽ. Ngay khi *kitsch* bị nhận diện là sự lừa dối, nó sẽ đi vào ngử

cảnh trái ngược với *kitsch*, nơi nó mất hết mọi quyền uy và trở nên mủi lòng mềm yếu như bất cứ nhược điểm nào khác của con người. Bởi không ai trong chúng ta siêu nhân đủ để vượt thoát hoàn toàn khỏi *kitsch*. Dù chúng ta khinh miệt nó cách mấy chẳng nữa *kitsch* sẽ luôn luôn là phần bất khả phân ly của kiếp sống con người.

Kitsch xuất phát từ sự đồng thuận tuyệt đối với nhân sinh. Nhưng cơ bản của nhân sinh là gì? Thượng đế? Nhân loại? Đấu tranh? Tình yêu? Đàn ông? Đàn bà?

Vì mỗi ý kiến khác nhau nên có nhiều loại *kitsch* khác nhau: Công giáo, Tin lành, Do thái, Cộng sản, Phát-xít, Dân chủ, Nữ quyền, Âu châu, Mỹ châu, Quốc gia, Quốc tế.

Từ thời Cách mạng Pháp, phân nửa Âu châu được gọi là tả phái và nửa kia hữu phái. Tuy nhiên chúng ta sẽ không bao giờ định nghĩa được điều gì nếu chỉ đơn thuần dựa trên những nguyên tắc lý thuyết. Và thảo nào: những phong trào chính trị dựa trên những luận điểm hợp lý thì ít mà chỉ thấy toàn những điều hoang tưởng, hình ảnh, chữ nghĩa, khuôn mặt nhào nặn thành cái gọi là *kitsch* chính trị.

Giấc mơ hoang tưởng về cuộc Diễn hành Vĩ đại Franz bị lôi cuốn cách say đắm vào là cái *kitsch* chính trị làm thế nào kết hợp được tất cả những thành phần tả khuynh của mọi thời đại và mọi khuynh hướng khác nhau. Cuộc Diễn hành Vĩ đại là cuộc diễn hành hùng tráng trên con đường dẫn đến tình huynh đệ đại đồng, đến công bằng, công lý, và hạnh phúc; nó sẽ đi mãi, đi mãi chẳng bao giờ kết thúc, nó bất chấp mọi trở ngại, vì có trở ngại cuộc diễn hành mới xứng đáng là cuộc Diễn hành Vĩ đại.

Độc tài chuyên chính hay dân chủ? Phủ nhận xã hội tiêu thụ hay yêu cầu gia tăng sản xuất? Hãy đem ra cái máy chém hay xóa bỏ tội tử hình? Tất cả đều nằm ngoài vấn đề. Cái dựng nên người tả khuynh không phải là những lý thuyết này nọ, mà khả năng hấn có thể kết hợp bất cứ lý thuyết nào vào cái *kitsch* có tên gọi cuộc Diễn hành Vĩ đại.

Hiển nhiên Franz không phải là kẻ tôn sùng *kitsch*. Giấc mơ hoang muội thực hiện cuộc Diễn hành Vĩ đại chiếm ngự đời sống anh na ná bài hát nhạt nhẽo vô vị về hai ô cửa sổ le lói ánh đèn tiêm ẩn tâm khảm Sabina. Franz bỏ phiếu cho đảng phái chính trị nào? Tôi e anh chẳng bao giờ đi bầu; ngày bầu cử anh thà đi leo núi còn hơn. Điều đó dĩ nhiên không ám chỉ cuộc Diễn hành Vĩ đại đã hết sức khích động trong lòng anh. Thật bao giờ cũng đẹp đẽ khi mơ tưởng thấy chúng ta là một phần của đám đông đang cất bước tiến lên đi xuyên qua các thế kỷ, và Franz không bao giờ quên hẳn giấc mơ đó.

Một hôm, có điện thoại từ những người bạn anh ở Paris gọi sang. Họ đang dự định tổ chức một cuộc diễn hành sang Cam bốt và mời anh tham dự.

Cam bốt trước đó ít lâu đã trải qua những biến cố kinh khủng, hết bị bọn Mỹ bỏ bom rồi đến nội chiến, một cuộc chém giết lên đến cực độ giữa phe phái Cộng sản nội bộ làm tiêu hao một phần năm dân số quốc gia nhỏ bé đó, rồi cuối cùng còn bị quốc gia láng giềng Việt Nam sang xâm chiếm, Việt Nam lúc đó là nước chư hầu của Nga không hơn không kém. Cam bốt đang bị nạn đói hoành hành, và dân chúng trong nước khổ sở kêu gào sự trợ giúp y tế từ bên ngoài. Một tổ chức y học quốc tế nhiều lần xin phép vào cứu giúp nhưng Việt Nam nhất định chối từ. Có người đưa ra ý kiến tổ chức một cuộc diễn hành gồm những thành phần trí thức Tây phương tầm tiếng tham dự, đi bộ đến biên giới Cam bốt và biết đâu nhờ biến cố to lớn diễn ra trước mắt thế giới các bác sĩ ngoại quốc sẽ được phép vào cứu trợ dân trong nước.

Người bạn điện đàm với Franz là người trước đây thường sinh hoạt chung với anh trong những cuộc diễn hành trên đường phố Paris. Thoạt nghe chuyện Franz phấn chấn lắm, nhưng ngay sau đó mắt anh hướng sang chạm cô nhân tình sinh viên đang ngồi trong ghế bành đối diện. Cô đang ngược lên nhìn anh, đôi mắt cô to ra sau gọng kính to tròn. Franz có cảm tưởng đôi mắt đó đang van lơn xin anh đừng đi. Và vì thế anh xin lỗi, không nhận lời người bạn.

Nhưng điện thoại chưa đặt xuống anh đã hối hận về quyết định của mình. Đúng, anh lo lắng chăm nom cô nhân tình trần thế của anh chu đáo lắm, nhưng anh lãng quên tình yêu cao thượng kia mất rồi. Chẳng lẽ Cam bốt không giống quê hương Sabina sao? Một xứ sở bị lũ quân Cộng sản nước láng giềng sang xâm chiếm! Một xứ sở hứng chịu áp lực bàn tay Nga Sô! Ngay lập tức, Franz có cảm tưởng người bạn từ lâu không gặp kia liên lạc anh vì có mệnh lệnh bí mật từ Sabina truyền xuống.

Thiên thể trên trời biết rõ và nhìn thấy mọi điều mọi vật. Nếu anh tham dự cuộc diễn hành, Sabina sẽ nhìn xuống anh ngây ngất; cô sẽ hiểu anh vẫn luôn gìn giữ lòng chung thủy son sắt với cô.

"Em buồn lắm không nếu anh đi tham dự cuộc diễn hành?" Anh hỏi cô gái, cô đếm mỗi ngày xa anh là mỗi ngày mất mát, nhưng có bao giờ cô từ chối anh được điều gì đâu.

Mấy hôm sau anh có mặt trong chiếc phản lực cơ khổng lồ cất cánh từ Paris chở hai mươi bác sĩ và chừng năm chục trí thức (giáo sư, nhà văn, nhà ngoại giao, ca sĩ, diễn viên, thị trưởng) cùng bốn trăm ký giả và phóng viên nhiếp ảnh, quay phim.

Phi cơ hạ cánh xuống Bangkok. Bốn trăm bảy chục nhân vật gồm bác sĩ, trí thức và ký giả ùn ùn kéo nhau vào hội trường một khách sạn quốc tế, nơi đó một số đông bác sĩ, diễn viên, ca sĩ, giáo sư ngôn ngữ học khác đã tụ tập chờ đợi sẵn cùng với vài trăm ký giả báo chí, người nào trên tay cũng lăm le sổ tay, máy ghi âm, máy chụp hình, máy quay phim. Trên bàn chủ tọa, một nhóm chừng hai mươi người Mỹ ngồi sau chiếc bàn dài chủ tọa buổi họp.

Nhóm trí thức Pháp mới bước vào phòng trong đó Franz là một thành viên cảm thấy bị coi thường. Cuộc diễn hành cho Cam bốt là ý kiến của họ, vậy mà giờ đây bọn Mỹ, nhơn nhơn trâng tráo như bình thường, không những giành chiếm phần chủ động buổi họp mà còn chiếm bằng tiếng Anh nữa, chẳng cần biết lẽ có ông Tây hay ông Đan mạch nào không hiểu họ nói cái giống gì trên đó. Và vì người Đan mạch từ lâu quên bém họ có thành lập một quốc gia riêng nên người Pháp tự xem mình là người Âu châu duy nhất có khả năng lên tiếng phản đối. Nguyên tắc của họ cao đến độ họ không thém phản đối bằng tiếng Anh mà dùng tiếng mẹ đẻ trình bày ý kiến với nhóm người Mỹ trên bàn chủ tọa. Nhóm người Mỹ, không hiểu một chữ Pháp nào, phản ứng với nụ cười thân thiện tán đồng. Sau cùng, phía người Pháp không còn lựa chọn nào khác hơn đành tóm lược nổi bất bình của họ bằng câu tiếng Anh: "Tại sao buổi họp sử dụng tiếng Anh trong khi có nhiều người Pháp đang hiện diện?"

Mặc dù ngạc nhiên đến cực độ khi biết lý do nổi bất bình, phía người Mỹ, miệng vẫn giữ nụ cười, ung chịu: sẽ dùng cả hai thứ tiếng trong buổi họp. Tuy thế, trước khi tiếp tục, phải tìm một thông dịch viên nào kha khá. Rồi, mỗi câu nói đều phải thông dịch từ tiếng Anh sang tiếng Pháp hoặc ngược lại, vì thế buổi hội thảo phải kéo dài gấp hai thường lệ, hay hơn thế nữa vì phía người Pháp gần như ai cũng biết ít nhiều tiếng Anh và mỗi lần không đồng ý người thông dịch điều gì, họ lại ngắt lời chữa lại, so đo từng chữ một.

Buổi họp lên đến cao điểm khi một nữ diễn viên điện ảnh Mỹ nổi tiếng đứng lên phát biểu. Thấy vậy, đám ký giả chụp hình quay phim lại ùn ùn tủa vào hội trường, và mỗi câu mỗi chữ phát ra từ miệng cô đều có tiếng lách cách của máy ảnh kèm theo. Người nữ diễn viên nói về những đứa trẻ tội nghiệp, về sự bạo ngược của chế độ độc tài Cộng sản, về quyền sinh sống của con người trong bảo đảm an ninh, về mối hiểm họa đương thời đang đe dọa những giá trị truyền thống của xã hội văn minh, về quyền tự do bất khả phân ly của mỗi cá nhân con người, và về Tổng thống Carter, người vô cùng xúc động về những biến cố xảy ra ở Cam bốt. Lúc kết thúc bài phát biểu, mặt cô diễn viên giàn giụa nước mắt.

Thế rồi một bác sĩ trẻ người Pháp ria mép hung đỏ nhảy lên la lớn: "Chúng tôi đến đây để cứu giúp những người đang chờ chết chứ không phải để vinh danh Tổng thống Carter! Đừng biến công tác này thành gánh xiếc tuyên truyền cho người Mỹ! Chúng tôi đến đây không phải để phản đối chủ nghĩa Cộng sản! Chúng tôi đến đây để giúp người!"

Tiếp lời anh ta là một vài người Pháp khác lên tiếng tán đồng. Người thông dịch sợ quá không dám dịch lại. Vì thế nhóm người Mỹ trên bàn chủ tọa miệng vẫn nở nụ cười đầy thiện

cảm, nhiều người gật gù ra vẻ tán đồng. Một người còn giơ nắm tay vung lên không bởi ông nghe nói bên Âu châu người ta hay giơ nắm tay vung lên không mỗi khi say sưa trong tinh thần đoàn kết.

Tại sao trí thức tả khuynh (bởi vị bác sĩ có bộ ria mép hung đỏ là gì nếu không phải một người trí thức tả khuynh) sẵn sàng diễn hành chống lại quyền lợi một quốc gia Cộng sản trong khi chủ nghĩa Cộng sản vẫn luôn luôn được xem là lãnh vực của cánh tả?

Khi tội ác của quốc gia có tên là Liên Xô trở nên quá ghê rợn bỉ ổi, người tả khuynh có hai lựa chọn: một là nhổ lên quăng đời trước của mình và chấm dứt cuộc diễn hành, hai là (với ít nhiều ngưng ngừng) xếp loại Liên Xô vào thành phần vật cản trở và tiếp tục cuộc Diễn hành Vĩ đại.

Như tôi đã nói cái làm nên người tả khuynh là *kitsch* Diễn hành Vĩ đại. Danh tính của *kitsch* hiện hữu không nhờ thế lực chính trị nào mà nhờ những ảnh tượng, ẩn dụ, ngôn từ. Vì vậy người ta có thể phá bỏ thói quen cũ và diễn hành ngược lại quyền lợi một quốc gia Cộng sản. Tuy nhiên, dùng từ ngữ này thay thế từ ngữ khác lại là cái gì không thể thực hiện. Người ta có thể vung nắm tay lên đe dọa quân đội Việt Nam, nhưng sẽ chẳng bao giờ mở miệng la lớn "Đả đảo Cộng sản". "Đả đảo Cộng sản" là khẩu hiệu của kẻ đối địch cuộc Diễn hành Vĩ đại, và bất cứ ai lo ngại bị mất mặt đều phải trung thành với sự trong sạch của cái *kitsch* riêng mình.

Lý do duy nhất tôi phải biện biệt những điều này là để giải thích sự hiểu lầm giữa vị bác sĩ Pháp và cô minh tinh màn bạc Mỹ. Là người duy ngã, cô tưởng tượng mình là nạn nhân của lòng đố kỵ và tính ghét bỏ đàn bà từ những người chung quanh. Thực ra, vị bác sĩ người Pháp tỏ ra vô cùng nhạy bén: những cụm từ "Tổng thống Carter", "những giá trị truyền thống", "chủ nghĩa Cộng sản bạo tàn", tất cả nằm trong kho từ vựng của *kitsch* Mỹ, chúng chẳng dính dáng gì đến cuộc Diễn hành Vĩ đại.

Sáng hôm sau, mọi người nối đuôi leo lên đoàn xe buýt đi xuyên qua lãnh thổ Thái lan và ra đến biên thùy Cam bốt. Tối xuống, họ vào một ngôi làng nhỏ thuê mấy gian nhà sàn tạm trú qua đêm. Con sông chảy qua làng thường gây lụt lội nên dân làng sinh sống bên trên mặt đất, dưới sàn nhà là đàn heo lúc nhúc. Franz ngủ chung với bốn vị giáo sư khác. Từ bên dưới vọng lên là tiếng heo kêu ừ ừ và ngay bên tai là tiếng ngáy của nhà toán học nổi danh.

Sáng ra, họ lại leo lên xe buýt. Cách biên giới chừng một dặm không ai được phép lái xe nữa. Trục lộ duy nhất dẫn qua biên giới là con đường nhỏ hẹp có lính gác vô cùng nghiêm ngặt. Đoàn xe buýt dừng lại. Nhóm người Pháp trên xe đổ xuống một lần nữa thấy phe mình lại thua phe người Mỹ vì phía người Mỹ đang tụ tập thành nhóm dẫn đầu cuộc diễn hành. Giờ phút quyết liệt đã tới. Người thông dịch được triệu đến và cuộc đấu khẩu lại dai dẳng diễn ra. Sau cùng mọi người ưng thuận điều kiện như sau: đứng đầu cuộc diễn hành là một người Mỹ, một người Pháp và một thông dịch viên Cam bốt, sau đó là phái đoàn bác sĩ, còn lại bao nhiêu nối đuôi đi theo sau. Cô diễn viên Mỹ đi đoạn hậu.

Con đường chật hẹp và đầy mìn. Chốc chốc lại bị vật cản – hai khối xi măng quăn dây thép gai – chặn đường và khoảng cách chỉ vừa đủ một người qua lọt.

Đi trước Franz chừng mười lăm bộ là thi sĩ kiêm ca sĩ nhạc thời trang người Đức nổi tiếng. Anh ta sáng tác cả thảy chín trăm ba mươi bài hát cho hòa bình và chống chiến tranh. Anh ta vác theo một cây cò trắng. Lá cò làm nổi bật hàm râu đen của anh ta và cũng khiến anh ta nổi bật giữa đám đông.

Chạy tới chạy lui dọc theo hai bên đoàn diễn hành là đám phóng viên nhiếp ảnh và quay phim luôn tay bấm máy hoặc quay phim rào rào, lúc chạy tuốt lên phía trước, lúc thụt ra đằng sau, lúc ngừng lại quỳ gối rồi đứng bật dậy chạy lên thật xa. Thỉnh thoảng họ gọi tên đôi ba nhân vật danh tiếng, người đó làm như vô ý thức ngoảnh lại vừa đủ thời gian chụp một pose hình.

Bỗng có chuyện chi đó xảy ra. Mọi người đi chậm lại và ngoảnh nhìn về phía sau.

Người nữ diễn viên Mỹ, người bị xếp vào đuôi đám đông không chịu nổi nhục nhã nữa và cô quyết định xoay ngược thế cờ. Cô phóng chân chạy lên phía trước đoàn người như một lực sĩ điền kinh chạy vòng đua năm ki-lô mét này giờ giữ sức bằng cách đeo ba lô sau lưng và bây giờ đột nhiên bật lên phóng về phía trước vượt qua từng đối thủ một.

Đám đàn ông né sang tránh chỗ cho cô vượt qua, miệng cười gượng gạo như thể không nỡ phá cơ hội chiến thắng của nhà chạy bộ danh tiếng, nhưng đám đàn bà không thể, họ hét lớn: "Đi vào chỗ! Đây không phải là nơi diễn hành của mình tinh mần bạc!"

Không nao núng, cô diễn viên tiếp tục lấn về phía trước kéo theo sau cái đuôi gồm năm phóng viên nhiếp ảnh và hai tay quay phim.

Đột nhiên một người đàn bà Pháp, một nữ giáo sư ngôn ngữ học thò tay ra nắm chặt cổ tay cô diễn viên và nói lớn (bằng tiếng Anh rất khó nghe): "Đây là cuộc diễn hành của bác sĩ đến đây cứu trợ dân Cam bốt đang bệnh hoạn chết chóc chứ không phải là nơi các mình tinh điện ảnh biểu diễn trò thu hút đám đông, nghe chưa!"

Cổ tay cô diễn viên bị nắm cứng trong tay vị nữ giáo sư ngôn ngữ học; cô không tài nào giật ra. "Bà làm cái giống gì vậy?" Cô nói (bằng tiếng Anh toàn hảo.) "Tôi nói cho bà biết, tôi từng đi diễn hành như vậy cả trăm lần! Không có mình tinh hả, mấy người chẳng làm nên trò trống gì đâu! Đây là công việc của chúng tôi! Trách nhiệm lương tâm của chúng tôi!"

"*Merde!*" vị nữ giáo sư ngôn ngữ học nói (bằng tiếng Pháp toàn hảo.)

Cô diễn viên Mỹ hiểu câu chửi thề và nước mắt cô đột nhiên tuôn trào. "Xin đừng di động!" Một phóng viên nhiếp ảnh la lên, anh ta quỳ dưới chân người nữ diễn viên. Cô nhìn thật lâu vào ống kính máy quay, hai hàng nước mắt chảy dài hai bên má.

Cuối cùng vị nữ giáo sư ngôn ngữ học buông tay cô diễn viên. Lúc đó anh chàng ca sĩ râu đen người Đức vác cờ trắng lên tiếng gọi tên cô.

Cô diễn viên Mỹ chưa nghe tên anh ta bao giờ, nhưng sau khi bị làm nhục cô dễ dàng đón nhận niềm cảm thông an ủi từ người khác nên cô lập tức chạy về phía anh ta. Anh chàng ca sĩ chuyển lá cờ sang tay trái rồi vòng tay phải ôm vai cô.

Lập tức hai người bị một đám nhiếp ảnh gia và chuyên viên quay phim bu chung quanh. Một nhiếp ảnh gia Mỹ danh tiếng loay hoay mãi không chụp được toàn bộ khuôn mặt hai người cùng lá cờ vì cán cờ dài quá, anh ta lùi vài bước xuống ruộng. Và chẳng may, anh ta đạp chân lên một quả mìn. Quả mìn nổ tung, thân xác anh ta tan nát thành nhiều mảnh vụn bay tung tóe lên không trung, máu thịt vãi như mưa xuống đầu đám trí thức Tây phương.

Anh chàng ca sĩ và cô diễn viên kinh hoàng đến độ cứng đờ cả người. Hai người đưa mắt nhìn lên lá cờ. Lá cờ dính đầy máu. Một lần nữa họ thấy kinh khiếp. Rồi họ rụt rè nhìn lên vài lần nữa và họ bắt đầu hơi nở nụ cười. Niềm hãnh diện lạ lùng bỗng nhiên tràn ngập tâm khảm hai người, niềm hãnh diện họ chưa bao giờ trong đời trải qua: lá cờ họ đang cầm được tưới bằng máu. Một lần nữa họ gia nhập cuộc diễn hành.

Biên giới hai quốc gia là con sông nhỏ, nhưng con sông bị che bởi bức tường dài xây dọc theo bờ sông cao chừng sáu bộ có đặt bao cát để bảo vệ những tay bắn sẻ phía Thái. Bức tường chứa một lỗ hổng duy nhất nơi cây cầu bắc ngang sông. Lính canh Việt Nam nằm chờ bên kia sông, nhưng vị trí họ được nguy trang kỹ lưỡng nên chẳng ai thấy họ đâu. Tuy vậy, điều hiển nhiên là bất cứ ai đặt chân lên cầu, những họng súng vô hình từ phía bên kia sông sẽ khai hỏa ngay lập tức.

Đoàn người tham dự cuộc diễn hành đến sát chân tường rồi rón rén đứng nhìn. Franz thò đầu nhìn qua kẽ hở giữa hai bao cát, cố nhướn mắt nhìn xem có gì lạ không. Anh không thấy chi cả. Mấy nhiếp ảnh gia nghĩ anh ta có thẩm quyền đứng chỗ tốt hơn chen vào đẩy Franz ra.

Ngay lúc đó, cô gái thông dịch người Cam bắt trong nhóm dẫn đầu cuộc diễn hành nói lớn vào loa phóng thanh bằng tiếng Khor-me cho phía bên kia nghe: Những người này là bác sĩ; họ xin phép vào lãnh thổ Cam bắt để chữa trị người ốm đau bệnh tật; họ hoàn toàn không có chủ ý chính trị gì; họ làm chỉ vì lòng nhân đạo quan tâm đến mạng sống con người mà thôi.

Vọng lại từ bên kia là sự im lặng đĩnh người. Sự im lặng tuyệt đối đến độ tinh thần mọi người như sa xuống. Chỉ có tiếng máy ảnh bấm lách cách giữa thỉnh lặng nghe như bài hát của loài côn trùng lạ.

Franz đột nhiên có cảm tưởng cuộc Diễn hành Vĩ đại đang đến hồi kết thúc. Chung quanh Âu châu là biên giới lặng im, và không gian nơi cuộc Diễn hành Vĩ đại diễn ra chẳng qua chỉ là cái sân khấu nhỏ nhoi nằm ngay giữa địa cầu. Những đám đông người hồ hởi chen chúc nhau lên sân khấu đã ra đi từ lâu, và cuộc Diễn hành Vĩ đại tiếp tục diễn ra trong lạnh vắng, không hề có một khán giả nào. Vâng, Franz tự nhủ, cuộc Diễn hành Vĩ đại tiếp tục đi tới, bất chấp sự phản nhiên của thế giới, nhưng nó càng ngày càng rối mù hỗn loạn: hôm qua chống Mỹ xâm lăng Việt Nam, hôm nay chống Việt Nam xâm lăng Cam bắt; hôm qua ủng hộ Do thái, hôm nay ủng hộ Palestine; hôm qua cho Cuba, ngày mai chống Cuba – và bao giờ cũng chống Mỹ; có lúc lên án vụ thảm sát này nhưng cũng có lúc ca ngợi vụ thảm sát kia. Âu châu tiếp tục bước tới, và để theo kịp, không muốn bỏ sót bất cứ biến cố nào, nhịp bước diễn hành càng ngày càng nhanh, đến lúc cuộc Diễn hành Vĩ đại còn lại chỉ là đoàn người ào ào lũ lượt kéo nhay chạy và sân khấu thì thu nhỏ dần đến một ngày nó co rút thành điểm nhỏ vô kích thước.

Một lần nữa, cô gái thông dịch hét vào loa phóng thanh lời thách đố. Và một lần nữa đáp lại là sự im lặng thán nhiên đến vô tận.

Franz đưa mắt quan sát mọi người chung quanh. Sự im lặng từ phía bên kia sông như cái tát giáng vào mặt họ. Ngay đến anh chàng ca sĩ cầm cò trắng và cô diễn viên Mỹ cũng thất vọng và họ dùng dằng chẳng biết phải hành động như thế nào.

Trong thoáng suy nghĩ Franz thấy họ tức cười làm sao, nhưng thay vì tách rời hay tự tìm cho mình lời mĩa mai chua chát, ý tưởng đó khiến anh cảm nhận ra lòng yêu thương vô bờ chúng ta dành cho những ai bị kết tội. Vâng, cuộc diễn hành đang đến hồi kết cuộc, nhưng có lý do nào khiến Franz phản bội nó không? Phải chăng chính cuộc đời anh cũng đang đến hồi kết thúc? Ai là người anh chế nhạo trong cuộc biểu dương đưa những vị bác sĩ can đảm ra biên giới? Họ làm gì ngoài một buổi trình diễn? Họ có lựa chọn nào không?

Franz đứng lẩm. Tôi không thể không nghĩ đến ông nhà báo ở Praha, người chủ xưởng thảo lá thỉnh nguyện thư xin ân xá tù nhân chính trị. Ông biết rất rõ lá thỉnh nguyện thư sẽ chẳng ảnh hưởng gì đến việc trả tự do cho tù nhân chính trị. Mục tiêu chính của ông không phải là tìm cách đòi tự do cho những người tù, nó chỉ cho thấy những người không biết sợ hãi vẫn còn hiện hữu trên cõi đời này. Lại thêm một vai tuồng trong vở kịch. Nhưng ông không còn lựa chọn nào khác. Lựa chọn của ông không phải giữa đóng kịch và hành động mà giữa đóng kịch và không làm gì. Có những cảnh huống người ta bị kết tội là đóng kịch. Cuộc đấu tranh với một quyền lực im lìm (quyền lực im lìm từ bên kia sông, công an biến thành máy ghi âm gài im lìm trên tường) là cuộc đấu tranh của đoàn diễn kịch tấn công đoàn lính trận.

Franz đứng nhìn người bạn thời Sorbonne đang giơ nắm tay đe dọa sự im lặng từ phía bên kia.

Lần thứ ba cô gái thông dịch hét vào loa phóng thanh lời thách đố.

Vẫn im lặng và lần này Franz từ thất vọng biến thành tức giận. Anh đứng dậy, chỉ vài bước cách cây cầu nối liền hai quốc gia Thái lan và Cam bốt, ngừng mặt lên trời hét tiếng nguyên rủa cầm hờn để rồi ngã gục dưới tràng đạn bạo tàn đau đớn.

Nỗi sôi sục bất ngờ bốc lên trong lòng Franz khiến chúng ta chợt nhớ ra điều gì: vâng, chúng ta nhớ đến anh con trai Stalin, người đã vùng chạy ra khỏi trại giam và bị điện giật chết tươi trên hàng rào kẽm gai khi anh không chịu nổi cảnh phải nhìn hai thái cực trong cõi trần ai này tiến lại gần đến nỗi va chạm nhau, khi không còn khác biệt giữa cao nhã và bẩn thỉu, giữa thiên thần và ruồi muỗi, giữa Thượng đế và cứt dái.

Franz không chấp nhận nỗi sự việc đang xảy ra trước mắt anh, niềm vinh quang của cuộc Diễn hành Vĩ đại chỉ tương đương với lòng hoang tưởng mê muội đến khôի hài của đám người trong cuộc. Anh không chịu nổi sự thật âm vang cao cả của lịch sử Âu châu lại mất hút trong nỗi câm lặng vô biên và chẳng có khác biệt nào giữa lịch sử và khoảng không gian im vắng. Anh có cảm tưởng như đang tự đặt chính đời sống anh lên bàn cân và anh muốn chứng minh cuộc diễn hành phải nặng hơn cứt dái.

Nhưng chẳng ai chứng minh được điều đó. Một bên bàn cân là cứt dái; bên kia, anh con trai Stalin đem cả thân xác mình đặt lên. Vậy mà cán cân không hề động dẩy.

Thay vì chạy ra lãnh băng đạn, Franz ôm đầu lủi thủi cùng những người khác đi hàng một quay về đoàn xe buýt.

Chúng ta ai cũng cần có người nhìn lên mình. Có thể chia con người thành bốn hạng tùy theo cách chúng ta mong ước được nhìn như thế nào.

Hạng thứ nhất khao khát cái nhìn từ vô vàn những ánh mắt không tên, nói cách khác, từ con mắt của quần chúng. Đó là trường hợp anh ca sĩ người Đức và cô diễn viên người Mỹ, trường hợp ông nhà báo đáng người cao, lưng gù, cằm to cũng thế. Ông quen thuộc mọi tầng lớp độc giả của ông, và khi tờ báo bị người Nga đóng cửa ông có cảm tưởng không khí đột nhiên loãng ra đến cả trăm lần. Không có gì thay thế được những con mắt không tên. Ông nghĩ ông đến chết ngạt mất thôi. Thế rồi một hôm ông chợt hay biết ông bị theo dõi thường xuyên, bị gài máy nghe lén trong nhà, và có người lén chụp hình ông ngoài phố. Đột nhiên ông thấy những con mắt không tên vẫn còn đó và ông hít thở khí trời trở lại như bình thường! Ông bắt đầu đọc diễn văn cho máy ghi âm gài lén trên tường nghe. Nhờ công an nhà nước ông thấy ông vẫn còn là người của quần chúng.

Hạng thứ hai là những người có nhu cầu khẩn yếu được nhìn từ những con mắt thân quen. Họ là chủ nhân không biết mệt mỏi những bữa tiệc tùng ăn uống. Đời sống họ vui sướng hơn hạng thứ nhất, những người sau khi mất công chúng có cảm tưởng như ngọn đèn trong gian phòng đời sống họ cũng tắt ngúm theo. Điều này sớm muộn sẽ xảy ra cho phần lớn những con người đó. Tuy nhiên, hạng người thứ hai luôn luôn có khả năng vẽ vờ cho mình những con mắt cần thiết. Marie-Claude và cô con gái thuộc hạng này.

Rồi đến hạng thứ ba, những người lúc nào cũng thấy cần phải hiện diện trước mắt người mình yêu thương. Tình trạng của họ nguy hiểm y như hạng thứ nhất. Ngày nào đó đôi mắt người họ thương yêu khép lại, gian phòng sẽ tràn ngập bóng tối theo. Tereza và Tomas thuộc hạng thứ ba.

Và sau cùng là hạng thứ tư, hiếm hoi nhất, là những người sống trogn đôi mắt tưởng tượng của người vắng mặt. Họ là những kẻ mộng mơ. Thí dụ Franz. Anh mò đến biên giới Cam bốt chỉ vì Sabina. Trong lúc chiếc xe buýt gặp ghềnh lăn bánh trên những con đường xứ Thái, anh có cảm giác Sabina đang chăm chú dán mắt lên anh thật lâu.

Cậu con trai Tomas cũng thuộc hạng người này. Hãy cho tôi gọi cậu là Simon. (Chắc cậu sẽ vui sướng nếu biết mình có tên thánh, giống như tên cha cậu.) Cậu khao khát đôi mắt Tomas. Do những hoạt động chống đối trong cuộc vận động trình lá thỉnh nguyện thư, cậu bị đuổi khỏi trường đại học. Cô gái cậu quen là cháu gái một linh mục dưới làng. Hai người lấy nhau và cậu kiếm được chân lái xe máy cày trong hợp tác xã, cậu đi nhà thờ Công giáo, rồi có con. Khi hay tin Tomas cũng về làng quê sinh sống, cậu vui mừng không tả: định mệnh nào xui khiến đời sống cha con trở nên cân xứng như vậy! Nhờ đó cậu có can đảm viết cho Tomas một lá thư. Cậu không đòi hỏi Tomas phải hồi âm. Cậu chỉ ao ước được đôi mắt người cha dõi vào cuộc đời mình.

Franz và Simon là những kẻ mộng mơ của quyển tiểu thuyết này. Khác với Franz, Simon không bao giờ yêu thích mẹ mình. Từ thuở ấu thơ, cậu đã đi lòng kiếm người cha. Cậu sẵn sàng tin tưởng cha cậu là nạn nhân của sự bất công nào đó, và vì vậy cha cậu cũng suốt đời áp đặt sự bất công đó lên cậu. Cậu không bao giờ tức giận cha cậu, bởi cậu không muốn đồng minh với mẹ mình, người lúc nào cũng tìm cách nói xấu người cha.

Cậu sống với mẹ đến năm mười tám thì hoàn tất chương trình Trung học; sau đó cậu lên Praha theo học Đại học. Lúc đó Tomas đang làm nghề lau chùi cửa kính. Hơn một lần Simon kiên nhẫn tìm cách làm như tình cờ chạm mặt Tomas. Nhưng Tomas chẳng bao giờ dừng lại chuyện trò với cậu.

Lý do duy nhất cậu dính dáng với ông nhà báo là vì định mệnh cuộc đời ông nhà báo làm cậu nhớ đến định mệnh cuộc đời cha cậu. Ông nhà báo không biết Tomas là ai. Ông cũng quên bằng bài báo về Oedipus. Chính Simon là người kể ông nghe chuyện đó và khuyên ông thuyết phục Tomas ký tên vào lá thỉnh nguyện thư. Ông nhà báo đồng ý chỉ vì ông muốn làm điều tốt lành chi đó cho cậu trai, người ông ưa thích.

Mỗi khi nhớ lại bữa gặp cha mình, cậu cảm thấy hổ thẹn vì đã quá run khóp. Cha cậu không thể nào ưa thích cậu được. Ngược lại, cậu thấy yêu mến cha mình quá đổi. Cậu nhớ từng lời từng chữ cha cậu nói, và với thời gian cậu thấy những điều đó đúng lắm thay. Cậu nói gây ấn tượng lớn trong cậu là "Trừng phạt những người không biết họ đang làm gì là điều mọi rợ." Hôm người bác cô bạn gái nhét vào tay cậu quyển Thánh Kinh, lời chúa Giê-su "Xin hãy tha tội cho chúng, bởi chúng không biết việc chúng làm" khiến cậu xúc động lạ thường. Cậu biết cha cậu không phải là người mộ đạo, nhưng sự tương tự giữa hai câu nói khiến cậu nhìn ra dấu hiệu bí mật: cha cậu bằng lòng với con đường đã chọn.

Về quê sinh sống được ba năm, một hôm cậu nhận được thư Tomas mời đến nhà chơi. Lần gặp gỡ này cha con rất thân thiết. Simon thấy thoải mái và cậu ăn nói không lắp bắp chút nào. Nhưng có lẽ cậu không nhận ra giữa cậu và cha cậu, hai người không hiểu nhau nhiều. Chừng bốn tháng sau, cậu nhận được điện tín báo tin vợ chồng Tomas bị tai nạn chết chệt dưới xe tải hàng.

Cũng vào khoảng thời gian đó, cậu biết thêm về người đàn bà có thời là một trong những tình nhân của cha cậu, ba ta lúc đó đang sinh sống bên Pháp. Cậu tìm ra địa chỉ của bà. Bởi cậu vô cùng cần thiết đôi mắt trong tưởng tượng theo dõi cuộc đời mình nên cậu thỉnh thoảng viết cho bà những lá thư dài thậm thụt.

Cho đến cuối cuộc đời, Sabina thường xuyên nhận được những lá thư từ con người buồn bã ở ngôi làng xa xôi đó. Nhiều lá cô chẳng bao giờ xé ra đọc, bởi càng ngày cô càng chán ngán cái mảnh đất cố quận nhiều nhường kia.

Sau khi ông già mất, cô dọn về California. Đi xa về phía Tây, xa cái xứ sở nơi cô sinh ra. Tranh cô vẽ bán rất chạy, cô cũng yêu thích nước Mỹ. Nhưng đó chỉ là bề mặt. Tất cả những gì bên dưới với cô đều xa lạ. Ở bên dưới, không có ông bà, chú bác. Cô sợ sẽ phải tự mình đóng cửa năm mờ và lún sâu xuống lòng đất nước Mỹ mất thôi.

Vì thế một hôm cô thảo lá chúc thư trong đó cô yêu cầu sau khi chết hãy thiêu xác cô rồi ném lên trời cho gió cuốn đi. Tereza và Tomas chết dưới con dấu của sức nặng. Cô muốn chết dưới con dấu của nhẹ nhàng. Cô sẽ nhẹ hơn không khí. Như Parmenides nói, từ âm biến thành dương.

Chiếc xe buýt ngừng lại đỗ trước khách sạn Bangkok. Chẳng ai còn tha thiết đến chuyện họp hành. Nhóm đi xem cảnh, nhóm đi thăm viếng đền đài, nhóm rủ nhau tìm nhà thổ. Người bạn Sorbonne của Franz đề nghị hai người đi chơi chung cho qua buổi tối nhưng anh thích đi một mình.

Lúc anh ra đường trời vừa sẩm tối. Trí óc anh lảng vảng hình ảnh Sabina, dường như đôi mắt cô vẫn đang dõi nhìn theo anh. Mỗi lần như vậy, anh lại tự nghi hoặc chính mình: anh chưa bao giờ hay biết rốt ráo Sabina suy nghĩ điều gì. Ngay lúc đó anh vẫn thấy trong lòng bất ổn không vui. Lẽ nào Sabina lại chế nhạo anh? Lẽ nào cô xem chuyện anh tôn sùng cô là trò cười điên rồ ngây dại sao? Lẽ nào cô đang cố thuyết phục anh là đã đến lúc anh lớn lên và hãy thương yêu chăm sóc cô nhân tình của anh, người nhờ cô anh mới có?

Hình dung khuôn mặt với cặp kính cận gọng to tròn, anh đột nhiên nhận thức anh và cô nhân tình sinh viên hạnh phúc biết bao. Ngay tức khắc, anh rung động nhìn ra cuộc phiêu lưu sang Cam bớt thật vô nghĩa và buồn cười. Tại sao anh đi? Đến lúc này anh mới biết. Anh đi để tìm cho ra lẽ không phải những cuộc diễn hành, không phải Sabina, chính cô gái mới là cuộc sống thật của anh, cuộc sống thật duy nhất của anh! Anh đi để tìm cho ra lẽ sự thật hơn giấc mơ, hơn giấc mơ nhiều lắm!

Đột nhiên, có bóng người nhô ra từ chỗ tranh tối tranh sáng đoạn nói với anh bằng thứ ngôn ngữ anh hoàn toàn không hiểu. Anh nhìn kẻ lạ bằng nét mặt nửa kinh ngạc nửa quan tâm. Gã đàn ông cúi người xuống, miệng mỉm cười rồi lẩm bẩm điều gì đó có vẻ nguy cấp lắm. Gã đang cố nói gì vậy? Hình như gã có ý mời anh đi đâu. Gã đàn ông nắm tay Franz rồi kéo anh đi. Anh đoán chắc có người đang cần anh cứu giúp. Biết đâu công anh lặn lội đường xa vạn dặm không đến nỗi vô nghĩa. Anh được gọi sang đây để cứu người, có phải vậy không?

Đột nhiên hai gã đàn ông khác hiện ra, một trong hai gã dùng tiếng Anh bảo anh đưa tiền ra.

Tại thời điểm này, cô gái với gọng kính to tròn biến mất trong ý nghĩ anh và Sabina hiện ra dõi mắt nhìn theo anh, Sabina vô thực với cái định mệnh to lớn dị thường. Sabina người đã khiến anh trở thành bé nhỏ. Đôi mắt cô giận dữ xoáy vào anh, tức tối và bất mãn: Anh lại dờ chừng nữa phải không? Có người lại lạm dụng tính lương hảo khủng khiếp trong anh nữa chẳng?

Anh giật tay khỏi gã đàn ông lạ mặt, gã vói theo chụp tay áo anh. Anh nhớ Sabina lúc nào cũng trầm trở về sức mạnh của anh. Anh chụp cánh tay gã đàn ông khác đang đu lên người anh, siết chặt, rồi vói đòn Nhu đạo tuyệt hảo, anh quật gã ngã chổng gọng xuống mặt đường.

Bây giờ anh hài lòng với chính anh lắm. Đôi mắt Sabina vẫn không rời. Cô sẽ không bao giờ nhìn thấy anh tự làm nhục chính anh nữa! Cô sẽ không bao giờ thấy anh lui bước! Sẽ không còn Franz nhẹ nhàng tình cảm!

Với mấy gã đàn ông này anh cảm thấy thù ghét, thù ghét nhưng gần như vui sướng. Chúng tưởng chúng cười vào mũi anh vì cái ngổ ngác trong người anh sao! Anh đứng đó vai hơi gù xuống, mắt đảo qua đảo lại nhìn hai gã đàn ông còn lại. Đột nhiên, anh thấy đầu mình như bị búa bổ, và lập tức anh ngã gục xuống. Anh mơ hồ nhận ra anh được khiêng đến nơi nào đó. Rồi sau đó anh bị ném vào khoảng không và anh thấy anh rơi xuống mãi. Một tiếng vỗ hẫ hẫ và anh mê đi không hay biết gì nữa.

Anh tỉnh dậy trong bệnh viện ở Geneva. Marie-Claude ngồi bên mép giường. Anh muốn nói cho cô biết là cô không có quyền ngồi nơi đây. Anh muốn nói mọi người làm ơn gọi cô cái có cặp kính cận to tròn đến với anh ngay lập tức. Cô chiếm ngự hoàn toàn mọi ý tưởng trong anh. Anh muốn hét thật to rằng anh không chịu nổi bất cứ người nào khác ngoài cô gái bên cạnh anh. Nhưng anh quá đỗi kinh hoàng khi nhận ra anh không tài nào mở miệng nói được điều gì. Anh nhìn lên Marie-Claude với đôi mắt thù ghét vô biên và anh cố xoay người để khỏi phải trông thấy cô. Nhưng anh không di động nổi thân xác mình. Có lẽ cái đầu chẳng? Không, ngay cả cái đầu anh cũng vô phương lay động. Anh đành nhắm mắt lại.

Cuối cùng, trong cái chết, Franz thuộc về vợ mình. Cô có anh như chưa bao giờ có như vậy trước đó. Marie-Claude chu tất mọi chuyện: cô sắp xếp mọi công việc cử hành tang lễ, gửi thiệp báo tang, mua vòng hoa, và đi may một chiếc áo dài đen – trên thực tế, một chiếc áo cưới thì đúng hơn! Vâng, đám ma của chồng là lễ cưới thực thụ của vợ! Cao điểm những công lao suốt cuộc đời cô! Phần thưởng bù đắp cho những nỗi truân chuyên cô trải qua!

Vị linh mục chủ lễ thấu hiểu điều này. Bài diếu văn của ông nói về tình yêu vợ chồng thực thụ, tình yêu kinh qua biết bao thử thách và sau cùng trở thành nơi chốn bình yên cho người quá cố, nơi chốn trở về lúc cuối cuộc đời. Người bạn đồng liêu của Franz, người được Marie-Claude nhờ đọc bài diễn từ cạnh huyệt mộ, cũng phần lớn gửi lời tuyên dương đến vợ người can đảm. Đâu đó phía sau đám đông, cô gái với gọng kính to tròn phải vịn vào người bạn mới đứng vững nổi. Hậu quả của nhiều viên thuốc ngủ và cố gắng trấn át tiếng khóc làm toàn thân cô đau rút trước khi đám tang bế mạc. Cô lão đảo ngã chúi về phía trước, hai tay ôm chặt bụng, người bạn phải dìu cô ra về, bỏ dở nửa chừng buổi tang lễ.

Cầm trong tay tờ điện tín ông chủ nhiệm hợp tác xã đem đến, cậu tức tốc nhảy lên xe gắn máy. Cậu đến nơi vừa kịp lúc thu xếp việc tổng táng. Bên dưới tên cha cậu trên mộ kia, cậu cho khắc hàng chữ: NGƯỜI MONG MUỐN THIÊN QUỐC ĐỨC CHÚA TRỜI NƠI HẠ GIỚI.

Cậu biết rõ cha cậu chẳng bao giờ nói câu đó, nhưng cậu đoán chắc câu nói diễn tả đúng sự thật ý cha cậu muốn nói gì. Thiên quốc Chúa Trời có nghĩa là công bằng. Tomas vẫn hằng mong mỗi được nhìn một thế giới công bằng. Simon có quyền diễn tả đời sống cha cậu bằng thứ ngôn ngữ riêng của cậu chứ? Dĩ nhiên cậu có quyền: từ thuở nào đến giờ, có phải tất cả những người thừa kế đều có thẩm quyền đó?

TRỞ VỀ SAU NHỮNG CHUYẾN LÃNG DU DÀI là lời bi ký trên mộ phần của Franz. Có thể lý giải câu ký trên bình diện tôn giáo: những cuộc lãng du thuộc về hiện hữu nơi hạ giới của chúng ta, trở về là trở về trong vòng tay Thượng đế. Nhưng những kẻ trong cuộc biết chuyện đều hiểu rõ nó mang ý nghĩa hoàn toàn phạm tục khác nữa. Thật vậy, ngày nào Marie-Claude cũng đem chuyện đó ra lái nhải.

Franz, hỡi Franz ngọt ngào yêu quý! Bao tố giữa đời sao quá đắng cay. Và cái cô gái bé nhỏ tội nghiệp đó tung lưới bắt được chàng! Tại sao? Ngay chút nhan sắc cô ta cũng không có! (Chỉ có bao giờ trông thấy cặp mắt kính khổng lồ cô ta cố ẩn núp đằng sau không?) Nhưng khi bước sang tuổi năm mươi (ai mà không biết!), họ sẵn sàng bán linh hồn đổi lấy chút xác thịt tươi non. Chỉ có người vợ mới thấu hiểu nỗi thống khổ chàng chịu đựng! Chỉ là sự tra tấn lương tâm mà thôi! Bởi lẽ, thật sự bên trong, Franz là người đàn ông tử tế và lương hảo. Làm sao chị giải thích được chuyến đi điên rồ tuyệt vọng về cái miền đất khỉ gió đó bên Á châu? Chàng đi để tìm cái chết.

Vâng, Marie-Claude biết rõ như vậy vì một sự kiện tuyệt đối: Franz ý thức được chuyến đi tìm cái chết. Trong những ngày cuối, khi nằm chờ chết và chẳng cần che đậy đối trá điều gì, người duy nhất anh chờ đợi là cô gái. Anh không mở miệng được, nhưng qua đôi mắt anh đội ơn cô xiết bao! Anh dán mắt lên cô xin cô tha thứ. Và cô tha thứ cho anh.

Đám dân Cam bốt đang dần chết để lại gì?

Một bức hình lớn người nữ mít tinh Mỹ ôm đứa bé Á châu.

Tomas chết để lại gì?

Lời bi ký NGƯỜI MONG MUỐN THIÊN QUỐC ĐỨC CHÚA TRỜI NƠI HẠ GIỚI.

Beethoven chết để lại gì?

Cái nhú mày hoang mang, và tiếng nói u ám cất thành giọng hát "*Es muss sein!*"

Franz chết để lại gì?

Lời bi ký TRỞ VỀ SAU NHỮNG CHUYẾN LÃNG DU DÀI.

Vân vân và vân vân. Trước khi đi vào quên lãng, chúng ta biến thành *kitsch*. *Kitsch* là chạng
tạm dung giữa hiện hữu và lãng quên.

PHẦN BẢY

nụ cười của karenin

Cửa sổ trông như triền dốc um tùm những thân táo oằn oeo. Rừng cây che mất tầm nhìn bên trên triền dốc, xa xa đồi núi chập chùng. Tối xuống khi mảnh trăng non bắt đầu nhô trên nền trời nhá nhem, Tereza bước ra ngoài đứng bên hiên cửa. Mảnh trăng lơ lửng trên nền trời xám xịt tối trông như ngọn đèn buổi sáng ra đi quên tắt, ngọn đèn le lói cháy suốt ngày trong gian phòng người chết.

Không cây táo nào mọc trên triền dốc có thể dời bỏ chỗ chúng đâm rễ, như Tereza và Tomas sẽ chẳng bao giờ lìa bỏ ngôi làng. Hai người bán hết xe cộ, máy thu thanh rồi gom góp tiền bạc mua lại căn nhà nhỏ xíu cùng thửa vườn từ người nông dân dọn nhà ra đô thị.

Về quê sinh sống là lối thoát duy nhất cho hai người, bởi chỉ nơi thôn dã mới có cảnh người ít của nhiều. Không ai cất công nhòm ngó quá khứ chính trị của kẻ chỉ muốn ra đồng ruộng hay vào rừng sâu lao động; không ai ganh tị với họ làm gì.

Tereza vui sướng lìa bỏ thành phố, lìa bỏ bọn sâu rệu xàm xỡ xúc phạm đến cô, lìa bỏ những người đàn bà xa lạ để lại mùi háng trong tóc Tomas. Bọn công an không quấy nhiễu hai người, và chuyện không may với gã đàn ông hành nghề kỹ sư thoa nhập lẫn lộn vào giấc mộng trên đồi Petrin đến độ cô không còn phân biệt đâu là thật và đâu là mộng nữa. (Gã đàn ông phải chăng là cò mồi của công an? Có lẽ đúng, có lẽ không. Đàn ông mượn phòng làm nơi hẹn hò và không bao giờ ăn nằm quá một lần với đàn bà không phải là chuyện hiếm hoi.)

Dù sao, Tereza vẫn vui sướng và cảm thấy sau cùng cô đạt được ước nguyện: cô và Tomas có nhau và hai người sống biệt lập. Biệt lập ư? Hãy cho tôi nói rõ hơn: sống "biệt lập" có nghĩa là cắt đứt mọi liên hệ bạn bè quen biết cũ, cắt đời sống ra thành hai mảnh như cắt sợi duy băng; tuy vậy họ thấy rất tự nhiên giữa đám dân quê họ làm việc chung, và thỉnh thoảng họ qua lại thăm viếng nhau.

Từ hôm tình cờ gặp người chủ nhiệm hợp tác xã tại thành phố khoáng tuyến nơi đường phố mang tên Nga, trong đầu Tereza bỗng nhiên nảy sinh hình ảnh đời sống thôn dã từ sách vở cô đọc được hay từ người lớn tuổi trong dòng họ. Thế giới đó là thế giới hài hòa; mọi người quây quần trong đại gia đình tràn đầy hạnh phúc với sở thích và công việc thường nhật như nhau: Chủ nhật đi lễ nhà thờ, quán rượu là nơi bọn đàn ông có chỗ trốn vợ đi chơi, quán rượu còn có phòng rộng cho ban nhạc trình diễn để thứ bảy dân làng ra nhảy múa vui đùa.

Tuy nhiên dưới chế độ Cộng sản, đời sống thôn dã không còn theo tập quán cũ kỹ muôn đời đó nữa. Nhà thờ ở làng bên, và chẳng còn ai đi lễ; quán rượu biến thành văn phòng làm việc, vì thế đám đàn ông không có chỗ ngồi nói chuyện gẫu uống bia và bọn trẻ trong làng mất chỗ nhảy múa vui chơi. Ngày lễ hội tôn giáo bị cấm đoán và chẳng ai thèm để ý đến những thú vui tiêu khiển trám chỗ. Rạp chiếu bóng duy nhất tọa lạc ở thị xã cách đó mười lăm dặm. Vì vậy, sau ngày làm việc huyền nao tiếng người, họ ngồi thành thoi nói dăm ba câu chuyện vãn rồi âm thầm rút vào bên trong bốn bức tường, giữa đồng bàn ghế đồ đạc thô lậu, mắt dán lên màn

ảnh chói lòa của chiếc máy thu hình. Họ chẳng bao giờ ghé nhà nhau thăm viếng ngoại trừ dăm ba câu thăm hỏi trước bữa ăn tối. Họ mơ có ngày dọn nhà lên tỉnh. Đời sống thôn dã không đem lại thú vị gì cho họ nữa.

Có lẽ bởi không còn ai tha thiết về quê sinh sống nên nhà nước mất dần quyền hạn nơi thôn quê. Người làm ruộng mà không có trong tay tấc đất của riêng mình, một người làm công không hơn không kém, sẽ không bao giờ trung thành với miền đất mình cư ngụ cũng như công việc làm; hẳn không mất mát, cũng chẳng phải e dè sợ sệt điều chi. Kết quả của sự đứng đưng đó là thôn quê vẫn giữ khá nhiều quyền tự quyết và phần nào tự do. Ông chủ nhiệm hợp tác xã là người trong làng do dân làng bầu lên chứ không phải là người đưa vào (như tất cả viên chức cao cấp trên thành phố.)

Bởi ai cũng muốn bỏ làng ra đi nên Tereza và Tomas rơi vào trường hợp ngoại lệ: họ tình nguyện đến đây. Trong khi những người khác tìm mọi cơ hội lên tỉnh giao dịch buôn bán, Tereza và Tomas rất vui vẻ ở lại làng, điều này có nghĩa chẳng bao lâu hai người biết rõ mọi người trong làng còn hơn họ biết nhau.

Chủ nhiệm hợp tác xã trở thành người bạn thân thiết thật sự. Ông có vợ, bốn người con và một chú heo ông nuôi như nuôi chó trong nhà. Con heo tên Mefisto là niềm tự hào cũng như cái gì đáng chú ý nhất làng. Trông nó lúc nào cũng sạch sẽ hồng hào, nghe chủ gọi nó lập tức chạy lại; nó đi diều qua diều lại như mụ đàn bà bắt đúi to béo, dưới chân đi giày cao gót.

Lần đầu gặp Mefisto, Karenin gầm gừ bực dọc lắm. Nó đi vòng quanh con heo, đánh hơi một lúc lâu. Nhưng mau chóng hai con vật trở nên thân thiết đến nỗi nó thích chơi với con heo hơn với đám chó khác trong làng. Thật ra, nó không thèm để ý các con chó khác, bởi chúng đều bị xích trong chuồng và lúc nào cũng ăng ẳng sủa bậy vu vơ. Karenin rất đúng khi tự quy định cho nó là số một, không giống ai, và tôi không ân hận chút nào khi nói nó vô cùng biết ơn tình bạn giữa nó và con heo.

Ông chủ nhiệm thấy hân hạnh có cơ hội giúp đỡ vị bác sĩ từng chữa bệnh cho mình, nhưng cùng lúc ông thấy buồn bã vì ông chẳng làm được gì nhiều hơn. Tomas trở thành tài xế xe tải chở người ra đồng làm việc hoặc tải nông cụ từ nơi này ra nơi khác.

Trong hợp tác xã có bốn chuồng bò lớn và một chuồng nhỏ hơn nuôi bốn chục con bò cái tơ. Tereza giữ nhiệm vụ trông coi đàn bò và mỗi ngày hai lần cô lừa chúng ra đồng ăn cỏ. Đồng cỏ gần làng bị bò gặm trụi lủi nên cô phải đưa chúng ra những ngọn đồi lân cận cho chúng ăn cỏ. Dần dà cô phải đi xa hơn và trong vòng năm trời, không cánh đồng nào trong vùng còn nguyên vẹn với đàn bò. Vẫn như thời trẻ tuổi sống dưới tỉnh nhỏ, lúc nào trên tay cô cũng có quyển sách, trong lúc đàn bò gặm cỏ cô mở sách ngồi đọc.

Karenin lúc nào cũng bên cạnh cô. Nó học được cách sủa không cho những con bê thích nhảy cẫng chạy lạc ra ngoài đàn; thấy rõ nó làm công việc đó hết sức mình. Chắc chắn trong gia đình Tomas nó là kẻ sung sướng nhất. Chưa bao giờ chức vị kẻ canh giữ đồng hồ được nể vì như thế. Đồng quê không phải là nơi chốn tùy tiện muốn làm gì thì làm; giờ khắc Tereza và

Tomas sống bên nhau càng lúc càng tiến gần đến điểm bình thường giờ khắc của nó.

Một hôm trong giờ nghỉ trưa (có riêng một tiếng đồng hồ), hai người dẫn Karenin leo lên con dốc phía sau nhà.

"Em thấy nó chạy có gì không bình thường." Tereza bảo.

Một chân sau của Karenin không khỏe khiến nó đi cà nhấc. Tomas cúi xuống rờ nắn. Gần như chạm chân nó anh phát giác một cục u nhỏ.

Hôm sau anh dẫn nó theo cho ngồi trên băng trước ghế xe tải nhân chuyển chở hàng nông cụ sang ngôi làng kế cận nơi có vị bác sĩ thú y cư ngụ. Tuần sau, anh sang lần nữa. Anh về nhà báo tin Karenin bị ung thư.

Ba hôm sau, Tomas tự tay giải phẫu con vật có vị bác sĩ thú y phụ tá. Lúc Tomas đem nó về nhà nó vẫn chưa tỉnh thuốc mê. Nó nằm dưới thảm bên cạnh giường ngủ, mắt mở, cổ họng găm gù, đuôi nó bị cạo lông nhẵn thín, vết mổ và sáu sợi chỉ khâu trông đến ghê người.

Cuối cùng nó cố đứng dậy nhưng không nổi.

Tereza kinh hãi nghĩ nó sẽ không bao giờ đi được nữa.

"Em đừng lo." Tomas bảo cô, "Thuốc mê chưa tan."

Cô bế nó lên tay nhưng nó há mồm cắn cô. Đó là lần đầu tiên nó cắn Tereza!

"Nó không nhận ra em đâu." Tomas lại nói.

Anh giúp cô bế nó lên giường rồi cả người lẫn vật mau chóng đi vào giấc ngủ quên.

Đến ba giờ sáng, đột nhiên nó đánh thức hai người, đuôi ve vẩy, nó bò lên cùng khắp thân mình hai người, rúc vào họ, không biết phải làm sao cho vừa.

Đó cũng là lần đầu tiên nó đánh thức hai người! Thường nó chờ một trong hai người thức dậy trước rồi mới dám nhẩy lên giường. Nhưng vào nửa đêm, nó không tự chủ được nữa. Nào ai biết quãng đường nó trải qua trên đường về ra sao? Ai biết ma quỷ nào nó phải chiến đấu? Và giờ đây ở nhà bên cạnh những người thân yêu, nó không ngăn được nỗi vui mừng, nỗi vui mừng của kẻ chết đi sống lại.

Từ những dòng chữ đầu của Sáng Thế Ký, chúng ta biết Thượng đế thụ tạo con người để trao con người quyền bá chủ loài cá, chim muông và tất cả loài khác. Dĩ nhiên, Sáng Thế Ký do người chứ không phải ngựa viết ra. Không có gì đảm bảo Thượng đế thật sự ban cho con người quyền làm bá chủ các loài khác. Thật ra, có lẽ đúng hơn, con người phát minh ra Thượng đế để thánh hóa quyền bá chủ hấn tợn tiềm đoạt trên con bò con ngựa. Vâng, quyền được phép giết chết con nai hay con bò là cái gì duy nhất loài người có thể tán đồng, ngay cả giữa thời kỳ chiến tranh khốc liệt đầm máu nhất.

Chúng ta mặc nhiên chấp nhận quyền hạn đó bởi chúng ta đứng ở tầng trên cùng của đẳng cấp thứ tự. Nhưng hãy để thành phần thứ ba đi vào cuộc chơi – thí dụ, người đến từ một hành tinh khác, người được Thượng đế ban bố, "Người sẽ làm bá chủ muôn loài trên tất cả các tinh tú này" – ngay lập tức, mặc nhiên chấp nhận Sáng Thế Ký sẽ gây phiền toái vô cùng. Có lẽ lúc đó kẻ bị người Hỏa tinh trông vào xe kéo hay bị cư dân dải Ngân hà cho lên lò xiên nướng nhớ lại miếng thịt bò hấn thường cắt xẻ trên đĩa cơm sẽ phải tạ lỗi (cách muộn màng) với con bò.

Trong lúc lừa đàn bò cái tơ đi ăn cỏ, Tereza phải luôn tay luôn chân giữ gìn trật tự, vì lũ bê con ham chạy nhảy thích chạy băng qua cánh đồng. Cô có Karenin làm bạn. Suốt hai năm trời, ngày nào nó cũng leo đẹo theo cô ra đồng chăn bò. Nó vui thích với vai trò giữ trật tự đám bê con, nó há mồm sữa, ra vẻ ta đây đầy quyền uy thế lực. (Chúa của nó cho nó quyền làm bá chủ đàn bò, và nó rất hãnh diện với vai trò đó.) Vậy mà hôm nay khó khăn lắm nó mới lết đi nổi, chỉ còn ba chân khập khiễng, chân thứ tư bị thương và vết thương đang ung mủ. Tereza chốc chốc cúi xuống xoa lưng nó. Hai tuần lễ sau ngày mổ, Karenin càng ngày càng suy yếu vì mụn ung thư mỗi lúc mỗi lan rộng.

Trên đường ra đồng, Tereza gập bà lằng giềng chân đi ủng da đang hổi hả ra chuồng bò. Bà ta chợt ngừng lại hỏi: "Con chó bị gì vậy? Hình như nó đi khập khiễng." "Nó bị ung thư." Tereza trả lời. "Vậy thì chẳng còn hy vọng gì nữa." Cô ghen ngào không tiếp tục cất bước nổi. Người đàn bà để ý thấy Tereza chảy nước mắt và bà ta nổi đóa, "Chúa ơi! Cô ở đó vật vã chết lên chết xuống chỉ vì một con chó sao!" Chẳng phải bà ta dữ dằn; sự thật bà ta là người tử tế chỉ muốn an ủi Tereza thôi. Tereza hiểu, cô sinh sống ở thôn quê lâu đủ để biết nếu những người dân làng yêu thương từng con thỏ như cô yêu thương Karenin chắc họ và đàn thú của họ sẽ chết đói mất thôi. Tuy vậy, cô vẫn cảm thấy ảm ức và câu nói của người đàn bà trở nên thiếu thiện cảm. "Tôi hiểu," cô không cãi lại, nhưng vội vã xoay lưng bỏ đi. Cô có cảm tưởng vì thương yêu con vật cô bị tách lìa khỏi đám đông. Với nụ cười buồn bã, cô nhủ thầm mình sẽ phải giữ kín điều này còn hơn giữ kín một vụ ngoại tình. Nhưng giả như người đàn bà lằng giềng khám phá Tereza có lúc không chung thủy với Tomas chắc bà ta sẽ vỗ vai Tereza biểu lộ tình đoàn kết tương ái bí mật với cô.

Dù có chuyện gì xảy ra, Tereza vẫn tiếp tục bước đi, và trong lúc nhìn đàn bò đứng cạ vào nhau, cô thấy chúng dễ thương làm sao. Thanh thản, vô tư, đôi lúc hiểu động như trẻ con, trông

chúng như bọn người đã quá năm mươi to béo phịch phịch mà làm như mới mười ba mười bốn. Không gì dễ thương hơn một đàn bò đang chơi giỡn. Tereza thú vị nhìn chúng diễn trò, trong đầu cô không thể không bật ra ý tưởng (ý tưởng này lớn vồn trong đầu óc cô suốt hai năm trời cô sinh sống ở miền quê) người là kí sinh trùng của bò cũng như sán là kí sinh trùng của người: Chúng ta bú vù bò như đĩa hút máu. "Người là kí sinh trùng của bò," có lẽ người không thuộc trái đất này định nghĩa con người chúng ta như vậy trong sách vở Động vật học của họ.

Ở đây, chúng ta có thể xem định nghĩa này là chuyện bông phèng rồi cười xòa bỏ qua. Nhưng vì Tereza nghiêm túc tin tưởng như vậy, cô tự để mình lâm vào vị trí hết sức bấp bênh: ý tưởng đó nguy hiểm khiến cô xa cách con người. Mặc dù Sáng Thế Ký viết Thượng đế ban cho con người quyền bá chủ mọi loài vật khác, chúng ta có thể lý giải Ngài chỉ tin tưởng con người sẽ phải lo toan bảo bọc vận mạng các loài thú khác mà thôi. Con người chỉ là quản lý chứ không phải chủ nhân ông, và vì thế sẽ dần dà nhận lãnh mọi trách nhiệm quản lý quả địa cầu. Descartes quả quyết bước tới bước nữa: ông biến con người thành "*maitre et propriétaire de la nature*". Và chắc chắn có sự liên lạc sâu đậm giữa bước tới đó và sự kiện ông là người thắng thần chối từ, không cho loài thú có linh hồn. Con người là chủ nhân, là nghiệp chủ, theo lời Descartes, trong khi con vật chỉ là vật tự động, một cái máy biết cử động, một *machine animatae*. Khi con vật đau đớn rên rĩ, đó không phải là tiếng rên rĩ mà chỉ là tiếng kêu rạo rạo của hệ thống động cơ vận động thiếu hoàn hảo. Khi tiếng xe kéo phát tiếng kêu cọt két, chiếc xe đâu biết đau đớn, chỉ việc châm chút dầu nhớt là xong. Do đó chúng ta không có lý do phải đau buồn vì con chó bị chặt sống ra từng mảnh trong phòng thí nghiệm.

Trong lúc đàn bò gặm cỏ, Tereza ngồi dưới gốc cây bên cạnh có Karenin, nó gác đầu lên đùi cô. Cô nhớ lại mẩu tin vắn hai dòng cô đọc trên báo chí cách đây chừng mười năm gì đó loan tin tất cả chó ở một thành phố bên Nga bị đem ra bắn tập thể. Chính mẩu tin vụn vặt nằm khiêm nhường trên báo đó đã để lại trong cô nỗi ám ảnh hãi hùng về quốc gia láng giềng to lớn kia.

Mẩu tin ngắn là dự báo những gì xảy ra sau đó. Những năm tháng đầu sau cuộc xâm lăng sự khùng bố chưa có gì đáng kể. Bởi trong nước gần như ai cũng bất mãn với nhà nước đô hộ, người Nga phải tìm vài trường hợp ngoại lệ và đẩy họ ra cầm quyền. Nhưng họ tìm nơi đâu? Mọi tin tưởng vào chủ nghĩa Cộng sản và tình thương cho nước Nga tiêu tan sạch sẽ rồi. Vì vậy họ tìm đến những người đang mong chờ có cơ hội trở lại đời sống làm một cái gì, những người trong đầu nung nấu mối hận thù. Thế rồi họ phải tập trung, xây đắp và duy trì tính hung hăng của những con người này, họ tìm vật thay thế để tập sự cho việc sinh sát. Vật thay thế đó chính là đám thú vật.

Ngay tức khắc, báo chí khởi sự tung ra nhiều loạt bài và độc giả giải mạo, thí dụ như yêu cầu diệt trừ hết bồ câu trong phạm vi thành phố. Thế là bồ câu bị diệt trừ. Nhưng mũi dùi chính hướng về đám chó. Đời sống người dân vẫn còn bi thảm vì những tai họa của cuộc xâm chiếm, nhưng đài phát thanh, đài truyền hình và báo chí lái nhải ngày này qua ngày khác về chó: chó phá hại đường phố, công việc, gây nguy hiểm đến sức khỏe con em, không đem lại lợi ích gì mà còn phải nuôi ăn. Họ tạo cơn sốt cuồng loạn đến nỗi Tereza phát kinh khi nghĩ chẳng

may bọn người điên rồi kia phạm đến Karenin. Nhưng chỉ sau năm trời sự độc hại chồng chất (cho đến thời điểm đó, để tập sự, chỉ trút lên đầu đám vật) tìm thấy mục tiêu thật: đám dân. Người bị đuổi khỏi sở làm, người bị bắt bớ, đưa ra tòa. Cuối cùng đám thú vật được tự do hít thở khí trời trở lại.

Tereza xoa đầu con Karenin trong lúc nó nằm yên đầu gác lên đùi cô và ý tưởng sau chạy qua tâm tư cô: tử tế với đồng loại chẳng đem lại chút công đức gì đặc biệt. Cô đối đãi đàng hoàng tử tế với những dân làng khác, chẳng qua vì nếu không cô sẽ không thể sinh sống chung đụng với họ. Ngay cả với Tomas, cô cũng phải khép mình tỏ vẻ dễ thương với anh bởi cô cần anh. Chúng ta không bao giờ biện biệt cách chắc nịch phần nào liên hệ giữa chúng ta với người khác là hệ quả của cảm xúc – tình yêu, ác cảm, lòng từ thiện, tính ác độc – và phần nào bị thiên định bởi trò chơi quyền thế giữa cá nhân.

Lòng lương hảo thật sự của con người, ở dạng đơn thuần và thanh khiết nhất, chỉ có thể bật ra khi kẻ đón nhận không hề có chút quyền thế nào. Bài trắc nghiệm đạo đức của con người, bài trắc nghiệm cơ bản (nằm sâu dưới bề mặt), bao gồm thái độ con người đối xử kẻ dưới tay: đó là loài vật. Và ở khía cạnh này con người vương phải thất bại cơ bản, cơ bản đến nỗi tất cả những thất bại khác đều từ đó mà ra.

Một trong mấy con bò cái tơ đánh bạn với Tereza. Nó hay dừng lại và giương đôi mắt nâu to nhìn cô. Tereza nhận ra nó. Cô đặt tên nó là Marketa. Nếu làm được, chắc cô đã đặt tên tất cả các con bò cô chăn nuôi. Nhưng chúng đông quá. Trước đó không lâu lắm, chừng bốn năm chục năm, tất cả bò trong làng đều có tên gọi. (Và nếu tên gọi là dấu hiệu của linh hồn thì mặc kệ Descartes, tôi có thể nói chúng đều có linh hồn.) Nhưng từ khi làng xã biến thành hăng xưởng tập thể, đàn bò bắt đầu sống cuộc đời chúng bên trong chu vi năm bộ vuông dành cho mỗi con trong chuồng. Từ giây phút đó, chúng không có tên gọi nữa và trở thành *machinae animatae* không hơn không kém. Thế giới chứng minh Descartes đúng.

Tereza cứ hiện ra trước mắt tôi. Tôi thấy cô ngồi dưới gốc cây tay xoa đầu con chó Karenin và trầm tư về những thất bại của con người. Một hình ảnh khác cũng hiện ra trong trí tôi: Nietzsche đang từ khách sạn nơi ông cư ngụ ở Turin bước ra. Trông thấy người phu xe cầm roi quất con ngựa, Nietzsche bước đến bên con ngựa và ngay trước mắt người phu xe, ông ôm cổ nó rồi bật lên tiếng khóc.

Chuyện đó xảy ra năm 1889, khi Nietzsche đã lui ra khỏi thế giới loài người. Nói cách khác, đó là thời điểm căn bệnh tâm thần ông bột phát. Nhưng chính vì lý do đó tôi cảm thấy hành động ông hàm chứa ý nghĩa rộng lớn hơn: Nietzsche đang tạ lỗi với con ngựa giùm Descartes. Sự điên loạn (thoát ly vĩnh viễn với con người) của ông khởi điểm ngay lúc ông bật khóc bên con ngựa.

Và đó là Nietzsche tôi yêu mến, cũng như tôi yêu mến Tereza với con chó mắc bệnh sắp chết nằm gác đầu lên đùi cô. Tôi thấy con người và con vật bên cạnh nhau: cả hai đang lui bước ra khỏi con đường trên đó loài người, "chủ nhân và bá chủ thiên nhiên", đang diễn hành bước tới.

Karenin để ra hai ổ bánh mì và một con ong. Nó trôn trối nhìn tác phẩm của mình. Hai ổ bánh mì nằm bất động, nhưng con ong loạng choạng như bị ăn thuốc rồi cất cánh bay đi.

Đó là chuyện xảy ra trong giấc mơ của Tereza. Cô kể cho Tomas nghe khi anh thức giấc, và qua giấc mơ hai người tìm ra ít nhiều an ủi. Nhờ giấc mơ Karenin đang từ có bệnh biến thành có chữa, cảnh tượng nó để ra một lúc hai ổ bánh mì và một con ong nghe vừa khôi hài vừa cảm động.

Một lần nữa cô bị những hy vọng phi lý đánh lừa. Cô ngồi dậy đoạn đi mặc áo quần. Ở đây cũng như trên thành phố lúc trước, ngày của cô bắt đầu bằng việc đi mua sữa và bánh mì. Nhưng buổi sáng hôm đó khi cô cất tiếng gọi Karenin, nó chỉ hơi nhích đầu lên một chút rồi thôi. Đó là lần đầu tiên nó từ chối tham dự cái nghi lễ trước đây chính nó ép buộc hai người chủ của nó phải theo.

Cô đi chợ một mình. "Karenin đâu rồi?" Bà bán hàng đứng sau quầy hỏi, như thường lệ bà ta cầm sẵn trên tay ổ bánh cho Karenin. Tereza bỏ bánh vào giỏ đem về. Đứng trước cửa nhà cô chìa miếng bánh cho con chó trông thấy. Cô muốn nó đến ngoạm miếng bánh trên tay cô. Nhưng nó nằm lì bất động.

Tomas thấy Tereza buồn rười rượi. Anh ngậm ổ bánh trong miệng rồi quỳ xuống bò từ từ đến gần cho chó.

Karenin theo dõi anh, ánh mắt nó dường như hơi nhen nhúm chút thú vị, nhưng nó vẫn không chịu đứng lên. Tomas ghé mặt sát mõm nó. Thân mình vẫn không di động, nó há mõm ngoạm đầu ổ bánh ló ra từ miệng Tomas. Đoạn Tomas nhả ổ bánh ra để nó có thể ăn hết.

Vẫn bò dưới đất, Tomas lùi lại một chút, anh cong lưng lên và phát tiếng sủa ăng ăng, như thể anh muốn đánh nhau với nó để giành lại ổ bánh. Ít phút sau, nó sủa lại đôi ba tiếng. Mãi rồi cũng được! Chỉ chờ nhiều đó thôi! Karenin muốn đùa giỡn lại rồi! Karenin vẫn còn ham sống!

Tiếng sủa ăng ăng của Karenin là tiếng cười của nó và hai người mong tiếng cười đó kéo dài thật lâu, càng lâu càng tốt. Tomas lại bò đến gần con chó, anh lấy miệng ngoạm đứt ổ bánh trong mõm nó. Mặt anh sát mặt nó đến nỗi anh ngửi thấy mùi hơi thở chó trong miệng nó, những sợi lông dài trên mõm nó làm anh nhồn nhột. Con chó lại kêu lên tiếng ăng ăng rồi nó há mõm giật mạnh miếng bánh; thế là người và chó mỗi bên cướp được nửa miếng bánh ngậm giữa hai hàm răng. Nhưng Karenin bị một sai lầm chiến thuật hết sức cũ kỹ: nó nhả nửa phần bánh trong miệng nó ra với hy vọng được hưởng luôn nửa phần kia trong miệng chủ nó. Nó quên chủ nó không phải là chó mà là người có hai bàn tay. Anh đứng dậy nhặt lên nửa miếng bánh dưới sàn nhà, miệng vẫn ngậm nửa kia.

"Tomas!" Tereza kêu lên, "Bộ anh tính giật hết ổ bánh của nó đấy sao?"

Tomas đặt hai nửa miếng bánh dưới sàn nhà ngay trước mặt con Karenin. Nó nuốt trọn miếng thứ nhất nhưng miếng thứ hai nó cố ý ngậm trong miệng thật lâu như muốn khoe khoang thành tích chiến thắng của mình.

Đứng nhìn con chó, một lần nữa hai người có ý nghĩ nó đang cười và còn cười được là còn động lực sống dù không tránh nổi bản án tử hình.

Hôm sau nó có vẻ khá ra thật. Hai người ăn trưa. Thường đó là lúc hai người dẫn nó ra ngoài đi dạo. Thói quen của nó là chạy nhặng lên từ người này sang người kia. Hôm đó, Tereza cầm dây trông cổ lại nhưng chỉ thấy nó nhìn với đôi mắt rầu rầu. Hai người cố làm ra vẻ vui tươi phấn chấn để thúc đẩy nó thêm phần hăng hái. Một lúc lâu thấy thương hại hai người chủ nó bèn lảo đảo ba chân khập khiễng đứng dậy cho Tereza trông sợi dây vào cổ.

"Tereza, anh biết em ghét chụp ảnh, nhưng hôm nay em đem máy theo nhé." Tomas bảo cô.

Tereza mở rương lục lạo đám vật dụng cũ tìm chiếc máy ảnh từ lâu bị bỏ quên. "Mai này có ngày mình sẽ vui sướng nhờ những bức ảnh này," Tomas tiếp tục nói. "Karenin đã từng chiếm một phần quan trọng trong đời sống vợ chồng mình."

"Anh nói 'đã từng' là nghĩa gì cơ chứ?" Tereza nói như thể cô bị rần rần.

Chiếc máy ảnh nằm ngay trước mắt cô dưới đáy rương nhưng cô không thiết cúi xuống cầm lên nữa. "Em không muốn chụp ảnh. Em không chấp nhận chuyện sẽ phải làm mất Karenin. Trong khi đó anh gọi nó bằng thì quá khứ!"

"Anh xin lỗi em."

"Không sao." Tereza dịu giọng. "Em cũng tự nhận ra em cũng gọi nó bằng thì quá khứ. Em cố bôi xóa điều đó ra khỏi trí óc em. Đó là lý do tại sao em không muốn cầm theo máy chụp ảnh."

Họ đi bên nhau trong im lặng. Im lặng là cách duy nhất không nghĩ đến Karenin bằng thì quá khứ. Họ luôn mắt canh chừng nó, chờ đợi nó nở nụ cười. Nhưng nó không cười, nó chỉ khập khiễng ba chân cố lóp ngóp đi theo hai người chủ.

"Nó vì chúng mình đấy." Tereza bảo. "Nó đâu muốn đi, nó đi là vì muốn làm mình vui lòng."

Điều cô nói buồn bã lắm, nhưng dù không nhận ra, hai người quả có vui sướng. Họ vui sướng không phải vì bất chấp mà vì nhờ có nỗi buồn. Họ nắm tay nhau và trong ý nghĩ hai người hiện lên cùng hình ảnh: con chó đi khập khiễng, con chó tượng trưng cho mười năm trời của cuộc sống chung.

Họ đi thêm đoạn nữa. Bỗng Karenin ngừng lại rồi quay đuôi bỏ về trước sự thất vọng lớn của hai người. Họ đành theo nó trở về.

Có lẽ ngày hôm đó hay có thể ngày hôm sau, Tomas ngồi trong nhà đang đọc một lá thư thì Tereza mở cửa bước vào. Nghe tiếng cửa mở, anh nhét lá thư vào đồng giấy tờ, nhưng cô trông thấy anh làm cử chỉ đó. Lúc bước ra, cô còn thấy anh nhét lá thư vào túi. Nhưng anh quên cái phong bì. Ngay lúc anh vừa ra khỏi nhà, cô lấy phong bì lá thư ra quan sát kỹ lưỡng. Tuồng chữ ghi địa chỉ cô thấy không quen thuộc nhưng nét chữ nắn nót và cô đoán phải là nét chữ đàn bà.

Khi anh về, cô thờ ơ hỏi anh hôm nay có thư chưa.

"Chưa." Tomas trả lời. Câu trả lời của Tomas làm Tereza thấy đầy ứ nổi chán chường tuyệt vọng, nổi chán chường càng ghê gớm vì cô vẫn không tài nào chấp nhận nó cách dễ dàng. Không, cô không tin anh có nhân tình bí mật nào trong làng. Điều đó không thể xảy ra. Mỗi giây phút rảnh rỗi của anh cô đều hay biết anh làm gì. Chắc anh vẫn giữ liên lạc với người đàn bà nào trên Praha, người anh không xóa bỏ hình bóng được dù cô ta không để lại mùi hăng trên tóc tai anh nữa. Tereza không nghĩ Tomas muốn bỏ cô chạy theo người đàn bà đó, nhưng hai năm trời hạnh phúc ở đồng quê giờ đây đột nhiên bị câu nói dối làm lu mờ ảm đạm.

Ý tưởng cũ lại hiện về trí óc cô: Ngôi nhà của cô là Karenin chứ không phải Tomas. Ai sẽ là người lên dây cái đồng hồ đo ngày tháng của hai người sau khi Karenin ra đi?

Đưa trí óc trôi về tương lai, tương lai không có Karenin, Tereza cảm thấy như bị bỏ rơi.

Karenin nằm rên gầm gừ trong xó nhà. Tereza bỏ ra vườn. Cô nhìn đám cỏ giữa hai cây táo và tưởng tượng sẽ chôn Karenin ở đó. Cô ấn gót chân xuống đất và vạch thành hình chữ nhật trên cỏ. Đó sẽ là mồ chôn Karenin.

"Em làm gì vậy?" Tomas hỏi cô, anh làm cô giật mình như trước đó ít giờ cô làm anh giật mình.

Cô không trả lời. Anh để ý thấy lần đầu tiên trong nhiều tháng trời tay cô run lấy bầy. Anh đưa tay nắm tay cô nhưng cô giật lại.

"Có phải đó là mồ chôn Karenin?"

Cô vẫn không thèm trả lời anh.

Sự im lặng làm anh bốc cơn giận dữ. Anh nổ bùng. "Em lên án anh nghĩ đến nó bằng thì quá khư, còn em, em đang làm cái gì ở đây? Em thu xếp việc ma chay cho nó!"

Cô quay lưng lại anh.

Tomas bỏ vào phòng riêng đóng sầm cánh cửa.

Tereza theo vào mở cửa ra. "Thay vì lúc nào cũng nghĩ đến mình, anh thử ít nhất tôn trọng nó một chút xem sao." Cô bảo anh. "Nó đang ngủ, anh vừa đánh thức nó dậy. Bây giờ nó lại bắt đầu rên rỉ nữa kìa."

Cô biết cô không phải với anh (con chó đâu có ngủ); cô biết cô đang diễn những hành vi đàn bà tầm thường nhất, hạh đàn bà gây đau đớn và biết cách gây đau đớn cho người khác.

Tomas rón rén bước vào phòng nơi Karenin đang nằm, nhưng Tereza không cho anh yên một mình với con chó. Cả hai ngồi phủ phục lên nó, mỗi người một bên. Hành động này không ám chỉ sự làm lành hòa hoãn. Ngược lại là chẳng khác. Mỗi người một thế giới riêng. Tereza với con chó của cô. Tomas với con của anh.

Tại sao từ ngữ "điền viên tĩnh mặc" lại quan trọng như vậy với Tereza?

Giống như chúng ta trưởng thành với những huyền thoại từ quyển kinh Cựu Ước, có thể nói điền viên tĩnh mặc là hình ảnh rơi rớt trong chúng ta như ký ức về Thiên đàng: sống trên Thiên đàng không có nghĩa là chạy theo đường thẳng đi về nơi vô định; cuộc sống không phải cuộc mạo hiểm. Nó di động theo đường tròn quanh những món vật quen thuộc. Đơn điệu nảy sinh hạnh phúc, không phải nỗi buồn tẻ chán chường.

Khi còn sinh sống nơi đồng quê, với thiên nhiên, chung quanh là gà vịt trâu bò, giữa những mùa màng đều đặn đến rồi đi, con người còn ghi nhận trong lòng hình ảnh mờ cảnh điền viên tĩnh mặc nơi Thiên đàng. Đó là lý do tại sao khi gặp người chủ nhiệm hợp tác xã tại thành phố khoáng tuyến, trong đầu Tereza vẽ nên hình ảnh miền quê (miền quê cô chưa bao giờ sinh sống hoặc hiểu biết) mà cô thấy êm đẹp quyến rũ vô cùng.

Adam, đứng nhìn xuống lòng giếng, không nhận ra hình bóng dưới giếng chính là mình. Adam chẳng bao giờ hiểu nổi Tereza khi cô còn là cô bé gái đứng trước gương và cố thấu thị tâm hồn mình qua thân xác. Adam giống Karenin. Tereza đặt ra trò chơi bắt Karenin nhìn nó trong gương, nhưng nó chẳng bao giờ nhận ra hình ảnh chính nó mà chỉ nhìn vô hồn với vẻ thần nhiên ngoài tưởng tượng.

So sánh Adam với Karenin khiến tôi liên tưởng đến ý nghĩ trên Thiên đàng con người chưa hẳn là con người. Hay nói chính xác hơn, khi con người chưa bị đuổi đi. Giờ đây chúng ta là những kẻ bị đuổi ra khỏi Thiên đàng từ lâu lắm rồi, và đang bay giữa khoảng trống thời gian theo đường bay thẳng tắp. Tuy vậy đâu đó mãi sâu bên dưới, sợi chỉ mong manh vẫn thắt buộc chúng ta với cõi Thiên đàng títt tắp mù khơi kia, nơi Adam đứng soi hình bóng mình dưới lòng giếng và, không giống Narcissus, ông chẳng bao giờ nghi hoặc cái bóng vàng chạch nhờ nhờ dưới kia lại chính là mình. Con người khao khát Thiên đàng tức là khao khát không còn là con người nữa.

Khi còn nhỏ, mỗi lần bắt gặp băng vệ sinh mẹ cô dùng xong vứt bừa bãi, cô cảm thấy gớm ghiếc ghê tởm, cô ghét mẹ không biết xấu hổ không chịu ném những vật ghê tởm đó đi. Nhưng Karenin, một con chó cái, cũng có chu kỳ kinh nguyệt của nó. Mỗi sáu tháng nó bị một lần và mỗi lần kéo dài cả hai tuần lễ. Để ngăn ngừa nó làm dơ nhà, Tereza nhét núi bông giòn giữa hai chân sau nó rồi tròng chiếc quần lót cũ giữ cho bông gòn khỏi rớt, xong cô còn khéo léo thắt chiếc nơ bó chặt những thứ lủng nhùng đó vào thân mình nó. Suốt hai tuần lễ cô cười ngất mỗi lần nhìn con chó.

Tại sao kinh nguyệt của con chó cô thấy thích chí buồn cười còn kinh nguyệt của chính mình cô thấy buồn nôn buồn mửa? Tôi thấy câu trả lời giản dị lắm: chó không bao giờ bị đuổi khỏi Thiên đàng. Karenin không hay biết gì về tính lưỡng đối giữa tâm hồn và thể xác, nó cũng chẳng có khái niệm gì về sự ghê tởm. Đó là lý do tại sao Tereza thấy tự do và dễ dàng với con

chó. (Và đó cũng là lý do tại sao thật nguy hiểm nếu chúng ta biến con vật thành một *machinae animatae*, biến con bò cái thành cái máy sản xuất sữa. Làm thế, con người cắt đứt sợi chỉ ràng buộc con người với Thiên đàng và sẽ chẳng còn gì cho con người nắm giữ hay an ủi trong chuyến không trình bay xuyên qua khoảng trống thời gian nữa.)

Từ những ý tưởng lộn xộn này nảy sinh một ý tưởng táo bạo mà Tereza không tài nào trấn át nổi: tình thương thắt buộc cô và Karenin còn tốt đẹp hơn tình thương giữa cô và Tomas. Tốt đẹp hơn chứ không to lớn hơn. Tereza không muốn trách cứ Tomas hay chính mình; cô không đòi hỏi hai người phải yêu thương nhau nhiều hơn. Đặt bên cạnh bản chất liên hệ vợ chồng, cô có cảm giác tình thương giữa đàn ông đàn bà là cái gì thấp kém hơn cả tình thương (ít nhất ở những cảnh huống tốt đẹp nhất) giữa người và chó. Sự bất thường trong lịch sử con người đó, theo cô, có lẽ là do Ông Tạo không tính trước.

Tình thương đó hoàn toàn không vị kỷ: Tereza không hề mong muốn điều gì từ Karenin; cô chẳng bao giờ yêu cầu nó phải yêu thương cô lại. Cô cũng tuyệt nhiên không thắc mắc nêu câu hỏi thường xuyên giằng vặt quá nhiều những cặp vợ chồng người: Chàng có yêu thương mình không? Chàng có yêu thương ai hơn mình không? Chàng có yêu thương mình hơn mình yêu thương chàng không? Có lẽ tất cả những câu hỏi chúng ta đặt ra để đo lường, thử thách, trắc nghiệm, cứu vãn tình yêu đều tạo ảnh hưởng phụ lực chặt đứt nó mau lẹ hơn. Có lẽ lý do chúng ta không yêu thương được ai là vì chúng ta khao khát được yêu thương, điều đó có nghĩa chúng ta đòi hỏi cái gì đó (tình yêu) từ người bạn đời thay vì dâng hiến chính mình cho người kia mà không kèm theo yêu cầu nào ngoại trừ sự có mặt của người đó.

Và còn điều nữa, Tereza chấp nhận Karenin; cô không ép buộc nó phải ghi khắc hình ảnh cô. Cô đồng ý ngay từ lúc khởi điểm cuộc đời nó là một con chó, cô không ép buộc nó phải bước ra cuộc đời đó, cô không ganh tị với những bí mật cuộc đời nó. Lý do cô huấn luyện nó không phải vì cô muốn thay đổi nó (như vợ chồng tìm cách cải đổi nhau), mà chỉ vì cô muốn dạy nó một thứ ngôn ngữ sơ đẳng để nó hiểu cô, và từ đó có thể chung sống với nhau dễ dàng hơn.

Rồi còn nữa: Không ai ép buộc cô phải thương Karenin; thương chó là cái gì tự nguyện. (Một lần nữa Tereza lại nhớ đến bà mẹ và cô ân hận về những chuyện xảy ra trước đây giữa mẹ con. Giá mẹ cô là một trong những người đàn bà vô danh trong làng, chắc cô sẽ thấy thái độ thô lậu luông tuồng của bà chẳng có gì khó ưa. Ôi, phải chi mẹ cô là người lạ! Từ thuở bé Tereza đã thấy xấu hổ vì diện mạo mình giống mẹ và cách mẹ cô tước đoạt "cái tôi" từ cô như thế nào. Tệ hại hơn là cái mệnh lệnh xưa cũ muôn đời "Hãy yêu mẹ kính cha" ép buộc cô phải đồng ý cho kẻ xâm lăng chiếm đoạt, phải gọi sự thô bạo là tình thương! Không phải vì mẹ cô có lỗi cô từ bỏ ra đi. Tereza từ bỏ mẹ không phải vì bà là bà mẹ tệ lậu không ra gì mà chỉ vì bà là mẹ cô.)

Nhưng trên hết: Không ai có quyền cho kẻ khác quà tặng được hưởng thú yên bình tĩnh lặng; chỉ loài vật làm được điều đó, bởi loài vật không bị đuổi ra khỏi Thiên đàng. Tình thương giữa người và chó là cái gì tĩnh lặng dịu êm. Không có những va chạm đối nghịch, không có những cảnh tượng khiếp vía kinh hồn, không có những biến chuyển đổi thay. Karenin vây quanh Tereza và Tomas với cuộc sống dựa trên sự lặp lại, và nó chờ đợi hai người cũng làm như thế với nó.

Giả sử Karenin là người thay vì chó, chắc chắn từ lâu nó đã bảo Tereza, "Này, tôi chán vô cùng mỗi ngày phải ngoạm đem về ổ bánh trong miệng. Bà không biết cho tôi cái gì khác hơn sao?" Và nằm trong đó là toàn thể tình huống con người. Thời gian của con người không đi theo đường tròn; nó chạy về phía trước theo đường thẳng. Đó là lý do tại sao con người không thể có hạnh phúc: hạnh phúc là khao khát sự lặp lại.

Vâng, hạnh phúc là khao khát sự lặp lại, Tereza nhủ thầm.

Lần nào cũng thế, lúc dẫn con heo Mefisto ra ngoài đi dạo và gặp Tereza, ông chủ nhiệm hợp tác xã đều nói câu, "Tereza, tại sao phải đợi đến cuối đời tôi mới có nó vậy? Nó và tôi, chúng tôi mà đi tán đàn bà thì phải biết! Đàn bà nào chịu thấu hai con heo nhỏ này?" Lúc đó con heo được dạy phải kêu ừ ừ và hực hực cái đầu. Mỗi lần như vậy Tereza cười ngất, mặc dù cô biết trước từng chữ từng câu ông ta sẽ nói. Câu nói bông đùa không hề mất vẻ duyên dáng mặc dù ông lặp đi lặp lại nhiều lần. Ngược lại là đằng khác. Giữa khung cảnh điền viên tĩnh mặc lý tưởng, ngay cả sự bông đùa cũng bị định luật ngọt ngào của sự lặp lại chi phối.

So với người, chó không được hưởng bao nhiêu ưu thế, nhưng một ưu thế tối quan trọng chó hơn người là: không luật pháp nào ngăn cấm chó được chết cách nhẹ nhàng không đau đớn; loài vật có quyền chết cái chết khoan dung, thanh thản. Karenin còn ba chân để đi và càng ngày nó càng nằm bệt nhiều hơn trong xó nhà. Và gầm gừ rên rỉ. Cả hai vợ chồng đều đồng ý không việc gì bắt nó phải chịu đau đớn không cần thiết như thế. Nhưng hai người chỉ đồng ý trên nguyên tắc, họ phải đối đầu mỗi lo làm thế nào định được thời điểm sự chịu đựng thật sự không cần thiết nữa, thời điểm cuộc sống không còn đáng sống.

Phải chi Tomas không phải là bác sĩ! Nếu vậy họ có thể trốn núp sau nhân vật thứ ba. Họ chỉ việc đem nó trở lại vị bác sĩ thú y và nhờ ông tiêm cho nó một ống thuốc ngủ là xong.

Đảm nhiệm vai trò tử thần là cái gì hết sức kinh khiếp. Tomas nhất định không chịu cầm ống tiêm; anh bảo để người bác sĩ thú y sang làm công việc đó. Nhưng rồi anh nhận ra chính anh là người có thể ban bố cho Karenin cái đặc ơn loài người bị cấm đoán: Cái chết đến với nó qua lột vỏ những người yêu thương nó.

Suốt đêm Karenin rên rỉ. Sáng ra, sau khi xem xét chân con vật, Tomas bảo Tereza, "Phải làm ngay thôi, chờ đợi chỉ chuốc thêm khổ cho nó."

Ít phút nữa họ phải ra đồng. Tereza vào thăm Karenin. Cho đến lúc đó, nó vẫn nằm yên trong xó nhà tuyệt nhiên không buồn động dậy (ngay cả khi Tomas vào xoa nắn chân nó, nó cũng không cất đầu lên nhìn anh), nhưng nghe tiếng cửa mở và thấy Tereza đi vào, nó ngược đầu dậy giương mắt nhìn cô.

Cái nhìn của Karenin làm cô xốn xang không chịu nổi, nó làm cô gần như hãi sợ. Nó chẳng hề nhìn Tomas như thế, chỉ với cô thôi. Nhưng chưa bao giờ mãnh liệt như vậy. Không phải là cái nhìn tuyệt vọng, ngay cả buồn bã cũng không. Không, đó là cái nhìn hàm chứa niềm tin khôn kham đáng sợ. Cái nhìn là câu hỏi nôn nao. Suốt đời Karenin chờ đợi câu trả lời từ Tereza, và nó đang cho cô hay biết (với sự khẩn cấp hơn bình thường) là nó vẫn đang sẵn sàng học thêm chân lý từ cô. (Với nó tất cả những gì từ Tereza đều là chân lý. Ngay cả những câu ra lệnh như "Ngồi!" hay "Nằm xuống" nó đều xem là chân lý đem ý nghĩa lại cho cuộc đời nó.)

Cái nhìn với niềm tin đáng sợ đó kéo dài không lâu; chỉ trong thoáng chốc nó lại gục đầu xuống hai bàn chân trước. Tereza biết chẳng bao giờ còn ai nhìn cô với ánh mắt đó nữa.

Hai người không bao giờ cho nó ăn đồ ngọt, nhưng gần đây cô mua cho nó ít kẹo sô cô la. Cô bóc bao giấy nhôm, bẻ vụn thối kẹo thành nhiều mảnh nhỏ rồi rải thành vòng tròn chung quanh nó. Đoạn cô đem đến tô nước lạnh để cho nó có mọi thứ ăn uống trong thời gian mấy tiếng ở nhà một mình. Cái nhìn nó nhìn cô mới đây dường như làm nó thối mệ. Mặc dù chung quanh đầy kẹo sô cô la, nó vẫn không ngẩng đầu lên.

Cô nằm dài dưới sàn nhà bên cạnh con chó rồi quàng tay ôm nó. Với đầy khó nhọc nó chậm chạp xoay đầu lại đánh hơi rồi thè lưỡi liếm mặt cô hai ba cái. Cô nhắm chặt hai mắt trong lúc nó liếm cô như thể cô muốn ghi nhớ cảm giác đó mãi. Đoạn cô đưa má bên kia cho nó liếm.

Sau đó cô phải đi chặn đàn bò. Cô về nhà trước giờ ăn trưa. Tomas chưa về. Karenin vẫn nằm dưới sàn nhà, chung quanh sô cô la còn nguyên, nó không buồn ngẩng đầu khi nghe tiếng cô bước vào nhà. Cái chân đau của nó bây giờ sưng vù lên, và vết ung nhọt lan rộng hơn. Cô để ý thấy dưới lớp lông của nó lấm tấm mụn ửng đỏ (nhưng không giống màu máu.)

Một lần nữa cô nằm dài bên cạnh con chó. Cô quàng tay ôm thân hình nó rồi nhắm mắt lại. Đột nhiên cô nghe tiếng đập cửa. "Bác sĩ! Bác sĩ! Con heo đến rồi. Con heo và chủ nó!" Cô không còn hơi sức đâu để nói chuyện với bất cứ ai trong lúc này, cô nằm yên, mắt vẫn nhắm nghiền. "Bác sĩ! Bác sĩ! Mấy con heo đến rồi." Và sau đó là im lặng.

Mãi nửa giờ sau Tomas mới có mặt ở nhà. Anh đi thẳng vào nhà bếp, không nói không rằng chuẩn bị kim chích. Lúc anh bước vào phòng nơi Karenin nằm, Tereza đã đứng lên và con chó đang cố chồm dậy. Khi thấy Tomas, nó vẫy đuôi yếu ớt.

"Anh xem này," Tereza bảo, "nó đang cười."

Cô nói giọng khẩn khoản, như cố trì hoãn việc đã rồi, nhưng không có gì quyết liệt lắm.

Cô chậm rãi trải tấm vải trên mặt ghế dài. Tấm vải màu trắng điểm những bông tím tí hon. Cô đã suy nghĩ và sắp đặt cẩn thận mọi thứ, tưởng tượng ra cái chết của Karenin từ nhiều ngày trước. (Ôi, quả kinh hãi khi ta thật sự tưởng tượng trước cái chết của người ta yêu thương!)

Nó không còn sức nhảy lên ghế. Hai người phải bế nó lên. Tereza đặt nó nằm nghiêng trong lúc Tomas xem xét một trong ba chân lành của nó. Anh vạch lông tìm một động mạch tương đối lớn. Đoạn anh dùng kéo cắt đi ít lông.

Tereza quỳ gối bên cạnh, cô ôm đầu con Karenin sát vào mặt mình.

Tomas nhờ cô bóp chân Karenin vì mũi kim vào hơi khó. Cô làm theo lời anh bảo, nhưng mặt cô vẫn không rời đầu con vật. Cô khe khẽ vỗ về nó, và nó chỉ nghĩ đến cô mà thôi. Nó không sợ hãi. Nó liếm mặt cô hai lần nữa. Tereza tiếp tục nói thầm vào tai nó, "Cung đừng sợ, cung đừng sợ nhé, ở trên đó cung sẽ không bị đau đón nữa đâu, cung sẽ mơ thấy sóc nè, thỏ nè, sẽ có đàn bò cho cung nữa, và Mefisto sẽ lên chơi với cung, cung đừng sợ nhé..."

Tomas đâm mũi kim vào mạch máu con Karenin. Chân nó giật mạnh, hơi thở nó dồn dập chừng vài giây rồi ngừng hẳn. Tereza vẫn ngồi dưới sàn nhà bên cạnh ghế, mặt cô vùi vào đầu con vật.

Sau đó hai người ra đồng tiếp tục công việc bỏ dở, xác con vật nằm trên ghế dài, trên tấm vải trắng điểm bông tím tí hon.

Mãi gần tối họ mới về. Tomas ra vườn sau. Anh tìm ra đám cỏ nơi Tereza dùng gót chân

vạch thành hình chữ nhật giữa hai gốc táo. Đoạn anh bắt đầu xới đất lên. Anh đào lỗ huyết thật sát theo đường vạch. Anh muốn mọi thứ phải y như Tereza hoạch định.

Cô ở lại trong nhà với Karenin. Cô sợ nếu không cẩn thận, lỗ chôn sống nó thì nguy lắm. Cô ghé tai sát miệng nó lắng nghe và ngỡ như có tiếng thở yếu ớt. Cô lùi lại và dường như thấy ngực nó hơi cử động lên xuống.

(Không, tiếng thở từ cô, và vì hồi hộp cơ thể cô hơi dao động khiến cô có cảm tưởng con vật đang động đậy.)

Cô lục tìm trong xác tay cái gương nhỏ rồi dí sát miệng con vật. Cái gương lem luốc đến độ cô tưởng trên mặt gương đọng những giọt hơi nước do hơi thở con vật gây ra.

"Tomas! Nó còn sống!" Cô hét lên trong lúc Tomas từ ngoài vườn bước vào, đôi ủng dưới chân anh dính đầy bùn đất.

Tomas đến cúi xuống xác con vật, anh lắc đầu.

Vợ chồng mỗi người nắm một đầu mảnh vải, Tereza đầu dưới, Tomas đầu trên, hai người khiêng xác con vật ra vườn.

Tereza cảm thấy mảnh vải ươn ướt trong tay mình. Nó quây ướt lúc đi vào cuộc đời mình và bây giờ quây ướt lúc ra đi, vừa khiêng cô vừa nghĩ thầm như vậy, và mảnh vải ướt khiến cô thấy vui vui trong lòng, đó là lời chào vĩnh biệt của nó.

Họ khiêng xác nó đến đặt dưới lỗ huyết bên cây táo. Cô kéo miếng vải che kín xác nó. Lát nữa đây, đất bùn sẽ ném xuống như mưa đập lên thân xác trần truồng của nó, nghĩ đến chừng đó thôi cô đã chịu không nổi rồi.

Đoạn cô trở vào nhà lấy ra giấy trông cổ của nó và nắm sô cô la còn rải nguyên dưới sàn nhà chung quanh nó từ sáng. Cô ném tất cả xuống lỗ huyết.

Bên cạnh là ụ đất mới đào. Tomas cầm xẻng lên.

Ngay lúc đó, Tereza nhớ lại giấc mơ: Karenin để ra hai ổ bánh mì và một con ong. Đột nhiên dòng chữ vang lên nghe như lời ghi trên mộ bia. Cô hình dung đài kỷ niệm dựng lên nơi đó, giữa hai cây táo, với hàng chữ *Nơi yên nghỉ của Karenin. Nó để ra hai ổ bánh mì và một con ong.*

Trong vườn trời tranh sáng tranh tối, thời điểm giữa ngày và đêm. Trên nền trời mảnh trăng lơ mơ hiện ra, ngọn đèn quên tắt trong gian phòng người chết.

Ủng dưới chân hai người bê bột bùn đất lúc họ đem mai xẻng đi cất trong nhà chứa dụng cụ nơi cào, cuốc, thùng đựng nước dựng đứng thành hàng một.

Anh ngồi tại bàn giấy chỗ anh thường ngày đọc sách. Những lúc như vậy Tereza hay lên phía sau anh, cúi xuống áp má cô vào má anh. Nhưng hôm đó cô làm anh giật mình. Anh không đọc sách, trước mặt anh là một lá thư, và mặc dù lá thư dài không quá năm hàng chữ đánh máy, Tomas tư lự nhìn vào mảnh giấy thật lâu.

"Chuyện gì vậy, anh?" Tereza hỏi, giọng cô đột nhiên đầy lo âu.

Vẫn không quay đầu lại, Tomas đưa cô lá thư. Lá thư yêu cầu anh có bốn phân phải trình diện ngay ngày hôm sau đó tại phi trường thị xã lân cận.

Khi anh quay ra nhìn cô, Tereza đọc được nét khiếp sợ mới dấy lên trong lòng cô nơi mắt anh.

"Em đi với anh." Cô bảo.

Anh lắc đầu. "Họ chỉ muốn gặp anh thôi."

"Không, em đi với anh." Cô lặp lại lần nữa.

Hai người đi bằng xe tải của Tomas. Không bao lâu họ đến phi trường. Trời sương mù dày đặc. Cổ lăm họ mới nhận ra hình ảnh mờ mờ mấy chiếc phi cơ đậu trong phi trường. Họ đi từ chiếc này sang chiếc khác, nhưng tất cả cửa phi cơ đều đóng kín. Không được phép vào. Cuối cùng họ tìm ra chiếc phi cơ cửa mở, cầu thang dẫn thẳng lên. Họ leo lên cầu thang và người tiếp viên đứng bên cửa chào đón họ. Phi cơ nhỏ lăm – loại chứa không quá ba mươi hành khách – và hoàn toàn trống trơn. Họ bước lần theo lối đi giữa hai hàng ghế, vừa đi vừa ôm lấy nhau cố không để ý gì đến ngoại cảnh chung quanh. Họ chọn ghế ngồi bên cạnh nhau và Tereza ngả đầu lên vai Tomas. Làn sóng khiếp sợ đầu tiên đi qua và nỗi buồn tràn về xâm chiếm.

Khiếp hãi là cú sốc, là thời khắc của mù lòa cảm nín. Khiếp hãi thiếu mọi ám hiệu gợi nét đẹp. Tất cả những gì nhìn thấy chỉ còn là tia sáng xuyên phá của biển cố bất tường đang chờ đón. Buồn bã, mặt khác, đi kèm giả thiết đã hay biết tường tận trước sau. Tomas và Tereza biết rõ chuyện gì đang chờ đón hai người. Tia sáng của khiếp sợ vì thế nhạt đi nét thô bạo, và thế giới đắm chìm giữa luồng sáng êm dịu xanh xao và thật sự đẹp dễ hấn lên.

Lúc đọc lá thư, Tereza không thấy yêu thương Tomas; cô chỉ giản dị nhận ra cô không thể tách lìa anh một giây một phút nào: cảm giác khiếp hãi chế ngự hoàn toàn mọi cảm xúc và bản tính khác. Giờ đây người dựa vai anh (trong lúc phi cơ bay xuyên qua những đám mây giông bão), cơn sợ trong cô lắng xuống và cô nhận ra tình yêu của mình, tình yêu cô biết không có hạn kỳ hay cương vực.

Cuối cùng phi cơ đáp xuống. Họ đứng dậy đi ra cửa, người tiếp viên mở cửa cho họ ra. Vẫn ôm hông nhau, họ dừng lại từ trên cầu thang nhìn xuống. Bên dưới ba gã đàn ông đầu phủ bao

tải kín mít, tay cầm súng dài. Họ từ từ bước xuống, và khi chân họ vừa chạm mặt đất, một trong ba gã đàn ông nâng súng lên nhắm vào người họ. Không nghe tiếng súng nổ nhưng Tereza cảm thấy Tomas ngã gục xuống đất dù mới phút giây trước đó anh còn dựa vào cô, tay vòng qua ôm hông cô.

Cô cố sức lôi anh về phía mình nhưng không cách nào giữ anh đứng vững nổi, và anh ngã xuống nền xi măng phi đạo. Cô nghiêng người trên xác anh, như sắp sửa quăng mình lên anh, dùng xác mình che xác anh. Đột nhiên cô thấy cái gì lạ lùng quá đối hiện ra: xác anh bỗng nhiên vụt cái thu nhỏ lại ngay trước mắt cô. Cô kinh hoàng đến độ tê cứng cả người và đứng chết trân nơi đó. Càng thu rút nhỏ, xác Tomas càng không giống anh, cho đến khi nó biến thành món vật bé tí teo và bắt đầu cử động, rồi nó phóng vụt qua bãi đất trống phi trường.

Gã đàn ông bắn anh hồi nãy gỡ bao che mặt rồi nhìn Tereza cười thiện cảm. Đoạn gã quay người phóng chạy đuổi theo món vật bé tí. Nó dậm bên này bổ bên kia như thể đang cố gắng cách tuyệt vọng trốn chạy và tìm chỗ ẩn núp. Cuộc rượt bắt kéo dài trong chốc lát đến khi gã đàn ông thành linh phóng mình xuống mặt đất. Cuộc rượt bắt kết thúc.

Gã đàn ông đứng dậy bước về phía Tereza, cầm trên tay món vật gã bắt được. Nó sợ hãi run bần bật. Một con thỏ. Gã đưa Tereza con thỏ. Ngay lúc đó, cơn khiếp sợ cũng như nỗi buồn trong cô bỗng nhiên lắng xuống và cô thấy vui sướng xiết bao được ôm con vật trong lòng, vui sướng vì con vật thuộc về cô và cô có thể ép nó sát mình. Nước mắt sung sướng cô trào ra. Cô khóc, khóc mãi đến khi nước mắt khiến cô mù lòa, và cô đem con thỏ về nhà với cảm giác cô đã đạt gần tới mục tiêu, nơi chốn cô muốn trở về và sẽ không bao giờ ruồng bỏ nữa.

Lang thang trên đường phố Praha, cô dễ dàng tìm ra căn nhà cũ, căn nhà cô chung sống với Ba Mẹ khi cô còn là một cô bé gái. Nhưng Ba Mẹ đi đâu mất rồi. Chào đón cô là hai người già cả cô chưa bao giờ gặp mặt nhưng cô biết ngay đó là ông bà cố mình. Da dẻ khuôn mặt hai người già nhăn nheo như thân cây đại thụ, nhưng Tereza vui sướng sống chung với họ. Nhưng bây giờ Tereza muốn yên tĩnh một mình với con vật của cô. Cô tìm ngay ra căn phòng riêng hồi cô năm tuổi, lúc cha mẹ cô quyết định cô xứng đáng có phòng riêng.

Phòng có giường ngủ, bàn ghế mỗi thứ một cái. Trên bàn đặt ngọn đèn, ngọn đèn không bao giờ tắt tiên liệu có lúc cô quay về, một con bướm đôi cánh mở rộng trên có hai con mắt lớn đậu trên ngọn đèn. Tereza biết cô đã đạt tới đích. Cô nằm lăn ra giường và ôm con thỏ ép sát mặt mình.

Anh ngồi tại bàn giấy chỗ anh thường ngày đọc sách, trước mặt anh là cái phong bì với lá thư bên trong. "Thỉnh thoảng anh nhận được những lá thư này mà anh chẳng bao giờ cho em hay biết." Anh bảo Tereza. Thư thằng con trai anh viết. Anh cố tách rời đời sống nó ra khỏi đời sống anh, vậy mà định mệnh đâu để yên cho anh. Cách đây ít năm nó bị đuổi khỏi trường Đại học. Hiện nó lái xe máy cày tại ngôi xã lân cận. Đời sống nó và anh có thể không dính líu gì nhau, nhưng cả hai cùng đi về một hướng, như những đường thẳng song song."

"Tại sao anh không bao giờ cho em hay biết về những lá thư?" Tereza hỏi, thở phào, nhẹ nhõm.

"Anh không biết tại sao. Có lẽ vì chẳng có gì vui, anh đoán vậy."

"Nó thường viết cho anh không?"

"Thỉnh thoảng."

"Nó viết về cái gì?"

"Về nó."

"Có chi hay ho không?"

"Có. Em nhớ mẹ nó là người Cộng sản trung kiên. Nhưng nó từ mẹ nó từ lâu lắm rồi. Sau đó nó kết thân với những người bị gây rắc rối như cảnh ngộ vợ chồng mình, và nó dính líu tới những hoạt động chính trị của những người đó. Có người hiện đang ở tù. Nhưng rồi nó lại từ già. Trong thư nó gọi những người này là 'những nhà cách mạng muôn đời.'"

"Điều đó có nghĩa nó chấp nhận sống yên với chế độ sao?"

"Không, không hề có chuyện đó bao giờ. Nó tin vào Thượng đế và nghĩ đó là chìa khóa cho đời sống. Nó nói chúng ta nên sống theo lời dạy của tôn giáo mà quên đi mọi chú ý đến chế độ, hoàn toàn để ngoài tai. Nó bảo nếu chúng ta tin vào Thượng đế, chúng ta có thể chấp nhận mọi trạng huống và, dùng chính hành vi của chúng ta làm phương tiện, khả dĩ hoán đổi trạng huống đó thành cái gọi là 'Thiên quốc Đức Chúa Trời nơi hạ giới.' Nó bảo nhà thờ là hiệp hội tình nguyện duy nhất trong toàn quốc thoát cảnh bị nhà nước quản chế. Anh thắc mắc, không hiểu nó gia nhập Hội thánh vì muốn chống chế độ hay thực sự tin tưởng vào Thượng đế."

"Tại sao anh không hỏi thẳng nó?"

"Anh kính phục những người có niềm tin," Tomas nói tiếp. "Anh nghĩ họ là người có đường lối tiếp nhận sự vật một cách siêu việt khác thường mà anh không có. Nó tương tự như cái nhìn thông suốt quá khứ vị lai, em có thể nói như vậy. Nhưng cảnh ngộ thằng con anh lại chứng

minh niềm tin thật ra là cái gì hết sức đơn giản. Nó bị trù giập, nhà thờ mở cánh cửa đón nó vào, và nó có niềm tin trước khi nó nhận ra điều đó. Vì thế, nghe như chính sự biết ơn đã quyết định câu chuyện. Quyết định của con người quả đơn giản lắm thay."

"Anh có bao giờ hồi âm nó không?"

"Thư nó viết chẳng bao giờ ghi địa chỉ người gửi," anh trả lời cô, "mặc dù con dấu bưu điện ghi tên quận hạt. Anh có thể gửi thư về văn phòng hợp tác xã."

Tereza thấy xấu hổ vì đã nghi ngờ Tomas, cô hy vọng chuộc tội bằng cách mở lòng tử tế tốt đẹp đến người con trai anh. "Nếu vậy sao anh không viết vài hàng mời nó đến nhà chơi?"

"Trông nó giống anh lắm," Tomas bảo. "Lúc nói chuyện, môi trên nó cong lại y như môi anh. Ý tưởng nhìn đôi môi mình đi lại bên trong Thiên quốc Đức Chúa Trời – lạ lắm quá đấy thôi."

Tereza phá lên cười.

Tomas cười theo.

"Tomas, anh đừng trể con! Dù sao chuyện giữa anh và bà vợ trước là chuyện cũ. Việc gì đến nó? Nó dính líu gì đến chuyện đó đâu. Tại sao phải làm khổ thằng nhỏ chỉ vì lúc trẻ anh không chín chắn khiến xảy ra chuyện lỡ lầm?"

"Thành thật mà nói, anh thấy khớp nghĩ đến lúc gặp mặt nó. Đó là lý do chính tại sao anh trù trừ do dự mãi. Anh không biết cái gì khiến anh cứng đầu như thế và ngăn cản, không cho anh gặp nó. Đôi khi mình có thiên kiến về vấn đề gì đó mà không biết tại sao, và sự quyết tâm đó dai dẳng không đổi thay được vì sức mạnh cái nọ tính trong con người chúng ta. Năm tháng chồng chất nỗi khó khăn thay đổi càng lúc càng lớn hơn."

"Anh mời nó lại nhà đi." Cô bảo anh.

Chiều hôm đó trong lúc từ chuồng bò về, cô nghe tiếng người văng vẳng từ xa. Đến gần hơn, cô thấy chiếc xe tải của Tomas. Tomas đang cúi người thay bánh xe, trong lúc mấy người đàn ông khác đứng chung quanh nhìn và chờ anh làm xong công việc.

Cô thấy xót xa trong dạ: trông anh già nua quá đấy. Tóc anh bạc, và sự chậm chạp vụng về nơi anh không phải vì anh đang từ địa vị bác sĩ bỗng chốc biến thành người tài xế xe tải mà vì anh không còn trẻ trung nữa.

Cô nhớ câu chuyện mới đây với ông chủ nhiệm hợp tác xã. Ông bảo cô chiếc xe tải của Tomas hư hao nhiều quá. Ông nói như đùa bốn chữ không phải than phiền, nhưng cô hiểu ông quan tâm. "Tomas rành rẽ lục phủ ngũ tạng bên trong cơ thể con người ta chứ máy xe thì ổng biết gì." Ông vừa nói vừa cười. Đoạn ông thú thật ông lên nói chuyện với cơ quan trên mấy lần xin phép cho Tomas trở lại hành nghề bác sĩ, ngay tại địa phương đây cũng được. Nhưng ông biết bên công an chẳng bao giờ chấp thuận cho chuyện đó xảy ra.

Cô đến núp sau thân cây lớn để không ai trông thấy cô. Đứng quan sát anh, cô tự trách thầm: Chính cô là người có lỗi đã buộc anh phải quay về Praha, và cũng vì cô anh phải từ bỏ Praha về đây. Ngay cả nơi đây, cô cũng không để anh sống yên bình, cô vẫn hành hạ anh bằng lòng dạ nghi ngờ thầm lén trong khi Karenin nằm chờ chết.

Cô lúc nào cũng thầm trách anh không yêu thương cô tận tình. Tình yêu nơi cô, cô đặt trên mọi than trách, nhưng tình yêu của anh chỉ là sự hạ cố tầm thường mà thôi.

Giờ đây cô thấy cô không công bằng chút nào: Nếu cô thật sự yêu thương Tomas với tình yêu vĩ đại như vậy, cô vẫn có thể chung sống với anh ở nước ngoài được chứ! Ở nước ngoài Tomas sẽ hạnh phúc; một cuộc sống mới mẻ mở ra cho anh! Vậy mà cô từ bỏ anh! Đúng, ở thời điểm đó cô tự khẳng định cô rất cao thượng trả tự do lại cho anh. Nhưng phải chăng lòng cao thượng của cô chẳng qua chỉ là lối thoát khéo léo? Cô biết rõ sớm muộn cuối cùng anh sẽ quay về với cô! Cô kêu gọi anh đi theo cô càng lúc càng xa như vị nữ thần sơn thủy đánh lừa dẫn dụ đám dân làng cả tin ra giữa vùng đầm lầy để họ chôn thân dưới đó. Cô đã lợi dụng một đêm bao tử bị quặn thắt để ngon ngọt dụ dỗ anh dọn nhà về thôn quê! Cô xảo quyệt lắm thay! Cô kêu gọi anh đi theo cô như thể muốn thử đi thử lại tình yêu anh cho cô; cô dai dẳng kêu gọi anh đi theo cô mãi, và giờ đây anh mệt mỏi già nua, với những ngón tay cứng ngắc không bao giờ đủ sức cầm lại con dao mổ nữa.

Nhưng đến đây rồi còn đi đâu nữa. Biết về đâu bây giờ? Sẽ chẳng bao giờ được phép ra nước ngoài. Trở về Praha cũng không còn cơ hội: sẽ không ai cho họ công việc mưu sinh. Ngay cả lý do xin dọn sang ngôi làng khác cũng không.

Hỡi Chúa Trời đầy ân phúc, chẳng lẽ hai người phải đi hết chặng đường đó chỉ để cô tin tưởng anh thật tình yêu thương cô sao?

Cuối cùng Tomas lắp xong bánh xe. Anh chui vào ngồi sau tay lái, bọn đàn ông nhảy lên ngồi phía sau, và chiếc xe nổ máy.

Cô về nhà mở nước tắm. Lúc nằm ngâm mình trong nước nóng, cô nhủ thầm cô đã bỏ ra cả đời người đem sự yếu đuối của mình gây khổ cho Tomas. Chúng ta ai cũng có khuynh hướng xem sức mạnh là thủ phạm và yếu đuối là nạn nhân vô tội đáng thương. Nhưng giờ đây Tereza nhận thức trong trường hợp cô điều trái ngược mới đúng! Ngay cả những giấc mơ, như thể nhận biết điểm yếu duy nhất từ người đàn ông mạnh mẽ, phô bày nỗi khổ ải của cô cho người đàn ông nhìn thấy, và từ đó bắt người đàn ông phải thoái lui. Sự yếu đuối nơi cô trở nên hung hãn và liên tục ép đẩy anh phải đầu hàng cho đến điểm cuối anh mất hết sức mạnh, hóa thân thành con thỏ trong cánh tay cô. Cô không cách nào gạt bỏ giấc mơ đó ra khỏi đầu óc.

Cô đứng dậy bước ra khỏi bồn tắm mặc lên người cái áo khá xinh đẹp. Cô muốn mình thật đẹp để làm anh vui, làm anh sung sướng. Ngay lúc cô cài xong khuy áo, Tomas cùng ông chủ nhiệm hợp tác xã và một gã nông phu trẻ mặt mày xanh lét ồ ạt xông vào nhà.

"Nhanh lên em!" Tomas kêu lên. "Có rượu không đem ra!"

Tereza chạy vụt ra ngoài và cô trở về với chai rượu mặn trên tay. Cô rót ra ly và gã thanh niên trẻ nốc một hơn cạn ly rượu.

Đoạn họ kể cô nghe chuyện xảy ra. Gã thanh niên bị trặc xương vai và gã kêu rống lên đau đớn. Không ai biết phải làm gì và họ chạy đi gọi Tomas. Tomas chạy đến và chỉ cần một cái giật mạnh cánh tay gã trở lại bình thường.

Sau khi nốc thêm ly rượu nữa, gã thanh niên bảo Tomas. "Bà bác sĩ hôm nay trông xinh đẹp quá."

"Thằng ngu!" Ông chủ nhiệm hợp tác xã la lên. "Tereza lúc nào chẳng xinh đẹp."

"Tôi biết bà lúc nào cũng xinh đẹp rồi," gã thanh niên chống chế, "nhưng hôm nay bà còn mặc áo đẹp trên người. Tôi chưa bao giờ thấy bà mặc bộ đồ đó. Ông bà sắp đi đâu phải không?"

"Không, chúng tôi chẳng đi đâu cả. Tôi mặc vì Tomas đấy."

"Ông quả tốt phước!" Ông chủ nhiệm hợp tác xã vừa nói vừa cười. "Cái mụ nhà tôi đến trong mơ cũng chẳng bao giờ ăn mặc cho tôi nhìn."

"Có phải vì thế mà lúc nào ông cũng đi ra ngoài với con heo của ông chứ không phải mụ vợ già," gã thanh niên trẻ nói xong vui vẻ cười theo.

"Mefisto ra sao rồi?" Tomas hỏi. "Tôi không gặp nó dễ chừng" – anh ngưng lại trong giây lát – "dễ chừng một tiếng đồng hồ rồi."

"Chắc nó đang nhớ tôi." Ông chủ nhiệm cất tiếng.

"Nhìn bà mặc áo đẹp bỗng dưng tôi thêm đi khiêu vũ quá sức thôi," gã thanh niên bảo Tereza. Rồi quay sang Tomas, gã hỏi, "Bác sĩ cho phép tôi khiêu vũ với bà không?"

"Vậy thì tất cả chúng ta cùng đi khiêu vũ," Tereza nói.

"Bác sĩ đi không?" Gã thanh niên hỏi.

"Anh định đi đâu?" Tomas hỏi.

Gã thanh niên nói tên tỉnh lị lân cận nơi quán rượu khách sạn có sàn khiêu vũ.

"Cả ông nữa," gã thanh niên quay sang nói với ông chủ nhiệm giọng chắc nịch, và lúc đó nốc đến ly rượu mặn thứ ba gã nói thêm, "Nếu con Mefisto nhớ ông nhiều đến vậy thì chúng tôi đem nó theo luôn. Thế là chúng ta có đến hai con heo để khoe khoang bà con. Bọn đàn bà con gái sẽ đến van xin khi nhìn đầy mắt hai con heo đi cạnh nhau!" Gã ta cứ thế cười mãi không thôi.

"Nếu quý vị không xấu hổ vì con Mefisto thì tôi đây sẵn sàng."

Đoạn mọi người chắt lên chiếc xe tải của Tomas – Tomas phía sau tay lái, Tereza ngồi cạnh anh và hai người đàn ông ngồi phía sau với chai rượu mận chỉ còn lưng lửng. Mãi đến lúc xe ra khỏi làng ông chủ nhiệm mới chợt nhớ mọi người quên mất con heo Mefisto. Ông ta la lớn bảo Tomas quay xe lại.

"Thôi đi ông ơi," gã thanh niên gạt đi. "Một con heo nhỏ đủ làm nên trò trống rồi." Nghe vậy ông chủ nhiệm tạm dụi xuống phần nào.

Trời tối dần. Chiếc xe tải bắt đầu leo lên những con dốc ngoằn ngoèo queo gắt.

Đến tỉnh mọi người đi thẳng vào khách sạn. Tereza và Tomas chưa đặt chân đến đây bao giờ. Mọi người xuống hầm dưới nơi có quầy rượu, sàn khiêu vũ và dăm ba cái bàn. Một người đàn ông tuổi chừng sáu mươi đang đàn dương cầm, người đàn bà cũng cỡ tuổi đó kéo vĩ cầm. Bản nhạc họ đang hòa tấu là nhạc cách đây bốn chục năm. Ngoài sàn nhảy có chừng năm sáu cặp đang khiêu vũ.

"Chẳng có gì cho tôi ở đây," gã thanh niên nói sau khi quan sát tình thế, rồi gã lập tức mời Tereza ra sàn nhảy.

Ông chủ nhiệm hợp tác xã và Tomas ngồi xuống bàn trống và gọi một chai rượu.

"Tôi không uống," Tomas nhắc ông ta. "Tôi phải lái xe."

"Ông đừng vớ vẩn, bọn mình ở lại qua đêm." Đoạn ông bước ra quầy khách đặt hai phòng ngủ.

Lúc Tereza và gã thanh niên từ sàn nhảy trở về bàn, ông chủ nhiệm mời cô ra nhảy và cuối cùng đến phiên Tomas.

"Tomas," cô bảo anh lúc hai người ra sàn nhảy, "tất cả những rắc rối xảy ra trong đời anh đều do lỗi em gây ra. Vì em anh bị xuống thấp đến mức này, thấp đến nỗi không thể thấp hơn được nữa."

"Thấp? Em đang nói gì vậy?"

"Nếu ở lại Zurich, anh vẫn là bác sĩ."

"Và em vẫn là nhiếp ảnh gia."

"So sánh như thế vớ vẩn lắm," Tereza bảo. "Công việc của anh đối với anh là tất cả; còn em, em đâu màng gì nó, em có thể làm bất cứ chuyện gì, em chẳng hề mất mát; chính anh mới là người mất mát mọi thứ."

"Tereza, em không thấy anh sung sướng được sinh sống nơi đây sao?"

"Làm bác sĩ giải phẫu là sứ mệnh của anh." Cô bảo.

"Tereza, sứ mệnh là cái gì hết sức ngu xuẩn. Anh chẳng có sứ mệnh gì cả. Không ai có. Và thật nhẹ nhõm khi nhận ra mình không còn nặng nợ một sứ mệnh nào."

Giọng nói anh chắc nịch rạch ròi. Cô nhớ chuyện ban sáng lúc cô nhìn anh thay bánh xe tải và trông anh thật già nua. Cô đạt đến đích rồi: cô luôn mong mỗi anh già nua. Một lần nữa cô nghĩ đến con thỏ cô ôm sát mặt mình trong căn phòng thời thơ ấu.

Biến thành thỏ là ngụ ý gì? Là mất đi sức mạnh. Là không còn mạnh mẽ hơn ai nữa.

Hai người khiêu vũ theo điệu nhạc. Tereza ngả đầu lên vai Tomas. Y như lúc hai người ngồi trên phi cơ bay xuyên qua những đám mây giông bão. Cô thấy trong lòng dâng lên cảm giác sung sướng lẫn buồn rầu như lúc đó. Buồn rầu nghĩa là: chúng ta đang ở trạm cuối. Vui sướng nghĩa là: chúng ta đang ở cạnh nhau. Buồn là hình thức, vui là nội dung. Niềm vui tràn ngập khoảng chứa của nỗi buồn.

Hai người trở lại bàn. Cô nháy thêm hai bản nữa với ông chủ nhiệm hợp tác xã và một bản với gã thanh niên, gã say đến nỗi kéo cô ngã chúi ra khỏi sàn nhảy.

Đoạn mọi người kéo nhau lên lầu và tách ra thành hai nhóm vào hai phòng ngủ.

Tomas tra chìa khóa mở cửa rồi bật ngọn đèn trên trần. Tereza cảm thấy trong phòng có hai cái giường ngủ kê sát nhau, cạnh đầu giường là cái bàn đêm, trên bàn đặt cái đèn chụp. Từ trong chụp đèn, một con bướm đêm hoảng hốt vì ánh sáng đèn trần, vụt lên rồi bắt đầu bay vòng vòng quanh gian phòng. Tiếng dương cầm hòa lẫn tiếng vĩ cầm văng vẳng vọng lên từ bên dưới.

phụ lục

milan kundera

đối thoại về nghệ thuật tiểu thuyết

Lời người dịch: *Bài phỏng vấn dưới đây do Christian Salmon thực hiện, đăng trên tập san văn học The Paris Review năm 1983 và sau đó xuất hiện trong tập văn luận Milan Kundera Nghệ thuật Tiểu thuyết xuất bản năm 1986, trong đó Milan Kundera trình bày khá cặn kẽ quan điểm sáng tác của ông và thế nào là nghệ thuật trong tiểu thuyết. Qua lời đối thoại, chúng ta cũng biết thêm lối xây dựng nhân vật của ông ra sao. Thiết tưởng không đến nỗi dư thừa dùng bài phỏng vấn cho phần phụ lục của quyển sách.*

Christian Salmon: Tôi muốn thảo luận về khía cạnh mỹ học trong tiểu thuyết của ông. Nhưng chúng ta bắt đầu từ đâu đây?

Milan Kundera: Với khẳng định sau: tiểu thuyết của tôi không phải là tiểu thuyết tâm lý. Chính xác hơn: Chúng nằm ngoài khái niệm mỹ học trong tiểu thuyết thường được gọi là tâm lý.

C.S.: Nhưng phải chăng tất cả tiểu thuyết đều nhất thiết phải là tiểu thuyết tâm lý? Nghĩa là liên quan đến cái ẩn mật của nội tâm?

M.K.: Hãy nói cách chính xác hơn: Tất cả tiểu thuyết, ở mỗi thời đại, đều liên quan đến cái ẩn mật của bản ngã. Ngay khi bạn tạo dựng một hiện hữu tưởng tượng, một nhân vật, tự động bạn đối đầu ngay câu hỏi: Bản ngã là gì? Làm sao thấu triệt được cái bản ngã đó? Đây là một trong những câu hỏi cơ bản của tiểu thuyết. Qua nhiều cách trả lời, nếu bạn muốn, bạn có thể phân định thành nhiều khuynh hướng khác nhau, và có lẽ nhiều thời kì khác nhau trong lịch sử tiểu thuyết. Những người viết truyện đầu tiên ở châu Âu không hề biết đến thủ pháp tâm lý. Boccaccio giản dị kể cho chúng ta nghe những hành động, những cuộc phiêu lưu. Tuy vậy, đằng sau những câu chuyện thú vị đó, chúng ta có thể xác lập quan niệm sau: qua hành động con người bước ra ngoài thế giới quần quanh hằng ngày nơi người nào cũng giống người nào; chính qua hành động hấn phân biệt hấn với kẻ khác và trở nên một cá thể. Dante cũng nói như vậy: "Ở bất luận hành động nào, chủ ý chính của kẻ hành động là phơi bày hình ảnh của chính kẻ đó." Ở buổi khởi đầu, hành động do đó được nhìn như bức tự họa của kẻ hành động. Bốn thế kỉ sau Boccaccio, Diderot nghi hoặc hơn: nhân vật Jacques le Fataliste của ông dụ dỗ người yêu của bạn, hấn vui sướng say sưa, bị người cha đánh trận đòn như tử, một đoàn lính trận hành quân ngang đấy, trong túi giận hấn đi đầu quân và lãnh viên đạn vào đầu gối ngay trong trận đánh đầu tiên, và từ đó cho đến ngày xuống mồ hấn đi đứng khắp khiêng. Hấn ngỡ hấn đang đi vào cuộc phiêu lưu tình ái, nhưng thay vào đó hấn chuẩn bị cho cuộc đời thương phế. Hấn chẳng bao giờ nhận thức được chính hấn qua hành vi. Hổ thảm mở ra giữa hành vi và tự thân hấn. Con người hi vọng phơi bày hình ảnh mình qua hành động, nhưng hình ảnh đó không giống con người thật. Bản chất nghịch lý của hành động là một trong những khám phá lớn nhất của tiểu thuyết. Nhưng nếu qua hành động chúng ta không thấu triệt nổi bản ngã, nơi đâu và làm thế nào chúng ta hiểu được nó? Vì thế có lúc tiểu thuyết, trong cuộc truy tìm bản ngã, buộc

phải từ bỏ thể giới hữu hình của hành động và thay vào đó là suy nghiệm đời sống nội tâm vô hình. Giữa thế kỉ thứ mười tám, Richardson khai phá hình thức tiểu thuyết thể thư trong đó các nhân vật thú nhận ý nghĩ và cảm xúc của mình.

C.S.: Thế là tiểu thuyết tâm lý ra đời?

M.K.: Dĩ nhiên danh hiệu đó thiếu chuẩn xác và chỉ gần đúng. Chúng ta hãy tránh nó và dùng cách nói quanh: Richardson mở đường cho thể loại tiểu thuyết thám hiểm đời sống nội tâm con người. Chúng ta biết về những nhà văn lớn đi sau: Goethe của Werther, Laclos, Constant, rồi Stendhal và những nhà văn khác sống cùng thế kỉ với ông. Đỉnh cao của cuộc tiến hoá đó, với tôi, dường như kết tụ nơi Proust và Joyce. Điều Joyce phân tích chúng ta vẫn không thấu triệt nổi nếu đem so với "thời đánh mất" của Proust: đó là thời hiện tại. Hình như không có gì hiển nhiên, xác thực và dễ cảm nhận hơn thời hiện tại. Vậy mà nó hoàn toàn vượt khỏi chúng ta. Tất cả những phiền não của đời sống nằm trong sự kiện đó. Trong tích tắc, giác quan chúng ta về hình ảnh, âm thanh, mùi vị, ghi nhận (hữu ý hay không) không biết cơ man nào biến cố, một loạt những cảm xúc và ý tưởng nối đuôi nhau xuyên qua đầu chúng ta. Mỗi thời điểm tượng trưng cho một vũ trụ nho nhỏ, và ngay tức khắc bị bôi xoá ở thời điểm kế tiếp. Ống kính hiển vi kỳ diệu của Joyce xoay xở tìm cách chặn đứng, chụp bắt cái thời khắc phù du đó và giúp chúng ta nhìn ra nó. Nhưng cuộc truy tìm bản ngã chấm dứt, lần nữa trong nghịch lý: ống kính hiển vi quan sát bản ngã càng lớn mạnh, bản ngã cùng tính duy nhất của nó càng vượt thoát chúng ta; bên dưới cái ống kính hiển vi kì diệu của Joyce, tâm hồn bị nghiền nát ra thành nguyên tử, chúng ta ai nấy như nhau. Nhưng nếu không thấu triệt được bản ngã cùng tính duy nhất của nó bên trong đời sống nội tâm con người, vậy nơi đâu và cách nào chúng ta thấu triệt được nó?

C.S.: Liệu thấu triệt được chút nào không?

M.K.: Dĩ nhiên không. Cuộc truy tìm bản ngã đã và sẽ luôn luôn chấm dứt trong bất mãn nghịch lý. Tôi không nói thất bại. Bởi tiểu thuyết chẳng thể nào vi phạm giới hạn những khả hữu của chính nó, và đem ra ánh sáng những giới hạn đó đã là khám phá ghê gớm lắm rồi, một thắng lợi to tát của tri thức. Tuy nhiên, sau khi đạt tới độ sâu liên quan đến cuộc thám hiểm chi li đời sống nội tâm của bản ngã, những tiểu thuyết gia lớn bắt đầu, ý thức hay vô thức, kiếm tìm một khảo hướng mới. Chúng ta thường nghe nói về tam ngôi của nền tiểu thuyết hiện đại: Proust, Joyce, Kafka. Dưới mắt nhìn của tôi, tam ngôi đó không hiện hữu. Dựa trên tiến trình lịch sử tiểu thuyết của riêng cá nhân tôi, chính Kafka mới là người cung ứng khảo hướng mới này: một khảo hướng hậu-Proust. Hoàn toàn không ai tiên liệu cách thế ông nhận thức bản ngã. Cái gì định nghĩa K. là hiện hữu duy nhất? Không phải nhân dáng bên ngoài (chúng ta không biết chút gì về điều đó), không phải tiểu sử (chúng ta không biết), không phải tên tuổi (hắn vô danh), cũng không phải hồi ức, ý thích, mặc cảm hấn. Hành vi hấn? Phạm vi hành động của hấn bị giới hạn đến thảm thương. Ý nghĩ trong đầu hấn? Vâng, Kafka không ngót truy xét dòng suy tưởng của K., nhưng những điều này quy chiếu cả thấy vào hoàn cảnh hiện tại: Nên làm gì lúc đó, nơi đó, trong những cảnh ngộ tức thời? Đến trình diện cuộc thẩm tra hay bỏ trốn? Tuân giữ lời gọi của vị linh mục hay không? Toàn bộ đời sống nội tâm của K. thẩm thấu vào cảnh huống như cái bầy giam giữ hấn bên trong, và ngoài những điều nhắc đến tại cảnh

huống đó chúng ta không hay biết gì thêm (như hồi ức của K., những suy tưởng siêu hình của hắn, hắn nghĩ gì về người khác.) Với Proust, thế giới nội tâm của con người chứa đựng phép lạ, một vô hạn chúng ta không bao giờ hết thấy thú vị. Nhưng điều đó không làm Kafka thú vị. Ông không đặt câu hỏi động lực nội tại nào xác định hành vi con người. Câu hỏi của ông hoàn toàn khác biệt: những khả hữu nào tồn lưu cho con người sống trong thế giới nơi những yếu tố quyết định ngoại tại trở nên quá khốc liệt đến nỗi những xung lực nội tại chẳng còn mang chút trọng lượng nào? Thật vậy, giả như K. là người đồng tính luyến ái hoặc để lại sau lưng mỗi tình không vui, định mệnh và thái độ hắn sẽ thay đổi ra sao? Không đời nào có chuyện đó.

C.S.: Đó là điều ông nói đến trong quyển *Đời Nhẹ Khôn Kham*: "Tiểu thuyết không phải là lời tự thú của tác giả; nó là cuộc chiêm nghiệm đời sống con người trong cái bầy thế giới này đang dần dà biến thành." Nhưng ý nghĩa của "bầy" là gì?

M.K.: Đời sống là cái bầy chúng ta vẫn luôn biết: chúng ta sinh ra đời không phải vì chúng ta yêu cầu, bị nhốt trong thân xác không phải do chúng ta chọn lựa, và cuối cùng chết. Mặt khác, bề rộng của thế giới thuở xưa luôn cho phép những cơ hội trốn thoát. Anh lính có thể đào ngũ và trốn sang sinh sống bên quốc gia láng giềng. Đột nhiên, vào thế kỉ của chúng ta, thế giới thu hẹp lại. Biến cố định đoạt biến thế giới thành cái bầy chắc phải là cuộc chiến 1914, thường được gọi là (lần đầu tiên trong lịch sử) một cuộc thế chiến. "Thế" [chiến] là sai. Cuộc chiến chỉ liên quan đến châu Âu và không phải toàn bộ châu Âu. Nhưng tính từ "thế" [giới] diễn tả hùng hồn hơn nhiều cảm giác kinh hãi trước sự kiện, từ đây trở đi, không chuyện gì xảy ra trên hành tinh này đơn thuần là vấn đề cục bộ nữa, mọi thảm họa liên quan toàn thế giới, và kết cuộc đời sống chúng ta càng lúc càng bị chi phối bởi những điều kiện ngoại tại, những cảnh ngộ không ai tháo vọt nổi và khiến chúng ta càng lúc càng giống nhau.

Nhưng hãy hiểu cho tôi: Nếu tôi tự đặt bên ngoài cái-gọi-là tiểu thuyết tâm lý, điều đó không có nghĩa tôi muốn tước bỏ đời sống nội tâm ra khỏi nhân vật của tôi. Tôi chỉ muốn nói là có những ẩn mật khác, những câu hỏi khác tiểu thuyết tôi chủ yếu truy tìm. Cũng không có nghĩa tôi phản đối loại tiểu thuyết mê hoặc với tâm lý. Thật ra, cảnh huống đổi thay từ thời Proust khiến tôi chạnh lòng hoài cựu. Với Proust, cái đẹp to tát khỏi sự dần dà vượt khỏi tầm tay chúng ta. Muôn đời và vô phương cứu vãn. Gombrowicz có một ý tưởng vừa khôi hài vừa tài tình: ông nói, trọng lượng của bản ngã chúng ta tùy thuộc nhân số trên quả đất. Do đó Democritus đại biểu cho một phần bốn trăm triệu nhân loại; Brahms một phần tỉ; chính Gombrowicz một phần hai tỉ. Bằng cách tính đó, trọng lượng của vô hạn Proust – trọng lượng của bản ngã, của đời sống nội tâm bản ngã – trở nên càng lúc càng nhẹ. Và trong cuộc đua về cõi khinh phù đó, chúng ta đã vượt qua lần ranh biên cương tất định.

C.S.: Khởi đi từ những dòng chữ đầu tiên, ông bị cái "nhẹ khôn kham" của bản ngã ám ảnh. Tôi đang nghĩ đến quyển *Những Mối Tình Buồn Cười* – giả dụ, truyện "*Edward và Thượng đế*." Sau đêm đầu tiên yêu cô gái trẻ Alice, Edward bị nỗi phiền muộn lạ kì chế ngự, một cảm giác hắn thấy rõ lắm: Anh vừa nhìn cô gái vừa nghĩ ngợi "niềm xác tín nơi cô thật ra chỉ là cái gì ngoại tại định mệnh đời cô, và định mệnh đời cô chỉ là cái gì ngoại tại thân xác cô. Anh nhìn cô như kết tụ tình cờ giữa thể xác, ý tưởng và dòng sống đời người; một kết tụ vô cơ, ngẫu nhiên và bất ổn." Và lần nữa trong truyện khác, *Trò Chơi Xin Quá Giang*, ở những dòng chữ cuối, cô gái

quá khổ sở với sự bất định cứ bám lên lai lịch cô đến nỗi cô bật lên khóc tức tưởi, "Tôi là tôi, tôi là tôi, tôi là tôi..."

M.K.: Trong quyển *Đời Nhẹ Khôn Kham*, Tereza nhìn cô trong gương. Cô tự hỏi chuyện gì xảy ra nếu mũi cô mỗi ngày cao thêm một mi-li mét. Trong bao lâu khuôn mặt cô không còn như cũ, không ai nhận ra? Và nếu khuôn mặt cô không giống Tereza nữa, liệu Tereza vẫn còn là Tereza? Bản ngã bắt đầu và chấm dứt nơi đâu? Ông thấy không: đừng tự vấn về cái vô hạn không sao đo lường được của tâm hồn; thay vào đấy, hãy tự vấn về bản chất bất định của bản ngã và lai lịch nó.

C.S.: Tiểu thuyết ông hoàn toàn thiếu vắng độc thoại nội tâm.

M.K.: Joyce gắn cái máy vi âm bên trong đầu Bloom. Nhờ vào tính dọ thám kì diệu của độc thoại nội tâm, chúng ta học hỏi thật nhiều về chính chúng ta. Nhưng, riêng tôi, tôi không thể sử dụng cái máy vi âm đó được.

C.S.: Trong *Ulysses*, độc thoại nội tâm tràn lan cùng khắp tác phẩm; nó là nền móng cho cấu trúc quyển sách, một tiến trình trọng yếu. Trong tác phẩm của ông, chúng ta có thể nói suy tưởng triết học nắm giữ vai trò đó không?

M.K.: Tôi thấy từ ngữ "triết" không thích hợp. Triết học triển khai tư tưởng bên lãnh vực trừu tượng, không nhân vật, không cảnh huống.

C.S.: Ông vào nhập quyển *Đời Nhẹ Khôn Kham* với ý niệm trở về vĩnh cửu của Nietzsche. Đó là gì nếu không phải là ý tưởng triết học khai triển cách trừu tượng, không nhân vật, không cảnh huống?

M.K.: Hoàn toàn không đúng! Suy niệm đó dẫn nhập trực tiếp, ngay từ những dòng chữ đầu của quyển sách, cảnh huống cơ bản một nhân vật? Tomas; nó vạch ra cho thấy vấn đề anh đang đối phó: cái khinh phù của hiện hữu trong thế giới nơi không có sự trở về vĩnh cửu. Ông thấy không, rốt cuộc chúng ta lại quay về câu hỏi: Cái gì nằm bên kia cái-gọi-là tiểu thuyết tâm lý? Hoặc, nói cách khác: Phương cách phi-tâm-lý dùng để thấu hiểu bản ngã là phương cách gì? Thấu hiểu bản ngã trong tiểu thuyết tôi có nghĩa là thấu triệt cái cốt lõi của bài toán hiện sinh. Thấu triệt cái ám mã hiện sinh. Trong lúc viết *Đời Nhẹ Khôn Kham*, tôi nhận ra ám mã của nhân vật này hay nhân vật nọ được tạo dựng từ những từ ngữ nào đó. Với Tereza: thể xác, tâm hồn, sợ hãi độ cao, yếu đuối, điển viên tĩnh mặc, Thiên đường. Với Tomas: nhẹ, nặng. Trong phần "Những từ ngữ hiểu sai," tôi truy xét những ám mã hiện sinh của Franz và Sabina bằng cách phân tích một số từ: đàn bà, chung thủy, bội phản, âm nhạc, bóng tối, ánh sáng, diễn hành, cái đẹp, quê hương, nghĩa trang, sức mạnh. Trong bộ ám mã hiện sinh của người khác, mỗi từ ngữ này đều hàm chứa ý nghĩa khác. Dĩ nhiên, tôi không truy xét ám mã hiện sinh cách trừu tượng mông lung; nó tuần tự phơi bày qua hành động, qua cảnh huống. Tỉ dụ, trong quyển *Đời Sống Ở Nơi Khác*, phần ba: nhân vật chính của chúng ta, anh chàng Jaromil tính hay rứt rề vẫn còn trinh. Một hôm, anh ra ngoài đi tản bộ với cô bạn gái, cô đột nhiên ngả đầu lên vai anh. Anh thấy nổi vui sướng tràn ngập, ngay cả lòng ham muốn trong anh cũng dâng lên. Tôi ngưng lại

tại biển cổ nhỏ nhỏ đó và chú thích: "Cho đến thời điểm này trong đời sống, tuyệt đỉnh vui sướng Jaromil từng trải qua là được cô gái ngả đầu lên vai." Và từ đó tôi cố nắm bắt ý nghĩa bản chất dục tình trong con người Jaromil: "Với anh cái đầu cô gái có ý nghĩa hơn thân xác cô." Tuy nhiên, tôi nói rõ, điều này không có nghĩa anh dừng dừng với thân xác cô, "anh không thêm khát thân thể trần trụi của cô gái; anh thêm khát khuôn mặt rực sáng do thân thể trần trụi của cô rơi vào. Anh không thêm khát được sở hữu thân xác cô; thêm khát nơi anh là được sở hữu khuôn mặt cô gái và cô sẽ hiến dâng thân xác cô cho anh như chứng tích của tình yêu." Tôi cố tìm cách đặt tên cho thái độ đó. Tôi chọn từ ngữ "âu yếm." Và tôi truy xét nó: Âu yếm là gì? Tôi đi đến nhiều câu trả lời tuần tự khác nhau: "Âu yếm hiện ra tại thời điểm khi đời sống thúc đẩy con người đến ngưỡng cửa trưởng thành. Hẳn xốn xang nhận ra tất cả những ưu thế của tuổi ấu thơ hẳn chẳng hề biết quý lúc còn là đứa bé." Và rồi: "Âu yếm là hãi sợ do trưởng thành tiềm ẩn vào." Rồi một định nghĩa khác nữa: Âu yếm là sáng tạo của "khoảng không gian nhân tạo bé tí trong đó chúng ta cùng đồng ý đối xử nhau như trẻ nít." Ông thấy không, tôi không cho ông thấy cái gì xảy ra bên trong đầu Jaromil; đúng hơn, tôi cho thấy cái gì xảy ra bên trong đầu tôi: tôi quan sát nhân vật Jaromil của tôi một lúc lâu, đoạn tôi cố gắng, từng bước một, tiến đến tâm điểm thái độ của anh để hiểu nó, đặt cho nó cái tên, và thấu triệt nó.

Trong quyển *Đời Nhẹ Khôn Kham*, Tereza sống với Tomas, nhưng tình yêu của cô đòi hỏi cô phải động viên tất cả sức mạnh trong người cô, và đột nhiên cô bỏ cuộc, cô muốn tụt xuống "bên dưới," quay về chốn cũ của cô trước đây. Và tôi tự hỏi: Cái gì đang xảy ra cho cô? Và đây là câu trả lời tôi tìm ra: Cô bị căn bệnh sợ độ cao chế ngự. Nhưng bệnh sợ độ cao là gì? Tôi tìm kiếm định nghĩa và tôi nói: "Một cảm giác mãnh liệt không sao ngăn trở nổi, cảm giác mong muốn buông mình rơi xuống." Nhưng lập tức tôi tự chỉnh, đưa ra định nghĩa hoàn bị sâu sắc hơn: Bệnh sợ độ cao là "sự say đắm của kẻ yếu. Biết mình yếu đuối, hẳn rắp tâm đầu hàng chứ không đương đầu với cảnh ngộ. Yếu đuối làm hẳn say sưa, hẳn còn mong yếu đuối hơn nữa, muốn rơi ngã ngay giữa công trường chính trước mặt mọi người, muốn tụt xuống bên dưới, thấp hơn cả tận cùng bên dưới." Bệnh sợ độ cao là một trong những chìa khoá thấu hiểu con người Tereza. Nó không phải là chìa khoá thấu hiểu ông và tôi. Tuy vậy, cả ông lẫn tôi đều biết thứ bệnh sợ độ cao đó ít nhất như một khả hữu cho chúng ta, một trong những khả hữu của hiện sinh. Tôi phải sáng tạo ra Tereza, một "bản ngã thử nghiệm," hầu thấu hiểu khả hữu đó, thấu hiểu bệnh sợ độ cao.

Nhưng không phải chỉ những cảnh ngộ đặc trưng mới được tra vấn như vậy; toàn bộ quyển tiểu thuyết không khác một cuộc tra vấn dài. Tra vấn suy nghiệm (hay suy nghiệm tra vấn) là căn bản xây dựng cho tất cả những tác phẩm tiểu thuyết của tôi. Hãy nhìn vào *Đời Sống Ở Nơi Khác*. Nhan đề quyển sách nguyên thủy là "*Tuổi Trữ Tình*." Phút chót tôi thay đổi do áp lực từ bạn bè, họ bảo cái tựa cũ nghe tẻ nhạt và không mấy cao nhã. Tôi thật ngu ngốc nghe lời khuyên của bạn. Tôi nghĩ đặt tên tựa sách dựa trên phạm trù chính của quyển sách là cái gì tốt đẹp. *Chuyện Đùa. Tập Sách Của Tiếng Cười Và Lãng Quên. Đời Nhẹ Khôn Kham*. Ngay cả *Những Mối Tình Buồn Cười*. Đừng thấy tựa quyển sách như vậy rồi nghĩ đó là những "chuyện tình thú vị." Ý niệm về tình yêu bao giờ cũng dính dáng đến sự trầm trọng. Nhưng phạm trù "tình yêu buồn cười" là tình yêu lột đi tính trầm trọng. Một ý niệm bức thiết cho con người hiện đại.

Nhưng hãy quay về quyển *Đời Sống Ở Nơi Khác*. Quyển tiểu thuyết đó dựa trên một số câu hỏi: Thái độ trữ tình là gì? Tuổi trẻ như thế nào là tuổi trữ tình? Ý nghĩa của bộ ba: trữ tình/cách mạng/tuổi trẻ là gì? Và cái gì làm nên thi sĩ? Tôi nhớ giả thiết tôi đặt ra lúc khởi viết quyển sách, định nghĩa tôi biên xuống sổ tay: "Thi sĩ là chàng trai trẻ được bà mẹ hướng dẫn phơi bày chính mình cho thế giới xem, và thế giới đó chàng ta không có lối vào." Ông thấy không, định nghĩa đó không nằm trong xã hội học hoặc mỹ học, cũng chẳng phải tâm lý học.

C.S.: Nó nằm trong hiện tượng học.

M.K.: Gọi vậy nghe không tệ lắm, nhưng tôi đặt ra quy luật không đụng đến từ ngữ đó. Tôi sợ lắm các ông giáo sư phê phán nghệ thuật chỉ là cái gì rút ra từ các trào lưu triết học và lý thuyết. Tiểu thuyết đụng đến vô thức trước khi có Freud, giai cấp đấu tranh trước khi có Marx, nó thực hành hiện tượng học (khảo sát bản thể những cảnh huống con người) trước khi những nhà hiện tượng học ra đời. "Những miêu tả hiện tượng" trong tiểu thuyết của Proust thật cao tuyệt! Nào ông biết hiện tượng học là gì!

C.S.: Chúng ta hãy tóm lược. Có nhiều cách thấu triệt bản ngã. Cách thứ nhất qua hành động. Kế đó, qua đời sống nội tâm. Với ông, ông tuyên bố: Bản ngã được quy định do yếu tính của bài toán hiện sinh. Quan niệm này dẫn dắt đến một số những hệ quả trong tác phẩm ông. Thí dụ, vì đặt nặng yêu cầu thấu hiểu yếu tính của cảnh huống, dường như ông không sử dụng thủ pháp miêu tả. Gần như chẳng bao giờ ông cho biết diện mạo nhân dáng các nhân vật ông ra sao. Và bởi ông chú trọng phân giải cảnh huống nhiều hơn là suy xét động cơ tâm lý, ông cũng rất hà tiện nói về quá khứ các nhân vật. Tính cách quá trừu tượng trong lời thuật có khiến các nhân vật ông trở nên kém sinh động không?

M.K.: Hãy thử đặt cũng câu hỏi đó về Kafka và Musil. Thật ra, đã có người hỏi như thế về Musil. Ngay đôi ba đầu óc uyên bác còn than phiền ông không phải là tiểu thuyết gia thực thụ. Walter Benjamin thán phục trí tuệ ông chứ không phải nghệ thuật ông. Edouard Roditi nhận xét nhân vật ông không sinh động và đề nghị ông nên mô phỏng Proust: Madame Verdurin linh động và thật biết bao, so với Diotima! Đúng thế, hai thể kỷ của hiện thực tâm lý nảy sinh một số tiêu chuẩn gần như bất khả vi phạm: (1) Người viết phải đưa ra số lượng dữ kiện tối đa về nhân vật: nhân dáng hần, cung cách hần ăn nói, cư xử; (2) người viết phải cho người đọc biết về quá khứ của nhân vật, vì đó là nơi chứa đựng tất cả những động cơ cho thái độ hiện tại của hần; và (3) nhân vật phải hoàn toàn độc lập; có nghĩa là, tác giả cùng những suy nghĩ riêng phải biến mất để khỏi phiền nhiễu người đọc, bởi người đọc muốn bước vào ảo giác biến hư cấu ra sự thật. Thế rồi Musil xé bỏ khế ước đó giữa tiểu thuyết và người đọc. Và những nhà văn khác làm theo ông. Chúng ta biết gì về nhân dáng của Esch, nhân vật lớn nhất của Broch? Hoàn toàn không. Ngoại trừ sự kiện rằng hần to. Chúng ta biết gì về ấu thời của K. hay Schweik? Và cả Musil lẫn Broch lẫn Gombrowicz đều không thấy không thoải mái dằn trải ý tưởng mình trong tác phẩm. Nhân vật không phải là cái gì giả cách từ hiện hữu sống thật ngoài đời. Nó là một hiện hữu tưởng tượng. Một bản ngã thử nghiệm. Qua cách đó, tiểu thuyết tái lập liên hệ với thời kỳ khai phá? Không thể nào xem Don Quixote là một hiện hữu có thật. Vậy mà qua trí nhớ, chúng ta tìm được nhân vật nào sống động hơn không? Xin hiểu giùm tôi, không phải tôi có ý xem thường độc giả, không phải tôi khinh khi thị hiếu người đọc, vốn vừa ngây thơ vừa chính

đáng, bị thế giới tưởng tượng của tiểu thuyết lôi kéo và thỉnh thoảng nhầm lẫn nó với hiện thực. Nhưng tôi cũng không thấy sự thiết yếu của thủ pháp hiện thực tâm lý cho điều đó. Tôi đọc *Tòa Lầu Đài* [Franz Kafka] lần đầu năm tôi mười bốn tuổi. Cũng khoảng thời gian đó, tôi hâm mộ một anh cầu thủ khúc côn cầu sinh sống gần nhà. Tôi tưởng tượng K. giống anh cầu thủ. Cho đến bây giờ tôi vẫn thấy vậy. Điều tôi muốn nói là trí tưởng tượng của người đọc sẽ tự động hoàn tất trí tưởng tượng của người viết. Tomas đen hay trắng? Cha anh giàu hay nghèo? Hãy tự chọn cho mình!

C.S.: Nhưng không phải lúc nào ông cũng tuân giữ quy luật đó: trong *Đời Nhẹ Khôn Kham*, Tomas gần như hoàn toàn không có quá khứ, nhưng với Tereza, ông không những nói đến ấu thơ của riêng cô mà cả bà mẹ nữa!

M.K.: Trong quyển tiểu thuyết, ông sẽ tìm thấy câu này: "Cả cuộc đời cô chỉ là đoạn nối dài phần đời mẹ cô, giống như đường banh trái bi-da là phần nối dài cánh tay người chơi banh vươn ra." Nếu tôi nói về bà mẹ, điều đó không có nghĩa tôi ghi chép dữ kiện về Tereza, nhưng bởi người mẹ là chủ đề chính của Tereza, bởi cô là "đoạn nối dài phần đời mẹ cô" và cô khổ sở vì nó. Chúng ta cũng biết ngực cô nhỏ, quần vú cô là "những vòng tròn thật lớn, thật đen đậm chung quanh núm vú cô," như thể do "tay thợ vẽ tranh khiêu dâm hạng tồi nào đó vẽ cho dân nhà nghèo xem"; chi tiết đó không thể thiếu bởi thể xác là một trong những chủ đề chính của Tereza. Ngược lại, khi nhắc đến Tomas, chồng Tereza, tôi không hề nói gì về ấu thơ của anh, cũng không chi tiết nào về cha, mẹ, gia đình. Và thân xác anh cũng như khuôn mặt anh, chúng ta hoàn toàn không biết bởi yếu tính bài toán hiện sinh của anh có căn nguyên từ những chủ đề khác. Thiếu sót dữ kiện không làm anh kém "sống động." Làm cho nhân vật "sống động" có nghĩa là: đi vào tận đáy bài toán hiện sinh của nhân vật. Từ đó có nghĩa là: đi vào tận đáy vài ba cảnh huống, vài ba mô-típ, ngay cả vài ba từ ngữ vẽ nên nhân vật đó. Vậy thôi.

C.S.: Do đó quan niệm của ông về tiểu thuyết có thể được định nghĩa là một suy nghiệm thi vị về hiện hữu. Tuy vậy không phải ai cũng hiểu tiểu thuyết ông như vậy. Tác phẩm của ông ghi lại nhiều biến cố chính trị, từ đó nảy sinh những lý giải xã hội, lịch sử hay ý thức hệ. Làm cách nào ông hoà giải được va chạm một mặt ông vẫn chú tâm đến lịch sử xã hội, mặt khác ông tin tưởng chủ yếu của tiểu thuyết là tìm kiếm cái ẩn mật của hiện hữu?

M.K.: Heidegger định nghĩa hiện hữu bằng một công thức rất nhiều người biết: *in-der-Welt-sein*, hiện-hữu-trong-thế-giới. Con người liên kết với thế giới không như chủ thể với khách thể, không như con mắt với hội hoạ, không như người diễn viên với sân khấu. Con người và thế giới thắt buộc vào nhau như con ốc sên đeo dính cái vỏ nó: thế giới là một phần, là chiều kích của con người, thế giới biến đổi, hiện hữu (*in-der-Welt-sein*) cũng biến đổi theo. Từ thời Balzac, thế giới chúng ta đang hiện hữu có bản chất lịch sử, và đời sống các nhân vật mở ra theo chiều thời gian đánh dấu bằng ngày tháng. Tiểu thuyết sẽ không bao giờ xoá bỏ được ảnh hưởng đó của Balzac. Ngay cả Gombrowicz, người tưởng tượng những câu chuyện thần kì, hoang tưởng, người vi phạm tất cả mọi quy luật dựng truyện sao cho như thật, cũng không thoát khỏi ảnh hưởng đó. Bối cảnh thời gian trong tiểu thuyết ông có ngày tháng và biến cố lịch sử hằn hoi. Nhưng chớ nên lẫn lộn hai điều: một mặt tiểu thuyết suy xét chiều kích lịch sử của hiện hữu, mặt khác tiểu thuyết là bản minh hoạ hoàn cảnh lịch sử, lời miêu tả xã hội ở thời điểm nào đó,

một công trình biên chép lịch sử được tiểu thuyết hoá. Ông quen thuộc với những quyển tiểu thuyết nói về Cách mạng Pháp, về Marie Antoinette, hay về năm 1914, về cuộc tập thể hoá bên Liên bang Xô viết (theo hoặc chống) hay về năm 1984; tất cả đều là những công trình phổ biến nhằm hoán chuyển kiến thức vô-tiểu-thuyết sang ngôn ngữ của tiểu thuyết. Tôi không bao giờ biết mệt nói đi nói lại câu nói: Lý do tồn tại duy nhất của tiểu thuyết là nói lên cái gì chỉ tiểu thuyết nói được.

C.S.: Nhưng tiểu thuyết nói được gì đặc trưng về lịch sử? Hay nói cách khác, đường lối khai thác lịch sử của ông như thế nào?

M.K.: Sau đây là vài ba nguyên tắc của chính tôi. Thứ nhất: Tất cả những sự biến lịch sử tôi khai thác hết sức dè sẻn. Với lịch sử tôi như người thiết kế sân khấu dựng bức phong trùu tượng từ đôi ba món vật không thể thiếu cho tiết kịch.

Nguyên tắc thứ hai: Từ sự biến lịch sử, tôi chỉ ghi giữ lại những gì kết sinh cảnh hưởng hiện hữu cho các nhân vật của tôi. Thí dụ: trong quyển *Chuyện Đùa*, Ludvik nhìn thấy tất cả bạn bè, đồng nghiệp anh thật dễ dàng đồng loạt giơ tay biểu quyết đuổi anh khỏi trường đại học và cuộc đời anh từ đó đảo lộn. Anh đoán chắc nếu cần họ cũng sẽ biểu quyết cách dễ dàng như thế ra lệnh treo cổ anh. Từ đó định nghĩa của anh về con người: một hiện thể có khả năng xô đẩy người láng giềng đến cái chết trong bất cứ cảnh huống nào. Do đó, kinh nghiệm nhân chủng cơ bản của Ludvik có căn nguyên lịch sử, nhưng tôi không chú tâm đến phần mô tả của chính lịch sử (vai trò của Đảng, những nền móng chính trị cho việc khủng bố, tổ chức cơ cấu xã hội, văn vận) và ông sẽ không tìm thấy những thứ đó trong quyển tiểu thuyết.

Nguyên tắc thứ ba: Công việc viết sử biên chép lịch sử của xã hội chứ không phải của con người. Đó là lý do vì sao những biến cố lịch sử đề cập trong tiểu thuyết tôi thường bị những nhà viết sử bỏ quên. Thí dụ: Những năm sau 1968, sau khi Tiệp Khắc bị Nga xâm chiếm, trước khi có cuộc khủng bố dân chúng, nhà nước ra lệnh tàn sát chó. Một hồi đoạn hoàn toàn bị quên lãng và không chút quan trọng với các sử gia hay nhà chính trị học, nhưng thật trọng đại ở mặt nhân chúng! Với hồi đoạn độc nhất này tôi gợi không khí lịch sử trong quyển *Bữa Tiệc Giã Từ*. Thí dụ khác: tại thời điểm định đoạt trong *Đời Sống Ở Nơi Khác*, Lịch sử can thiệp dưới hình thức cái quần đùi xấu xí nát nhàu; không còn cái quần nào khác lúc đó và đối diện với cơ hội yêu đương thơ mộng nhất đời, Jaromil không dám cởi quần áo và đành lủi trốn vì anh sợ cái quần đùi làm anh trông hết sức khó coi. Xấu xí! Một cảnh ngộ lịch sử khác bị lãng quên, nhưng điều đó trọng đại xiết bao đối với người sinh sống dưới chế độ Cộng sản.

Nhưng nguyên tắc thứ tư mới là nguyên tắc đi xa nhất: Cảnh huống lịch sử không những phải tạo dựng một cảnh huống hiện sinh mới cho nhân vật trong tiểu thuyết, ngay chính Lịch sử cũng phải được hiểu và phân tích như một cảnh huống hiện hữu. Thí dụ: Trong quyển *Đời Nhẹ Khôn Kham*, Alexander Dubcek trở về Praha sau khi bị quân đội Nga bắt cóc, giam giữ, đe dọa, ép buộc phải thương lượng với Brezhnev. Trở về ông nói chuyện trên làn sóng điện, nhưng ông nói không ra hơi, ông thở hổn hển, giữa câu nói ông cứ phải ngưng lại thật lâu, nghe thật khổ sở. Hồi đoạn lịch sử này bật ra cho tôi thấy yếu đuối là gì (nhân tiện cho ông hay hồi đoạn này hoàn toàn bị bỏ quên bởi, hai giờ sau, họ bắt các chuyên viên trong đài cắt bỏ những

đoạn im lặng không có tiếng nói đầy đau đớn đó trong bài diễn từ của ông.) Yếu đuối là phạm trù hiện hữu rất tổng quát: "Bất cứ ai phải đối đầu với sức mạnh cường cường hơn đều cảm thấy yếu đuối dù người đó có thân hình lực sĩ như Dubcek." Tereza không chịu nổi cảnh phơi bày yếu đuối như thế, nó đẩy cô thối lui và cô cảm thấy xúc phạm, cô chọn con đường di cư ra nước ngoài. Nhưng đối đầu với lòng dạ không chung thủy của Tomas, cô như Dubcek đối đầu với Brezhnev: không tự vệ nổi và yếu đuối. Và ông biết căn bệnh sợ độ cao là gì rồi: Say đắm với cái yếu của chính mình, cảm giác khao khát không chế ngự nổi muốn rơi ngã. Tereza đột nhiên hiểu ra "cô là người đứng trong hàng ngũ những kẻ yếu đuối, trong xứ sở những người yếu đuối, cô phải chung thủy với họ chính vì họ là những người yếu đuối, hơi thở hỗn hển giữa những câu nói ngập ngừng, đứt quãng." Và, say đắm với sự yếu đuối, cô từ bỏ Tomas quay về Praha, quay về "thành phố của kẻ yếu." Ở đây cảnh huống lịch sử không là bối cảnh, không là cái phong sân khấu trên đó những cảnh huống con người mở ra; chính nó là cảnh huống con người, một cảnh huống hiện sinh mỗi lúc mỗi tăng trưởng thêm.

Tương tự như vậy, Mùa Xuân Praha trong tác phẩm *Tập Sách Của Tiếng Cười Và Lãng Quên* không được miêu tả dưới khía cạnh chính-trị-lịch-sử-xã-hội mà như một cảnh huống hiện hữu cơ bản: người (một thể hệ người) hành động (làm cách mạng), nhưng hành động hấn vượt khỏi tầm kiểm soát của hấn, không vâng lời hấn nữa (cách mạng điên cuồng, chém giết, tàn hủy); thế rồi hấn cố hết sức thu hồi và đè nén hành động bất tuân lệnh kia (thế hệ mới thành lập khối đối lập, phong trào cải tổ), nhưng trong vô vọng. Chẳng bao giờ thu hồi được hành động một khi nó vượt khỏi tầm tay.

C.S.: Điều đó nhắc lại cảnh huống của Jacques le Fataliste ông thảo luận ở phần đầu.

M.K.: Nhưng lần này, nó là văn đề của cảnh huống tập thể, lịch sử.

C.S.: Để hiểu tiểu thuyết ông, có cần phải hiểu biết lịch sử Tiệp Khắc không?

M.K.: Không. Chính quyển tiểu thuyết nói hết những gì cần biết.

C.S.: Đọc tiểu thuyết không cần đến kiến thức về lịch sử sao?

M.K.: Chúng ta có lịch sử châu Âu. Từ năm 1000 cho đến thời của chúng ta là một kinh nghiệm chung duy nhất. Chúng ta có phần trong đó, và mỗi hành động của chúng ta, dù ở bình diện cá nhân hay quốc gia, chỉ cho thấy ý nghĩa chủ yếu khi đặt trong văn cảnh đó. Tôi có thể hiểu Don Quixote mà không cần biết đến lịch sử Tây Ban Nha. Nhưng tôi sẽ không hiểu quyển sách nếu tôi không có đôi ba ý tưởng, dù rất tổng quát, về lịch sử châu Âu? về thời đại hiệp sĩ, về những mối tình quý phái, về sự chuyển mình từ Thời đại Trung cổ sang Kỷ nguyên Hiện đại.

C.S.: Trong quyển *Đời Sống Ở Nơi Khác*, mỗi giai đoạn trong cuộc đời của Jaromil được nhìn bằng những mảnh đời từ tiểu sử của Rimbaud, Keats, Lermontov, vân vân. Buổi diễn hành mừng một tháng năm ở Praha hoà nhập vào cuộc biểu tình của sinh viên Paris năm 1968. Như vậy nghĩa là ông tạo dựng cho nhân vật chính bối cảnh to rộng bao trùm toàn thể Âu châu. Tuy thế, diễn biến quyển tiểu thuyết xảy ra ở Praha. Cao điểm là cuộc đảo chính của Cộng sản năm 1948.

M.K.: Với tôi, nó là quyển tiểu thuyết nói về cách mạng Âu châu dưới dạng thể thu nhỏ.

C.S.: Cách mạng Âu châu? Cuộc đảo chính đó – đồ nhập từ Moskva – là cách mạng Âu châu ư?

M.K.: Dù không công nhận như vậy, cuộc đảo chính vẫn được xem là cuộc cách mạng. Với tất cả những biện thuyết, ảo tưởng, suy luận, hành vi, tội ác của nó, ngày nay tôi nhìn nó như một mô phỏng truyền thống cách mạng Âu châu thu nhỏ. Như sự nối tiếp và nỗ lực khôi hài hoàn tất thời đại cách mạng Âu châu. Giống như nhân vật chính trong truyện, Jaromil – "nối tiếp" của Victor Hugo và Rimbaud – là nỗ lực khôi hài hoàn tất thi ca Âu châu. Jaroslav, trong quyển *Chuyện Đùa*, tiếp tục lịch sử cũ kĩ muôn đời của nghệ thuật quần chúng trong khi nghệ thuật đó đang tan biến. Bác sĩ Havel, trong *Những Mối Tình Buồn Cười*, là một Don Juan sống trong thời đại chủ nghĩa Don Juan không thể nào xảy ra. Franz, trong *Đời Nhẹ Khôn Kham*, là tiếng dội thê lương của cuộc Diễn hành Vĩ đại của cánh tả Âu châu. Và Tereza, tại ngôi làng hẻo lánh vùng Bohemia, bước ra không riêng gì mọi sinh hoạt trên đất nước cô mà cả "con đường trên đó nhân loại, – chủ nhân ông và nghiệp chủ của thiên nhiên, – đang tiến bước." Tất cả những nhân vật này hoàn tất chẳng những lịch sử cá nhân họ mà cả lịch sử trên-cá-nhân của Âu châu.

C.S.: Điều đó có nghĩa tiểu thuyết ông diễn ra trong màn cuối của Kỷ nguyên Hiện đại mà ông gọi là "thời kì của những nghịch lý chung cuộc."

M.K.: Nếu ông muốn. Nhưng chúng ta hãy tránh mọi hiểu lầm. Lúc viết câu chuyện của Havel trong quyển *Những Mối Tình Buồn Cười*, tôi không hề có ý định miêu tả một Don Juan trong thời đại phiêu lưu kiểu Don Juan không còn tồn tại. Tôi viết một câu chuyện tôi thấy khôi hài. Vậy thôi. Tất cả suy luận về những nghịch lý chung cuộc, vân vân, không phải là cái gì tiểu thuyết tôi tiên nghiệm. Chúng từ tiểu thuyết tôi đi ra. Trong lúc viết *Đời Nhẹ Khôn Kham* – do hứng khởi từ những nhân vật qua nhiều cách thể rút ra khỏi thế giới – tôi liên tưởng đến số mệnh công thức nổi tiếng của Descartes: con người là "chủ nhân ông và nghiệp chủ của thiên nhiên." Sau khi đem lại những phép lạ trong khoa học và kĩ thuật, "chủ nhân ông và nghiệp chủ" này đột nhiên nhận thức hấn không sở hữu gì cả và cũng chẳng phải là chủ nhân của thiên nhiên (thiên nhiên đang dần dà biến mất khỏi quả đất), chẳng phải Lịch sử (lịch sử vượt khỏi hấn), chẳng phải chính hấn (dẫn dắt hấn là những động lực phi lý của tâm hồn.) Nhưng nếu Thượng đế biến mất và con người không còn là chủ nhân ông nữa, ai là chủ nhân ông? Quả đất đang di chuyển qua khoảng không không có chủ nhân ông nào. Đó, đó là cái khinh phù khôn kham của hiện hữu.

C.S.: Tuy vậy, phải chăng đó chỉ là cái ảo ảnh duy ngã nhìn ngấm hiện tại như thời điểm đặc trưng, thời điểm trọng đại nhất – tức là, thời tận cùng – Đã bao lần Âu châu tin tưởng đang sống những ngày cuối, đang tận thế như trong sách Khải huyền!

M.K.: Giữa tất cả những nghịch lý chung cuộc đó, còn một nghịch lý thuộc về chính cái tận cùng. Khi một hiện tượng tuyên bố trước nó đang sắp sửa biến mất, nhiều người trong chúng ta nghe tin và có lẽ nuối tiếc. Nhưng khi sự thể đón đầu tiến đến gần, chúng ta quay sang hướng khác mất rồi. Cái chết trở nên vô hình. Đã lâu trong trí óc con người chúng ta không còn

hình ảnh dòng sông, con chim hoạ mi, con đường đất xuyên qua cánh đồng nữa. Hiện tại không ai cần đến những thứ đó. Ngày mai khi thiên nhiên biến mất khỏi mặt hành tinh này, ai là người chú ý? Ai là người kế hậu Octavio Paz, René Char? Những nhà thơ lớn đâu hết rồi? Họ biến mất hay tiếng nói họ không còn ai lắng nghe? Dù sao chẳng nữa, đây là biến đổi cực kì sâu xa tại châu Âu của chúng ta, một châu Âu không thi sĩ mà cho đến nay vẫn không sao tưởng tượng nổi. Nhưng nếu con người không còn nhu cầu cho thi ca nữa, liệu hẳn sẽ chú ý khi thi ca biến mất? Tận cùng không hẳn phải là cái gì nổ bùng tận thế. Có lẽ chẳng có gì lặng ngắt như sự tận cùng.

C.S.: Đồng ý. Nhưng nếu có cái đang đi đến chỗ tận cùng, chúng ta có thể giả thiết có cái gì khác đang khởi đầu.

M.K.: Chắc chắn rồi.

C.S.: Nhưng cái đang khởi đầu đó là gì? Cái không có trong tiểu thuyết của ông. Và do đó có nghi hoặc: Phải chăng ông chỉ nhìn ngắm một nửa cảnh huống lịch sử?

M.K.: Có thể, nhưng điều đó chẳng hệ trọng lắm đâu. Thật ra, thấu hiểu tiểu thuyết là gì mới là điều quan trọng. Từ nhà viết sử ông biết về những biến cố xảy ra. Ngược lại, tội ác của Raskolnikov không bao giờ hiển hiện. Tiểu thuyết suy xét hiện hữu chứ không phải hiện thực. Hiện hữu không phải là cái gì xảy ra, hiện hữu là thế giới của những khả hữu con người, bất cứ cái gì con người có thể trở nên, bất cứ cái gì hẳn có khả năng làm. Tiểu thuyết gia là người vẽ bức bản đồ sự hiện hữu bằng cách khai phá khả hữu này hay khả hữu kia của con người. Nhưng một lần nữa, hiện hữu có nghĩa là: "hiện-hữu-trong-thế-giới." Vì thế, nhân vật và thế giới của hẳn, phải hiểu cả hai như những khả hữu. Với Kafka, tất cả đều sáng tỏ: thế giới của Kafka không giống bất cứ một hiện thực đã biết nào, nó là một khả hữu quá độ và vô nhận thức của thế giới con người. Đúng, khả hữu này lu mờ hiện ra đằng sau thế giới thật của chúng ta và nó dường như tiên kiến tương lai. Đó là lý do vì sao người ta nói đến chiều kích tiên tri của Kafka. Nhưng ngay cả nếu gạt đi khía cạnh tiên tri, giá trị trong tiểu thuyết ông vẫn không hề mất mát, bởi chúng thấu triệt một khả hữu hiện hữu (khả hữu cho con người và thế giới của hẳn) và vì thế khiến chúng ta thấy chúng ta là gì, chúng ta có khả năng làm được gì.

C.S.: Nhưng bối cảnh trong tiểu thuyết ông lại hoàn toàn thật!

M.K.: Hãy nhớ tác phẩm *Những Kẻ Mộng Du*, bộ trường thiên ba phần của Broch bao trùm ba mươi năm lịch sử Âu châu. Với Broch, lịch sử đó có định nghĩa rạch ròi là sự tan rã vĩnh viễn của giá trị. Những nhân vật mắc kẹt trong tiến trình này như bị nhốt trong cái cũ và phải tìm cho mình con đường sống sao cho thích hợp trong lúc các giá trị thông thường dần dà biến mất. Dĩ nhiên, Broch tin tưởng ông thẩm định lịch sử đúng? nghĩa là, ông tin những gì ông miêu tả có thể trở thành sự thật. Nhưng chúng ta hãy thử tưởng tượng ông sai lầm và song song với tiến trình tan rã này là một tiến trình khác, tích cực hơn, đồng hành nhưng Broch không nhìn thấy. Liệu điều đó có khiến giá trị tác phẩm *Những Kẻ Mộng Du* khác đi không? Không. Bởi tiến trình giá trị tan rã là một khả hữu hiển nhiên không thể chối cãi của thế giới con người. Để hiểu con người bị ném vào con xoáy của tiến trình đó, hiểu hành vi và thái độ hẳn? ngoài ra

chẳng có gì khác quan hệ. Broch khai phá một vùng đất mới chưa ai biết của hiện hữu: vùng đất của hiện hữu có nghĩa là: khả hữu của hiện hữu. Khả hữu đó trở nên hiện thực hay không chỉ là điều thứ yếu.

C.S.: Vì vậy phải xem thời kì của những nghịch lý chung cuộc, bối cảnh trong tiểu thuyết ông, là khả hữu chứ không phải hiện thực. Có đúng thế không?

M.K.: Một khả hữu cho châu Âu. Một viễn ảnh có thể có của châu Âu Một cảnh huống có thể có cho con người.

C.S.: Nhưng nếu cái ông cố thấu triệt là khả hữu chứ không phải hiện thực, tại sao ông phải trung thực với ảnh tượng giả dụ như Praha và những biến cố xảy ra nơi đó?

M.K.: Nếu nhà văn xem xét cảnh huống lịch sử và thấy đó là một khả hữu mới mẻ có khả năng phơi bày thế giới con người, hẳn nên miêu tả y như sự thật. Tuy thế, trung thực với hiện thực lịch sử là điều thứ yếu khi đề cập đến giá trị của tiểu thuyết. Tiểu thuyết gia không phải là sử gia cũng chẳng phải nhà tiên tri: hẳn là nhà thám hiểm hiện hữu.

[1] Chú thích của người dịch: *kitsch* thường được dịch là "văn chương nghệ thuật lá cải". Nhưng với Kundera, *kitsch* có ý nghĩa khác hẳn và ông khai triển cận kề từ ngữ này theo ý ông trong Phần Sáu. Vì lẽ đó, người dịch giữ nguyên, không chuyển sang Việt ngữ.

[2] Chú thích của người dịch: Lễ Linh Hồn (*All Souls' Day*), nhằm ngày mừng hai tháng mười một hàng năm, ngày lễ cầu nguyện cho những linh hồn quá vãng.

[3] Chú thích của người dịch: Đạo thuyết của John Calvin (1509-1564), nhấn mạnh sự chí cao của Thượng Đế và tin vào thuyết tiền định.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>